



# về Chủ nghĩa Xã hội

---

BHASKAR SUNKARA

Dịch bởi  
VN YOUNG MARXIST

# **ABC VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**

**BIÊN TẬP: BHASKAR SUNKARA**

ABC của Chủ nghĩa xã hội được sản xuất nhờ sự hợp tác giữa Verso Books và tạp chí Jacobin – một ấn phẩm được phát hành trực tuyến cũng như dưới dạng in.

Nhóm thực hiện của Vietnam Young Marxists:

VK

VTH

VH

LP

Fortius Lucianus

## **Mục lục**

Chương 1. Chẳng phải thế giới đã mang chất XHCN rồi sao? .....	4
Chương 2. Nhưng ít ra thì các nước tư bản vẫn có tự do và dân chủ, đúng không? ...	10
Chương 3. Bản chất con người có tương thích với chủ nghĩa xã hội không? .....	16
Chương 4. Người giàu có xứng đáng giữ tiền của họ hay không? .....	19
Chương 5. Chủ nghĩa xã hội có lấy đi tài sản cá nhân của tôi không? .....	27
Chương 6. Chủ nghĩa xã hội có phi dân chủ không? .....	31
Chương 7. Chủ nghĩa xã hội có "tây" quá không? .....	38
Chương phụ 7.1. Bản chất quốc tế của chủ nghĩa xã hội .....	43
Chương 8. Chủ nghĩa xã hội nói gì về vấn đề chủng tộc? - Một góc nhìn từ Mỹ.....	52
Chương 9 - Chủ nghĩa xã hội nói gì về quyền phụ nữ? - Một góc nhìn từ Mỹ.....	60
Chương 10. Chủ nghĩa xã hội có thân thiện với môi trường không? .....	68
Chương 11. Kết thúc chiến tranh tư bản - Góc nhìn từ Mỹ .....	75
Chương 12. Tại sao chủ nghĩa xã hội lại quan tâm tới dân lao động tới vậy? .....	87
Chương phụ 12.1. Người lao động là nhân tố chủ chốt .....	92
Chương 13. Liệu chủ nghĩa xã hội có nhàm chán không? .....	105
Chương phụ 1. Người giàu có thực sự giỏi không? .....	114
Chương phụ 2. Cho con người tự quản lý tài nguyên có dẫn tới thảm họa không? ..	118
Chương phụ 3. Chúng ta có còn đang sống trong xã hội tư bản chủ nghĩa không? .	125
Chương phụ 4. Người lao động phải tự giải phóng chính mình .....	136
Chương phụ 5. Chủ nghĩa xã hội thế kỷ 21 sẽ trông như thế nào? .....	144

<b>CHƯƠNG</b>	<b>CHẲNG PHẢI THẾ GIỚI ĐÃ MANG CHẤT XHCN RỒI SAO?</b>
<b>1</b>	

*Nếu cấu trúc cơ bản của hệ thống kinh tế vẫn không thay đổi, thì ưu tiên quan trọng nhất của nhà nước vẫn sẽ là phục vụ chủ nghĩa tư bản.*

**Tác giả:** Chris Maisano

---

Nếu bạn dành khá khá thời gian trên mạng xã hội, chắc hẳn bạn đã thấy một vài hình ảnh chứng minh một số nước trên thế giới đã thực chất áp dụng nhiều chính sách mang tính xã hội chủ nghĩa. Cụ thể, có một bức ảnh nổi tiếng cho nước Mỹ đã đón nhận chủ nghĩa xã hội. Để chứng minh cho điều này, những hình ảnh đã liệt kê ra những chương trình, dịch vụ và cơ quan chính phủ của Mỹ. Đề tài này có nhiều biến thể khác nhau, nhưng cái tôi thích nhất là danh sách chứa 35 chương trình mang tính xã hội chủ nghĩa, tất cả đều được thực thi bởi chính phủ Hoa Kỳ.

Các thông điệp này thoạt nhìn có vẻ đúng. Trên khắp thế giới, các chính phủ đã áp dụng nhiều chính sách trực tiếp phục vụ xã hội bằng cách phân bổ lại thu nhập, ví dụ như các thư viện công, những chương trình hỗ trợ dinh dưỡng cho phụ nữ, trẻ sơ sinh và trẻ em, phúc lợi xã hội nói chung. Một số khác dường như chẳng có ích lợi gì cả. Ngoài đó ra thì còn những hoạt động mà bất kỳ chính phủ nào cũng thực hiện, bất kể lập trường chính trị của họ là gì đi nữa, như cục điều tra dân số, lực lượng phòng cháy chữa cháy, lực lượng thu gom rác, hệ thống cống rãnh và đèn đường. Các hoạt động còn lại thì hầu hết đều liên quan đến các cơ quan sử dụng quyền lực, như công an, quân đội, toà án và các nhà tù.

Dù phần lớn các chính sách trên khá quan trọng để xã hội có thể vận hành, nhưng việc coi chúng là các chính sách “xã hội chủ nghĩa” sẽ càng làm vấn đề rối rắm hơn. Nếu bạn nghe thấy một người nói rằng: "Khi bạn vào thư viện công, khi bạn gọi cứu hoả hoặc cảnh sát, bạn nghĩ mình đang gọi cái gì? Đó chính là những cơ quan mang chất xã hội chủ nghĩa đó." Theo cách suy nghĩ này thì chắc hẳn rằng bất kỳ dự án nào được cấp kinh phí thông qua thuế và được thực thi thông qua hành động của chính phủ thì sẽ mang tính xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, ta không khó để có thể thấy được vấn đề với lập luận này. Nếu ta bắt đầu kết đôi mọi hoạt động của chính phủ với chủ nghĩa xã hội, thì ta chắc chắn sẽ phải bảo vệ những hoạt động đáng lên án nhất của chính phủ, bao gồm cả những hoạt động mà chúng ta muốn xoá bỏ để tiến tới một xã hội tự do và công bằng.

Việc so sánh các thư viện công với chủ nghĩa xã hội không hẳn là sai. Các thư viện dạng này đều hoạt động theo nguyên lý tự do sử dụng, phân phối, và cung cấp dịch vụ cho tất cả mọi người, bất kể tiềm lực kinh tế của họ. Chúng cũng là một trong những cơ quan chủ chốt của mọi quốc gia xã hội chủ nghĩa chân chính. Nhưng việc gắn liền chủ nghĩa xã hội với lực lượng cảnh sát là một điều khác. Trong bối cảnh Hoa Kỳ, thì đây là lực lượng chịu trách nhiệm cho cái chết của George Floyd một người đàn ông da màu bị đè cổ đến chết bởi cảnh sát. Nếu lực lượng này là lực lượng đại diện cho chủ nghĩa xã hội, thì chủ nghĩa xã hội sẽ không còn là hệ tư tưởng cho những người thực sự tôn trọng tự do và công lý nữa.

Việc đánh đồng mọi hoạt động của chính phủ với chủ nghĩa xã hội có nhiều ý nghĩa quan trọng về mặt chính trị và chiến lược. Nếu bạn tin vào điều này thì đồng nghĩa với việc bạn tin rằng đất nước của mình đã mang hơi hướng xã hội chủ nghĩa rồi, ta chỉ cần dần dần mở rộng thêm quyền kiểm soát của chính phủ thôi. Còn việc thay đổi mục đích của các chương trình đã tồn tại và cải tổ lại cấu trúc hành chính của các cơ quan chính phủ thì hoàn toàn có thể bỏ qua.

Và vì những chương trình mang tính xã hội chủ nghĩa này đều đã đạt được mà không cần thách thức những người sở hữu tư liệu sản xuất, nên ta sẽ chẳng cần đối diện trực tiếp với các nhà tư bản và đồng minh của họ làm gì nữa. Những gì ta cần làm chỉ đơn giản là bầu những chính trị gia đồng quan điểm với mình và để họ viết thêm những điều luật mang tính xã hội chủ nghĩa hơn.

Các học giả nghiên cứu về chính trị thường rơi vào cái bẫy này. Nếu chỉ đánh giá kích thước của bộ máy chính phủ thông qua tổng chi tiêu thì nhiều người cho rằng có rất nhiều quốc gia trên thế giới sẽ dần trở thành nước xã hội chủ nghĩa cho dù chuyện gì xảy ra đi nữa. Theo cách suy nghĩ của những người này thì những cải cách xã hội quan trọng thế nào cũng sẽ xuất hiện. Và những chương trình thành công sẽ nhận được sự ủng hộ của quần chúng nhân dân, nhưng chỉ sau khi chúng đã được soạn thảo nên bởi các chính trị gia và thực hiện bởi quan chức.

Chi tiêu của chính phủ cho các chương trình xã hội và các hoạt động khác rất có thể sẽ tăng trong các thập kỷ sắp tới do dân số già đi, khủng hoảng khí hậu và một số yếu tố khác. Nhưng lượng chi tiêu chẳng cho ta biết gì nhiều về sự hiệu quả của những hành động mà chính phủ đang thực hiện. Chúng ta nên hỏi rằng: những hành động này củng cố hay làm hại tới quyền lực của những nhà tư bản? Liệu những hành động này có làm ta phụ thuộc hơn vào các quy luật thị trường hay không, hay chúng cho phép ta thoát khỏi sự gò bó của nó?

Câu trả lời là có đối với câu hỏi thứ nhất, và không đối với câu hỏi thứ hai.

Tại sao lại như vậy? Điều thứ nhất chính là vì những người giàu và quyền lực thường đầu tư mạnh mẽ vào các hoạt động chính trị để thúc đẩy lợi ích của họ và chặn lại những cải cách tiến bộ. Ở Mỹ, sự đóng góp về kinh tế của 158 gia đình và các công ty mà những gia đình này sở hữu (có tổng giá trị lên tới 176 triệu đô) chiếm tới gần nửa số tiền tài trợ trong cuộc bầu cử tổng thống năm 2016. Thông

qua các khoản tài trợ và sự ảnh hưởng số tiền này có thể mua, họ đã có thể nhào nặn các chính sách về thuế và các chính sách khác để có lợi cho họ nhất. Đây là một lợi thế được củng cố bởi các quyết định tư pháp có lợi cho họ và các hoạt động vận động hành lang. Một nghiên cứu được thực hiện bởi hai nhà chính trị học vào năm 2014 cho thấy rằng sự thống trị của những người giàu có đã nghiêm trọng đến mức mà những người dân thường hiện giờ gần như không có khả năng tác động đến chính sách của chính phủ.

Ở các quốc gia khác cũng xảy ra hiện tượng tương tự vậy. Giai cấp trung lưu và thượng lưu cũng nắm giữ những vị trí quan trọng nhất trong chính phủ. Họ cùng có một hệ lý tưởng và giá trị dựa hoàn toàn vào việc duy trì hệ thống hiện có và đàn áp mọi sự thách thức đối với hệ thống này. Đối tượng của sự đàn áp thường là những người dân lao động và phe cánh tả.

Những dạng ảnh hưởng trực tiếp này không phải là cách duy nhất mà người có quyền lực có thể quyết định hành động của chính phủ. Dù gì đi nữa thì chính phủ cũng phụ thuộc vào hoạt động kinh tế sôi động để có thể chu cấp cho chính nó. Các thu nhập thuế hoặc việc tài trợ bằng vay nợ mà các chính phủ dựa vào có liên quan hoàn toàn đến tình trạng của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa và mức độ phát triển cũng như lợi nhuận mà nó sản xuất ra. Nếu cường độ hoạt động kinh tế giảm - có thể do các nhà tư bản không hài lòng về các bộ luật mới có lợi cho công nhân - thì nhà nước sẽ càng khó có thể chu cấp cho các hoạt động của nó. Từ đó dẫn đến sự suy giảm quyền lực và mức độ ủng hộ của quần chúng.

Vì hoạt động kinh tế được quyết định phần lớn bởi các quyết định đầu tư của các nhà tư bản, những thế lực này có thể phủ quyết ngay các quyết định đi ngược lại lợi ích của họ. Nếu các nhà tư bản không nhận được các sự hỗ trợ và chu cấp, thì họ sẽ ngừng ngay việc đầu tư.



Do đó, các chính trị gia và các quan chức sẽ thường điều chỉnh chính sách của họ sao cho phù hợp với lợi ích của các nhà tư bản. Bảo toàn cái gọi là "niềm tin kinh doanh" là một rào cản lớn trong việc làm chính sách, và là lý do vì sao các hoạt động của chính phủ thường có lợi cho các nhà tư bản đến như vậy. Nó cũng là lý do vì sao các nhà tư bản thường đánh đồng lợi ích của họ với lợi ích của "cộng đồng" hoặc "quốc gia", bởi vì đơn giản là dưới hệ thống tư bản chủ nghĩa, họ không hề sai chút nào.

Nếu không có sự tập hợp quần chúng thì hoạt động của chính phủ sẽ khó có thể lay chuyển cán cân quyền lực khỏi tay các nhà tư bản và về phía những người lao động, hoặc để làm suy yếu những quy luật thị trường thay vì làm nó trầm trọng hơn. Miễn khi nào các cấu trúc của nền kinh tế hiện tại giữ nguyên thì hoạt động của chính phủ sẽ luôn luôn nghiêng về phía tư bản, và tất cả những người khác phải chịu những hậu quả.

Điều này không có nghĩa là những cải cách tiến bộ không bao giờ có thể xuất hiện dưới chủ nghĩa tư bản, hoặc chính phủ hoàn toàn miễn nhiệm trước áp lực quần chúng. Tuy nhiên, những cải cách này chỉ được thông qua nhờ sự ủng hộ của việc đấu tranh rộng rãi chống lại các chủ doanh nghiệp.

Chỉ bầu ra các chính trị gia hoặc ngồi xem chính phủ mở rộng theo đà phát triển của nó thì sẽ không bao giờ đủ. Sức mạnh kinh tế đồng nghĩa với sức mạnh chính trị, và dưới chủ nghĩa tư bản thì những người sở hữu tư bản sẽ luôn luôn có khả năng làm lung lay dân chủ.

Việc giành lấy quyền lực chính phủ và dùng nó để phá tan sức mạnh của giai cấp tư sản là điều kiện cần cho việc đi lên chủ nghĩa xã hội. Một chính phủ được điều hành bởi một đảng xã hội chủ nghĩa (hoặc khối liên minh giữa phe cánh tả và những đảng do nhân dân lao động cầm quyền) sẽ đưa các ngành công nghiệp và tập đoàn chủ chốt của chính phủ dưới sự kiểm soát chung của xã hội. Nhưng chỉ

mình nó thì không đủ. Những kinh nghiệm đau đớn trong thế kỷ 20 đã cho chúng ta thấy rằng chủ nghĩa xã hội không thể giúp con người dành được tự do nếu cấu trúc chính trị và hành chính của chính phủ không được dân chủ hoá một cách toàn diện.

Đây chính là lý do sự huy động quần chúng đấu tranh chống lại các cấu trúc chính trị là yếu tố quan trọng bậc nhất. Để có thể chịu được sự phản pháo quyết liệt từ các nhà tư bản và những người theo phe bảo thủ thì việc đi lên chủ nghĩa xã hội sẽ cần phải có huy động sự ủng hộ rộng rãi và sự tham gia trực tiếp vào các công việc của chính phủ.

Để đạt được điều này trên khắp thế giới thì ta phải tạo nên những cơ quan dân chủ trực tiếp có chức năng thay thế các cơ quan đại diện như Quốc hội, và chỉnh sửa lại hoàn toàn các cơ quan quốc gia và các cấu trúc hành chính. Việc mở rộng sức mạnh quần chúng sẽ rất cần thiết để đào thải những nhân viên trung thành với chế độ cũ và biến đổi các bộ máy quan liêu đang quản lý hoạt động công.

Các trường công, các cơ quan cung cấp phúc lợi xã hội, toà án và tất cả các cơ quan chính phủ khác sẽ mời công nhân và những người được thừa hưởng dịch vụ này tham gia vào việc thiết kế và ứng dụng chúng. Các công đoàn có thể đóng vai trò quan trọng trong quá trình này bằng cách liên kết những người cung cấp và sử dụng dịch vụ công lại với nhau, rồi từ đó biến đổi hoàn toàn các cấu trúc hành chính của chính phủ.

Chỉ bằng những điều kiện này thì các hoạt động của chính phủ mới được coi là chủ nghĩa xã hội dân chủ. Thay vì đặt khái niệm "chính phủ" trừu tượng cạnh sức mạnh của tư bản, ta nên thay vào đó bắt đầu công việc thiết kế và xây dựng những cơ quan mới. Và chính những cơ quan này mới có thể biến giấc mơ xây dựng chính phủ của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân trở thành hiện thực.

<b>CHƯƠNG</b>	<b>Nhưng ít ra thì các nước tư bản vẫn có tự do và dân chủ, đúng không?</b>
<b>2</b>	

*Thoạt đầu nhìn thì có vẻ đúng như vậy, nhưng tự do và dân chủ là hai khái niệm đi ngược với chủ nghĩa tư bản.*

**Tác giả:** Erik Olin Wright

---

Ở nhiều quốc gia phương Tây, hầu hết mọi người đều cho rằng tự do và dân chủ là hai khái niệm không thể tách rời với chủ nghĩa tư bản. Nhà kinh tế học Milton Friedman đã nói trong cuốn sách *Capitalism and Freedom* (“Chủ nghĩa tư bản và Tự do”) rằng chủ nghĩa tư bản thậm chí còn là điều kiện cần để cả hai có thể xảy ra.

Sự xuất hiện và phát triển của chủ nghĩa tư bản đúng là đã kéo theo sự mở rộng của quyền tự do cá nhân, rồi từ đó dẫn tới các cuộc đấu tranh của quần chúng để giành được những hình thức tổ chức chính trị dân chủ hơn. Do vậy, không ít người hẳn sẽ thấy nghi ngờ nhận định rằng chủ nghĩa tư bản đi ngược lại tự do và dân chủ.

Tuy nhiên, khi nói rằng chủ nghĩa tư bản ngăn chặn sự phát triển của những giá trị này không có nghĩa là ta phủ định những đóng góp của chủ nghĩa tư bản đối với tự do và dân chủ. Thay vào đó, lập luận này tập trung vào vấn đề rằng bản chất cơ bản của hệ tư tưởng chủ nghĩa tư bản bóp nghẹt cả tự do và dân chủ và không cho chúng cơ hội để chống cự. Chủ nghĩa tư bản đã cho ra đời những dạng tự do và dân chủ hạn chế nhưng lại đặt ra tiêu chuẩn rất thấp cho việc hiện thực hoá chúng.

Cốt lõi của những giá trị này chính là sự tự quyết: niềm tin rằng con người nên có quyền quyết định điều kiện sống của họ một cách tự do nhất có thể.

Khi một hành động chỉ ảnh hưởng tới người thực hiện hành động thì người này có quyền thực hiện hành động đó mà không cần phải xin phép bất kỳ ai cả. Đây chính là hoàn cảnh ra đời khái niệm tự do. Nhưng khi hành động này ảnh hưởng tới người khác thì những người chịu ảnh hưởng nên có quyền quyết định tới hoạt động này. Đây chính là hoàn cảnh ra đời khái niệm dân chủ. Trong cả hai khái niệm, điều quan trọng nhất chính là tất cả mọi người có quyền kiểm soát đối với số phận của họ.

Ngoài thực tế thì gần như mọi lựa chọn của một người chắc chắn sẽ có ảnh hưởng nào đó tới nhiều người khác. Sẽ là bất khả thi nếu ai cũng đóng góp vào mọi quyết định có ảnh hưởng đến họ, và bất kỳ hệ thống nào cho phép thực hiện phương pháp dân chủ rộng rãi như vậy sẽ tạo nên một gánh nặng vô cùng lớn lên những người dân thường. Do đó, cái chúng ta cần là một bộ luật lệ phân biệt rõ ràng khái niệm tự do và khái niệm dân chủ. Trong xã hội của ta, sự phân biệt này được thể hiện thông qua biên giới giữa quyền sở hữu công và sở hữu tư nhân.

Sự phân chia giữa cái công và cái tư này không phải là thứ tự nhiên ra đời. Thay vào đó, nó được tạo nên và giữ gìn bởi các quá trình xã hội. Những nhiệm vụ của các quá trình xã hội này rất phức tạp và thường gây tranh cãi.

Nhà nước đôi khi giữ gìn những biên giới giữa hai quyền sở hữu này, nhưng nhiều khi lại để các chuẩn mực xã hội quyết định số phận của chúng. Thường thì biên giới giữa những của công và của tư thường khá mờ mịt. Trong cả những chính phủ dân chủ hoàn toàn thì vấn đề này vẫn thường gây tranh cãi.

Chủ nghĩa tư bản đã nhào nặn biên giới giữa tài sản công và tài sản tư và biến nó trở thành công cụ để hạn chế quyền tự do cá nhân và làm giảm phạm vi của bất kỳ loại dân chủ có ý nghĩa nào. Điều này được thể hiện qua 5 cách khác nhau.

## **CÁCH 1: Chữ "tự do" không tồn tại trong châm ngôn "không làm thì lấy gì mà ăn"**

Chủ nghĩa tư bản gắn liền với sự tích lũy của cải và sự theo đuổi thu nhập thông qua thị trường. Những sự bất bình đẳng về kinh tế bắt nguồn từ những hoạt động tư nhân này không thể tách rời khỏi chủ nghĩa tư bản và tạo ra những sự bất bình đẳng mà triết gia Philippe van Parijs gọi là "tự do đúng chất."

Dù định nghĩa của "tự do" của chúng ta là gì đi nữa, nó bắt buộc phải bao gồm quyền được nói "không". Một người khá giả hoàn toàn có thể sống thoải mái mà không cần làm việc, nhưng một người nghèo mà không có phương thức kiếm sống thì khó có thể làm được điều này.

Giá trị của tự do còn sâu sắc hơn thế nữa. Nó còn bao gồm cả khả năng cải thiện cuộc sống của một người, khả năng để không chỉ chọn một câu trả lời mà còn gồm khả năng để chọn câu hỏi nữa. Những người trẻ có cha mẹ khá giả hoàn toàn có thể thực tập không lương để phát triển sự nghiệp của mình, một điều mà những người nghèo hoàn toàn không thể làm được.

Theo nghĩa này thì có thể thấy rằng chủ nghĩa tư bản vắt kiệt sự tự do của mọi người. Chính sự gắn kết chặt chẽ giữa tài nguyên vật chất và các tài nguyên cần có để tự quyết định số phận cho bản thân là nguyên nhân dẫn đến sự tồn tại của sự thiếu thốn giữa một xã hội đầy đủ.

## **CÁCH 2: Mọi thứ đều do các nhà tư bản quyết định.**

Biên giới giữa của công và của tư đã được vẽ sao cho các quyết định quan trọng, có tầm ảnh hưởng lớn đều nằm ngoài quyền kiểm soát dân chủ. Quyền quyết định đầu tư hoặc không đầu tư trên cơ sở lợi ích cá nhân có lẽ là quyền cơ bản nhất đi kèm với việc sở hữu tư bản.

Quyết định di chuyển nơi sản xuất của một tập đoàn được coi là vấn đề của tư nhân, cho dù nó có ảnh hưởng vô cùng lớn tới mọi người ở cả hai nơi. Kể cả dù ta có khẳng định rằng sự tập trung quyền lực vào tay các tư nhân là cần thiết để có thể phân phối tài nguyên một cách hiệu quả nhất, thì ta cũng nên hiểu rằng việc tước quyền dân chủ trong nơi làm việc sẽ đánh dấu chấm hết cho khả năng tự quyết của những người không sở hữu tư bản.

### **CÁCH 3: Công sở là nơi bất công.**

Những công ty tư bản được phép hoạt động dưới dạng "chế độ độc tài trong công sở". Một trong những quyền quan trọng nhất của người sở hữu doanh nghiệp chính là quyền được sai bảo nhân viên. Đây chính là cơ sở của hợp đồng lao động: người tìm việc đồng ý làm theo sự chỉ bảo của người chủ lao động để nhận được lương.

Tất nhiên, người chủ lao động có thể cho người lao động quyền tự quyết, và trong một số trường hợp thì đây là cách tối ưu nhất để tổ chức lao động mà không ảnh hưởng đến lãi. Nhưng quyền tự chủ này phụ thuộc hoàn toàn vào ý muốn chủ lao động, và họ có thể hoàn toàn lấy nó đi nếu họ muốn. Không có sự "tự chủ" đúng nghĩa nào cho phép quyền tự quyết định của một người phụ thuộc hoàn toàn vào ý muốn của một số cá nhân khác cả.

Những người bảo vệ chủ nghĩa tư bản có thể đáp lại rằng "Không thích thì bỏ việc đi". Nhưng những người lao động, theo đúng định nghĩa, là những người không có phương thức kiếm sống độc lập. Nếu họ bỏ việc thì họ sẽ phải tìm công việc mới, và với hệ thống công việc tư bản hiện tại, họ sẽ tiếp tục phải chịu sự sai bảo của chủ lao động mới.

#### **CÁCH 4: Chính phủ phục vụ lợi ích của các nhà tư bản.**

Chính quyền, dưới áp lực của các quyết định đầu tư tư nhân, sẽ luôn thông qua các điều luật có lợi cho các nhà tư bản. Nguy cơ giảm đầu tư hoặc bị chuyển vốn đầu tư sang quốc gia khác, cũng như là mong muốn duy trì "môi trường kinh doanh tốt", luôn được các chính trị gia cân nhắc cho dù hệ chính trị của họ là gì đi nữa.

Do đó, những giá trị dân chủ chỉ là khái niệm sáo rỗng khi chỉ một tầng lớp cá biệt được ưu tiên hơn tất cả những người khác.

#### **CÁCH 5: Cả hệ thống chính trị nằm dưới sự điều khiển của một số cá nhân.**

Một người càng giàu thì họ càng có nhiều cơ hội tham gia vào bộ máy chính trị. Điều này đúng với mọi nền dân chủ theo chủ nghĩa tư bản, và thậm chí sự chênh lệch về quyền lực chính trị ở một số quốc gia còn lớn hơn ở các quốc gia còn lại.

Có nhiều cơ cấu khác nhau cho phép người giàu có nhiều quyền lực như vậy. Các cơ cấu này bao gồm đóng góp cho các chiến dịch chính trị, tài trợ các nỗ lực vận động hành lang, thông qua hệ thống quan hệ của giai cấp thượng lưu, hối lộ, cùng với các hình thức tham nhũng khác.

Ở nhiều quốc gia, không chỉ các cá nhân giàu có mà cả những tập đoàn cũng đều có thể tự do sử dụng nguồn lực cá nhân để thao túng chính trị. Và chính sự mất cân bằng về khả năng tham gia vào hệ thống chính trị này đã vi phạm vào nguyên tắc cơ bản nhất của dân chủ.

Những hậu quả này là căn bệnh cố hữu của chủ nghĩa tư bản. Nhưng điều này không có nghĩa là chúng không thể được cải thiện trong môi trường tư bản. Ở

nhiều thời điểm và địa điểm khác nhau, nhiều chính sách đã được thiết kế để sửa lại những thiệt hại mà chủ nghĩa tư bản đã gây ra với tự do và dân chủ.

Chính phủ có thể thực thi một số biện pháp để làm xói mòn ranh giới giữa lĩnh vực công và lĩnh vực tư nhân. Những biện pháp này gồm: xây dựng một khu vực công vững chắc và chủ động đầu tư công để làm yếu đi ảnh hưởng của nguy cơ mất vốn đầu tư sang quốc gia khác; thay thế việc sử dụng tài sản tư trong các cuộc bầu cử bằng các vốn công để làm giảm ảnh hưởng về chính trị của người giàu; thông qua các bộ luật lao động mới và tăng cường sức mạnh của công nhân trong cả công sở và khu vực chính trị; và hàng loạt chính sách phúc lợi giúp củng cố sự tự do đúng chất của những người nghèo khó.

Khi những điều kiện đã chín mùi, những tính chất phi dân chủ và phi tự do của chủ nghĩa tư bản có thể được cải thiện, nhưng chúng không thể bị loại bỏ. Kiểm soát chủ nghĩa tư bản theo cách này hiện đang là mục tiêu trọng tâm của những người theo chủ nghĩa xã hội đang hoạt động trong các quốc gia tư bản khắp thế giới.

Nhưng nếu ta muốn hiện thực hoá tự do và dân chủ đúng nghĩa, ta bắt buộc phải có biện pháp quyết liệt hơn là "kiểm soát". Và biện pháp ấy chính là vượt lên hoàn toàn khỏi chủ nghĩa tư bản.



<b>CHƯƠNG</b>	<b>Bản chất con người có tương thích với chủ nghĩa xã hội không?</b>
<b>3</b>	

*Trong công cuộc đấu tranh để giành lấy xã hội công bằng hơn, chúng ta sẽ hưởng lợi, chứ không chịu thiệt, từ bản chất chung của tất cả mọi người.*

**Tác giả:** Adaner Usmani và Bhaskar Sunkara

---

"Tốt trên lý thuyết, dở trên thực tiễn". Những ai từng quan tâm tới chủ nghĩa xã hội và một xã hội không bóc lột, không giai cấp chắc đã nghe thấy câu nói này thường xuyên. Ừ, khái niệm nghe tốt đẹp đấy, nhưng loài người thì có tốt đẹp đâu! Con người ta thì thường xuyên tranh giành và vô cùng tham lam, nên chắc hẳn chủ nghĩa tư bản phù hợp với họ hơn, đúng không?

Những người theo chủ nghĩa xã hội không tin vào chân lý này. Họ không coi lịch sử chỉ như là một chuỗi các hoạt động tàn bạo và ích kỷ. Họ còn thấy trong đó sự đồng cảm, sự tương trợ lẫn nhau, và cả tình yêu. Con người có bản tính phức tạp: họ có thể làm những điều vô cùng tàn bạo, nhưng họ cũng làm được những điều hết sức tử tế, và có khả năng quan tâm sâu sắc tới những con người khác kể cả trong những hoàn cảnh rất khó khăn.

Điều này không có nghĩa là bản chất con người là thứ không tồn tại. Những người tiến bộ thường dùng lý lẽ này để tranh luận với những cá nhân coi con người là các công cụ vị lợi biết đi. Cách tranh luận này được dùng với mục đích tốt nhưng đi hơi xa quá.

Người theo chủ nghĩa xã hội nên tin tưởng vào quan điểm rằng con người đều có một số mong muốn chung vì hai lý do. Lý do thứ nhất là về đạo đức. Việc lên án

xã hội ngày nay không cung cấp đủ các nhu cầu thiết yếu trong một thế giới ngày càng giàu có hơn, hoặc lên án việc kiềm hãm sự phát triển của con người thông qua các công việc nặng nhọc, những điều này bắt ta phải thừa nhận sự tồn tại của các ước muốn đã thôi thúc con người khắp nơi đứng lên và hành động.

Việc ta tức giận vì nhiều người không có quyền sống một cuộc sống tự do và đầy đủ cho biết rằng ta tin rằng bản chất của con người là sáng tạo và tò mò, và chủ nghĩa tư bản thường xuyên kiềm hãm những bản chất đó. Ta đấu tranh vì một thế giới tự do và đầy đủ hơn vì lý do là tất cả mọi người, ở tất cả mọi nơi, đều quan tâm đến sự tự do và đầy đủ.

Nhưng đây không phải là lý do duy nhất giải thích tại sao những người theo chủ nghĩa xã hội lại chú ý đến những động lực phổ biến này. Việc biết được bản chất con người cũng giúp ta hiểu rõ thế giới xung quanh, và khi ta hiểu thế giới xung quanh thì ta cũng có thể thay đổi nó.

Marx đã nói rằng "Lịch sử tất cả các xã hội tồn tại từ trước đến ngày nay chỉ là lịch sử đấu tranh giai cấp". Việc đấu tranh chống lại bóc lột và áp bức là một hằng số trong suốt lịch sử nhân loại, và nó cũng là một phần của bản chất con người, không khác gì sự ganh đua và lòng tham. Thế giới xung quanh ta có vô số ví dụ về các cá nhân bảo vệ mạng sống và danh dự của họ. Và trong khi các cấu trúc xã hội có thể xây dựng và hạn chế quyền tự quyết của từng cá nhân, không tồn tại một cấu trúc nào có thể lấy đi quyền lợi và sự tự do của con người mà không gặp phải sự phản đối.

Tất nhiên, cái "lịch sử tất cả các xã hội tồn tại từ trước đến ngày nay" cũng là minh chứng cho sự bị động và cả sự phục tùng của chúng ta. Việc quần chúng đoàn kết đấu tranh chống lại sự bóc lột và áp bức thường rất hiếm xảy ra. Nếu con người ở khắp mọi nơi quyết tâm bảo vệ quyền lợi cá nhân của mình đến vậy thì tại sao ta lại không đấu tranh nhiều hơn nữa?

Lý do giải thích cho hiện tượng này là dù con người mong muốn tự do và đầy đủ đến mấy thì họ không phải lúc nào cũng có đủ khả năng làm điều này. Thay đổi thế giới không phải là dễ, và trong các điều kiện bình thường thì các rủi ro đi kèm với việc hành động tập thể thường quá lớn.

Ví dụ, những công nhân tham gia công đoàn hoặc tham gia đình công để cải thiện môi trường làm việc thì có thể bị các cấp trên soi xét kỹ hơn, và họ thậm chí có thể mất việc. Các phong trào tập thể yêu cầu nhiều cá nhân chấp nhận những rủi ro này cùng nhau. Do vậy nên các phong trào này thường hiếm gặp và không kéo dài lâu.

Nói theo cách khác, những người theo chủ nghĩa xã hội không tin rằng sự thiếu vắng các phong trào quần chúng là dấu hiệu rằng con người không có ý chí đấu tranh, hoặc tệ hơn là con người không biết mong muốn của họ là gì. Đơn giản là các phong trào biểu tình hiếm khi xảy ra vì con người rất khôn. Họ biết rằng trong tình hình chính trị hiện tại thì thay đổi là một hi vọng mờ nhạt và xa vời, và vì vậy họ tìm ra những cách khác để tiếp tục sống.

Nhưng đôi khi mọi người dám đứng lên và dám đối mặt các rủi ro đó. Họ tổ chức và xây dựng những phong trào tiến bộ. Lịch sử chứa đầy các ví dụ về con người đấu tranh chống lại sự bóc lột, và một trong những nhiệm vụ căn bản của những người theo chủ nghĩa xã hội là phải ủng hộ những phong trào này, và giúp làm cho việc hành động tập thể trở nên dễ dàng hơn cho nhiều người hơn.

Và chính nỗ lực hỗ trợ này, cùng với công cuộc đấu tranh để tìm ra những giá trị của một xã hội công bằng hơn, sẽ giúp ta được hưởng, chứ không bị hại, từ bản chất chung của tất cả mọi người.

<b>CHƯƠNG</b>	<b>Người giàu có xứng đáng giữ tiền của họ hay không?</b>
<b>4</b>	

*Tài sản là do xã hội tạo ra, và việc phân phối nó sẽ giúp nhiều người tận hưởng thành quả lao động của chính mình hơn*

**Tác giả:** Michael A. McCarthy

Bài viết đã được Việt hoá

---

Những trùm tư bản công nghệ, những văn nghệ sĩ được quý mến, và những vận động viên sáng chói gần như luôn có những cuộc tranh luận sôi nổi về thuế. Anh không thích iPhone sao? Thế còn Harry Potter? Các nhà kinh tế học tận tụy do tranh luận rằng những nhân vật như Steve Jobs, Bill Gates, hay Ronaldo nên kiếm nhiều tiền hơn tất cả chúng ta.

Sau tất cả, chúng ta - những người tiêu dùng - là những người mua sản phẩm của họ. Mức lương cao của họ tạo ra sự khích lệ cần thiết cho công việc cần lao và sự đổi mới mà ngay cả chúng ta cũng có lợi.

Trực giác cho ta biết luận điểm này có vẻ đ nhưng quan điểm này không hề phù hợp. Những người ủng hộ thuế thấp đối với người giàu cố ý chọn các ví dụ từ ngành công nghệ và giải trí, cho thấy rằng giới tinh hoa là những nhà cải cách tuyệt vời, là những người khác hẳn chúng ta cả về tính cách lẫn hành động.

Nhưng nhìn vào danh sách các CEO được trả lương cao nhất ở Việt Nam thì chúng ta sẽ thấy điều ngược lại. Chủ tịch tập đoàn FLC, Trịnh Văn Quyết, có tổng số tài sản lên tới hơn 22 ngàn tỉ đồng vào năm 2016. Vậy sự đóng góp lớn lao của ông

ta cho Việt Nam là gì? Bán chui 74,8 triệu cổ phiếu, làm thị trường chứng khoán chao đảo, dẫn tới việc ông bị cơ quan chức năng bắt và phong toả tài sản.

Hầu hết mọi người đều hiểu điều này và tin rằng người giàu nên nộp thuế nhiều hơn. Theo một cuộc thăm dò của Gallup năm 2015, 62% tin rằng những người có thu nhập tốp trên bị đánh thuế “quá ít”, trong khi chỉ 25% cho rằng họ được trả “phần công bằng”. 69% tin rằng các công ty không bị đánh thuế đủ, trong khi chỉ có 16% hài lòng với mức thuế suất hiện hành.

Nhưng thực chất là quan điểm của xã hội chủ nghĩa về thuế được đưa ra dựa trên quan điểm không thường được đưa ra trong các cuộc thăm dò dư luận: về cách thức mà của cải tư bản thực sự được tạo ra. Để khám phá nó, trước tiên chúng ta cần hiểu thuế là gì và những người theo chủ nghĩa phi xã hội chủ nghĩa nghĩ gì về chúng.

Chính sách thuế làm được hai việc trong xã hội tư bản. Thứ nhất, nó xác định phần nào trong tổng thành phần kinh tế sẽ được quản lý bởi công chúng, dưới hình thức doanh thu chính phủ, và bao nhiêu sẽ được để lại cho các chủ thể tư nhân như các cá nhân và tập đoàn.

Thứ hai, nó quy định cách thức phân chia công khai giữa các nhu cầu và mong muốn cạnh tranh của các cá nhân, tổ chức và tập đoàn. Đầu tiên là về kiểm soát tài nguyên trong khi thứ hai là vấn đề phân bổ.

Ngay cả khi một chính phủ có một nguồn thu từ thuế cao, họ không nhất thiết phải sử dụng nó với mục tiêu tiến bộ. Chỉ cần xem xét những lợi ích to lớn được mang lại cho các công ty thông qua trợ cấp hoặc nghiên cứu và phát triển do nhà nước hỗ trợ thì bạn có thể dễ dàng thấy cách các chính phủ có thể phân phối của cải lại theo chiều lên, xuống hoặc theo chiều ngang.

Trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, nơi các nguồn lực sản xuất vẫn thuộc sở hữu tư nhân, những người theo chủ nghĩa xã hội kêu gọi một phần đáng kể sản phẩm xã hội được kiểm soát công khai và phân phối một cách dân chủ từ dưới lên.

Tuy nhiên, một số người đi theo tư tưởng tự do cực đoan cho rằng “đánh thuế là trộm cắp”. Tư tưởng này đã ngấm sâu vào các quan niệm hàng ngày về tài sản, đến nỗi ngay cả những người ủng hộ đánh thuế lũy tiến cũng thường chấp nhận tiền đề rằng mọi người nên được hưởng phần thu nhập trước thuế.

Ngay cả quan điểm của chủ nghĩa tự do rằng mọi người cần phải “làm phần việc của họ” cũng dựa trên ý tưởng ngầm rằng người lao động cũng như tư bản đóng thuế ngoài nghĩa vụ công dân để từ bỏ một phần của họ vì sự cải thiện của xã hội.

Trên cơ sở tương tự, những người theo chủ nghĩa tự do cho rằng nếu thu nhập trước thuế là sản phẩm trực tiếp từ nỗ lực của cá nhân hoặc công ty, thì thu nhập đó nên được sử dụng theo cách họ muốn. Theo quan điểm này, ngay cả khi chính phủ quyết định đánh thuế người giàu ở mức cao hơn một cách dân chủ, thì việc đánh thuế về cơ bản vẫn là bất công. Theo cách phát biểu cực đoan của nhà triết gia chính trị theo chủ nghĩa tự do Robert Nozick, "việc đánh thuế thu nhập từ lao động ngang bằng với lao động cưỡng bức."

Quan điểm đó đã bị những người tiến bộ chỉ trích một cách đúng đắn. Nhưng các nhà xã hội chủ nghĩa không nên dựa vào tiêu chí của chủ nghĩa tự do về việc đánh thuế: rằng khả năng chi trả của một cá nhân hoặc công ty sẽ xác định số tiền họ phải trả. Lời biện minh quen thuộc được lan truyền ngay cả trong những người cánh tả, những người nghe thấy bên trong nó tiếng vọng của châm ngôn "Làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu."

Quan điểm này cho thấy một trong hai điều, mà cả hai điều này đều không đúng.

Thứ nhất, thuế là một điều không ai mong muốn, nhưng là một điều phải chấp nhận đối với những người đang bị đánh thuế. Mặc dù thu nhập trước thuế của một người hay công ty là kết quả lao động của chính họ, nhưng sẽ thiết thực hơn với xã hội nếu đánh thuế một phần thu nhập đó cho các mục đích công cộng hơn là để nó dưới sự kiểm soát của tư nhân. Hay nói theo cách khác, việc đánh thuế người giàu nhiều hơn là một hành động công bằng.

Cả hai quan điểm này đều khiến chúng ta vướng vào bụi rậm của chủ nghĩa tự do - chẳng phải chính sách thuế như vậy vẫn xâm phạm quyền của cá nhân hay sao? Vậy thì công bằng có nên lấn át quyền cá nhân không? Và chẳng phải lập luận xã hội chủ nghĩa về đánh thuế lũy tiến cuối cùng cũng vi phạm quyền của cá nhân sao? Tại sao những người theo chủ nghĩa xã hội lại ghét tự do đến vậy?

Quan điểm xã hội chủ nghĩa về tái phân phối của cải trong xã hội tư bản phải bác bỏ một tiền đề quan trọng trong hầu hết các cuộc tranh luận về chính sách thuế: rằng thu nhập trước thuế là thứ chỉ kiếm được bằng nỗ lực cá nhân và được sở hữu tư nhân trước khi nhà nước can thiệp để lấy một phần của nó. Khi chúng ta thoát khỏi ảo tưởng của chủ nghĩa tự do này, chúng ta sẽ dễ dàng nhận thấy rằng thu nhập của cá nhân và doanh nghiệp chỉ có thể thu được thông qua hành động của nhà nước được cấp tiền bởi thuế.

Nền kinh tế tư bản không có khả năng tự điều chỉnh. Điều kiện tiên quyết để các công ty kiếm được lợi nhuận là quyền tài sản do nhà nước thực thi, quyền này trao cho một số người quyền sở hữu và kiểm soát các nguồn lực sản xuất trong khi loại trừ những người khác.

Thứ hai, các chính phủ phải quản lý thị trường lao động để giúp đảm bảo rằng các nhu cầu về tay nghề của các doanh nghiệp được đáp ứng. Một số các quốc gia và vùng lãnh thổ điều này thông qua việc thiết lập các chính sách nhập cư và giáo dục. Tất cả các quốc gia tư bản cũng cố gắng giảm thiểu rủi ro thị trường lao động,

cho dù đó là rủi ro khan hiếm lao động cho các doanh nghiệp hay thất nghiệp cho người lao động đi chăng nữa.

Thứ ba, hầu hết các nhà tư bản muốn các quốc gia thực thi các luật chống độc quyền, hợp đồng, hình sự, tài sản và các sai lầm dân sự, vì nó làm cho các tương tác thị trường dễ dự đoán và đáng tin cậy hơn. Và cuối cùng, nền kinh tế tư bản cần một cơ sở hạ tầng còn hoạt động. Ngay cả hầu hết những người theo chủ nghĩa tự do cũng cho rằng sự kiểm soát của nhà nước đối với nguồn cung tiền tệ và lãi suất là cần thiết để thúc đẩy hoặc làm chậm tăng trưởng khi nền kinh tế cần.

Tất cả những điều này được thực hiện thông qua thuế. Nói tóm lại, chính khái niệm thu nhập hoặc lợi nhuận trước thuế là một thủ thuật ghi sổ. Thu nhập của một người hay lợi nhuận của công ty một phần là kết quả của việc các chính phủ thu thuế và tích cực tạo điều kiện để họ có thể kiếm tiền ngay từ đầu. Trong khuôn khổ này, “đánh thuế người giàu” không chỉ đơn thuần là một lời kêu ca dè bĩu hay đòi hỏi sự công bằng.

Lời bênh vực xã hội chủ nghĩa về thuế và tái phân phối của cải lũy tiến được xây dựng từ ba yếu tố cơ bản về cách thức hoạt động của chủ nghĩa tư bản. Đầu tiên, như vừa mới tìm hiểu, thu nhập cá nhân và lợi nhuận doanh nghiệp không chỉ đơn giản là kết quả của công việc cá nhân và cạnh tranh kinh doanh - thay vào đó chúng là một phần của một tổng sản phẩm xã hội rộng lớn hơn.

Tổng thu nhập được tạo ra trong một xã hội tư bản là kết quả của nỗ lực xã hội tập thể, được thực hiện bởi một cấu trúc xã hội và luật pháp cụ thể, và được chuyển thông qua các tổ chức được tài trợ công cũng như do tư nhân kiểm soát và tài trợ.

Thứ hai, bất bình đẳng giai cấp do việc tạo ra sản phẩm xã hội này có tính chất tương đối. Các nhà tư bản có thể tích lũy các kho của cải lớn chỉ vì công nhân



không làm được như vậy. Các yếu tố khác không thay đổi thì ta nhận ra rằng các công ty có thể tăng lợi nhuận của mình theo tỷ lệ nghịch với chi phí lao động mà họ phải chịu.

Điều kiện cho mối quan hệ này, một lần nữa, là chính trị và được duy trì thông qua doanh thu từ thuế. Các công ty dựa vào chính quyền địa phương để thực thi quyền tài sản và các hợp đồng, và điều này làm cho quyền sở hữu các nguồn lực sản xuất của xã hội (tức tư liệu sản xuất của nó) nằm trong tay một số rất nhỏ trong xã hội.

Kết quả là, trong chủ nghĩa tư bản, hầu hết mọi người làm việc cho kẻ khác; họ không thuê người khác làm việc cho họ. Và các nhà tư bản chỉ tuyển dụng công nhân khi họ tin rằng những nỗ lực của những người lao động đó sẽ giúp công ty kiếm được nhiều tiền hơn số tiền họ bỏ ra từ tiền lương - nếu không sẽ là hành động tự sát của thị trường.

Tất nhiên, sự chăm chỉ, ham học hỏi và may mắn giúp một số công nhân có khả năng trở thành nhà tư bản. Nhưng cấu trúc cơ bản của chủ nghĩa tư bản, trong đó một số nhỏ sở hữu hầu hết các tư liệu sản xuất, đảm bảo rằng đại đa số mọi người sẽ (cùng lắm là) dành cả đời để kiếm tiền lương, nhưng không bao giờ thu được lợi nhuận. Thuế cung cấp một giải pháp khắc phục phần nào sự bất bình đẳng cơ bản, thiết yếu đó của xã hội tư bản.

Thứ ba, tái phân phối của cải thông qua đánh thuế là một phương tiện mở rộng quyền tự do cá nhân - chứ không phải hạn chế nó, như những người theo chủ nghĩa tự do lập luận. Theo nhà lý luận tự do chủ nghĩa Isaiah Berlin, tự do có một cấu trúc kép. Một bên là tự do tiêu cực, không có sự ép buộc hay “tự do khỏi cái gì đó” là đặc điểm của hầu hết các quan niệm phổ biến về tự do ở Hoa Kỳ ngày nay.

Liên quan đến cưỡng chế, thuế tài trợ cho một loạt các điều khoản công nhằm cung cấp cho công dân một số phương sách tự do khỏi sự chuyên chế tư nhân của các công ty. Chúng tạo nên toàn bộ cơ sở của bộ máy nhà nước mà trong hệ thống tư bản chủ nghĩa là lực lượng duy nhất có quyền lực vượt quá quyền lực của giai cấp tư bản nói chung.

Nếu không có các quy định, chẳng hạn như những quy định yêu cầu ít nhất là an toàn tại nơi làm việc tối thiểu hoặc những quy định buộc ban quản lý phải tham gia vào thương lượng tập thể, người lao động sẽ mất đi tiếng nói của mình trong cách tổ chức công việc của họ.

Tuy nhiên, trong bối cảnh của chính sách thuế, tự do tích cực cũng quan trọng. Tự do tích cực là tự do về “khả năng” - khả năng thực hiện mọi việc, và khả năng lựa chọn các mục tiêu và nỗ lực để hiện thực hóa chúng. Tự do như vậy đòi hỏi các nguồn lực.

Trong các xã hội tư bản với mức độ tái phân phối của cải thấp, tự do tích cực là một trò chơi có tổng bằng không, trong đó một số ít được hưởng quyền lợi đó với cái giá là những người còn lại không nhận được nó. Chính sách thuế phân chia sản phẩm xã hội theo cách cho phép một số người sống cuộc sống xa hoa trong khi những người khác không có những cái đó thì không thể được coi là khuyến khích tự do.

Ví dụ, hệ thống giáo dục công lập mang lại cho công dân cơ hội phát triển kiến thức và kỹ năng để theo đuổi tham vọng của cả tập thể và cá nhân là nền tảng của tự do tích cực mà chỉ có thể duy trì được thông qua thuế.

Trong một xã hội theo xã hội chủ nghĩa thực sự, sự kết hợp giữa bình đẳng chính trị và kinh tế sẽ mang lại cho mọi người mức độ tự do tiêu cực và tích cực hơn nhiều so với mức độ họ được hưởng dưới chế độ tư bản. Cho đến khi chúng ta hiện thực hóa thế giới đó, phân phối của cải lũy tiến thông qua thuế vừa là một phương

tiện để giải quyết bất bình đẳng cơ cấu vừa là cách chính chúng ta có thể mở rộng quyền tự do cho nhiều người nhất có thể.

Nhưng chúng ta đang đi sai đường. Trong vài thập kỷ qua, lợi nhuận tài chính từ việc tăng năng suất lao động chủ yếu chảy lên trên trong khi thuế suất đối với những người có thu nhập cao nhất đã được hạ xuống đáng kể.

Ngay cả một mức tăng khiêm tốn trong tổng gánh nặng thuế đối với những người có thu nhập cao nhất lên mức 45 phần trăm sẽ mang lại doanh thu thuế rất lớn. Đối với một số quốc gia thì nó sẽ lớn hơn nhiều so với số tiền cần thiết miễn học phí cho tất cả các trường cao đẳng và đại học công lập.

Những sự gia tăng như vậy cũng sẽ rất hữu ích trong việc tạo ra doanh thu cần thiết để tài trợ cho hệ thống chăm sóc sức khỏe toàn dân, tăng phúc lợi an sinh xã hội và xây dựng lại cơ sở hạ tầng đang đổ nát.

Hầu hết đều đồng ý rằng tất cả chúng ta đều xứng đáng được sống trong một xã hội nơi chúng ta được cho những gì chúng ta xứng đáng nhận, được tự do và có khả năng sáng tạo và phát huy hết tiềm năng của mình. Cho dù thoạt đầu nghe có vẻ không hợp lý, nhưng việc đánh thuế tái phân phối của cải và thu nhập là một bước đi theo hướng này. Người giàu không kiếm được của cải - họ chỉ nắm giữ nó khỏi chúng ta.

<b>CHƯƠNG</b>	<b>Chủ nghĩa xã hội có lấy đi tài sản cá nhân của tôi không?</b>
<b>5</b>	

*Những người theo chủ nghĩa xã hội muốn loại bỏ tài sản tư hữu, nhưng điều này không có nghĩa là họ sẽ lấy đi bộ sưu tập đĩa Modern Talking của bạn.*

**Tác giả:** Bhaskar Sunkara

Bài viết đã được Việt hoá.

---

Kính gửi biên tập viên

Tôi rất hứng thú với các tư tưởng xã hội chủ nghĩa, nhưng tôi có một số lo ngại. Và một trong số đó là liệu tôi có được phép giữ bộ sưu tập đĩa Modern Talking của mình không?

Liệu có thể cho tôi là một ngoại lệ không, hay tôi sẽ phải ngồi cùng với mọi người và nghe nhạc John Lennon?

Cảm ơn.

-----

Kính gửi,

Bài hát kinh điển "Imagine" của John Lennon gợi đến hình ảnh một thế giới không có tài sản tư hữu, không có sự tham lam hoặc đói nghèo, một thế giới mà tài nguyên của Trái Đất đều là của chung của loài người. Nó đã trở thành bài ca của một thế hệ những người biết mơ, nhưng nó cũng thể hiện được tầm nhìn xã

hội chủ nghĩa - khát vọng muốn kết thúc khổ đau và áp bức và mong muốn giúp mọi người trong xã hội đạt được tới tiềm năng trong họ.

Nhưng bức tranh mà bài "Imagine" khắc hoạ có lẽ hơi đáng sợ đối với những người không muốn một thế giới mà thiếu vắng tài sản đi cá nhân - một công xã toàn cầu mà chúng ta đều bị bắt phải nghe nhạc John Lennon.

Nhưng rất may rằng những nhà xã hội chủ nghĩa không quan tâm tới việc đưa nhạc của bạn vào làm tài sản chung. Chúng tôi không phải không thích Modern Talking, chỉ đơn giản là chúng tôi thực sự không muốn xây dựng một thế giới hoàn toàn không có tài sản cá nhân - tức những đồ vật được sử dụng bởi các cá nhân. Thay vào đó, những nhà xã hội chủ nghĩa phấn đấu để có được một thế giới không có tài sản tư hữu: những thứ đem lại nhiều quyền lực hơn cho những người sở hữu nó so với những người khác.

Quyền lực mà tài sản tư hữu tạo ra được thể hiện rõ nhất ở thị trường lao động. Ở đây, chủ doanh nghiệp có thể quyết định ai xứng đáng có việc làm và ai không, và đây cũng là nơi họ có thể duy trì điều kiện làm việc tệ đến mức nếu công nhân có lựa chọn khác thì họ sẽ từ chối làm việc thẳng cẳng. Và cho dù công nhân gánh hết phần công việc, người quyết định cách lợi nhuận được chia chính là chủ doanh nghiệp, và người này thường không trả công nhân phần lương tương xứng với giá trị mà họ sản xuất ra. Chúng tôi gọi hiện tượng này là bóc lột.

Bóc lột không chỉ có ở chủ nghĩa tư bản. Nó tồn tại ở mọi xã hội có giai cấp. Điều này có nghĩa là một số người bị bắt phải làm việc dưới sự điều hành và vì lợi ích của người khác.

So với hệ thống nô lệ hoặc nông nô thì những khó khăn công nhân gặp phải ngày nay có vẻ không tệ lắm. Trong hầu hết các quốc gia thì họ được luật pháp bảo vệ và nhận đủ lương để mua nhu yếu phẩm. Điều này có được là nhờ những phong

trào lao động được tổ chức nhằm làm hẹp quy mô và độ nghiêm trọng của sự bóc lột.

Nhưng bóc lột chỉ có thể được làm suy giảm dưới chủ nghĩa tư bản, chứ không thể bị loại bỏ hoàn toàn. Hãy lấy ví dụ (hơi trừu tượng) này: bạn được trả lương tương đương 50.000 mỗi giờ bởi một doanh nghiệp ổn định và làm ăn có lãi. Bạn đã làm việc ở đây 5 năm rồi, và mỗi tuần bạn làm khoảng 60 tiếng.

Cho dù công việc của bạn là gì - bất kể nó khó, dễ, chán chường hay thú vị thế nào đi nữa - một điều là chắc chắn: sức lao động của bạn đã tạo ra giá trị cao hơn số tiền 50.000 đồng này cho ông chủ của bạn. Cái sự chênh lệch giữa giá trị bạn sản xuất ra và cái bạn nhận lại được chính là bóc lột - nguồn gốc của lợi nhuận và tài sản trong chủ nghĩa tư bản.

Và, tất nhiên, với tiền lương của mình thì bạn bắt buộc phải mua những thứ không thể thiếu cho cuộc sống: nhà ở, y tế, chăm sóc trẻ em, giáo dục - tất cả đều là hàng hoá được sản xuất bởi những công nhân không được trả lương tương xứng với sức lao động của họ.

Thay đổi mọi thứ một cách toàn diện có nghĩa là lấy đi nguồn sức mạnh của các nhà tư bản, tức là lấy đi tài sản tư hữu của họ.

Trong một xã hội xã hội chủ nghĩa (kể cả trong một xã hội xã hội chủ nghĩa mà thị trường vẫn được giữ lại), bạn và các công nhân khác sẽ không dành cả ngày để làm người khác giàu hơn. Bạn sẽ được nhận hầu hết giá trị mà bạn sản xuất ra. Điều này có nghĩa là bạn sẽ có thể mua thêm nhiều đồ dùng tiện nghi, hoặc có thể quyết định làm việc ít hơn để đi học trở lại, hoặc bắt đầu một sở thích mà không lo mất đi thu nhập.

Điều này nghe có vẻ viễn vông, nhưng nó hoàn toàn có thể thực hiện được. Công nhân làm việc trong khâu thiết kế, sản xuất và chuyển hàng đều biết cách làm ra

những thứ mà xã hội cần, đơn giản vì họ làm việc này hàng ngày. Họ có thể vận hành nơi làm việc một cách tập thể bằng cách loại bỏ những trung gian: tức là những người sở hữu tài sản tư hữu. Do vậy nên việc chung tay làm chủ nơi làm việc, những nơi đã tạo nên cộng đồng của ta, chính là chìa khoá để giúp nhân loại thoát khỏi nhà tù của sự bóc lột.

Đó chính là tầm nhìn xã hội chủ nghĩa: đưa nhà máy, ngân hàng, văn phòng, tài nguyên thiên nhiên, công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng liên lạc và giao thông vận tải vào làm tài sản chung của xã hội. Làm được điều này thì của cải và quyền lực sẽ không rơi vào tay tầng lớp thượng lưu nữa. Và đó chính là sức lôi cuốn của chủ nghĩa xã hội: một xã hội mà mọi người không cố kiểm soát nhau vì lợi ích cá nhân, mà thay vào đó là một xã hội mà ai ai cũng góp sức để cùng nhau phát triển.

Còn về tài sản cá nhân thì bạn có thể giữ lấy đĩa Modern Talking của mình.

Điều nữa là trong một xã hội không tồn tại các sự kiện khủng hoảng kinh tế như ở chủ nghĩa tư bản, do xã hội chủ nghĩa sẽ đảm bảo bạn không mất việc một cách bất công và các nhu yếu phẩm không còn được phân phối bởi thị trường. Vì thế nên bạn sẽ không còn phải bán đi đĩa Modern Talking của mình để lấy tiền thuê nhà nữa.

Đấy là chủ nghĩa xã hội: ít John Lennon đi và nhiều Modern Talking hơn.

Đoàn kết, quyết thắng.

Bhaskar

<b>CHƯƠNG</b>	<b>Chủ nghĩa xã hội có phi dân chủ không?</b>
<b>6</b>	

*Chủ nghĩa xã hội thường bị gán ghép với độc tài. Nhưng lịch sử đã cho thấy rằng những người chủ nghĩa xã hội nằm trong hàng ngũ những người ủng hộ dân chủ trung thành nhất.*

**Tác giả:** Joseph M. Schwartz

---

Chiến tranh Lạnh được nhiều người coi là cuộc chiến giữa tự do và chuyên chế, với thắng lợi rõ ràng nghiêng về chủ nghĩa tư bản dân chủ. Chủ nghĩa xã hội, dưới mọi hình thái, bị gán ghép với tội ác của Liên bang Xô viết và xứng đáng bị ném vào sọt rác của lịch sử.

Tuy nhiên, nhiều người chủ nghĩa xã hội đã lên tiếng phản đối chủ nghĩa độc tài của cả hai phe tả khuynh lẫn hữu khuynh. Bản thân Marx hiểu rằng chỉ sức mạnh số đông của dân chủ mới có thể giúp những người lao động tạo ra một xã hội xã hội chủ nghĩa. Để đạt được mục tiêu ấy, *Tuyên ngôn Cộng sản* kết thúc bằng lời kêu gọi công nhân đứng lên giành thắng lợi trong cuộc chiến dân chủ, chống lại các thế lực quý tộc và phản động.

Lực lượng xã hội chủ nghĩa đã đi theo con đường này, hăng hái bảo vệ các quyền chính trị và dân sự, đồng thời đấu tranh dân chủ hóa quyền kiểm soát đời sống kinh tế và văn hóa thông qua việc mở rộng các quyền xã hội và dân chủ tại nơi làm việc. Bất chấp nhận định chung rằng “chủ nghĩa tư bản đồng nghĩa với dân chủ”, bản thân các nhà tư bản, nếu không có áp lực từ một giai cấp công nhân có tổ chức, chưa bao giờ ủng hộ các cải cách dân chủ.



Trong khi quyền phổ thông đầu phiếu cho nam giới da trắng đã bắt đầu ở Hoa Kỳ vào thời kỳ tổng thống Andrew Jackson, các nhà xã hội chủ nghĩa châu Âu đã phải chiến đấu cho đến cuối thế kỷ XIX chống lại các chế độ tư bản độc tài ở Đức, Pháp, Ý và các nơi khác để giành được lá phiếu cho công nhân nam nghèo. Các nhà xã hội chủ nghĩa đã nhận được sự ủng hộ rộng rãi với tư cách là những người ủng hộ nhất quán nhất cho quyền bầu cử của nam giới - và cuối cùng là của phụ nữ - cũng như quyền thành lập công đoàn và các hiệp hội tự nguyện khác một cách hợp pháp.

Các nhà xã hội chủ nghĩa và các đồng minh của họ trong phong trào lao động cũng đã hiểu từ lâu rằng những người đang trong tình trạng túng thiếu không thể là người tự do. Do đó, truyền thống xã hội chủ nghĩa thường đồng nghĩa với việc giành được đầu tư công cho giáo dục, chăm sóc sức khỏe, chăm sóc trẻ em và lương hưu.

Đối với nhiều người theo chủ nghĩa xã hội, việc ủng hộ các cải cách dân chủ là vô điều kiện; nhưng họ cũng cho rằng chức năng kìm hãm quyền lực tư bản của quyền lực giai cấp phải được đẩy mạnh hơn nữa để nhân dân lao động có thể làm chủ hoàn toàn vận mệnh kinh tế và xã hội của mình. Những người theo chủ nghĩa xã hội dân chủ sẽ cùng lúc trích chủ nghĩa tư bản là phi dân chủ, và cũng nhất quyết phản đối các chính phủ độc tài tự xưng là xã hội chủ nghĩa.

Các nhà cách mạng như Rosa Luxemburg và Victor Serge đã chỉ trích sự cai trị thời kỳ đầu của Liên Xô về việc cấm các đảng đối lập, loại bỏ các thử nghiệm dân chủ tại nơi làm việc, cũng như là việc không chấp nhận đa nguyên chính trị và tự do dân sự. Nếu nhà nước sở hữu tư liệu sản xuất, câu hỏi vẫn là: nhà nước dân chủ đến đâu?

Như Luxemburg đã viết trong cuốn sách năm 1918 về Cách mạng Nga, "Khi không có tổng tuyển cử, không có tự do báo chí, tự do ngôn luận, tự do hội họp,

không có đấu tranh tự do ý kiến, thì cuộc sống trong mọi cơ quan công lập dần tàn lụi, trở thành một bức tranh biếm họa của chính nó, và quan liêu gia tăng rồi trở thành yếu tố quyết định duy nhất."

Luxemburg hiểu rằng Công xã Paris 1871, một thử nghiệm ngắn gọn trong nền dân chủ cấp tiến mà Marx và Engels gọi là một chính phủ của giai cấp công nhân thực sự, có nhiều đảng phái chính trị trong hội đồng thành phố, và chỉ một trong số đó được liên kết với Hội Liên hiệp Lao động Quốc tế của Marx.

Theo đúng những giá trị này, những người chủ nghĩa xã hội, những người cộng sản bất đồng chính kiến và những người ủng hộ công đoàn độc lập đã dẫn đầu các cuộc nổi dậy dân chủ chống lại chế độ Cộng sản ở Đông Đức năm 1953, Hungary năm 1956, Ba Lan năm 1956, 1968 và 1980. Các nhà xã hội dân chủ cũng dẫn đầu cuộc thử nghiệm ngắn nhưng phi thường với tên "chủ nghĩa xã hội với khuôn mặt người" dưới thời chính phủ Dubček ở Tiệp Khắc vào năm 1968. Tất cả những cuộc nổi dậy này đều bị xe tăng Liên Xô đè bẹp.

Tuy nhiên, sự sụp đổ của Liên Xô hầu như không có nghĩa là nền dân chủ đã chiến thắng. Những người chủ nghĩa xã hội bác bỏ tuyên bố rằng nền dân chủ tư bản là dân chủ hoàn toàn. Trên thực tế, những người giàu có đã từ bỏ cam kết đối với cả nền dân chủ cơ bản ngay khi họ cảm thấy bị đe dọa bởi các phong trào công nhân.

Phân tích của Marx trong cuốn *18 tháng Sương mù* về sự ủng hộ của tư bản Pháp với cuộc đảo chính của Louis Napoléon chống lại Cộng hòa thứ hai Pháp là một tiền định lạnh người về sự ủng hộ sau này của tư bản đối với chủ nghĩa phát xít trong những năm 1930. Trong cả hai trường hợp, một giai cấp tiểu tư sản đang sa sút, một giai cấp trung lưu bị bao vây và các giai cấp địa chủ tinh hoa truyền thống đã giành được sự ủng hộ của các nhà tư bản để ngăn cản giai cấp công nhân đang lên bằng cách lật đổ các chính phủ dân chủ.

Các chế độ độc tài trong những năm 1970 và 1980 ở Mỹ Latinh cũng dựa trên sự hỗ trợ của các tập đoàn với tính chất tương tự. Phần lớn uy tín của cánh tả châu Âu thời hậu chiến và cánh tả Mỹ Latinh ngày nay bắt nguồn từ việc họ là những đối thủ kiên định nhất chống lại chủ nghĩa phát xít.

Các phong trào xã hội chủ nghĩa và chống thực dân trong thế kỷ 20 hiểu rằng các mục tiêu cách mạng dân chủ về bình đẳng, tự do và bác ái không thể thực hiện được nếu bất bình đẳng quyền lực kinh tế có thể chuyển thành quyền lực chính trị và nếu người lao động vẫn bị tư bản chi phối. Những người chủ nghĩa xã hội đấu tranh cho dân chủ kinh tế vì niềm tin dân chủ cấp tiến rằng “những gì chạm đến quần chúng thì nên được quần chúng quyết định”.

Lập luận của các nhà tư bản cho rằng sự lựa chọn cá nhân trên thị trường đồng nghĩa với quyền tự do đã che đậy một thực tế rằng chủ nghĩa tư bản là một hệ thống phản dân chủ, trong đó hầu hết mọi người dành phần lớn cuộc đời của họ để bị “sai khiến”. Các tập đoàn là hình thức của các chế độ độc tài có thứ bậc, vì những người làm việc trong đó không có tiếng nói về cách họ sản xuất, những gì họ sản xuất và lợi nhuận mà họ tạo ra được sử dụng như thế nào.

Các nhà dân chủ cấp tiến tin rằng thẩm quyền ràng buộc (không chỉ luật pháp, mà còn cả quyền quyết định sự phân công lao động trong một công ty) chỉ có giá trị nếu mọi thành viên bị tác động bởi các hoạt động của nó đều có tiếng nói bình đẳng trong việc đưa ra các quyết định.

Dân chủ hóa một nền kinh tế phức tạp có thể sẽ diễn ra bằng nhiều hình thức thể chế khác nhau, từ quyền sở hữu của người lao động và hợp tác xã, đến quyền sở hữu của nhà nước đối với các tổ chức tài chính và độc quyền tự nhiên (như viễn thông và năng lượng) - cũng như các quy định quốc tế về tiêu chuẩn lao động và môi trường.

Cấu trúc tổng thể của nền kinh tế sẽ được xác định thông qua chính trị dân chủ chứ không phải thông qua các cơ quan quan liêu nhà nước. Nhưng câu hỏi vẫn là: làm thế nào để vượt ra khỏi chế độ quyền lực tập trung tư bản chủ nghĩa để tiến đến nền dân chủ xã hội chủ nghĩa?

Vào cuối những năm 1970, nhiều nhà xã hội dân chủ nhận ra rằng lợi nhuận của doanh nghiệp đã bị siết chặt thông qua những ràng buộc đặt lên tư bản bởi các phong trào lao động, vị nữ, môi trường và chống phân biệt chủng tộc của những năm 1960. Họ hiểu rằng các nhà tư bản sẽ trả đũa thông qua huy động chính trị, thuê ngoài và đình công tư bản.

Do đó, trên khắp châu Âu, những người chủ nghĩa xã hội đã thúc đẩy cải cách nhằm giành được quyền kiểm soát công nhiều hơn trong lĩnh vực đầu tư. Phong trào lao động Thụy Điển chấp nhận Kế hoạch Meidner, một chương trình sẽ đánh thuế lợi nhuận doanh nghiệp trong khoảng thời gian 25 năm để tạo ra quyền sở hữu công đối với các công ty lớn. Một liên minh Xã hội - Cộng sản Chủ nghĩa đã bầu François Mitterrand làm tổng thống Pháp vào năm 1981 và quốc hữu hóa 30% ngành công nghiệp của Pháp và tăng cường triệt để quyền thương lượng tập thể.

Đáp lại các hành động này, tư bản Pháp và Thụy Điển đã đầu tư ra nước ngoài thay vì trong nước, tạo ra một cuộc suy thoái làm cản trở những bước tiến đầy hứa hẹn này đối với chủ nghĩa xã hội dân chủ. Các chính sách của Thatcher và Reagan, mở ra hơn ba mươi năm phá công đoàn và cắt giảm phúc lợi xã hội, đã xác nhận dự đoán của Cánh tả rằng chủ nghĩa xã hội hoặc là sẽ vượt ra khỏi nhà nước phúc lợi để kiểm soát dân chủ tư bản, hoặc là quyền lực tư bản sẽ làm xói mòn thành quả của dân chủ xã hội thời hậu chiến.

Ngày nay, các nhà xã hội chủ nghĩa trên toàn thế giới phải đối mặt với thách thức khó khăn là làm thế nào để xây dựng lại quyền lực chính trị của giai cấp công

nhân đủ mạnh để đánh bại sự đồng thuận của các nhà bảo thủ và các nhà dân chủ xã hội Đường lối thứ ba ủng hộ chính sách thắt lưng buộc bụng thuộc chương trình nghị sự của doanh nghiệp.

Vậy còn các chính phủ ở các nước đang phát triển vẫn đang tự gọi mình là xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là các quốc gia độc đảng thì sao? Theo nhiều cách, các quốc gia cộng sản độc đảng có nhiều điểm chung với các quốc gia tư bản độc tài chủ xướng “phát triển” trong quá khứ - chẳng hạn như Phổ và Nhật Bản cuối thế kỷ XIX, Hàn Quốc và Đài Loan thời hậu chiến - hơn là với tầm nhìn về chủ nghĩa xã hội dân chủ. Các chính phủ này ưu tiên công nghiệp hóa do nhà nước lãnh đạo hơn các quyền dân chủ, đặc biệt là quyền của phong trào lao động độc lập.

Cả Marx lẫn chủ nghĩa xã hội cổ điển ở châu Âu đều không dự đoán rằng các đảng cách mạng xã hội chủ nghĩa có thể dễ dàng nắm chính quyền nhất trong các xã hội trọng nông, chuyên quyền.

Một phần, các đảng này dựa trên một giai cấp công nhân non trẻ bị cực đoan hóa bởi sự bóc lột của tư bản nước ngoài. Nhưng ở Trung Quốc và Nga, những người Cộng sản cũng lên nắm quyền vì tầng lớp quý tộc và lãnh chúa đã thất bại trong việc bảo vệ người dân chống lại sự xâm lược - những đội quân nông dân bị đánh bại vốn chỉ muốn có hòa bình và đất đai.

Các nhà Mácxit truyền thống ít nói về cách các xã hội nông nghiệp và hậu thuộc địa có thể phát triển theo cách thức bình đẳng và dân chủ như thế nào. Điều mà lịch sử cho chúng ta biết là việc cố gắng buộc những người nông dân vừa được cách mạng Cộng sản trao đất tư hữu phải trở lại các trang trại tập thể của nhà nước sẽ dẫn đến các cuộc nội chiến tàn bạo, cản trở sự phát triển kinh tế trong nhiều thập kỷ.

Tất nhiên, cũng có một lịch sử phong phú về các thử nghiệm chủ nghĩa xã hội dân chủ ở các nước đang phát triển, từ chính phủ Bình dân Thống nhất những

năm 1970 của Salvador Allende ở Chile đến những năm đầu của chính phủ Michael Manley ở Jamaica cùng thập kỷ ấy.

“Thủy triều hồng” Mỹ Latinh ở Bolivia, Venezuela, Ecuador và Brazil ngày nay đại diện cho những thử nghiệm đa dạng trong phát triển dân chủ - mặc dù các chính sách điều hành của họ phụ thuộc nhiều vào việc phân phối lại thu nhập từ xuất khẩu hàng hóa hơn là cơ cấu lại các mối quan hệ quyền lực kinh tế. Nhưng chính phủ Hoa Kỳ và các lợi ích tư bản toàn cầu luôn cố gắng làm suy yếu ngay cả những nỗ lực khiêm tốn này về dân chủ kinh tế.

CIA và tình báo Anh đã lật đổ chính phủ dân chủ của Mohammad Mosaddegh ở Iran vào năm 1954 khi chính phủ này quốc hữu hóa dầu của Anh. Quỹ Tiền tệ Quốc tế và Ngân hàng Thế giới đã cắt tín dụng cho Chile, và CIA đã tích cực hỗ trợ cuộc đảo chính quân sự tàn bạo của Augusto Pinochet ở đây. Hoa Kỳ cũng thông đồng với IMF để bóp chết nền kinh tế Jamaica thời Manley.

Sự thù địch của chủ nghĩa tư bản đối với ngay cả các chính phủ theo chủ nghĩa cải cách ôn hòa ở các nước đang phát triển là không có giới hạn. Mỹ buộc lật đổ cả chính phủ Jacobo Árbenz ở Guatemala vào năm 1954 và tổng thống Juan Bosch ở Cộng hòa Dominica vào năm 1965 vì họ ủng hộ cải cách ruộng đất một cách tối thiểu.

Đối với sinh viên lịch sử, câu hỏi đặt ra không phải là liệu chủ nghĩa xã hội có nhất thiết dẫn đến chế độ độc tài hay không, mà là liệu một phong trào xã hội chủ nghĩa đang hồi sinh có thể vượt qua bản chất quyền lực tập trung và phản dân chủ của chủ nghĩa tư bản hay không.

<b>CHƯƠNG</b>	<b>Chủ nghĩa xã hội có "tây" quá không?</b>
<b>7</b>	

*Chủ nghĩa xã hội không mang tính hướng Âu, bởi vì tư bản dù ở đâu cũng hoạt động như nhau, và dù ở đâu thì tư bản cũng gặp phải sự chống cự.*

**Tác giả:** Nivedita Majumdar

---

Đã đến thời của chủ nghĩa xã hội. Nó trở lại sau thời kỳ khủng hoảng kinh tế năm 2008. Sự kiện này đã phơi bày rõ bản chất bóc lột của chủ nghĩa tư bản cho thế hệ mới, và đã mở cửa cho phong trào đấu tranh chống lại các biện pháp buộc bụng và sự bất bình đẳng kinh tế. Các nhà hoạt động trong vô số phong trào đã giúp tạo ra môi trường cởi mở đến mức mà, ở Mỹ, các ứng cử viên tổng thống có thể nói về chủ nghĩa xã hội trước cả nước.

Cho dù không phải là người có tư tưởng tiến bộ nhất, nhưng Bernie Sanders - ứng cử viên tổng thống Mỹ - đã tự nhận là đi theo chủ nghĩa xã hội, và ông đã lôi kéo hàng ngàn người theo dõi chiến dịch tranh cử của mình, điều đi ngược hẳn lại dự đoán của mọi người.

Cũng vì vậy nên tư tưởng chủ nghĩa xã hội cũng gặp phải sự phản đối mạnh mẽ, và không phải chỉ từ phe Cộng Hoà. Ngay cả trong phe Dân chủ thì đó vẫn bị nhiều người coi là một hệ tư tưởng tập trung quá nhiều về các vấn đề kinh tế mà bỏ quên mất nỗi khổ thường ngày của những người da màu. Việc Sanders nhắc đến mô hình dân chủ xã hội ở các nước Bắc Âu đã bị nhiều người phê bình là sự ủng hộ khái niệm "biệt lệ Bắc Âu", một khái niệm đi ngược lại với sự đa dạng. Những sự phê bình này dựa trên các quan điểm lý thuyết cho rằng chủ nghĩa Mác và các biến thể của nó mang đậm tính hướng Âu.

Sự phê bình này có mang ẩn ý là chủ nghĩa xã hội, một tư tưởng chính trị đậm chất Âu (và chất da trắng) có thể giải quyết được sự bất công về kinh tế, nhưng nó không thể đương đầu với sự áp bức và bất công mà người dân ở phía Nam bán cầu và ở các nơi khác phải hứng chịu.

Vậy thì các cáo buộc này có chính xác không? Tư tưởng xã hội chủ nghĩa dựa trên niềm tin rằng người dân lao động trên khắp thế giới bị các nhà tư bản bóc lột, và do vậy nên họ có mong ước chung là chống lại sự bóc lột này. Đây không phải là một tư tưởng đậm chất phương Tây. Bằng chứng chính là 1.100 người công nhân dệt ở Dhaka, Bangladesh mất mạng vào tháng tư năm 2013 khi công xưởng của họ, nhà máy Rana Plaza, bất ngờ đổ sập lên họ. Tòa nhà này đã được đánh giá là không an toàn, nhưng chủ doanh nghiệp đe dọa đuổi việc họ nếu họ không tiếp tục làm việc.

Hai năm sau khi nhà máy sụp đổ, tổ chức Human Rights Watch đã tiến hành khảo sát chi tiết tình hình của lao động trên lãnh thổ Bangladesh. Khảo sát cho thấy rằng các công ty thường trừng phạt nhân viên vì tổ chức thành lập công đoàn, một hoạt động hiệu quả nhằm phản đối lại điều kiện làm việc nguy hiểm và lương thấp. Để ngăn chặn hoạt động của công đoàn, chủ nhà máy thường bắt đầu các chiến dịch trả đũa tàn bạo nhằm vào công nhân, đặc biệt là công nhân nữ. Những ai cố đứng lên tổ chức công đoàn thì không chỉ mất việc mà còn bị đưa vào danh sách đen của các doanh nghiệp.

Ở phía bên kia Trái Đất, vào tháng tư năm 2015, chỉ trong vòng vài tiếng, Walmart đã đóng cửa 5 chi nhánh ở Mỹ và đuổi việc tới 2.200 nhân viên. Dù lý do cho việc đóng cửa này là để "sửa chữa đường ống nước" nhưng đây có thể được coi là hành động trả đũa nhắm đến các công nhân có ý định lập công đoàn để có được lương cao và điều kiện làm việc tốt hơn. Walmart, nơi mà công nhân thường tuyệt thực để phản đối mức lương quá thấp, chính là nhà tuyển dụng người da màu và phụ nữ lớn nhất nước Mỹ.



Liệu ta có thể coi việc cả công nhân dệt ở Bangladesh lẫn nhân viên Walmart Mỹ bị đuổi việc đều có quyền đấu tranh đòi quyền lợi kinh tế như nhau là "hướng Âu"? Các chủ nhà máy ở Bangladesh không nghĩ như vậy. Thực chất thì cả họ lẫn các quản lý ở Walmart đều quan tâm đến việc công nhân lập công đoàn, và tỏ thái độ thù địch với hoạt động này.

Nhà tư bản ở khắp mọi nơi đều cho rằng nhân công là nguồn lợi nhuận. Trong một xã hội chạy theo lợi nhuận thì việc thoả mãn yêu cầu của công nhân là khái niệm nằm ngoài quy luật thị trường. Và quy luật thị trường, cho dù các nhà kinh tế tân cổ điển có nói gì đi nữa, không hề công bằng chút nào. Sức mạnh khổng lồ về kinh tế và chính trị của tư bản đã đảm bảo rằng quy luật thị trường sẽ luôn luôn có lợi cho nó.

Trong cả hai bối cảnh này, những người theo xã hội chủ nghĩa chỉ ra một khía cạnh của hiện thực. Dù gì xảy ra đi nữa, công nhân sẽ luôn luôn đấu tranh. Nhưng nó sẽ là một cuộc đấu tranh đầy chông gai, và họ phải chịu đựng vô vàn vũ khí mà các nhà tư bản dùng để tấn công và đè bẹp sự phản kháng này. Các vũ khí này bao gồm: đe dọa vũ lực nếu các nhà tư bản nghĩ là mình có thể thoát tội, trong trường hợp ở Bangladesh, và các trò thâm độc hơn như là đóng cửa hẳn các chi nhánh của mình, như ở Mỹ. Đối với người lao động thì kết quả của cuộc đấu tranh không bao giờ có thể đoán trước được, vì các nhà tư bản có thể trả đũa vào bất kỳ lúc nào. Nhưng các nhà tư bản không bao giờ có thể thoải mái được, bởi vì ở đâu có bóc lột thì ở đó sẽ có đấu tranh.

Chủ nghĩa xã hội không hướng Âu, bởi lý luận của tư bản là phổ quát, và sự phản kháng chống lại nó cũng vậy. Những đặc điểm về văn hoá có thể định hình một số sự khác biệt giữa tư bản Mỹ và Bangladesh, Pháp và Nicaragua, nhưng các sự khác biệt này không thay đổi được bản chất cơ bản của nó, đó là việc đặt lợi nhuận lên trên con người. Đây chính là lý do mà, trong suốt hơn một thế kỷ, rất nhiều

phong trào xã hội triệt để và mạnh mẽ nhất ở phía Nam bán cầu được xây dựng dựa trên tư tưởng xã hội chủ nghĩa.

Cho dù khác biệt của họ là gì đi nữa, các nhà lãnh đạo từ khắp mọi nơi như Mao Trạch Đông ở Trung Quốc, Kwame Nkrumah ở Ghana, Walter Rodney ở Guyana, Chris Hani ở Nam Phi, Amílcar Cabral ở Guinea-Bissau, M. N. Roy ở Ấn Độ, và Che Guevara ở khắp Nam Mỹ, tất cả đều cho rằng lý thuyết và thực tiễn chủ nghĩa xã hội là thứ phù hợp với tình hình của họ, không khác gì các nhà hoạt động công đoàn ở Châu Âu cả. Và tất nhiên là các nhà cách mạng này cũng phải đối mặt với những người chỉ trích, cho rằng hệ tư tưởng của họ là hệ tư tưởng phương Tây, không phù hợp với phương Đông. Những người này bao gồm phe tôn giáo bảo thủ, địa chủ và tầng lớp thượng lưu.

Vào buổi sáng định mệnh trước khi Rana Plaza sụp đổ, những công nhân dệt đã không muốn vào nhà máy. Những vết nứt lớn xuất hiện trên tường nhà máy và thanh tra viên đã kết luận toà nhà là một mối nguy hại. Nhưng phía quản lý vẫn bắt công nhân phải làm. Một người mẹ thất thần nhớ lại rằng cô con gái 18 tuổi của mình, người đã thiệt mạng trong vụ sụp đổ, đã bị chủ doanh nghiệp đe dọa cắt lương nếu cô không làm việc. Đây là một sự phi nhân tính hóa rất đặc trưng, sinh ra từ sự thiếu thốn và bất lực - một nỗi khổ mà bất kỳ người công nhân nào cũng hiểu: khi họ buộc phải chọn giữa việc kiếm sống và sự an toàn của chính mình. Chủ nghĩa xã hội xác định rõ nguồn gốc của nỗi khổ này, đó chính là tài sản tư hữu và sự bóc lột, và chủ nghĩa xã hội từ chối chấp nhận nó.

Như Nivedita Majumdar đã nói: "Tội ác của chủ nghĩa tư bản là nó buộc phần lớn người dân phải dành hết thời gian lo lắng về các vấn đề thiết yếu như dinh dưỡng, nhà ở, y tế và học kỹ năng mới. Không còn chút thời gian nào nữa cho việc phát triển cộng đồng và sự sáng tạo mà con người thèm khát."

Chủ nghĩa tư bản không chỉ áp bức người công nhân trong công xưởng. Nó còn tạo ra một nền văn hoá coi sự áp bức và cạnh tranh là điều hiển nhiên. Nó khiến con người quay mặt lại với nhau, và với cả nhân tính của họ. Như nhân vật Gregor Samsa trong cuốn "Hoá thân" của Franz Kafka, con người bị tách ra khỏi nhân tính của họ, bị cô lập khỏi những con người khác, và bị tra tấn bởi sự mất mát những thứ có thể có được.

Việc từ chối chấp nhận bản chất huỷ diệt của tư bản, và việc đấu tranh để tạo nên một thế giới tốt hơn thay thế nó, tất cả đều không hề mang tính hướng Âu. Đó là một lựa chọn chung, và là lựa chọn nhân đạo.

**Bản chất quốc tế của chủ nghĩa xã hội**

*Sự bóc lột tư bản chủ nghĩa và sự phản kháng của công nhân về cơ bản đều giống nhau trên toàn thế giới. Ở phương Tây và cả bên ngoài nó, chủ nghĩa xã hội giúp chúng ta hiểu được những trải nghiệm đó.*

**Tác giả:** Nivedita Majumdar

Bài viết đã được Việt hoá.

---

Cách tốt nhất để nói về chủ nghĩa xã hội là bắt đầu với chủ nghĩa tư bản. Chủ nghĩa tư bản, như chúng ta đều biết, về mặt cốt lõi là một hệ thống được thúc đẩy bởi động cơ lợi nhuận. Đó là trọng tâm của chủ nghĩa tư bản. Tất cả những vấn nạn của chủ nghĩa tư bản mà chúng ta biết - lương thấp, điều kiện làm việc tồi tệ, mất quyền tự chủ của người lao động, sự trả đũa những người tổ chức (phong trào công nhân) - tất cả đều xuất phát từ động cơ lợi nhuận. Các nhà tư bản muốn tạo ra lợi nhuận; mọi thứ đều xuất phát từ động lực cốt lõi đó.

Chủ nghĩa xã hội nổi lên như một phản ứng đối với bản chất bất công cốt lõi này của chủ nghĩa tư bản. Nếu chủ nghĩa tư bản bắt nguồn từ động cơ lợi nhuận, thì chủ nghĩa xã hội bắt nguồn từ động cơ đấu tranh cho công bằng và công lý. Người lao động, dù có bị đặt ở thế bất lợi đến mức nào, luôn luôn chống trả. Chủ nghĩa xã hội là cuộc chiến đấu ấy, và là tầm nhìn về một trật tự công bằng, không còn những áp bức và thống trị đẩy người lao động phải đứng lên chiến đấu. Câu hỏi đặt ra cho chúng ta là, hai lực lượng đối lập là bóc lột - tư bản chủ nghĩa và phản kháng - xã hội chủ nghĩa có khác nhau ở những nơi khác nhau trên thế giới không?

Một vụ tai nạn nhà máy dệt đã xảy ra vào năm 2013 ở Dhaka, Bangladesh, nơi 1.100 công nhân đã mất mạng khi bức tường đổ xuống. Đó là một bi kịch hoàn toàn có thể tránh được. Ban quản lý biết rằng tòa nhà đang đổ nát, nhưng họ vẫn buộc các công nhân phải đi làm.

Mặc cho vụ việc đã thu hút sự chú ý toàn cầu, điều kiện làm việc trong ngành dệt may vẫn rất ảm đạm. Tuy nhiên, công nhân ở Dhaka đã tiếp tục tổ chức để có mức lương và điều kiện tốt hơn. Sự trả đũa đối với họ rất tàn bạo. Vào tháng 12 năm 2016, hàng nghìn công nhân Bangladesh đã tham gia vào một cuộc đình công tự phát. Hậu quả là trong hơn hai tháng qua, hàng chục người tổ chức đã bị bắt vì những tội danh oan ức; hơn 1.500 người đã mất việc làm, và tại nhà máy, các công nhân thường xuyên phải đối mặt với sự trả thù bằng lời nói và thể xác cũng như nỗ lực phá hoại công đoàn.

Không còn nghi ngờ gì nữa, câu chuyện của người Bangladesh cũng giống với câu chuyện của những người lao động ở Mexico, Indonesia, Brazil và các nơi khác. Đầu năm nay, tại Ấn Độ, các tòa án đã tuyên 13 người trong một nhà máy ô tô đa quốc gia mức án tù chung thân và một số người khác với mức án ngắn hơn. Tội của họ: tổ chức (đấu tranh). Ở Nam Phi, xảy ra vụ thảm sát thợ mỏ Marikana trong đó ba mươi bốn thợ mỏ bị bắn chết. Những ví dụ này rất nhiều.

Câu hỏi đặt ra là, những điều này ở Bán cầu Nam có khác những gì chúng ta đang thấy ở đây không?

Trong các phiên điều trần tại Thượng viện gần đây của Neil Gorsuch, ứng cử viên Tòa án Tối cao của Trump, vụ việc tài xế xe tải Alphonse Maddin nhận được sự chú ý của cả nước. Maddin đã lái một chiếc xe tải kéo trong điều kiện nhiệt độ dưới 0 khi phanh xe của anh bị lỗi. Anh đã gọi một chiếc xe cứu hộ, và sau nhiều giờ chờ đợi trong giá lạnh, anh quyết định tháo thùng kéo và lái xe đến nơi an toàn.

Quyết định ấy đã làm Maddin mất việc.

Maddin, giống như những công nhân dệt ở Bangladesh, bị buộc phải lựa chọn giữa mạng sống và sinh kế. Và một lần nữa, ở Mỹ, cũng như bất kỳ nơi nào khác trên thế giới, khi người lao động chống lại các điều kiện làm việc tàn bạo và đấu tranh cho tiền lương cao hơn, họ gặp phải sự trả đũa.

Vào năm 2015, Walmart đã đóng cửa 5 văn phòng của mình và 2.200 công nhân đã mất việc làm, với lý do sửa chữa đường ống nước trong các cửa hàng - nhưng việc đóng cửa rõ ràng là các biện pháp phá hoại công đoàn. Sự trả đũa có thể không trần trụi, tàn bạo ở đây, nhưng đó chỉ là vì họ có thể thoát tội ở phần kia của thế giới, còn ở đây thì họ không thể.

Tuy vậy, động lực của họ thì giống nhau. Không có sự khác biệt về động lực đang thúc đẩy các nhà tư bản - hay động lực đang thúc đẩy người lao động.

Lời buộc tội rằng chủ nghĩa xã hội là của phương Tây giả định rằng vì nguồn gốc của chủ nghĩa xã hội là ở phương Tây, nó mất đi sự phù hợp ở phần còn lại của thế giới. Vậy nhưng người lao động đang phải chịu những điều kiện lao động bóc lột như nhau, bất kể họ ở đâu. Họ làm việc cho những ông chủ chỉ quan tâm đến lợi nhuận và có rất ít động lực để giải quyết nhu cầu cho người lao động.

Và người lao động ở khắp mọi nơi cũng nhận ra rằng lựa chọn duy nhất của họ là đấu tranh nếu họ muốn các điều kiện được cải thiện. Vì vậy, dù đang bất lợi tới đâu, họ cũng chiến đấu.

## **Luôn luôn đi theo Chủ nghĩa Quốc tế**

Kể từ khi ra đời, chủ nghĩa xã hội về cốt lõi đã mang tính quốc tế chủ nghĩa cả về khái niệm và tầm hoạt động của nó.

Đây là ý tưởng về chủ nghĩa xã hội đã thúc đẩy Frantz Fanon trong cuộc chiến chống lại thực dân Pháp, thúc đẩy người cộng sản Chris Hani chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc ở Nam Phi, thúc đẩy Amílcar Cabral chiến đấu với người Bồ Đào Nha, thúc đẩy Walter Rodney đấu tranh cho những người bị tước quyền trên khắp vùng Caribe, thúc đẩy Che Guevara ở Cuba và Mỹ Latinh. Đối với họ và vô số người khác, chủ nghĩa xã hội là một lý thuyết và triết học phù hợp với thực tế của họ hệt như nó phù hợp với thực tế của các thành viên công đoàn Anh hoặc Mỹ.

Hãy nghĩ về MN Roy. Ông sinh ra vào cuối thế kỷ XIX tại một ngôi làng ở Bengal. Ông là một người cấp tiến trong phong trào độc lập của Ấn Độ, và ở tuổi hai mươi, Roy rời Ấn Độ để gây quỹ cho một cuộc nổi dậy vũ trang chống lại người Anh. Ông đã đi từ Indonesia đến Trung Quốc, đến Nhật Bản, sau đó là Hoa Kỳ - luôn luôn né tránh chính quyền, kết nối chính trị, cố gắng huy động vũ khí và tiền bạc, và hầu hết đi trong bí mật.

Ông không thể ở lại Hoa Kỳ quá lâu vì đang bị theo dõi. Cuối cùng ông đến Mexico, nơi ông tham gia với những người lao động có tổ chức và thành lập Đảng Cộng sản Mexico ngày nay vào năm 1919. Vladimir Lenin giao cho Roy làm việc về vấn đề thuộc địa, và Roy đã có cuộc tranh luận nổi tiếng với Lenin về vai trò của giai cấp tư sản dân tộc tại các quốc gia thuộc địa.

Năm 1920, Roy cũng là một trong những thành viên sáng lập Đảng Cộng sản Ấn Độ tại Tashkent. Về sau này, ông trở lại Ấn Độ và bị bỏ tù một cách tàn bạo, nhưng ông vẫn tiếp tục viết.

Bây giờ hãy tưởng tượng sự phi lý của câu hỏi liệu chủ nghĩa xã hội có âu tâm nếu đặt nó trước cuộc đời của một nhà cách mạng như MN Roy đến từ Nam Bán cầu, người đã thành lập không phải một mà là hai Đảng Cộng sản.

Vì vậy, câu hỏi thực sự là, tại sao câu hỏi về chủ nghĩa xã hội từ phương Tây hay Âu tâm lại thu hút nhiều sự quan tâm vào thời điểm này?

### **Một sản phẩm của sự bại trận**

Góc nhìn như thế này chỉ thu được sự chú ý vào thời điểm bại trận. Bốn thập kỷ tân tự do liên tục tấn công người nghèo lao động về tiền lương, về đầu tư công cho các nhu cầu cơ bản như nhà ở, chăm sóc sức khỏe và giáo dục để tạo ra một cuộc sống tốt đẹp, và sự tàn lụi của các công đoàn và quyền lực của giai cấp công nhân nói chung, đã dẫn đến một cánh tả trốn tránh và hoang mang về di sản của chính mình.

Vì vậy, câu hỏi ấy xuất hiện từ cánh tả học thuật, một cánh tả không có huyết mạch của các phong trào, không hiểu về sức mạnh và sự đoàn kết mà các phong trào mang lại cho bức tranh toàn cảnh.

Thiếu vắng các phong trào dẫn đến sự thiếu vắng nhận thức về những yếu tố thúc đẩy giai cấp công nhân. Nếu bạn không phải là người thuộc tầng lớp lao động; nếu bạn là người thuộc tầng lớp trung lưu hoặc thượng lưu, bạn sẽ không dễ gì bị thu hút bởi nhu cầu và lợi ích của tầng lớp lao động trừ khi có các phong trào. Đây là lý do các phong trào, theo nhiều cách, đã làm thay đổi cục diện của đất nước này, đặc biệt là cục diện các trường đại học, trong những năm 1960 và 1970. Nhưng kể từ đó, phong trào ngày một mai một.

Vì vậy, trong giới học thuật ngày nay, chúng ta có một tầng lớp khá giả không có động lực để tham gia chính trị của giai cấp công nhân. Tuy nhiên, họ có lợi ích trong việc duy trì các đặc quyền của giai cấp của mình.

Quan điểm cho rằng chủ nghĩa xã hội là của phương Tây xuất hiện từ bộ phận này. Nó mang hình thức của một chủ nghĩa cấp tiến đồng dục nói rằng mình thay lời Nam Bán cầu, và tuyên bố rằng chủ nghĩa xã hội không phù hợp với thực tế



của khu vực ấy. Họ lập luận rằng những ý tưởng phương Tây như chủ nghĩa xã hội không đề cập đến những trải nghiệm văn hóa của những người không đến từ phương Tây.

Hãy để ý rằng một tuyên bố kiểu này làm mất uy tín của chủ nghĩa xã hội như thế nào. Chẳng hạn như nó gây ra một vết nứt bên trong lòng cánh tả, nhưng nó lại không đe dọa đến các cơ cấu quyền lực. Tuy nhiên, nghe có vẻ cấp tiến bởi vì nó tuyên bố nói thay lời cho Nam Bán cầu. Khá thông minh.

Quan điểm này cũng là một phần của xu hướng lớn hơn trong giới học thuật, hướng tới các vấn đề về chủ nghĩa thực dân, chủng tộc, giới, tính dục v.v. Không có gì sai với điều này cả. Bạn không thể là một người theo chủ nghĩa xã hội nếu bạn không phải là một người chống phân biệt chủng tộc, một nhà nữ quyền - một người chống lại mọi hình thức phân biệt đối xử.

Vấn đề nằm ở chỗ khác: những phân tích này phần lớn đã tách rời khỏi logic của tư bản và đấu tranh giai cấp.

## **Chủ nghĩa Cấp tiến thiếu nền tảng**

Những gì chúng ta nhận được ngày nay là sự chống phân biệt chủng tộc cho những người có đặc quyền, một đấu tranh vừa không đe dọa đến quyền lực, vừa không hồi đáp cho những đau khổ thực tế của người nghèo và nhóm thiểu số.

Sự chỉ trích của cánh tả đối với cuộc tranh cử tổng thống của Bernie Sanders phản ánh quan điểm này rất mạnh. Ta-Nehisi Coates, chẳng hạn, chỉ trích ứng cử viên tổng thống Mỹ Bernie Sanders vì đã thúc đẩy các chuyển đổi cơ cấu bỏ qua vấn đề chủng tộc như lương tối thiểu hay đại học miễn phí. Coates lập luận rằng những chương trình phổ cập như vậy cuối cùng chủ yếu mang lại lợi ích cho người da trắng.

Điều mà những chỉ trích như vậy bỏ qua là thực tế rằng phần lớn người lao động da màu sẽ thoát khỏi nghèo đói nhờ việc tăng mức lương tối thiểu. Hoặc rằng lợi ích của việc học đại học miễn phí sẽ rất lớn và có trọng lượng áp đảo đối với người da đen thuộc tầng lớp lao động.

Tôi dạy tại CUNY, một trường đại học có 75% sinh viên thuộc nhóm thiểu số. Hơn một nửa số sinh viên của chúng tôi có thu nhập gia đình hàng năm dưới \$30,000. Các sinh viên của tôi không cần bất kỳ khóa đào tạo nào về tư tưởng liên lĩnh vực để hiểu rằng đại học miễn phí đem lại lợi ích cho họ.

Vậy tại sao lại có sự phản đối các chương trình phổ quát nhằm chuyển đổi cơ cấu bất bình đẳng - chính những bất bình đẳng duy trì sự phân biệt chủng tộc? Bởi đó là một chủ nghĩa chống phân biệt chủng tộc từ chối coi chủ nghĩa tư bản là động lực chính gây ra bất bình đẳng - và là một chủ nghĩa chống phân biệt chủng tộc rất phổ biến trong thời đại ngày nay. Đó là loại chủ nghĩa chống phân biệt chủng tộc không đáp ứng được nhu cầu và lợi ích của tầng lớp lao động thiểu số. Đó là sự chống phân biệt chủng tộc của tầng lớp đặc quyền.

Nếu bạn tin rằng các chính sách kinh tế phổ quát không có lợi ích cụ thể cho người da màu nghèo trong nước, thì bạn cũng sẽ chỉ trích nền chính trị xã hội chủ nghĩa trên phạm vi quốc tế. Nếu nền chính trị xã hội chủ nghĩa không nói đến trải nghiệm của các nhóm thiểu số Hoa Kỳ, thì lập luận tiếp, nó cũng xa lạ với thực tế văn hóa của các nước không phải phương Tây.

Đó là một chủ nghĩa cấp tiến mà trong cả hai trường hợp đều làm ngơ một số nhu cầu cơ bản và động lực của những người bị bóc lột, nhân danh văn hóa.

Một số thể lực tương tự cũng đang hoạt động ở Bán cầu Nam, nơi cũng giống chúng ta, đã chứng kiến thời đại của sự phát triển tân tự do không được kiểm soát. Ở đó, với sự suy yếu của sự phản kháng có tổ chức của cánh tả, những ý

tưởng xã hội chủ nghĩa về chuyển đổi kinh tế và các quyền phổ quát ngày càng bị tấn công.

Tôi từng tham gia cùng sinh viên cánh tả ở Ấn Độ, và như sinh viên ở khắp nơi trên thế giới, chúng tôi chiến đấu vì nền giáo dục chất lượng và dễ tiếp cận cho tất cả mọi người. Chúng tôi cũng rất tích cực trong các hoạt động xã hội và chính trị khác lớn hơn. Tôi may mắn được trở thành một phần của cánh tả ở một đất nước mà nó nhận được sự cộng hưởng lớn hơn nhiều cả về mặt văn hóa và bầu cử so với Hoa Kỳ.

Có khi nào tôi bị buộc tội vì ý tưởng rằng cuộc chiến cho công bằng giáo dục và quyền của người lao động, là từ phương Tây không? Bằng cách nào đó chúng tôi đã bị lừa bởi tư tưởng phương Tây khi đi theo đường lối đó? Vâng, tôi nhớ. Lời buộc tội đó đến từ cánh hữu.

Văn hóa cánh hữu cảm thấy ổn với chủ nghĩa tư bản, nhưng chủ nghĩa xã hội là của phương Tây. Nữ quyền cũng vậy. Nghe quen chứ?

Thực tế, việc buộc tội chủ nghĩa xã hội đến từ phương Tây bởi một người theo chủ nghĩa dân tộc ở Nam Bán cầu tất nhiên là có thể hiểu được. Điều gây tò mò là sự trỗi dậy của ý tưởng ấy, rằng chủ nghĩa xã hội là Âu tâm và không phù hợp với điều kiện sống sống của các xã hội ngoài phương Tây, ở phương Tây phần lớn đến từ giới học thuật.

Hãy suy nghĩ về ý nghĩa của quan điểm này.

Ý nghĩa của nó là khi một phụ nữ Bangladesh, trong một nhà máy dệt, tổ chức phong trào bất chấp nguy cơ bị sa thải và các hình thức trả thù thể xác - rằng một người phụ nữ như thế này, người đang đoàn kết với những người khác, cố gắng tổ chức, cố gắng thành lập công đoàn, có tầm nhìn về điều kiện làm việc không

ép buộc, mức lương đủ để cô ấy có thể nuôi gia đình, một cuộc sống tử tế – rằng một người phụ nữ như vậy đã bị lừa bởi phương Tây.

Điều đó có nghĩa là cô ấy không phù hợp với thực tại văn hóa Bangladesh, nơi mọi người không coi điều kiện làm việc áp bức là bất công và nếu có, họ cũng không đấu tranh chống lại những điều kiện đó. Người dân Bangladesh không coi tự do khỏi bị ép buộc là một nhu cầu cơ bản.

Người lao động này được cho là đã bị lừa dối bởi tư tưởng xã hội chủ nghĩa; cô ấy đang hoạt động một cách xa rời văn hóa của mình. Đó là lời buộc tội mà chúng ta đang nói đến.

### **Một cuộc chiến phổ quát**

Chúng ta nên làm rõ: loại chủ nghĩa cấp tiến tin rằng chủ nghĩa xã hội là một ý tưởng ngoại lai ở các nước ngoài phương Tây chính là một tư tưởng phủ nhận phản ứng cơ bản của con người trong việc đấu tranh chống lại áp bức đối với người lao động ở khu vực ấy. Nó đang nói rằng các dân tộc ngoài phương Tây không có khả năng hình dung một xã hội công bằng và tự do. Vì vậy, khi những người cấp tiến ở Mỹ tuyên bố rằng chủ nghĩa xã hội là tư tưởng phương Tây, họ đang hợp lực với cánh hữu trên toàn thế giới.

Ủng hộ tính phổ quát của chủ nghĩa xã hội không phải là phủ nhận những đặc thù của văn hóa. Mọi người ở khắp mọi nơi sống và phát triển trong các nền văn hóa và cộng đồng địa phương và rộng hơn. Nhưng con người không thể phát triển hoàn toàn trong bất kỳ nền văn hóa nào chừng nào chủ nghĩa tư bản vẫn tiếp tục tạo ra sự thiếu thốn và bất lực.

Chủ nghĩa xã hội là một tuyên bố về động lực đấu tranh chống lại một trật tự xã hội vô nhân đạo, và là nỗ lực tạo ra những điều kiện cho sự phát triển của con người. Đó là một động lực phổ quát.

---

<b>CHƯƠNG</b>	<b>Chủ nghĩa xã hội nói gì về vấn đề chủng tộc? - Một góc nhìn từ Mỹ</b>
<b>8</b>	

*Những nhà xã hội chủ nghĩa nghĩ rằng cuộc tranh đấu chống lại nạn phân biệt chủng tộc là trọng tâm của quá trình xóa bỏ quyền lực của giai cấp thống trị*

**Tác giả:** Keeanga-Yamahtta Taylor

---

Vào năm 2020, phong trào Black Lives Matter đã lan rộng khắp nước Mỹ. Khẩu hiệu trung tâm của phong trào là một sự công nhận đơn giản, mang tính tuyên bố về cộng đồng người da đen trong một xã hội bị bao trùm bởi sự bất bình đẳng về kinh tế và xã hội mà người Mỹ gốc Phi phải trải qua.

Phong trào này tương đối mới, nhưng sự phân biệt chủng tộc đã dẫn đến phong trào này thì không. Bởi với mọi thước đo trong xã hội Mỹ - chăm sóc sức khỏe, giáo dục, việc làm, nghèo đói - thì người Mỹ gốc Phi đều bị yếu thế hơn.

Các quan chức được bầu từ khắp các lĩnh vực chính trị thường đổ lỗi cho sự chênh lệch này là do thiếu vắng “trách nhiệm cá nhân” hay xem chúng như một hiện tượng văn hóa đặc biệt của người Mỹ gốc Phi.

Trên thực tế, bất bình đẳng chủng tộc phần lớn được tạo ra bởi chính sách của chính phủ và các tổ chức tư nhân, nó không chỉ bản cùng hóa người Mỹ gốc Phi mà còn vu oan giá họa và đẩy họ ra ngoài pháp luật..

Tuy nhiên, phân biệt chủng tộc không chỉ đơn giản là sản phẩm của chính sách công sai lầm hoặc thậm chí là thái độ cá nhân của những người da trắng phân

biệt chủng tộc. Hiểu được gốc rễ của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc trong xã hội Mỹ là rất quan trọng để xóa bỏ nó.

Việc soạn thảo chính sách công tốt hơn và cấm các hành vi phân biệt đối xử của các cá nhân hoặc tổ chức đều sẽ không có ích gì cho việc xóa bỏ phân biệt chủng tộc. Và trong khi cần nghiêm túc áp dụng các biện pháp ngăn chặn hành động của chính phủ gây hại cho toàn bộ nhóm người, các chiến lược này thất bại trong việc nắm bắt được quy mô và mức độ sâu rộng của bất bình đẳng chủng tộc ở Hoa Kỳ.

Để hiểu tại sao Hoa Kỳ có vẻ phản đối bình đẳng chủng tộc đến vậy, chúng ta phải nhìn xa hơn hành động của các quan chức dân cử hoặc thậm chí những người ở khu vực tư nhân trở nên phát đạt từ sự phân biệt chủng tộc. Chúng ta phải nhìn vào cách xã hội Mỹ được tổ chức dưới chủ nghĩa tư bản.

Chủ nghĩa tư bản là một hệ thống kinh tế dựa trên sự bóc lột của số ít. Do sự bất bình đẳng tổng thể mà nó tạo ra, chủ nghĩa tư bản dựa vào các công cụ chính trị, xã hội và ý thức hệ khác nhau để hợp lý hóa sự bất bình đẳng đó, đồng thời phân chia đa số còn lại, những người có mối bận tâm là đoàn kết để chống lại nó.

Làm thế nào để một phần trăm tinh hoa duy trì sự kiểm soát bất cân đối của mình đối với của cải và tài nguyên trong xã hội Mỹ? Bằng một quá trình chia để trị.

Phân biệt chủng tộc chỉ là một trong số rất nhiều sự áp bức nhằm phục vụ mục đích này. Ví dụ, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc ở Mỹ đã phát triển như một lý do biện minh cho sự nô dịch người châu Phi vào thời điểm mà thế giới đang tôn vinh các khái niệm về khai phóng, tự do và quyền tự quyết.

Sự phi nhân tính hóa và khuất phục người da đen phải được hợp lý hóa trong thời điểm xuất hiện những khả năng chính trị mới. Nhưng mục tiêu trung tâm vẫn là bảo tồn thể chế nô lệ và sự giàu có khổng lồ mà nó tạo ra.

Như Marx đã nhận thấy: Chế độ nô lệ trực tiếp cũng giống như trục xoay của công nghiệp tư bản như máy móc, tín dụng, v.v. Không có nô lệ thì bạn không có bông; không có bông bạn không có ngành công nghiệp hiện đại. Chính chế độ nô lệ đã mang lại giá trị cho các thuộc địa; chính các thuộc địa đã tạo ra thương mại thế giới, và chính thương mại thế giới là tiền đề của công nghiệp quy mô lớn. Vì vậy, chế độ nô lệ là một phạm trù kinh tế có tầm quan trọng lớn nhất.

Marx cũng xác định vị trí trung tâm của lao động nô lệ châu Phi đối với nguồn gốc của chủ nghĩa tư bản khi ông viết rằng việc phát hiện ra vàng và bạc ở châu Mỹ, sự tiêu diệt, nô dịch và chôn táng trong các hầm mỏ của thổ dân, sự khởi đầu của cuộc chinh phục và cướp bóc ở Đông Ấn, công cuộc biến châu Phi thành một hang thỏ khổng lồ cho việc săn bắt thương mại người da đen, đã báo hiệu một bình minh màu hồng của kỷ nguyên sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Chỉ riêng nhu cầu lao động của tư bản có thể giải thích cách phân biệt chủng tộc hoạt động dưới chế độ tư bản. Hành động loại bỏ nhân tính của người châu Phi theo nghĩa đen vì lợi ích lao động đã được sử dụng để biện minh cho sự đối xử khắc nghiệt và địa vị bị suy giảm của họ ở Hoa Kỳ.

Sự mất nhân tính này không chỉ đơn giản kết thúc khi chế độ nô lệ bị bãi bỏ; thay vào đó, dấu hiệu của sự yếu thế in hằn trên làn da đen vẫn kéo dài qua thời giải phóng và đặt nền tảng cho tư cách công dân hạng hai mà người Mỹ gốc Phi phải trải qua trong gần một trăm năm sau chế độ nô lệ.

Sự suy thoái của người da đen cũng khiến người Mỹ gốc Phi dễ bị ép buộc và thao túng hơn về kinh tế - không chỉ đơn thuần là việc "chống người da đen". Sự ép buộc và thao túng bắt nguồn từ nhu cầu tư bản cho nền kinh tế đang phát triển, nhưng tác động của chúng vượt xa cả phạm vi kinh tế. Người da đen bị tước quyền bầu cử, chịu đựng bạo lực vô tội vạ, bị ép phải trở thành lao động cực khổ và được trả lương thấp. Đây là nền kinh tế chính trị sự phân biệt chủng tộc ở Mỹ.

Ngoài ra có một hệ quả khác của sự phân biệt chủng tộc và sự phân biệt đối xử đối với người da đen. Người Mỹ gốc Phi đã bị trục xuất khỏi đời sống chính trị, dân sự và xã hội đến mức gần như bất khả thi cho đại đa số người da trắng bản cùng thuộc tầng lớp lao động có thể nghĩ đến việc đoàn kết với người da đen để thách thức sự cai trị và quyền lực của phe da trắng cầm quyền.

Marx nhận ra sự phân chia cơ bản này trong giai cấp công nhân khi ông nhận xét, “Tại Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, mọi phong trào độc lập của công nhân đều bị tê liệt chừng nào chế độ nô lệ còn làm biến dạng một bộ phận của nền Cộng hòa. Lao động không thể tự giải phóng ở nơi người da trắng trong khi người da đen còn bị đóng sắt nung”.

Marx đã nắm bắt được động lực hiện đại của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc như một phương tiện mà qua đó những người lao động có lợi ích khách quan chung cũng có thể trở thành kẻ thù truyền kiếp vì những ý tưởng tuy chủ quan - nhưng lại có thật - là phân biệt chủng tộc và chủ nghĩa dân tộc. Nhìn vào những căng thẳng giữa công nhân Ireland và Anh, Marx viết:

Mọi trung tâm công nghiệp và thương mại ở Anh đều sở hữu một giai cấp công nhân bị chia thành hai phe thù địch, những người vô sản Anh và những người vô sản Ireland.

Người lao động Anh bình thường ghét công nhân Ireland vì là đối thủ cạnh tranh hạ thấp mức sống của anh ta. Trong mối quan hệ với công nhân Ireland, anh ta cảm thấy mình là một thành viên của quốc gia thống trị và do đó, biến mình thành công cụ của các quý tộc và tư bản của đất nước anh ta chống lại Ireland.

Sự đối kháng này được duy trì một cách giả tạo và được tiếp sức bởi báo chí, linh mục, báo tranh, nói ngắn gọn là bằng mọi cách dưới sự xử lý của các giai cấp thống trị. Sự đối kháng này là bí mật cho sự bất lực của giai cấp công nhân Anh,



bất chấp cách tổ chức của nó. Đó là bí mật giúp nhà tư bản duy trì quyền lực của mình. Và giai cấp đó hoàn toàn nhận thức được điều này.

Đối với những người theo chủ nghĩa xã hội ở Hoa Kỳ, việc thừa nhận tầm quan trọng của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc trong việc phân chia một giai cấp có sức mạnh thực sự để xóa bỏ chủ nghĩa tư bản có nghĩa là những người xã hội chủ nghĩa đã tham gia rất nhiều vào các chiến dịch và phong trào xã hội để chấm dứt phân biệt chủng tộc.

Nhưng trong truyền thống xã hội chủ nghĩa, nhiều người cũng lập luận rằng bởi vì người Mỹ gốc Phi và hầu hết những người không da trắng khác đều nghèo và thuộc tầng lớp lao động một cách không cân xứng, các chiến dịch nhằm mục đích chấm dứt bất bình đẳng kinh tế sẽ ngăn chặn sự áp bức của họ.

Lập trường này bỏ qua cách phân biệt chủng tộc tạo thành cơ sở riêng cho sự áp bức đối với những người không da trắng. Người da đen bình thường và các dân tộc thiểu số không da trắng khác bị áp bức không chỉ vì nghèo đói mà còn vì bản sắc chủng tộc hoặc sắc tộc của họ.

Cũng không có mối tương quan trực tiếp giữa việc kinh tế phát triển hoặc điều kiện kinh tế được cải thiện với việc giảm bất bình đẳng chủng tộc. Trên thực tế, sự phân biệt chủng tộc thường ngăn cản người Mỹ gốc Phi và những người khác tiếp cận đầy đủ các thành quả của sự phát triển kinh tế.

Xét cho cùng, cuộc nổi dậy của người da đen vào thập niên 1960 trùng khớp với thời điểm mà nền kinh tế đang phát triển bùng nổ và mạnh mẽ những năm 1960 - người da đen đang nổi dậy vì họ bị loại khỏi sự sung túc của nước Mỹ.

Việc coi phân biệt chủng tộc chỉ là một sản phẩm phụ của bất bình đẳng kinh tế đã bỏ qua những cách thức mà phân biệt chủng tộc tồn tại như một thế lực độc lập tàn phá cuộc sống của tất cả người Mỹ gốc Phi.

Cuộc đấu tranh chống phân biệt chủng tộc thường xen kẽ với các cuộc đấu tranh cho bình đẳng kinh tế, nhưng phân biệt chủng tộc không chỉ thể hiện qua các câu hỏi kinh tế. Các cuộc đấu tranh chống phân biệt chủng tộc cũng diễn ra để đối phó với các cuộc khủng hoảng xã hội mà cộng đồng người da đen phải trải qua, bao gồm các cuộc đấu tranh chống lại sự phân biệt chủng tộc trong ngành hành pháp, sự tàn bạo của cảnh sát, nhà ở, chăm sóc sức khỏe, bất bình đẳng giáo dục, bất bố hàng loạt và các khía cạnh khác của hệ thống “tư pháp hình sự”.

Những cuộc chiến chống bất bình đẳng chủng tộc này là rất quan trọng, cho cả việc cải thiện cuộc sống của người Mỹ gốc Phi và các dân tộc thiểu số và chủng tộc khác ở ngay tại đây, ngay lúc này; và để chứng minh cho những người da trắng bình thường thấy tác động tàn phá của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc đối với cuộc sống của những người da trắng.

Việc giành được những người da trắng bình thường tham gia một đường lối chống phân biệt chủng tộc là một thành tố quan trọng trong việc xây dựng một phong trào quần chúng thống nhất, chân chính có khả năng thách thức tư bản. Sự thống nhất không thể đạt được bằng cách đề xuất rằng người da đen nên hạ thấp vai trò của phân biệt chủng tộc trong xã hội của chúng ta để không xa lánh người da trắng khỏi phong trào - trong khi chỉ tập trung vào cuộc đấu tranh “quan trọng hơn” chống lại bất bình đẳng kinh tế.

Đây là lý do tại sao các nhóm xã hội chủ nghĩa đa chủng tộc luôn tham gia vào các cuộc đấu tranh chống phân biệt chủng tộc. Điều này đặc biệt đúng trong suốt thế kỷ 20, khi người Mỹ gốc Phi trở thành dân số thành thị nhiều hơn trong cuộc xung đột và cạnh tranh liên tục với người da trắng nhập cư và sinh ra bản địa về việc làm, nhà ở và trường học.

Xung đột bạo lực giữa tầng lớp lao động da đen và da trắng nhấn mạnh mức độ phân chia chủng tộc đã phá hủy mỗi dây đoàn kết cần thiết để thách thức tập thể giới chủ, địa chủ và các quan chức được bầu chọn.

Các nhà xã hội chủ nghĩa đóng vai trò quan trọng trong các chiến dịch chống phân biệt chủng tộc và phân biệt chủng tộc trong hệ thống tư pháp hình sự, như chiến dịch của Scottsboro Boys vào những năm 1930, khi 9 thanh niên Mỹ gốc Phi bị buộc tội cưỡng hiếp hai phụ nữ da trắng ở Scottsboro, Alabama.

Hiệp hội Quốc gia tự do vì sự tiến bộ của người da màu (NAACP) đã miễn cưỡng thụ lý vụ việc, nhưng các phiên tòa Scottsboro đã trở thành ưu tiên của Đảng Cộng sản và Cơ quan bảo vệ pháp lý quốc tế trực thuộc của Đảng.

Một phần của chiến dịch liên quan đến việc đưa các bà mẹ của các cậu bé đi khắp đất nước và sau đó khắp thế giới để thu hút sự chú ý và sự ủng hộ cho họ. Ada Wright - mẹ của hai cậu bé - đã đi đến 16 quốc gia trong sáu tháng vào năm 1932 để kể câu chuyện của con trai mình.

Vì đi du lịch với những người Cộng sản nổi tiếng, cô thường bị cấm phát biểu. Tại Tiệp Khắc, cô bị buộc tội là Cộng sản và bị bỏ tù ba ngày trước khi bị trục xuất khỏi đất nước.

Các nhà xã hội chủ nghĩa cũng tham gia vào các hoạt động đoàn kết giữa những người Mỹ gốc Phi và là trung tâm của các chiến dịch dân quyền ở miền Bắc, miền Nam và miền Tây cho người Mỹ gốc Phi và các nhóm thiểu số bị áp bức khác.

Sự tham gia này giải thích tại sao nhiều người Mỹ gốc Phi lại hướng về chính trị xã hội chủ nghĩa trong suốt cuộc đời của họ - những người theo chủ nghĩa xã hội luôn nêu rõ tầm nhìn về xã hội có thể đảm bảo quyền tự do chân chính cho người da đen.

Vào cuối những năm 1960, ngay cả những nhân vật như Martin Luther King Jr cũng đang mô tả một loại tâm nhìn xã hội chủ nghĩa về tương lai. Trong một bài thuyết trình năm 1966 trước một cuộc họp mặt của tổ chức ông, Hội nghị Lãnh đạo Cơ đốc giáo miền Nam, King nhận xét:

Chúng ta phải thành thật đối mặt với thực tế rằng phong trào phải tự liên hệ chính nó với câu hỏi tái cấu trúc toàn bộ xã hội Hoa Kỳ. Có bốn mươi triệu người nghèo ở đây. Và một ngày nào đó chúng ta phải đặt câu hỏi, "Tại sao có bốn mươi triệu người nghèo ở Mỹ?" Và khi bạn bắt đầu đặt câu hỏi đó, bạn đang đặt ra câu hỏi về hệ thống kinh tế, về sự phân bố của cải rộng rãi hơn. Khi bạn đặt câu hỏi đó, bạn bắt đầu đặt câu hỏi về nền kinh tế tư bản. . .

"Ai sở hữu dầu?" Bạn bắt đầu đặt câu hỏi, "Ai sở hữu quặng sắt?" Bạn bắt đầu đặt câu hỏi, "Tại sao mọi người phải trả tiền nước trong một thế giới có 2/3 là nước?" Đây là những câu hỏi phải được đặt ra.

Khi các phong trào tiếp tục cấp tiến hóa, các nhóm như Black Panthers và Liên đoàn Công nhân Cách mạng Da đen đã tiếp nối truyền thống của Malcolm X khi họ liên kết trực tiếp sự áp bức của người da đen với chủ nghĩa tư bản.

Nhóm Black Panthers và Liên đoàn đã tiến xa hơn Malcolm bằng cách nỗ lực xây dựng các tổ chức xã hội chủ nghĩa với mục đích cụ thể là tổ chức những người da đen thuộc tầng lớp lao động đấu tranh cho một tương lai xã hội chủ nghĩa.

Ngày nay, thách thức đối với những người theo chủ nghĩa xã hội cũng không khác: tập trung tham gia vào các cuộc đấu tranh chống phân biệt chủng tộc đồng thời đấu tranh cho một thế giới tốt đẹp hơn dựa trên nhu cầu của con người chứ không phải lợi nhuận.

<b>CHƯƠNG</b>	<b>Chủ nghĩa xã hội nói gì về phụ nữ? - Một góc nhìn từ Mỹ</b>
<b>9</b>	

*Ngày hôm nay cũng như mọi ngày khác, chúng ta cần chủ nghĩa vị nữ cho đại đa số.*

**Tác giả:** Nicole M. Aschoff

---

Chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa vị nữ có mối quan hệ lâu dài và đôi khi mâu thuẫn.

Các nhà xã hội chủ nghĩa thường bị buộc tội quá coi trọng giai cấp - đặt sự phân tách cấu trúc giữa những người chật vật làm công ăn lương để tồn tại và những người sở hữu tư liệu sản xuất làm trọng tâm của mọi phân tích.

Thậm chí tệ hơn là họ bỏ qua hoặc đánh giá thấp cách các yếu tố trung tâm khác - như phân biệt giới tính, phân biệt chủng tộc hoặc kỳ thị người đồng tính - trong việc định hình thứ bậc quyền lực. Hoặc họ thừa nhận tầm quan trọng của những chuẩn mực và thông lệ tiêu cực này, nhưng cho rằng chúng chỉ có thể được loại bỏ tận gốc sau khi chúng ta thoát khỏi chủ nghĩa tư bản.

Trong khi đó, những người theo chủ nghĩa xã hội cáo buộc các nhà vị nữ chính thống tập trung quá nhiều vào quyền cá nhân hơn là đấu tranh tập thể và phớt lờ sự phân chia cơ cấu giữa phụ nữ. Họ cáo buộc những người theo chủ nghĩa vị nữ chính thống đã tự kết hợp với các dự án chính trị tư sản làm suy giảm quyền tự quyết của phụ nữ lao động hoặc thúc đẩy các nhu cầu của tầng lớp trung lưu mà bỏ qua nhu cầu và mong muốn của phụ nữ nghèo, cả ở bán cầu Bắc và Nam.

Đây là những cuộc tranh luận cũ có từ giữa thế kỷ XIX và Quốc tế thứ nhất, xoay quanh những câu hỏi chính trị sâu sắc về quyền lực và những mâu thuẫn của xã hội tư bản.

Một điều rắc rối hơn là chính trị của chủ nghĩa nữ quyền phức tạp như thế nào bởi bản chất lịch sử của chủ nghĩa tư bản - cách mà phân biệt giới tính được tích hợp một cách năng động vào cả hai quá trình tạo ra lợi nhuận và tái sản xuất của hệ thống tư bản trong một thể thống nhất.

Sự năng động này rất rõ ràng ở thời buổi hiện nay khi một nữ ứng cử viên tổng thống, Hillary Clinton, là sự lựa chọn hàng đầu trong số các triệu phú Hoa Kỳ. Nhưng sự phân chia giữa chủ nghĩa xã hội và vị nữ cuối cùng là một điều không cần thiết.

Sự áp bức phụ nữ trên toàn cầu, là đa chiều - sự phân chia giới tính trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế và xã hội nhấn mạnh lý do tại sao, để giải phóng chúng ta khỏi sự chuyên chế của tư bản, những người xã hội chủ nghĩa cũng phải là những người đấu tranh cho vị nữ.

Trên toàn cầu, 90% nguyên thủ quốc gia là nam giới và tại Diễn đàn Kinh tế Thế giới 2015 chỉ có 17% trong số 2.500 đại biểu có mặt là phụ nữ, trong khi năm 2013 đánh dấu lần đầu tiên phụ nữ nắm giữ 20 ghế trong Thượng viện Hoa Kỳ.

Nhưng sự phân chia giới tính là rất rõ ràng trong toàn xã hội, kể cả ở những quốc gia có quyền bình đẳng và được bảo vệ hợp pháp, cũng như được tiếp cận với nền giáo dục, y tế dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe tương tự như nam giới.

Phụ nữ vượt trội hơn nam giới ở các bậc học cao nhưng họ không đạt được mức độ thành công hoặc giàu có tương đương, vẫn bị gán những khuôn mẫu và ít xuất hiện trên các phương tiện truyền thông đại chúng. Các cuộc tấn công vào quyền sinh sản của phụ nữ vẫn tiếp tục không suy giảm, và sau một thời gian dài đều

đạn giảm trong những năm 1990, tỷ lệ bạo lực đối với phụ nữ không hề thuyên giảm kể từ năm 2005.

Đồng thời, các quyết định về việc cân bằng cuộc sống gia đình và cuộc sống làm việc trở nên khó khăn hơn bao giờ hết trước tình trạng chi phí nhà ở và chăm sóc trẻ em ngày càng gia tăng. Trong năm mươi năm kể từ khi Đạo luật Trả lương Bình đẳng năm 1963 được thông qua, phụ nữ đã tham gia lực lượng lao động một cách đông đảo; ngày nay 60 phần trăm phụ nữ làm việc bên ngoài những công việc nội trợ gia đình. Các bà mẹ đơn thân và đã kết hôn thậm chí còn có nhiều khả năng đi làm hơn, bao gồm 57% các bà mẹ có con dưới một tuổi.

Nhưng những phụ nữ làm việc toàn thời gian vẫn chỉ kiếm được 81% so với những gì nam giới làm - một con số thực ra được thổi phồng lên do mức lương của nam giới giảm nhanh hơn (trừ những người có trình độ đại học) trong những năm gần đây.

Khoảng cách về lương được khớp với sự phân công lao động theo giới tính. Các lĩnh vực bán lẻ, dịch vụ và thực phẩm - trung tâm của sự tăng trưởng việc làm mới - nơi mà phụ nữ chiếm ưu thế và việc nữ giới hóa công việc “chăm sóc” thậm chí còn rõ rệt hơn. Bất chấp những kết quả đạt được gần đây, công việc chăm sóc vẫn bị coi là công việc của phụ nữ và bị đánh giá thấp. Số lượng công việc chăm sóc không tương xứng là mức lương thấp, hợp đồng ngẫu nhiên, trong đó thường xuyên bị sỉ nhục, quấy rối, hành hung và bóc lột tiền lương.

Bên cạnh những khác biệt rõ ràng này giữa trải nghiệm của nam giới và phụ nữ, còn có nhiều tác động sâu xa hơn của phân biệt giới tính. Những người ủng hộ vị nữ lập luận rằng phân biệt giới tính và phân biệt chủng tộc lan tràn khắp mọi góc ngách của xã hội, và chủ yếu được dùng để tôn vinh cách sống của phương Tây.

Ngay từ khi sinh ra, trẻ em trai và trẻ em gái đã được đối xử khác nhau và các định kiến giới được đưa ra trong gia đình, trường học và cuộc sống hàng ngày được duy trì trong suốt cuộc đời của phụ nữ, định hình bản sắc và những lựa chọn trong cuộc sống của họ.

Phân biệt giới tính cũng đóng một vai trò tuy khó thấy hơn nhưng rất quan trọng trong việc kiếm lợi nhuận. Ngay từ đầu, chủ nghĩa tư bản đã dựa vào lao động không được trả công bên ngoài thị trường lao động (chủ yếu là lao động trong gia đình) để cung cấp yếu tố cần thiết cho tích lũy tư bản: người lao động - những người phải được tạo ra, được mặc, được ăn, được xã hội hóa và được yêu thương.

Lao động không được trả công có sự phân biệt giới tính rất cao. Mặc dù đã có nhiều nam giới tham gia vào các công việc gia đình và nuôi dạy con cái hơn trước đây, nhưng tái sản xuất xã hội vẫn chủ yếu thuộc về phụ nữ, những người được cho là sẽ gánh vác những công việc gia đình nặng nề nhất.

Hầu hết phụ nữ cũng lao động được trả lương bên ngoài gia đình, biến công việc ở nhà thành “ca hai”. Theo cách này, phụ nữ bị áp bức gấp đôi - bị bóc lột tại nơi làm việc và không được công nhận là người lao động trong quá trình tái sản xuất sức lao động của xã hội.

Sự phân chia giới tính giữa các giai cấp và dai dẳng - trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế và xã hội - thúc đẩy quan điểm vị nữ thống trị rằng phân biệt giới tính là một thứ khác với chủ nghĩa tư bản, một vấn đề phải được giải quyết riêng.

Trong suốt nhiều làn sóng đấu tranh vì quyền lợi cho phụ nữ, các nhà hoạt động đã theo đuổi nhiều chiến lược khác nhau để chống lại sự phân biệt giới tính và phân chia giới tính. Ngày nay, các nhà vị nữ chính thống hướng tới việc tập trung vào việc đưa phụ nữ lên nắm quyền - cả trong lĩnh vực chính trị và kinh tế - như một cách để giải quyết hàng loạt vấn đề mà phụ nữ phải đối mặt, chẳng hạn như



bất bình đẳng về tiền lương, bạo lực, cân bằng giữa công việc và cuộc sống và xã hội phân biệt giới tính.

Những người phát ngôn nổi tiếng như Sheryl Sandberg, Hillary Clinton, Anne-Marie Slaughter, và nhiều người khác ủng hộ chiến lược “nắm quyền” này. Sandberg - một trong những người có ảnh hưởng nhất trong việc ủng hộ chiến lược này- lập luận rằng phụ nữ cần ngừng sợ hãi và bắt đầu “phá vỡ địa vị” của họ. Bà tin rằng nếu họ làm như vậy thì thế hệ này có thể thu hẹp khoảng cách lãnh đạo và như vậy sẽ khiến thế giới trở thành một nơi tốt đẹp hơn cho tất cả phụ nữ.

Những lập luận nắm quyền nhấn mạnh là nếu phụ nữ nắm quyền, không giống như nam giới, họ sẽ quan tâm thực hiện các chính sách có lợi cho phụ nữ và sự phân chia giới tính giữa các giai cấp trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị và văn hóa sẽ chỉ bị loại bỏ nếu phụ nữ giữ một số vị trí lãnh đạo ngang hàng đối với nam giới.

Việc nhấn mạnh sự thăng tiến của cá nhân như con đường đạt được các mục tiêu của vị nữ không phải là điều mới mẻ, và đã bị chỉ trích bởi nhiều nhà vị nữ bao gồm Charlotte Bunch và Susan Faludi, những người đặt câu hỏi về khái niệm đoàn kết các chị em như một phương thuốc cho sự phân chia giới tính sâu sắc. Như Faludi đã nói, “Bạn không thể thay đổi thế giới vì phụ nữ chỉ bằng cách đưa những gương mặt phụ nữ vào địa vị đứng đầu một hệ thống quyền lực xã hội và kinh tế không có gì thay đổi”.

Các nhà vị nữ xã hội chủ nghĩa như Johanna Brenner cũng chỉ ra cách chủ nghĩa vị nữ chính thống che phủ những căng thẳng sâu sắc giữa phụ nữ:

Chúng ta có thể mô tả một cách tổng quát các mối quan hệ giữa phụ nữ thuộc tầng lớp lao động/phụ nữ nghèo và phụ nữ thuộc tầng lớp trung lưu chuyên nghiệp, những người mà công việc của họ là nâng đỡ và chinh đốn những người

được coi là có vấn đề - người nghèo, người có vấn đề sức khỏe, người lệch khung văn hóa, người lệch lạc tình dục, người thiếu giáo dục. Những căng thẳng giai cấp này đã tràn vào nền chính trị vị nữ khi những người ủng hộ vị nữ thuộc tầng lớp trung lưu tuyên bố đại diện cho phụ nữ thuộc tầng lớp lao động.

Vì vậy, trong khi chúng ta chắc chắn cần phải nhận ra xã hội đương đại phân chia giới tính vẫn còn tồn tại như thế nào thì cũng cần phải nhìn nhận rõ ràng về cách vượt qua những chia rẽ này và quan trọng không kém là nhận ra những hạn chế của một chủ nghĩa vị nữ không thách thức chủ nghĩa tư bản.

Tư bản nuôi dưỡng các chuẩn mực phân biệt giới tính hiện có, làm tăng thêm tính chất bóc lột của công việc làm công ăn lương. Khi tham vọng và mong muốn của phụ nữ bị che đậy hoặc đánh giá thấp, họ sẽ dễ dàng bị lợi dụng hơn. Phân biệt giới tính là một phần trong bộ công cụ của các công ty, cho phép các công ty trả lương cho phụ nữ ít hơn - đặc biệt là phụ nữ da màu - và nếu không thì sẽ phân biệt đối xử với họ.

Nhưng ngay cả khi chúng ta loại bỏ tận gốc chủ nghĩa phân biệt giới tính, những mâu thuẫn cố hữu của chủ nghĩa tư bản vẫn sẽ tồn tại. Việc phụ nữ bước lên các vị trí quyền lực là điều quan trọng và cần thiết, nhưng điều này sẽ không làm thay đổi sự phân chia cơ bản giữa người lao động và chủ sở hữu - giữa phụ nữ ở cấp cao nhất và phụ nữ ở cấp dưới.

Điều đó sẽ không thay đổi thực tế là hầu hết phụ nữ thấy mình trong những công việc bấp bênh, lương thấp, vốn là rào cản lớn hơn nhiều đối với sự thăng tiến và một cuộc sống thoải mái so với sự phân biệt giới tính trong lĩnh vực kinh tế hoặc chính trị. Nó sẽ không làm thay đổi sức mạnh của động cơ lợi nhuận và việc các công ty buộc phải cung cấp cho người lao động các tiêu chuẩn kinh tế, xã hội và văn hóa tối thiểu cho phép.

Tất nhiên, xã hội không thể giảm bớt mối quan hệ tiền lương, và sự phân chia theo giới là có thật và dai dẳng. Coi trọng vấn đề giai cấp có nghĩa là giải tỏa sự áp bức đối với phụ nữ trong điều kiện vật chất mà họ sống và làm việc, đồng thời thừa nhận vai trò của phân biệt giới tính trong việc định hình cuộc sống công việc và cuộc sống gia đình của phụ nữ.

Phong trào vị nữ - cả hiện thân của “phúc lợi xã hội” và sự cấp tiến đương đại của nó - đã đạt được những thành tựu đáng kể. Thách thức bây giờ là hai vấn đề: bảo vệ những chiến thắng nhọc nhằn này và làm cho tất cả phụ nữ có thể thực sự tận hưởng chúng, và thúc đẩy những tiến bộ mới, cụ thể, nhằm giải quyết mối quan hệ phức tạp giữa phân biệt giới tính và tạo ra lợi nhuận.

Không có câu trả lời đơn giản nào cho việc làm thế nào để hoàn thành những mục tiêu song sinh này. Trước đây, phụ nữ đã thu được nhiều lợi ích nhất khi đấu tranh cho cả quyền của phụ nữ và quyền của người lao động - liên kết cuộc chiến chống phân biệt giới tính với cuộc chiến chống tư bản.

Như Eileen Boris và Anelise Orleck lập luận, trong những năm 1970 và 1980, “các nhà vị nữ công đoàn đã giúp khởi động hồi sinh một phong trào phụ nữ, làm dấy lên những yêu cầu mới về quyền của phụ nữ ở nhà, nơi làm việc và trong các công đoàn”. Tiếp viên hàng không, công nhân may mặc, giáo viên và người giúp việc gia đình đã thách thức phong trào công đoàn do nam giới thống trị (không có người phụ nữ nào ngồi trong ban điều hành AFL-CIO cho đến năm 1980) và trong quá trình này đã tạo ra một chủ nghĩa vị nữ mới, mở rộng hơn.

Phụ nữ trong công đoàn đã tạo ra một lĩnh vực khả năng mới bằng cách không chỉ đòi hỏi mức lương cao hơn và cơ hội bình đẳng mà còn cả việc chăm sóc con cái, lịch làm việc linh hoạt, nghỉ mang thai và những lợi ích khác thường bị anh em công đoàn của họ bỏ qua hoặc đánh giá thấp.

Đây là hướng đi mà cả những người theo chủ nghĩa xã hội và vị nữ nên tự định hướng cho bản thân - hướng tới những cuộc đấu tranh và đòi hỏi thách thức cả động lực của tư bản và các chuẩn mực phân biệt giới tính đã ăn sâu vào chủ nghĩa tư bản.

Các cuộc đấu tranh và yêu cầu để đạt được điều này là rất cụ thể và hiện vẫn đang được đấu tranh. Ví dụ, cuộc đấu tranh giành được sự chăm sóc y tế có giá thành hợp lý - chính sách sẽ cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe như một quyền lợi cho mọi người từ khi còn nhỏ bất kể khả năng chi trả của họ - là một nhu cầu làm suy yếu cả sự phân biệt giới tính lẫn quyền lực của tư bản để kiểm soát và đàn áp các tổ chức công nhân. Ngoài ra có nhiều nhu cầu ngắn hạn cụ thể khác kết hợp các mục tiêu của vị nữ và chủ nghĩa xã hội, bao gồm giáo dục đại học miễn phí, chăm sóc trẻ em miễn phí và thu nhập cơ bản phổ quát kết hợp với mạng lưới an sinh xã hội vững chắc.

Những cải cách này sẽ tạo cơ sở cho các mục tiêu cấp tiến hơn, nhằm xóa bỏ phân biệt giới tính, bóc lột và phổ biến hóa đời sống xã hội. Ví dụ: các dự án nhằm tăng cường quyền kiểm soát tập thể, dân chủ đối với các thể chế tập trung vào cuộc sống gia đình, trường học và nơi làm việc của chúng ta - trường học, ngân hàng, nơi làm việc, chính quyền thành phố, các cơ quan nhà nước và địa phương - sẽ mang lại cho tất cả phụ nữ và nam giới nhiều quyền lực, quyền tự chủ hơn và khả năng cho một cuộc sống tốt đẹp hơn.

Chiến lược chống tư bản này là một chiến lược chứa đựng khả năng thay đổi triệt để mà phụ nữ cần.

Cuối cùng, các mục tiêu của chủ nghĩa vị nữ cấp tiến và chủ nghĩa xã hội là giống nhau - công bằng và bình đẳng cho tất cả mọi người, không chỉ đơn giản là cơ hội bình đẳng cho phụ nữ hay sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong một hệ thống bất công.

<b>CHƯƠNG</b>	<b>Chủ nghĩa xã hội có thân thiện với môi trường không?</b>
<b>10</b>	

*Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, ta sẽ đưa ra quyết định về việc sử dụng tài nguyên một cách dân chủ, và tập trung nhiều hơn vào giá trị mang lại cho con người, thay vì giá trị thặng dư.*

**Tác giả:** Alyssa Battistoni

---

Chủ nghĩa tư bản đang tàn phá môi trường sống của chúng ta. Biến đổi khí hậu có nguy cơ làm thay đổi hành tinh của chúng ta ngoài sức tưởng tượng, nhấn chìm các khu dân cư ven biển, khiến hạn hán và các đợt nắng nóng trở nên trầm trọng hơn, cũng như gia tăng hiện tượng thời tiết khắc nghiệt.

Tất nhiên, những tác động khủng khiếp nhất đang giáng xuống những người nghèo nhất trên thế giới. Đánh bắt quá mức đã đẩy nghề đánh cá đến sụp đổ; nguồn cung cấp nước ngọt ngày càng khan hiếm ở các khu vực là nơi sinh sống của một nửa dân số thế giới; lượng phân bón lớn sử dụng trong canh tác công nghiệp làm cạn kiệt chất dinh dưỡng của đất trồng; rừng đang bị san lấp với tốc độ đáng kinh ngạc để nhường chỗ cho cây trồng hoa màu và các trang trại chăn nuôi gia súc; tỷ lệ tuyệt chủng có thể so sánh với con số của tận thế thiên thạch thời tiền sử.

Đây không phải là những vấn đề có thể được khắc phục bằng cách đổi loại bóng đèn bạn sử dụng. Hoạt động của con người đã biến đổi toàn bộ hành tinh tới mức đe dọa môi trường sống của chính chúng ta - trong đó có những người bị ảnh hưởng nhiều hơn người khác. Nhưng nếu bạn chỉ ra rằng nguyên nhân không phải là nhân loại, mà là tại chủ nghĩa tư bản, bạn sẽ nghe thấy một lời phản biện

quen thuộc: chủ nghĩa xã hội cũng có hại cho môi trường đó! Sản xuất ở Liên Xô cũng chạy bằng nhiên liệu hóa thạch, đất nông nghiệp cũng bị suy thoái, các dòng sông cũng bị ô nhiễm, và những khu rừng rộng lớn cũng bị tàn phá mà.

Đúng là lịch sử vấn đề môi trường của Liên Xô khó có thể tạo được nhiều niềm tin. Nhưng điều đó không có nghĩa là chủ nghĩa tư bản có thể giải quyết các vấn đề môi trường của chúng ta, như các doanh nhân trường phái công nghệ xanh (bright green environmentalism) tuyên bố, hoặc xã hội công nghiệp hiện đại phải bị loại bỏ hoàn toàn, như quan điểm một số người trường phái hệ thống xanh (dark green environmentalism). Chủ nghĩa tư bản chắc chắn có thể tồn tại trong điều kiện môi trường ngày càng tồi tệ, ít nhất là trong một thời gian - nhưng nó sẽ tồn tại trong điều kiện gia tăng sự phân biệt sinh thái, tức sự an toàn và thoải mái cho những người giàu có và sự khan hiếm ngày càng tăng đối với phần còn lại.

Tuy nhiên, giấc mơ xã hội chủ nghĩa ở thế kỷ 20 về việc tối đa hóa sản xuất nhằm theo đuổi sự dư thừa và bình đẳng dường như càng ngày càng khó thực hiện. Những người theo chủ nghĩa Marxist cho rằng chủ nghĩa cộng sản sẽ xuất hiện trong bối cảnh các điều kiện siêu dư thừa hậu tư bản: một khi các động cơ tư bản hoạt động rầm rộ, chúng có thể bị chiếm đoạt (bởi giai cấp công nhân) để đem lại lợi ích cho tất cả mọi người. Nhưng những động cơ ấy giờ không thể chạy bằng nhiên liệu hóa thạch nữa, và chủ nghĩa tư bản tiêu dùng đương đại không phải là sự dư thừa mà chúng ta từng nghĩ tới. Chúng ta không những cần chiếm đoạt các tư liệu sản xuất mà còn phải chuyển đổi chúng.

Chúng ta cũng cần một tầm nhìn khác về tương lai so với những gì cánh tả đưa ra gần đây. Chủ nghĩa cánh tả môi trường gần đây đã có xu hướng nghiêng về vô chính phủ - không tin tưởng vào sản xuất quy mô lớn và quyền lực tập trung, cho dù là tư nhân hay nhà nước. Điều này không có gì đáng ngạc nhiên - bởi vì các vấn đề môi trường rất cụ thể, chúng thường cần các giải pháp cục bộ ở quy mô

nhỏ. Nhưng biến đổi khí hậu và các cuộc khủng hoảng môi trường khác phát sinh từ các hệ thống sản xuất và tiêu dùng toàn cầu là những vấn đề mang tính hệ thống của kinh tế chính trị; việc giải quyết chúng sẽ đòi hỏi nhiều thứ hơn là chỉ các phương pháp thay thế nhỏ lẻ. Và các vấn đề môi trường không tôn trọng biên giới chính trị: sự phụ thuộc lẫn nhau về mặt sinh thái là một lời nhắc nhở khác rằng sự bền vững sẽ chỉ đến nhờ sự đoàn kết toàn cầu.

Chủ nghĩa xã hội ở thế kỷ XXI nên hướng tới tương lai nào? Làm thế nào chúng ta có thể có được một xã hội công bằng mà không dựa vào nhiên liệu hóa thạch hay các hình thức tàn phá môi trường khác?

Để tìm ra câu trả lời, những người theo chủ nghĩa xã hội nên nhìn vào mối quan tâm truyền thống của nữ quyền xã hội chủ nghĩa đến các điều kiện sống. Những người theo nữ quyền xã hội chủ nghĩa từ lâu đã kêu gọi sự chú ý đến lao động tái sản xuất - những hoạt động cần thiết để tái tạo sức lao động của cả cá nhân và qua các thế hệ, chẳng hạn như giáo dục, chăm sóc trẻ em, nội trợ và chuẩn bị thực phẩm. Các cuộc đấu tranh về tái sản xuất xã hội tập trung vào các nhu cầu và khả năng của cuộc sống bên ngoài nhà máy, và cũng dạy chúng ta nhiều điều về cách tổ chức các cách sống mới. Chúng ta cũng cần coi trọng tái tạo sinh thái - để nhận ra hoạt động của các hệ sinh thái giúp trái đất phù hợp với sự sống của con người, và chăm sóc chúng cho phù hợp.

Trong khi một số nhà xã hội chủ nghĩa mong muốn sự dư thừa cho tất cả mọi người, thì các nhà bảo vệ môi trường lại có xu hướng coi việc tiêu dùng quá mức như một thủ phạm chính gây suy thoái môi trường. Nhưng không phải tất cả tiêu dùng đều giống nhau. Chủ nghĩa tư bản dựa vào các yếu tố đầu vào rẻ dưới hình thức lao động rẻ và khai thác tự nhiên để tạo ra hàng hoá rẻ. Kết quả là hệ thống luôn giảm thiểu cả chi phí và tiêu chuẩn về môi trường và lao động. Hàng hóa rẻ không nhất thiết là xấu, nhưng chúng không nên phải trả giá bằng cuộc sống của người lao động và hệ sinh thái. Mục tiêu của một xã hội xã hội chủ nghĩa không

phải là tìm hãm tiêu dùng bình dân, mà là tạo ra một xã hội chú trọng chất lượng cuộc sống hơn số lượng vật chất.

Chúng ta cần tìm cách sống sang trọng nhưng cũng nhẹ nhàng, đẹp đẽ hơn là khổ hạnh. Thay vì một chu kỳ làm việc và mua sắm bất tận, cuộc sống trong một tương lai xã hội chủ nghĩa các-bon thấp sẽ được định hướng xoay quanh các hoạt động làm cho cuộc sống tươi đẹp và viên mãn nhưng đòi hỏi ít tiêu tốn tài nguyên: đọc sách, dạy, học, làm nhạc, xem biểu diễn, khiêu vũ, chơi thể thao, đến công viên, đi bộ đường dài, dành thời gian cho nhau.

Hệ thống hàng hóa công mạnh mẽ giúp chúng ta có thể tận hưởng những tiện nghi cộng đồng, đồng thời giảm các hình thức tiêu dùng tư nhân lãng phí. Điều đó có nghĩa là nhà ở công cộng mà ai cũng có khả năng chi trả; hệ thống giao thông miễn phí, rộng khắp cả trong và giữa các thành phố với nhau để mọi người có thể đi lại mà không cần sở hữu ô tô; công viên và vườn rộng rãi giúp thư giãn sau cuộc sống thường ngày; hỗ trợ cho văn hóa nghệ thuật dưới nhiều hình thức; và không gian phong phú cho mục đích giáo dục và giải trí công cộng, như thư viện, sân bóng rổ và nhà hát. Các thành phố thường được coi là một phần quan trọng của tương lai xanh, do khả năng sử dụng năng lượng hiệu quả cho mật độ lớn. Nhưng các thành phố xanh không chỉ đòi hỏi quy hoạch đô thị và các tòa nhà cao tầng. Chủ nghĩa xã hội phải giành lại thành phố như một không gian để đấu tranh và đoàn kết nhằm theo đuổi các nhu cầu và mong muốn - cung cấp các nguồn lực công như một phương tiện để giải phóng con người và đem đến sự hưng thịnh, cũng như đảm bảo rằng nơi công cộng là không gian của vẻ đẹp và niềm vui.

Các nhà tư bản hứa hẹn rằng công nghệ sẽ giải quyết các vấn đề môi trường. Các giải pháp công nghệ không phải là thuốc chữa bách bệnh, nhưng chúng ta cũng không thể phó mặc công nghệ cho tư bản: các dự án xã hội chủ nghĩa không tưởng từ lâu đã hình dung ra một thế giới tốt đẹp hơn được xây dựng từ sự kết



hợp khả năng của con người, thiên nhiên và công nghệ. Và một số công nghệ hiện tại – từ các nguồn năng lượng sạch, đến công nghệ sinh học – hứa hẹn sẽ là một phần của tương lai bền vững hơn. Nhưng một khi chúng vẫn bị kiểm soát bởi tư nhân, chỉ được sản xuất khi đem lại lợi nhuận, và chỉ những người có thể chi trả mới tiếp cận được, thì tiềm năng của chúng sẽ chỉ được khai thác khi chúng phục vụ các nhà tư bản. Một xã hội xã hội chủ nghĩa sẽ hỗ trợ nghiên cứu các vấn đề dù các giải pháp không mang lại lợi nhuận, và đảm bảo rằng các công nghệ kết quả được đưa vào sử dụng vì lợi ích chung.

Vấn đề năng lượng có tính chất trọng yếu – năng lượng chiếm một nửa tổng lượng khí thải các-bon và tạo nên tảng cho cuộc sống hiện đại ở mọi khía cạnh. Các công nghệ năng lượng tái tạo và đặc biệt là điện mặt trời, hứa hẹn sẽ là nguồn năng lượng sạch dồi dào. Nhưng trong khi năng lượng mặt trời thường được mời chào là có quy mô nhỏ và mang tính dân chủ, các công ty tư nhân cũng đang lắp ráp các trang trại năng lượng mặt trời khổng lồ và coi mình như một ngọn cờ đi đầu cho tương lai năng lượng sạch. Trong khi đó, việc giảm thiểu quy định và việc tư nhân hóa hạ tầng kỹ thuật điện trong kỷ nguyên tân tự do đã làm tê liệt khả năng xây dựng cơ sở hạ tầng công một cách hệ thống, tạo tiền đề cho quá trình chuyển đổi năng lượng sạch. Một xã hội xã hội chủ nghĩa sẽ có khả năng lựa chọn sử dụng nguồn năng lượng nào và quá trình chuyển đổi diễn ra nhanh hay chậm, dựa trên cơ sở hiểu biết về các lợi ích môi trường, sức khỏe và nhu cầu xã hội, chứ không phải là tỷ suất lợi nhuận. Chúng ta sẽ có khả năng sản xuất năng lượng sạch trên quy mô lớn và xây dựng cơ sở hạ tầng cần thiết để cung cấp năng lượng sạch với giá cả phải chăng cho tất cả mọi người.

Đồng thời, bản thân các công nghệ mới không tạo nên sự tiến bộ như những tuyên bố tự tán dương của các công ty công nghệ. Ví dụ: thiết bị điện tử y tế mới không phải lúc nào cũng đồng nghĩa với dịch vụ chăm sóc tốt hơn; iPad không làm tăng chất lượng giáo dục – trên thực tế, điều ngược lại thường xảy ra. Một xã

hội xã hội chủ nghĩa sẽ đưa ra các quyết định về việc sản xuất và triển khai các công nghệ mới dựa trên các mục tiêu được lựa chọn một cách dân chủ, thay vì sản xuất và tiêu thụ một cách lãng phí để giữ cho các ngành công nghiệp có lãi. Chẳng hạn, chúng ta có thể đảm bảo rằng mọi người đều được sử dụng điện sạch, giá rẻ trước khi dành nguồn lực để sản xuất đồ chơi điện tử cho giới giàu.

Sẽ vẫn có các hoạt động khai thác, các nhà máy điện quy mô lớn và các nhà máy công nghiệp trong một chủ nghĩa xã hội bền vững. Một số trong số này sẽ xấu xí; một số thì sẽ làm xáo trộn hệ sinh thái bản địa. Nhưng thay vì đổ lỗi những tác hại của nền sản xuất hiện đại lên những người có ít khả năng để chống lại nhất - chẳng hạn như công nhân, cộng đồng da màu và cộng đồng bản địa - chúng ta sẽ đưa ra quyết định có ý thức, rằng tác hại nào sẽ xảy ra, ở đâu và như thế nào; ưu tiên tham vấn quan điểm và nhu cầu của những người đã phải chịu đựng chúng. Chúng ta hãy coi vị trí các dự án là thứ gì đó có ý nghĩa hơn là miếng đất hoang tàn, và nhận ra rằng sự hiện diện của máy móc và công nghiệp không có nghĩa là sự tàn phá. Chúng ta có thể trả các chi phí để tối thiểu hóa thiệt hại về môi trường, thay vì cố cắt giảm các khoản để đánh bại đối thủ cạnh tranh.

Chủ nghĩa tư bản bắt đầu bằng cách quây rào các nguồn lực chung lại để sử dụng cho lợi ích tư và tước đoạt nó từ những người sử dụng trước đây. Sở hữu tập thể về tư liệu sản xuất phải bao gồm sở hữu chung về đất đai, đại dương và bầu khí quyển. Điều đó có nghĩa là không chỉ chia sẻ tài nguyên mà các không gian đó tạo ra, mà còn cùng nhau quyết định cách chúng nên được sử dụng. Một xã hội xã hội chủ nghĩa có thể sử dụng kiến thức khoa học về khả năng của hệ sinh thái để quản lý và điều chỉnh việc sử dụng những không gian đó, thay vì nhượng bộ cho sự ngẫu hứng của các ngành công nghiệp: chúng ta sẽ lắng nghe 98% các nhà khoa học nói rằng biến đổi khí hậu do con người đang xảy ra, thay vì những lời dối trá của những nhà vận động hành lang ngành nhiên liệu hóa thạch.

Dưới chủ nghĩa xã hội, chúng ta sẽ đưa ra các quyết định về việc sử dụng tài nguyên một cách dân chủ, quan tâm đến nhu cầu và giá trị của con người hơn là tối đa hóa lợi nhuận. Chủ nghĩa xã hội bền vững về mặt sinh thái không phải là sự bảo tồn một khái niệm lý tưởng hóa về thiên nhiên nguyên sơ. Đó là sự lựa chọn thế giới mà chúng ta tạo ra và sống trong, cũng như việc công nhận rằng chúng ta chia sẻ thế giới ấy với các loài khác. Một thế giới đáng sống là một thế giới mà mọi người đều có thể có một cuộc sống tốt đẹp thay vì tranh giành để sống sót.

Thế giới đó sẽ cần rừng và các nhà máy, cần nơi trú ẩn hoang dã và các thành phố. Chúng ta sẽ tìm cách cung cấp cho mọi người công việc tốt, nhưng chúng ta cũng sẽ làm việc ít hơn; chúng ta sẽ suy nghĩ về những công việc thực sự cần phải hoàn thành thay vì tạo ra việc làm chỉ để giữ cho mọi người không thất nghiệp. Chúng ta sẽ chọn giữ một số không gian không có mục đích sử dụng của con người; và bảo vệ các không gian cho động vật hoang dã, đồng thời là một nơi để mọi người có thể thoát khỏi cuộc sống thành phố, dành thời gian trong các hệ sinh thái đã được phục hồi. Chúng ta sẽ hướng tới mục tiêu sản xuất đủ để mọi người có cuộc sống giàu có và no ấm, thay vì hy vọng hão huyền vào tích lũy giàu có tư. Khi nhu cầu được cung cấp đầy đủ, chúng ta có thể nhận ra tiềm năng của mình trong bối cảnh quan hệ xã hội nhân nhĩ với con người và loài khác, vật chất đủ cho tất cả, và thời gian đủ cho những gì chúng ta muốn làm.

<b>CHƯƠNG</b>	<b>Kết thúc chiến tranh tư bản - Góc nhìn từ Mỹ</b>
<b>11</b>	

*Những người theo chủ nghĩa xã hội tôn vinh các nạn nhân của chiến tranh và đấu tranh cho một thế giới hoà bình.*

**Tác giả:** Jonah Birch

---

Vào tháng 6 năm 1918, Eugene Debs đã có một bài phát biểu khiến ông phải ngồi tù. Trong bài phát biểu tại Canton, Ohio, lãnh đạo Đảng Xã hội Mỹ đã tố cáo Tổng thống Woodrow Wilson và việc ông đã dẫn dắt Hoa Kỳ tham gia thế chiến I.

Đối với Debs, cuộc tàn sát hàng loạt đã hoành hành khắp châu Âu trong 4 năm đẫm máu là một cuộc xung đột xảy ra vì quyền lợi của các nhà tư bản, nhưng người đổ máu lại là công nhân. Ở mỗi quốc gia, những người giàu đã tuyên chiến và đứng nhìn để kiếm lợi từ nó; nhưng chính những người nghèo đã bị đẩy ra chiến trường và hàng triệu người như họ đã chết.

Debs đã nói với khán giả của mình rằng điều này vẫn luôn xảy ra chừng nào mà quân đội vẫn còn được cử đi chiến đấu với nhau nhân danh một vị vua hoặc một quốc gia. Ông nói: “Các cuộc chiến trong suốt lịch sử đã được tiến hành để chinh phục và cướp bóc. “Giai cấp thống trị luôn khởi xướng các cuộc chiến tranh còn giai cấp phục tùng luôn luôn tham gia vào các trận chiến. Trong cuộc chiến thì giai cấp thống trị có được mọi thứ mà không mất cái gì, trong khi giai cấp bị trị thì chẳng có được cái gì, và có thể mất đi mọi thứ- đặc biệt là mạng sống của họ”.

Thông điệp của Debs gửi tới những người lao động rất đơn giản: kẻ thù của họ không phải là người dân Đức, những người lính thuộc tầng lớp lao động mà họ

đang bị đem ra để giết người; mà đó chính những người cai trị, ở cả hai bên, đã ra lệnh cho quân đội vào trận chiến. Chính các nhà tư bản và đại diện của họ trong các chính phủ Mỹ và Đức, những người mà sự giàu có và quyền lực đã cho họ quyền kiểm soát hàng triệu người.

Bài phát biểu của Debs quá sức đối với các nhà chức trách ở Hoa Kỳ - họ đã bắt ông theo luật mới hạn chế tự do ngôn luận, Đạo luật gián điệp năm 1917 và kết án ông mười năm tù. Đáng chú ý rằng trong cuộc bầu cử năm 1920, Debs tranh cử tổng thống theo tấm vé của Đảng Xã hội trong khi ngồi trong một nhà tù liên bang Atlanta, và vẫn giành được gần một triệu phiếu bầu.

Trong ví dụ về Debs, chúng ta có thể thấy được những ý tưởng cốt lõi trong cách tiếp cận của phong trào xã hội chủ nghĩa đối với vấn đề chiến tranh. Những người theo chủ nghĩa xã hội luôn coi xu hướng của chủ nghĩa tư bản đối với các cuộc chiến tranh chinh phục và cướp bóc là biểu hiện cuối cùng cho sự tàn bạo của hệ thống. Trong việc tổ chức bạo lực nhà nước ở quy mô chưa từng có, chúng ta thấy xu hướng của chủ nghĩa tư bản là hạ thấp nhu cầu của con người theo logic của lợi nhuận và quyền lực. Trong khoảng cách giữa lời hứa về bình đẳng dân chủ và thực tế của áp bức giai cấp mà chiến tranh thể hiện, chúng ta thấy sự bất công căn bản làm nên trật tự xã hội của chúng ta.

Dưới chủ nghĩa tư bản, sự bóc lột chủ yếu diễn ra thông qua thị trường. Chính mối quan hệ hợp đồng bề ngoài không mang tính ép buộc giữa người lao động và người sử dụng lao động đã che giấu sự bất bình đẳng sâu sắc hơn về giai cấp. Nhưng sức mạnh gây chiến của nhà nước tư bản vẫn cần thiết cho sự vận hành lành mạnh của hệ thống. Các nhà tư bản ở các quốc gia như Hoa Kỳ vẫn dựa vào quân đội của chính phủ của họ, vừa để thực thi "luật chơi" trong nền kinh tế toàn cầu và giúp họ cạnh tranh hiệu quả hơn với các giai cấp thống trị khác.

Để chống lại tình trạng này, những người theo chủ nghĩa xã hội ủng hộ việc tổ chức các phong trào quần chúng chống lại các cuộc chiến tranh của chính phủ. Chúng ta tham gia vào cuộc đấu tranh chống lại những hạn chế về quyền tự do ngôn luận và các quyền dân chủ khác chắt chắt đi kèm với những cuộc chiến này. Để chống lại những lời kêu gọi “đoàn kết dân tộc”, chúng tôi đấu tranh cho sự đoàn kết quốc tế và tổ chức giai cấp mạnh mẽ hơn để đấu tranh cho quyền lợi của công nhân. Về lâu dài, chúng tôi đặt mục tiêu chuyển những phong trào này thành một cuộc đấu tranh rộng lớn hơn nhằm chuyển đổi căn bản xã hội theo con đường dân chủ.

Không nơi nào mà cách tiếp cận này quan trọng hơn ở Hoa Kỳ - quốc gia tư bản hùng mạnh nhất thế giới. Ngày nay, Mỹ chi tiêu cho quân sự nhiều hơn cả 7 quốc gia có mức chi tiêu cao nhất tiếp theo cộng lại. Chính phủ này có khoảng tám trăm căn cứ quân sự nước ngoài. Lính Mỹ hay quân đồng minh có mặt ở mọi khu vực trên toàn cầu.

Trong hơn một thế kỷ rưỡi qua, nhà nước Hoa Kỳ đã tiến hành các cuộc chiến tranh tàn bạo thay mặt cho một đế chế đang lớn mạnh, từ Chiến tranh Tây Ban Nha-Hoa Kỳ năm 1898 đến các cuộc xâm lược Afghanistan và Iraq gần đây. Nó đã can thiệp nhiều lần ở châu Phi, châu Á và châu Mỹ Latinh để bảo vệ lợi ích kinh doanh và ngăn chặn các phong trào có thể đe dọa quyền kiểm soát của nó đối với các nguồn lực quan trọng hoặc phá hoại sự ổn định của hệ thống tư bản toàn cầu.

Thông thường những cuộc viễn chinh này được mô tả là cần thiết để mang lại tự do và dân chủ cho các nước bị áp bức, hoặc để bảo vệ công dân Mỹ khỏi nguy hiểm. Tuy nhiên, ghi chép lịch sử lại kể một câu chuyện khác.

Ngay vào thời điểm Chiến tranh Tây Ban Nha-Mỹ năm 1898, vốn được nhiều người coi là bình minh của chủ nghĩa đế quốc Mỹ hiện đại, chính phủ Hoa Kỳ đang xâm lược Cuba, Puerto Rico và Philippines với danh nghĩa giải phóng dân

tộc của họ khỏi ách thống trị của chủ nghĩa thực dân Tây Ban Nha. Sau khi chiến thắng đã được bảo đảm, Washington quyết định biến ba vùng lãnh thổ đó thành nơi bảo hộ của Mỹ (hoặc trong trường hợp Puerto Rico, một thuộc địa hoàn toàn), họ đưa ra lời đảm bảo rằng họ chỉ có những ý định nhân từ nhất.

Và khi cư dân của những quốc gia đó đòi hỏi những lời hứa về tự do và dân chủ theo nghĩa đen, Hoa Kỳ quyết định không có lựa chọn nào khác ngoài việc bóp chết các cuộc đấu tranh giành độc lập phổ biến đang nổi lên. Ở Philippines, một cuộc nổi dậy theo chủ nghĩa dân tộc nổ ra vào năm 1899 đã bị dập tắt với cái giá là hàng trăm nghìn sinh mạng của người dân Philippines.

Trong mọi cuộc chiến từ đó đến nay, khuôn mẫu vẫn giống nhau. Chính phủ Hoa Kỳ tham gia Thế chiến thứ nhất vào năm 1917 (sau khi Wilson thắng cuộc bầu cử năm 1916 trên cơ sở những cam kết chống chiến tranh của ông) để "làm cho thế giới an toàn cho nền dân chủ", đồng thời cử Thủy quân lục chiến đến khắp Châu Mỹ Latinh để bảo vệ các lợi ích kinh tế và chính trị của tư bản. Nó đã chiến đấu trong Chiến tranh thế giới thứ hai để "giải phóng thế giới của chế độ chuyên chế", nhưng đã dành những năm hậu chiến tranh để can thiệp các cuộc bầu cử ở Ý, tài trợ cho một cuộc nội chiến tàn khốc ở Hy Lạp và ủng hộ Iran.

Nó đã gửi hàng triệu người đến ngôi mộ của họ ở Hàn Quốc và Đông Nam Á để "cứu" người dân ở đó khỏi chủ nghĩa Cộng sản, đồng thời cài đặt các chế độ độc tài tàn bạo ở cả Nam Việt Nam và Hàn Quốc. Trong khi đó, các nhà hoạch định chính sách của Mỹ đã âm thầm tổ chức lật đổ các chính phủ dân chủ và bình dân trên toàn cầu - từ Mohammad Mosaddegh ở Iran đến Patrice Lumumba ở Congo và Salvador Allende ở Chile.

Để biện minh cho các chiến dịch này, các quan chức Mỹ thường dùng đến sự phân biệt chủng tộc ác ý. Tướng William Westmoreland đã từng biện minh cho sự tàn bạo của các lực lượng mà ông lãnh đạo ở Việt Nam bằng cách nói rằng "Người

phương Đông không đặt giá cao tính mạng như người phương Tây. . . chúng tôi coi trọng cuộc sống và phẩm giá con người. Họ không quan tâm đến cuộc sống và phẩm giá con người. "

Ở mọi khía cạnh, chính phủ Mỹ đã thể hiện cam kết đối với dân chủ và tự do ở nước ngoài một cách nồng nặc như cam kết bình đẳng ở trong nước. Một lần nữa, nó đã chứng minh rằng nỗi sợ hãi về sự kiểm soát dân chủ đối với các nguồn tài nguyên của thế giới sâu xa hơn so với luận điệu ủng hộ dân chủ của nó.

Như Henry Kissinger, người từng là cố vấn chính sách đối ngoại cho ba đời tổng thống, nói về những nỗ lực của chính quyền Nixon nhằm lật đổ chính phủ xã hội chủ nghĩa được bầu cử của Chile: "Tôi không hiểu tại sao chúng ta cần đứng nhìn một đất nước trở thành cộng sản bởi vì sự vô trách nhiệm của chính người dân của mình. " Điều tương tự cũng xảy ra đối với những nỗ lực của những năm 1980 nhằm làm suy yếu các chính phủ cánh tả ở Nicaragua nhỏ bé và thậm chí là Grenada nhỏ bé hơn.

Gần đây hơn, mô hình này đã được lặp lại ở Trung Đông - hiện là chiến trường trung tâm của Mỹ và các đối thủ cạnh tranh đế quốc của họ, vì vai trò là trung tâm sản xuất dầu toàn cầu của nước này.

Nếu các cuộc chiến ở Iraq và Afghanistan ban đầu được giới tinh hoa biện minh là cần thiết để bảo vệ mạng sống của người Mỹ, tiêu diệt Al Qaeda và tiêu diệt chủ nghĩa khủng bố, thì họ đã không đạt được mục tiêu nào trong số đó. Họ cũng không tạo ra các chính phủ dân chủ ở cả hai quốc gia.

Ngược lại, hàng trăm nghìn sinh mạng bị mất trong các cuộc chiến này chỉ làm mất ổn định khu vực và tăng cường chia rẽ giáo phái. Thay vì hỗ trợ các phong trào dân chủ, Hoa Kỳ đã ủng hộ các chế độ độc tài ở Ai Cập và Bahrain, đồng thời giúp củng cố các chế độ quân chủ độc ác và phản động nhất ở Ả Rập Xê Út và Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất.



Hoa Kỳ cũng đã cho phép Israel leo thang bạo lực hàng ngày (với các vụ giết người hàng loạt diễn ra thi thoảng ở Gaza), chiếm đóng và mở rộng khu định cư, để người Palestine phải trả giá. Và nó đã ngồi bên chứng kiến khi các bên tranh chấp trong cuộc nội chiến Syria, một cuộc tàn sát đã nhấn chìm cuộc đấu tranh vì dân chủ của người Syria trong máu của hàng trăm nghìn công dân.

Với phạm vi và quy mô bạo lực của đế quốc Mỹ, điều cốt yếu là các nhà xã hội chủ nghĩa ở Hoa Kỳ phải phản đối các biện pháp can thiệp quân sự của chính phủ họ. Lập trường như vậy là cần thiết cho bất kỳ sự đoàn kết nào của giai cấp công nhân chân chính. Mỗi khi chính phủ Mỹ cho nổ tung tiệc cưới ở Afghanistan hoặc giúp bảo vệ một đội quân giết người ở Iraq; mỗi khi nó giam ai đó đến thối rữa trong nhà tù ở Afghanistan hoặc Vịnh Guantanamo; mỗi khi nó cho phép CIA tra tấn tù nhân; nó làm cho sự đoàn kết giai cấp xuyên biên giới trở nên ít khả thi hơn.

Tại sao công nhân ở các nước khác phải liên minh với những người ở Hoa Kỳ, nơi khiến họ đang bị ném bom và chiếm đóng? Lý do là vì người Mỹ tiếp thu một tinh thần chủ nghĩa dân tộc đậm đặc - một thứ tất yếu đi cùng với âm mưu của chính phủ họ ở nước ngoài. Điều này khiến cho sự xuất hiện của một phong trào dựa trên giai cấp chống lại áp bức và bóc lột trở thành bất khả thi.

Trong khi đó, vị thế của người lao động Mỹ chỉ ngày càng xấu đi. Khi hàng trăm tỷ đô la được chi để tấn công các quốc gia trên toàn cầu, ngân sách không còn đủ cho các chương trình phúc lợi xã hội có thể giúp những người trong nước.

Sự lãng phí xương máu và tài nguyên, nạn phân biệt chủng tộc, và các cuộc nổi dậy phản động là nguyên nhân của các cuộc chiến tranh ở nước ngoài đều gây thiệt hại cho người lao động ở Hoa Kỳ. Vào thời điểm mà hàng triệu người Mỹ đang phải chịu cảnh thất nghiệp và nghèo đói, thì hơn 2 nghìn tỷ USD chi cho cuộc xâm lược và chiếm đóng Iraq dường như ngày càng trở nên vô nghĩa.

Tất cả những điều này có nghĩa là phong trào lao động Hoa Kỳ có động lực vật chất để chống lại động lực gây chiến của chính phủ. Chính vì lý do đó mà những người theo chủ nghĩa xã hội cho rằng một phong trào của giai cấp công nhân quốc tế chống lại chiến tranh và chủ nghĩa đế quốc không chỉ là cần thiết mà còn là điều có thể thực hiện được.

Tuy nhiên, nếu những người theo chủ nghĩa xã hội ở một quốc gia như Hoa Kỳ phản đối các cuộc chiến do chính phủ của họ gây ra, điều đó không có nghĩa là họ theo chủ nghĩa hòa bình - nghĩa là họ phản đối tất cả các cuộc chiến tranh hoặc có lập trường nguyên tắc chống lại bất kỳ hình thức bạo lực nào. Câu hỏi đặt ra là ai đang tiến hành cuộc chiến và nhân danh những lợi ích hay chính sách nào.

Như nhà lý thuyết quân sự thế kỷ 19 Carl von Clausewitz đã lưu ý rằng “Chiến tranh là sự tiếp nối của chính trị bằng các phương thức khác”. Clausewitz có ý rằng để hiểu đặc điểm của một cuộc chiến nhất định, bạn phải hiểu rằng các phe tranh chiến là ai, và mục đích của họ là gì. Tất nhiên, Clausewitz, một tướng quân Phổ trong Chiến tranh Napoléon, không phải là một người cực đoan cánh tả, nhưng quan điểm cơ bản của ông là một điều quan trọng mà những người theo chủ nghĩa xã hội phải hiểu.

Phong trào xã hội chủ nghĩa muốn xóa bỏ chiến tranh vì nó tàn bạo và phi lý - một sự lãng phí nhân mạng và tài nguyên xã hội tạo ra sức tàn phá to lớn. Nhưng trong một thế giới đầy rẫy sự bóc lột và áp bức, người ta phải phân biệt giữa bạo lực của những người đấu tranh để duy trì sự bất công với bạo lực của những người đấu tranh chống lại sự bất công.

Chẳng hạn, người ta không thể nhầm lẫn bạo lực của chế độ phân biệt chủng tộc Nam Phi với bạo lực của các phần tử vũ trang của Đại hội Dân tộc Phi của Nelson Mandela. Tương tự như vậy đối với bạo lực của quân đội Mỹ trong Chiến tranh

Việt Nam - cuộc chiến cuối cùng đã giết chết khoảng 3,5 triệu người - và của Mặt trận Giải phóng Dân tộc Việt Nam, lực lượng đã chiến đấu giải phóng Việt Nam khỏi sự thống trị của Pháp và Mỹ.

Đối với phong trào xã hội chủ nghĩa, mệnh đề của Clausewitz chỉ ra sự cần thiết phải đánh giá bất kỳ cuộc chiến tranh nào trên cơ sở lợi ích mà nó phục vụ. Không phải ngẫu nhiên mà các nhà xã hội chủ nghĩa như Marx và Engels ủng hộ phe Liên minh trong Nội chiến Mỹ, nhận ra rằng mặc dù Lincoln đã tuyên bố ý định chỉ thống nhất đất nước mà không xóa bỏ chế độ nô lệ, thì một cuộc chiến chống Liên minh miền Nam nhất thiết sẽ trở thành một cuộc chiến chống lại giai cấp chủ đồn điền.

Trên thực tế, như Lincoln - người vào những năm 1840 phản đối Chiến tranh Mexico-Mỹ vì ông coi đây là nỗ lực mở rộng chế độ nô lệ sang các vùng lãnh thổ mới - đã nhận ra rằng, miền Bắc Mỹ chỉ có thể thành công bằng cách huy động nô lệ trong cuộc chiến giành tự do cho chính họ.

Điều này không có nghĩa là các nhà xã hội chủ nghĩa coi bạo lực là một công cụ - mà như người ta vẫn thường tuyên bố, rằng “mục đích biện minh cho công cụ”. Trong nỗ lực của để đạt được loại thay đổi mà chúng ta tìm kiếm, bạo lực chỉ có thể làm suy yếu mục đích của ta về lâu dài; chúng ta không bao giờ có thể hy vọng sánh được với khả năng bạo lực của nhà nước tư bản, và phong trào của chúng ta sẽ chỉ bị suy yếu chừng nào cuộc đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội chuyển từ xung đột xã hội và chính trị thành xung đột quân sự.

Chúng ta cũng không nhất thiết phải ủng hộ các chính phủ chỉ vì họ xung đột với chính phủ Mỹ: chúng ta không bào chữa cho bạo lực của đế quốc, chẳng hạn, của Nga và Trung Quốc, đơn giản chỉ vì họ đôi khi gây hấn với các nhà cầm quyền Mỹ.

Về cơ bản hơn, điều cần phải làm rõ ràng là sự ủng hộ của chúng ta đối với các nhóm đấu tranh chống lại sự áp bức của họ, dưới bàn tay của chính phủ Hoa Kỳ

hoặc bất kỳ ai khác, không có nghĩa là chúng tôi luôn ủng hộ vô điều kiện những lực lượng này.

Người ta chỉ cần nhìn vào mức độ bất bình đẳng ngày càng tăng và sự xâm nhập ngày càng tăng của chủ nghĩa tư bản toàn cầu ở Nam Phi kể từ khi chế độ phân biệt chủng tộc sụp đổ, hoặc ở Việt Nam kể từ khi giải phóng, để thấy rằng ngay cả những cuộc đấu tranh thắng lợi cũng không cần tạo ra một kết quả thực sự công bằng. Thật vậy, trong khi bày tỏ sự đoàn kết với các phong trào thách thức sự áp bức, những người theo chủ nghĩa xã hội phải sẵn sàng chỉ trích những người tiến hành các cuộc đấu tranh này, bất cứ khi nào cần thiết – cho dù lời phê bình đó được đưa ra trên cơ sở chính trị, chiến lược hay thậm chí đạo đức đi chăng nữa.

Nhưng chúng ta cũng không đối xử với tất cả các bên trong một cuộc xung đột cụ thể như thể chúng giống nhau. Trên hết, chúng ta phản đối vai trò của chính phủ chúng Mỹ trong việc tuyên truyền chiến tranh hoặc mở rộng ảnh hưởng quân sự và chính trị của nó, với cái giá phải trả cho các tầng lớp lao động trên thế giới. Như nhà cách mạng người Đức Karl Liebknecht đã đưa nó vào một bài phát biểu trong Thế chiến thứ nhất, chúng ta hiểu rằng “kẻ thù chính đang ở nhà.”

Trên cơ sở đó, chúng ta hy vọng sẽ tạo ra một phong trào quốc tế chủ nghĩa không chỉ có thể thách thức một sự can thiệp cụ thể của đế quốc mà còn có thể đe dọa đến chính nền tảng của một hệ thống gây ra chiến tranh và bạo lực hàng loạt trên quy mô chưa từng có trong lịch sử.

Ngày nay, Cánh tả quá yếu để hoàn thành mục tiêu đó. Ở Hoa Kỳ, phong trào lao động thiếu khả năng hoạt động bền vững chống lại chiến tranh. Nhưng ví dụ của Eugene Debs cho chúng ta thấy là có một lịch sử lâu dài về sự phản đối triệt để chủ nghĩa đế quốc mà từ đó chúng ta có thể tạo ra hy vọng và nguồn cảm hứng.

Truyền thống chống chủ nghĩa đế quốc của cánh tả đó vẫn tồn tại sau khi chính Debs qua đời. Nếu nó bị mất nhiệt huyết trong những năm Chiến tranh Lạnh do phe phái McCarthy đàn áp sau Thế chiến II thì nó cũng đã được hồi sinh trong những năm 1960 và 1970. Những nhân vật như Martin Luther King Jr ngày càng trở thành những tiếng nói có ảnh hưởng trong việc chỉ trích chiến tranh Việt Nam. Mặc dù ông thường được miêu tả là một nhà đạo đức thiếu suy nghĩ, tiền thân của chủ nghĩa tự do đa văn hóa, nhưng King thực sự là một người có tầm nhìn xa trông rộng mà nền chính trị ngày càng trở nên cấp tiến song song với phong trào mà ông lãnh đạo.

Không có gì thể hiện chủ nghĩa cấp tiến đang gia tăng đó tốt hơn quyết định công khai phản đối Chiến tranh Việt Nam của ông - một động thái mà ngay cả các cố vấn thân cận nhất của ông cũng khuyến cáo không nên vì những hậu quả chính trị tiềm tàng của nó.

Bỏ qua lời khuyên của họ, vào ngày 4 tháng 4 năm 1967, đúng một năm trước khi bị ám sát, Martin Luther King đã có bài phát biểu gây tranh cãi nhất trong sự nghiệp của mình. Phát biểu tại Nhà thờ Riverside ở New York, ông đã lên tiếng phản đối Chiến tranh Việt Nam và kêu gọi chính quyền Johnson ngừng chiến dịch ném bom chưa từng có và bắt đầu cuộc rút lui nửa triệu lính Mỹ ở Đông Nam Á.

Chỉ trích "sự điên rồ" trong chính sách của chính quyền Dân chủ, King tập trung vào sự tàn bạo đáng kinh ngạc mà những người dân thường ở Việt Nam phải đối mặt dưới bàn tay của quân đội Mỹ. Ông kết luận: "Họ phải coi người Mỹ là những người giải phóng kỳ lạ, khi cuộc giải phóng được cho là liên quan đến việc ủng hộ các chính phủ tham nhũng, phi dân chủ, phá hủy toàn bộ làng mạc, làm tàn phá vùng nông thôn bằng bom napalm và chất độc da cam, và giết hại phụ nữ, trẻ em và người già.

Và điều gì xảy ra với những người lính Mỹ, những đứa trẻ thuộc tầng lớp lao động áp đảo được rút ra từ các cộng đồng nông thôn nghèo đói và những khu ổ chuột thành thị biệt lập? Nhận thấy số lượng người Mỹ gốc Phi bị giết và chết trong các đầm lầy ở Việt Nam nhiều hơn gấp vài lần so với lính da trắng, King đã chỉ trích nghiêm khắc chính quyền vì “bắt những thanh niên da đen, những người đã bị xã hội của chúng ta làm cho tàn tật, và gửi họ đi tám nghìn dặm để đảm bảo quyền tự do trong Đông Nam Á mà họ chưa tìm thấy ở tây nam Georgia và Đông Harlem.”

King chỉ ra rằng hy vọng về nỗ lực thực sự chống lại đói nghèo ở Hoa Kỳ được truyền cảm hứng từ chương trình Xã hội vĩ đại của Johnson đã bị phá hủy do bạo lực leo thang ở Việt Nam. Ông đã kết luận rằng một chiến dịch xóa đói giảm nghèo thực sự tại quê nhà là không thể thực hiện được, “chừng nào những cuộc phiêu lưu như Việt Nam vẫn tiếp tục lôi kéo những người đàn ông, kỹ năng và tiền bạc như một cái ống hút ma quỷ, hủy diệt nào đó”.

Trước tất cả những điều này, King nói rằng ông không thể giữ im lặng được nữa, bất chấp sức ép mạnh mẽ từ các đồng minh được cho là của ông trong chính quyền Johnson để tránh những chỉ trích của công chúng đối với chính sách Việt Nam của chính phủ. So sánh quy mô đáng kinh ngạc của bạo lực ở Việt Nam với mức độ tàn phá tương đối nhỏ do một loạt các cuộc bạo động nổ ra ở nhiều thành phố lớn của Mỹ - vốn đã khiến báo chí bàn tán xôn xao về mối đe dọa từ “những kẻ cực đoan da đen” - King mô tả nhận thức của mình “rằng tôi không bao giờ có thể lên tiếng phản đối bạo lực của những người bị áp bức trong các khu ổ chuột mà không phê bình kẻ gây bạo lực lớn nhất trên thế giới hiện nay: chính phủ của tôi”. Vài ngày sau, ông tuần hành trong một cuộc biểu tình lớn chống chiến tranh ở Công viên Trung tâm của New York.

Bài phát biểu của King, được hậu thế gọi là “Vượt ra ngoài Việt Nam,” khiến ông chịu sự giận dữ từ ngay cả những nhân vật đáng mến của nền tự do trước đây.

Ông đã bị loại khỏi chuyến thăm dự kiến với Johnson tại Nhà Trắng. Một trong những cố vấn của tổng thống đã viết một cách riêng tư rằng King đã “ném đi số mạng của mình cùng với bọn cộng sản.”

Trong khi đó, ông bị tấn công trong các bài xã luận xuất hiện ngày hôm sau trên 168 tờ báo lớn. Tờ New York Times viết rằng việc ông tố cáo chiến tranh là "lãng phí và tự chuốc lấy thất bại". Tờ Washington Post đã làm tốt hơn, nói về King, “ông ta đã làm giảm bớt sự hữu ích của mình đối với sự nghiệp, đất nước và người dân của mình”.

Điều mà King hiểu là phân biệt chủng tộc và bất bình đẳng trong nước, và chiến tranh ở nước ngoài, có mối liên hệ với nhau. Sự công nhận này khiến ông đứng ở vị trí đối nghịch với những người ủng hộ nhiệt tình của ông, những người mà sự hiện trạng đã kết thúc ngay khi dấu hỏi được đặt lên vị trí của Mỹ là cường quốc mạnh nhất thế giới.

Tuy nhiên, khi đối mặt với những câu hỏi này và thách thức những người bạn cũ của mình, King đang đối đầu với một loạt vấn đề mà bất kỳ phong trào xã hội quần chúng nào đạt được những tiến bộ nghiêm trọng ở Hoa Kỳ cuối cùng sẽ phải đối mặt: người ta không thể nói về thay đổi xã hội ở quê hương trong khi phớt lờ sự tàn sát do chính sách đối ngoại của Mỹ tạo ra. Đối với cánh tả của Hoa Kỳ, và đặc biệt là bất kỳ phong trào xã hội chủ nghĩa nào trong tương lai ở đây, đó là một bài học đáng học hỏi.

<b>CHƯƠNG</b>	<b>Tại sao chủ nghĩa xã hội lại quan tâm tới dân lao động tới vậy?</b>
<b>12</b>	

*Người dân lao động là trái tim của hệ thống tư bản. Và đó chính là lý do họ cũng là trung tâm của chính trị xã hội chủ nghĩa.*

**Tác giả:** Vivek Chibber

---

Hầu hết mọi người đều biết rằng chủ nghĩa xã hội đặt giai cấp lao động vào trung tâm thị kiến chính trị của mình. Nhưng chính xác thì tại sao? Khi tôi đặt câu hỏi này tới các sinh viên và thậm chí kể cả các nhà hoạt động, tôi nhận được vô số câu trả lời, nhưng câu trả lời phổ biến nhất lại liên quan đến khía cạnh đạo đức - các nhà xã hội chủ nghĩa nghĩ rằng người lao động là đối tượng phải chịu đựng nặng nề nhất dưới chế độ tư bản, khiến tình thế của họ trở thành vấn đề quan trọng nhất để chú tâm.

Tất nhiên, giờ đây điều này là đúng, rằng người lao động đối mặt với đủ sự thiếu thốn vật chất, và bất cứ phong trào công lý xã hội nào phải coi điều này như một vấn đề trọng yếu. Nhưng nếu lập luận này là tất cả, nếu lập luận này là lý do duy nhất khiến ta chú trọng vào giai cấp, thì lập luận này sẽ dễ dàng sụp đổ.

Lý do là vì có rất nhiều nhóm quần chúng phải chịu đựng sự bóc lột và bất công - nhóm người thiểu số, phụ nữ, người khuyết tật. Tại sao lại chỉ tính đến người lao động? Tại sao ta không nói rằng tất cả các nhóm ngoài lề và bị áp bức nên trở thành đối tượng trung tâm của xã hội chủ nghĩa?

Do vậy vẫn còn nhiều điều cần chú trọng về giai cấp hơn chỉ là luận điểm về đạo đức. Lý do các nhà xã hội chủ nghĩa tin tưởng rằng việc tổ chức giai cấp phải là



trung tâm của chiến lược chính trị khả thi cũng phải được cân nhắc cùng hai nhân tố thực tiễn khác: một chẩn đoán về những nguyên nhân của sự bất công trong xã hội, và một sự tiên lượng về những phương án tốt nhất để thúc đẩy sự thay đổi cho một hướng đi tiến bộ hơn.

## **CHỦ NGHĨA TƯ BẢN SẼ KHÔNG GIÚP TA GIÀU CÓ**

Có rất nhiều điều mà con người cần để có thể có một cuộc sống tốt đẹp. Nhưng có hai điều cực kì cốt yếu. Đầu tiên là một vài sự đảm bảo về mặt vật chất - những thứ như thu nhập, nhà ở, và chăm sóc sức khoẻ cơ bản. Thứ hai là sự tự do khỏi thống soát xã hội - nghĩa là nếu như bạn phải chịu sự kiểm soát từ ai đó, nếu họ quyết định nhiều điều quan trọng thay bạn, thì bạn sẽ dễ bị lạm dụng.

Vậy nên trong một xã hội mà hầu hết mọi người không có sự đảm bảo về việc làm, hoặc có việc nhưng không thể đảm bảo nhu cầu sống cơ bản khiến họ buộc phải rơi vào vòng kiểm soát của kẻ khác, khiến họ không có tiếng nói trong việc tạo ra luật lệ và quy tắc - thì công bằng xã hội là điều bất khả.

Chủ nghĩa tư bản là một hệ thống kinh tế phụ thuộc vào việc lấy đi những điều kiện tiên quyết quan trọng này khỏi tay của phần lớn dân số. Người lao động đến làm việc mỗi ngày và nhận thức rằng họ có thể dễ dàng mất việc. Tiền lương của họ thì chỉ được trả để phục vụ lợi ích của chủ doanh nghiệp, đó là tạo lợi nhuận, chứ không phải một cuộc sống tốt cho người lao động; người dân lao động làm theo nhịp độ và thời lượng được đặt ra bởi chủ doanh nghiệp; họ phục tùng những điều kiện này, không phải vì họ muốn, mà bởi với hầu hết công nhân thì nếu họ không phục tùng thì họ sẽ mất việc và bị thất nghiệp. Điều này không phải vô tình, hay trường hợp ngoại lệ của chủ nghĩa tự bản. Nó chính là tính chất giúp định nghĩa nên hệ thống tư bản.

Quyền lực kinh tế và chính trị chính nằm trong tay của chủ nghĩa tư bản, với mục đích duy nhất là tối đa hoá lợi nhuận. Điều này cũng có nghĩa là điều kiện sống

của người lao động, trong trường hợp khả quan nhất, là mối quan tâm hàng thứ với giới tư sản. Điều này cũng có nghĩa là bản chất của cả hệ thống tư bản là sự không công bằng.

## **NĂM LẤY QUYỀN**

Điều này có nghĩa là bước đầu để khiến xã hội của chúng ta trở nên nhân văn và công bằng hơn là giảm sự bất ổn và bóc lột vật chất của rất nhiều con người, và cải thiện phạm vi tự quyết của họ. Nhưng ta sẽ ngay lập tức gặp phải một vấn đề - sự kháng cự chính trị của đám tinh hoa.

Quyền lực không được phân bố đồng đều trong hệ thống tư bản. Các nhà tư sản quyết định ai được tuyển, ai sẽ bị sa thải, và ai làm việc lâu dài. Điều này không phải do người lao động quyết định. Các nhà tư sản cũng có nhiều quyền lực chính trị nhất, bởi họ có thể làm những việc như vận động hành lang, tài trợ cho các chiến dịch chính trị và các đảng chính trị.

Và chính vì họ là những kẻ được lợi từ hệ thống, nên tại sao họ cần khuyến khích sự thay đổi bên trong nó, khi những sự thay đổi chắc chắn sẽ làm giảm quyền lực chính trị và lợi nhuận của họ? Câu trả lời là họ không thích các thách thức đối với hệ thống tư bản, và họ sẽ làm tất cả để có thể giữ nguyên hiện trạng.

Các phong trào cải cách tiến bộ đã liên tục thấy rằng bất cứ khi nào họ cố gắng đấu tranh thay đổi để nhắm tới công lý, họ sẽ phải đương đầu với quyền lực tư bản.

Bất cứ cải cách nào yêu cầu tái phân bổ thu nhập, hoặc mở rộng an sinh xã hội - dù là chăm sóc sức khỏe, quy tắc môi trường, lương tối thiểu hay chương trình việc làm - đều sẽ luôn bị cản trở bởi giới giàu có, bởi bất kỳ biện pháp nào như vậy đều sẽ dẫn tới sự sụt giảm nguồn thu (thuế) hoặc lợi nhuận của họ.

Điều này có nghĩa là các nỗ lực cải cách tiến bộ buộc phải tìm một nguồn hỗ trợ, một nguồn quyền lực sẽ cho phép họ vượt qua sự kháng cự của giới chủ và các chân rế chính trị của nó.

Giai cấp lao động có được quyền lực này bởi lý do rất đơn giản - giới chủ chỉ có thể có lợi nhuận nếu người lao động đến làm mỗi ngày, và nếu họ không làm vậy, tài sản sẽ bốc hơi trong đêm. Và chỉ có một điều thu hút sự quan tâm của giới chủ, đó là khi dòng tiền ngưng chảy.

Các hành động như đình công không chỉ có thể khiến đám tư sản quỳ gối, mà còn có thể có tác động lớn hơn thế, ảnh hưởng tới cả hàng hàng lớp lớp các cơ quan phụ thuộc vào hệ thống tư bản - bao gồm cả chính phủ.

Khả năng đập nát toàn bộ hệ thống, chỉ nhờ việc dừng lao động, cho phép người lao động có một lợi thế mà không một nhóm xã hội nào có, chỉ trừ chính chủ tư sản.

Đây chính là lý do vì sao, để các thay đổi xã hội cần vượt qua được sự phản đối của tư bản - điều ta đã học được qua ba thế kỉ - thì việc quan trọng nhất chính là tổ chức công nhân để họ có thể sử dụng quyền lực của mình.

Người lao động vì thế không chỉ là một nhóm xã hội bị áp bức và bóc lột một cách có hệ thống trong xã hội hiện đại, họ cũng là nhóm xã hội có vị trí quan trọng để kích hoạt sự thay đổi thực sự và yêu cầu nhượng bộ từ trung tâm quyền lực - giới ngân hàng và công nghiệp, những kẻ vận hành hệ thống tư bản.

Họ chính là nhóm tương tác với giới chủ mỗi ngày và họ gắn bó chặt chẽ với cuộc đấu tranh lâu dài với giới chủ, vì họ chính là một phần của hệ thống tư bản. Họ là nhóm duy nhất phải đấu tranh với giới chủ nếu họ muốn cải thiện điều kiện sống của chính mình. Chẳng có lực lượng nào hợp lý hơn giai cấp công nhân để tổ chức phong trào chính trị.

Và điều này không phải chỉ là lý thuyết. Nếu ta nhìn lại những điều kiện trong các cuộc cải cách sâu rộng từ một thế kỉ qua, những cuộc cải cách cải thiện đời sống vật chất của người nghèo, hoặc trao cho họ nhiều quyền hơn trong thị trường - tất cả đều luôn luôn được đặt trên nền tảng huy động bởi giai cấp công nhân. Điều này không chỉ đúng với các biện pháp đối xử công bằng của nhà nước phúc lợi, mà với cả những hiện tượng như quyền dân sự và cuộc đấu tranh cho quyền bầu cử.

Bất cứ phong trào nào mở rộng lợi ích cho người nghèo, dù là người thiểu số hay đa số, đàn ông hay đàn bà, đều phải dựa trên sự huy động người lao động. Điều này đúng ở tất cả mọi nơi, từ Bắc Bán cầu tới phía Nam Bán cầu.

Chính nhờ khả năng yêu cầu sự nhượng bộ từ giới tư sản đã khiến giai cấp lao động trở nên vô cùng quan trọng trong chiến lược chính trị. Tất nhiên, sự thật rằng người lao động là thành phần đa số trong mọi xã hội tư sản và việc họ bị bóc lột một cách có hệ thống chỉ khiến việc đấu tranh trở nên cấp bách hơn. Sự kết hợp giữa đạo đức và các lực lượng chiến lược chính là những yếu tố đã đặt giai cấp lao động vào trung tâm của nền chính trị xã hội chủ nghĩa.

<b>CHƯƠNG PHỤ</b>	<b>Người lao động là nhân tố chủ chốt</b>
<b>12.1</b>	

*Bất chấp mối đe dọa của tự động hóa và sự yếu kém của lao động có tổ chức, người lao động vẫn nắm giữ chìa khóa để giành chiến thắng trong sự thay đổi xã hội.*

**Người phỏng vấn:** Jason Farbman

*Văn bản biên tập này mô tả nửa sau của cuộc trò chuyện, Vivek Chibber (VC) và Jason Farbman (JF) thảo luận về sự bấp bênh và những thay đổi trong thành phần người công nhân, về việc các nhà xã hội chủ nghĩa nên nghĩ thế nào về công đoàn, làm sao để phe Tả có thể rời bỏ khuôn viên đại học để tiến vào thực tiễn đấu tranh nơi nhà máy, công sở, đường phố và hơn thế nữa.*

---

JF: Trong bài viết của mình trong sách, ông có nói rằng chủ nghĩa tư bản không thể hoàn thành lời hứa của chính nó. Khi các phê phán về chủ nghĩa tư bản trở nên chính thống, thường có các ý kiến cho rằng "hậu chủ nghĩa tư bản" đã chệch khỏi hướng đi, hoặc rằng đó là không phải là vấn đề của chủ nghĩa tư bản mà là của chủ nghĩa tân tự do - tức là một chủ nghĩa tư bản đã phát triển một cách hỗn loạn. Lập luận của ông là rằng chủ nghĩa tư bản chắc chắn sẽ ra bất bình đẳng, và kết quả là nó chắc chắn sẽ gây ra mâu thuẫn giai cấp.

VC: Có hai cách để xem xét vấn đề này. Bạn đúng về việc cho rằng mọi thứ giờ đây được coi là chủ nghĩa tân tự do. Nó đã trở thành nền tảng cho mọi điều được coi là phân tích thực tế trong xã hội hiện đại.

Một phần bởi nhiều diễn ngôn cánh tả thường được thống trị bởi giới phi lợi nhuận và học thuật, và chủ nghĩa tư bản vẫn là điều không nên bàn luận. Vậy nên bạn cần một cách khác để nói về tư bản, bạn sẽ nói rằng "Chà, ta không cần phải

lo về chủ nghĩa tư bản nói chung đâu - thứ ta cần lo là Chủ nghĩa Reagan, Chủ nghĩa Thatcher."

Chẳng nghi ngờ gì, phiên bản hiện tại của chủ nghĩa tư bản rõ ràng là vô nhân tính, chắc chắn vô nhân tính hơn rất nhiều cái hình thái đi trước nó. Đó là một lý do vì sao bạn không thường thấy từ khoá chủ nghĩa tư bản xuất hiện quá thường xuyên. Nhưng đầu tiên, ta cần phải hiểu rằng, nếu ta so phiên bản chủ nghĩa tư bản hiện tại với phiên bản trước đó của nó trong lịch sử thì chúng đều tương tự. Chúng ta đang quay trở lại hình thái bản thể của chủ nghĩa tư bản. Đó là một hệ thống nơi tất cả mọi người đều bị ném vào thị trường, và được bảo rằng "Chết chìm hoặc tự bơi đi để mà sống. Điều đó tùy thuộc vào mày."

Từng có thời kỳ có những sự tương trợ xã hội, hoặc một vài thể loại bảo hiểm xã hội, hoặc những nền tảng an sinh cơ bản, cụ thể là nhà nước phúc lợi - đó là thời kỳ những năm 30s và 40s. Tuy nhiên thì hình thái này lại khác với chuẩn mực của chủ nghĩa tư bản. Và giờ với chủ nghĩa tân tự do, ta đang quay trở lại với chủ nghĩa tư bản ở hình thái nguyên thủy của chính nó.

Có hai phương diện có thể được sử dụng để soi chiếu vấn đề. Đầu tiên, trên phương diện quy mô tuyệt đối: liệu chủ nghĩa tư bản ở cấp độ tuyệt đối có thực sự chối từ những nhu cầu của con người trên phương diện thường ngày hay không? Câu trả lời là, với phần lớn dân số thế giới, chúng đã từ chối - và đã thất bại. Thất bại bởi phần với thế giới giờ đây đang trong trạng thái của một hình thái xã hội thị trường vô cùng rời rạc và tàn bạo. Ở Ấn Độ, Trung Quốc, Châu Phi, Trung Đông, phần lớn con người đang sống lắt léo. Không phải tự nhiên mà vậy; đó là bởi họ phải làm việc cho những ông chủ vốn chẳng quan tâm gì tới họ. Vì thế trên phương diện tuyệt đối, với đa phần thế giới, chủ nghĩa tư bản đang thất bại.

Nhìn vào phương diện quy mô tương đối. Trong các quốc gia như Hoa Kỳ hay Tây u, tất nhiên người nghèo và người lao động đã có được nhiều điều cho mình, và cuộc sống thực sự khá đàng hoàng. Nhưng khi ta nói về quy mô tương đối - không chỉ xem xét nó tương đối như thế nào với phần còn lại của thế giới mà tương đối với cả việc họ có thể sống như thế nào trong tình trạng sản xuất, tình trạng công nghệ, và tình trạng cơ sở hạ tầng vật chất của đất nước - liệu họ có cơ hội sống tốt hơn hiện giờ? Câu trả lời là chắc chắn rồi.

Cuối cùng, trên khía cạnh rằng người lao động phương Tây đã có được một cuộc sống tốt hơn, điều này xảy ra là bởi họ đoàn kết sức mạnh của mình. Lý do nhà nước phúc lợi trỗi dậy tại phương Tây trong thời gian đó là bởi những phong trào đấu tranh mạnh mẽ và bạo lực, khi đó, công đoàn đã cố gắng dành lấy những sự thoả hiệp trên từ giới chủ theo cách chưa từng xảy ra trước đó.

Chừng nào còn chủ nghĩa tư bản thì bạn sẽ không chỉ phải chiến đấu cho mọi thứ bạn có, nhưng những gì bạn sở hữu sẽ luôn bị đe dọa bởi giới chủ - những kẻ không bao giờ muốn bạn leo lên cùng đẳng cấp với chúng.

Cuộc đấu tranh tôi đã nói, sự đối kháng giữa giới chủ và người lao động, do đó, đã trở thành một phần của hệ thống. Bạn không xoá bỏ được nó. Đó là lý do vì sao các nhà xã hội chủ nghĩa đã nói rằng, bạn có thể có một loại chủ nghĩa tư bản văn minh hơn, và bạn nên đấu tranh cho loại chủ nghĩa tư bản văn minh hơn đó, nhưng cũng như tể bào ung thư: bạn có thể tiếp tục hoá trị, bạn có thể chống lại những tế bào ung thư đang phát triển, nhưng chúng sẽ luôn quay trở lại.

JF: Lập luận chính của bài viết là người lao động là nhân tố cách mạng xã hội chính yếu. Hiểu người lao động là gì là vô cùng quan trọng.

Trong năm năm vừa qua, ta đã thấy sự bùng nổ của các phong trào đấu tranh xã hội. Phong trào Chiếm phố Wall là nơi khởi đầu, và thật kì diệu: Nó đã đặt ra tư tưởng về 01 phần trăm chống lại 99 phần trăm còn lại, đã thực sự hữu dụng bởi

đột nhiên ta nghe hàng triệu người nói về những hố sâu rộng lớn, sự bất bình đẳng cực kì chênh lệch ở mọi cấp độ xã hội.

Đồng thời, điều này củng cố ý tưởng về giai cấp rằng là nó phải phụ thuộc vào thu nhập. Điều này không thực sự đúng với ý của ta. Vậy như thế nào mới là một người lao động?

VC: Thông điệp một phần trăm chống lại phần còn lại là một công cụ hùng biện rất hữu hiệu, và điều đó khiến “phần còn lại” trở thành một khái niệm tiêu cực đối với bất cứ ai không ở trong một phần trăm kể trên. Câu nói này có giả định rằng họ không chỉ nghèo hơn một phần trăm kia, mà họ còn có thể cùng đoàn kết và trở thành một nhóm xã hội hiệu quả.

Một khía cạnh rất nhỏ của vấn đề là thực sự đúng: Đó là chín mươi chín phần trăm dân số có cùng chung lợi ích. Nhưng một phần lớn trong số 99 phần trăm đó là những người mà ta không bao giờ gọi là dân lao động. Họ có thể là giới chủ, họ sẽ là những người có sự tự chủ, sở hữu phương tiện sản xuất riêng của chính mình, và do đó, với một số người họ, giống như quản lý, kể cả khi họ không ở trong một phần trăm kia, thì công việc của họ cũng là để làm một phần trăm kia trở nên vui vẻ bằng cách đùn thêm việc cho 60 phần trăm phía dưới.

Hiện tại có thể họ không có nhiều tiền và tài sản như một phần trăm kia, nhưng họ mong đợi điều đó và sẽ cố gắng trở thành một phần trăm đó, bởi trên một số khía cạnh, họ thực sự có cơ hội để có thể gia nhập hàng ngũ một phần trăm kia.

Ở đỉnh xã hội thì cách vận hành của nó giống như là trò chơi giành ghế nghe nhạc: giới chủ có quản lí, quản lý lên cấp, và họ thăng cấp nhờ chà đạp lên những người ở bên dưới. Đó là việc làm của bạn. Vì thế để có thể đạt được mục tiêu của ta, về việc thực sự đoàn kết mọi người quanh một mục tiêu để khiến giới chủ từ bỏ một số lợi nhuận cho tiền công cao hơn và nhiều điều khác, các nhà quản lý sẽ không bao giờ trở thành một phần trong đó. Đó là lý do chưa bao giờ có bất cứ



liên đoàn lao động nào có người quản lý, bởi họ biết rằng làm như thế sẽ thực sự là rước rắn vào tổ.

Vì thế, điều đó có nghĩa là sự diễn giải về thu nhập hoặc những con số phần trăm như là sự phân chia ranh giới giai tầng, hữu dụng ở một số khía cạnh về mặt tranh biện, nhưng sẽ không quá hữu ích trên khía cạnh chiến lược và chính trị.

Điều cốt lõi cho một phân tích về chủ nghĩa tư bản là không phải thu nhập của bạn là như thế nào, mà bạn phải làm gì để tăng thu nhập. Nếu bạn thu nhập bằng cách làm sếp và quản lý người khác, vậy thì bạn sẽ không trở thành một phần của phong trào. Đó là những điều những nhà quản lý làm.

Mặt khác, nếu bạn phải tuân phục quyền lực và chịu sự bóc lột của những kẻ quản lý và sếp của chúng, giờ đây bạn đã có một lý do để đấu lại chúng.

Đó là lý do vì sao giai cấp không giống các nhóm thu nhập. Giai cấp về cơ bản là phe nào bạn đang đứng trên hai phía của đường phân chia giai cấp - bạn là kẻ bóc lột lao động hay liệu lao động của bạn đang bị bóc lột.

JF: Câu hỏi của tôi cũng khá mang tính văn hoa: "Liệu người lao động có còn tồn tại hay không?" Lý do cho câu hỏi này là bởi có những lập luận nói rằng, người lao động đã giành được những thành tựu quan trọng trong quá khứ, nhưng họ lại không phải là một lực lượng liên quan trong thời đại ngày nay.

Mỗi vài thập kỉ, ta lại được biết thêm những lý thuyết mới cho rằng giai cấp lao động đang biến mất với lý do này hoặc lý do khác, và vì vậy không liên quan. Ta cũng nghe được rằng, Hoa Kỳ là một quốc gia hậu công nghiệp và rằng tự động hoá giờ đây đã thay thế (hoặc sớm thay thế) người lao động và ta sẽ sống trong một nền kinh tế gig [1], rằng ta quá bấp bênh.

Rõ ràng rằng, điều kiện lao động đang thay đổi, điều đó đúng là có quan trọng, nhưng liệu thay đổi này có thay đổi vị trí và vai trò của giai cấp lao động hay không?

VC: Ta không nên bác bỏ ý kiến trên ngay lập tức. Đầu tiên, có lẽ là sự thay đổi sẽ không diễn ra trên diễn cảnh lớn. Hiện tại chẳng có điều gì thay đổi về cấu trúc hiện tại của chủ nghĩa tư bản trong bất cứ khía cạnh sâu xa nào cả.

Quan điểm rằng tự động hoá cuối cùng sẽ thay thế con người và robot sẽ làm mọi thứ - điều này không đúng và không thể đúng. Tất nhiên, trường hợp tự động hoá sẽ liên tục ném mọi người ra khỏi chỗ làm việc điển hình là có thật, nhưng tác động của việc này luôn luôn được đối trọng bởi hai điều.

Đầu tiên là trong một nền kinh tế đang phát triển, nếu nền sản xuất đang phát triển và nhịp điệu phát triển của nền kinh tế luôn luôn vươn lên, các doanh nghiệp mới và các nhà máy và các công xưởng và cơ quan làm việc nở rộ khắp nơi, từ đó thu hút nhân công bị đào thải do tự động hoá. Và vì thế xảy ra một quá trình kép, của một số người lao động bị đào thải và sau đó các doanh nghiệp mới lại thu hút họ.

Góc nhìn này về tự động hoá cho rằng cuối cùng mọi người sẽ đều mất việc và bỏ lơ góc nhìn thứ hai, mà góc nhìn này lại có tính chất cân bằng. Quan điểm này coi những công xưởng và nhà máy hiện tại như là những cơ sở duy nhất tồn tại, và khi chúng đào thải công nhân, họ sẽ trở nên giống như những xác sống trong Walking Dead, cuộc sống bị xáo trộn, họ bần khoản tìm việc nhưng lại chẳng có thêm việc mới. Điều này bỏ qua tình huống rằng bạn sẽ luôn thu hút những con người này vào các cơ sở việc làm mới.

Điều thứ hai là: tự động hoá đào thải con người ra khỏi chỗ làm việc thông qua tiến bộ công nghệ, các loại máy móc mới, các tiến trình mới ở nơi làm - tất cả những điều này tạo ra nhu cầu cho kỹ năng mới và nhân công mới để tiếp tục sản

xuất ra công nghệ, để phục vụ chúng, để chỉ ra cách cải tiến chúng. Thay đổi công nghệ luôn tạo ra việc làm mới. Vậy nên điều đó luôn là một quá trình linh hoạt: một mặt sa thải nhân công, nhưng đồng thời cũng tạo ra những điều kiện để thu hút nhân công vào những vị trí mới.

Điều cốt lõi là, mọi thứ di chuyển trên tỉ lệ tương tác của hai quá trình này.

Hiện tại, nỗi lo về tự động hóa có thể dẫn đến một hiện thực khốc liệt và mối đe dọa thất nghiệp hàng loạt được đặt ra bởi một thực tế, đó là trong vòng mười lăm đến hai mươi năm qua, tốc độ tạo việc làm mới trên thực tế rất chậm. Và bởi vì tốc độ chậm, chúng ta thấy những người bị loại bỏ hoặc không kiếm được việc làm hoặc phải làm công việc hợp đồng, công việc tạm thời ở chỗ này, chỗ khác.

Điều đó liên quan đến thực tế rằng chúng ta đang không phải nhìn thấy sức mạnh thực sự của tự động hóa một cách trần trụi. Thực chất, điều này liên quan đến thực tế là thời đại chủ nghĩa tư bản đặc biệt này ở phương Tây đã mang lại tốc độ tăng trưởng rất chậm, mức tái đầu tư rất thấp và do đó mức độ tái làm việc rất thấp đối với những người bị đuổi việc. Do vậy nên quan điểm ban đầu là đúng, tức là tự động hoá đã thay đổi các điều kiện để tổ chức công nhân.

Điều đó rất khác, và tôi nghĩ rằng sẽ dễ dàng tổ chức mọi người hơn rất nhiều khi mọi người đều chắc chắn về công việc, vì khi đó họ bớt sợ sếp hơn. Những gì chúng ta đang trải qua ngay bây giờ là một thời kỳ mà mọi người vô cùng kinh hãi, bị đánh gục đến mức trong công việc, nơi làm việc của họ, họ sợ việc ngóc đầu dậy, sợ việc vùng lên rất rất nhiều so với thời điểm họ sáu mươi hoặc tám mươi hoặc thậm chí bốn mươi năm trước.

Điều đó có nghĩa là tổ chức khó hơn rất nhiều, và đây là một trong những lý do nhỏ khiến các tổ chức công đoàn hiện tại không thực sự cố gắng tổ chức những người lao động mới. Về cơ bản, chiến lược của họ trong 25 năm là mua lại và sáp nhập: tấn công các công đoàn khác, đến khuôn viên đại học nơi sinh viên đã tổ

chức đấu tranh, "Hãy xem, chúng tôi đang tổ chức, bởi vì chúng tôi đã đưa một nhóm sinh viên tốt nghiệp vào công đoàn của chúng ta."

Việc đi vào công xưởng ô tô và tổ chức người lao động khó hơn rất nhiều. Và điều đó không chỉ bởi giới chủ có nhiều quyền lực hơn người lao động - mà chính người lao động cũng lo ngại rất nhiều hệ quả của từng bước đi, bởi họ biết rằng sa mạc cằn cỗi đang chờ đợi họ.

JF: Khi ta nói về giai cấp lao động như là nhân tố cách mạng của sự thay đổi, điều này dường như khá xa lạ với tình hình của chúng ta hiện tại, đặc biệt là sau bốn mươi năm bị tước đoạt quyền nhượng bộ và đàn áp. Các nhà xã hội chủ nghĩa đã luôn ủng hộ liên đoàn lao động. Nhưng phong trào công nhân ở nhiều nơi có vẻ như là đang đi lùi. Mỗi năm ở đất nước này, mật độ công đoàn và các hoạt động đình công giảm xuống một nấc thấp hơn trước đó.

Hầu hết công đoàn thời điểm này được vận hành bởi giới quan liêu, những kẻ thực sự không đề cao việc tổ chức công nhân, mà chủ yếu tập trung vào việc thoả hiệp chóp trên với rất ít sự tham khảo từ công đoàn. Làm sao các nhà xã hội chủ nghĩa có thể tiếp cận công đoàn với tất cả những điều này?

VC: Điều ông đang nói là một lý do để lấy người lao động làm trung tâm, nhưng liệu công đoàn có phải phương tiện tốt nhất để có thể đạt được mục đích trên, cho dù họ đang đi lùi hay không?

Trước hết, chúng ta cần phải linh hoạt trong việc này. Điểm mấu chốt là: hãy nhớ rằng đó không phải là vấn đề đạo đức. Đó là một vấn đề thực tế, đó là, làm thế nào để đưa nhà tư bản đến bàn thảo luận để nói, "Được, tôi sẽ thoả hiệp với bạn"?

Chúng ta phải chấp nhận thực tế rằng khi chủ nghĩa tư bản phát triển, có thể những khả năng mới sẽ mở ra cho cách chúng ta gắn kết những người nghèo lại với nhau. Có thể ngày nay, có một không gian rộng rãi hơn cho chính trị bầu cử,

vì nhà nước đóng vai trò đáng kinh ngạc trong việc phân phối thu nhập. Có thể vùng ngoại vi thành phố là một nơi rất quan trọng, bởi vì người lao động sống ở đó và họ có thể tự tập hợp ở quy mô lớn hơn, bởi vì có lẽ ở nơi làm việc điều đó không dễ dàng như vậy. Chúng ta chắc chắn phải cởi mở với tất cả những điều đó.

Nhưng cho đến khi chúng ta có lý do thực tế và kinh nghiệm thực tế với các hình thức tổ chức hình thức đoàn kết lợi ích khác, tôi không thấy có cách nào khác ngoài việc giữ gìn các công đoàn như một cơ chế và công cụ quan trọng tuyệt đối trong chiến lược cánh tả.

Nếu bạn có thể tìm được một hình thức tốt hơn, thật tuyệt, hãy cho tôi biết về điều đó - Tôi sẽ giúp bạn quảng bá nó. Nhưng tôi chưa thể nhìn thấy bất kỳ hình thức như vậy nổi lên ở bất cứ đâu, và hai mươi năm qua là một thử nghiệm thú vị. Chỉ trong 5 năm qua, chúng tôi đã chứng kiến các đợt huy động hàng loạt trên khắp thế giới. Ở Trung Đông, nơi ta chứng kiến sự sụp đổ của một số chế độ, ở Brazil, ở Ấn Độ, quê hương tôi, ở Hoa Kỳ. Điểm chung của tất cả chúng là mặc dù lao động có tổ chức đã đóng các vai trò ở các mức độ khác nhau, nó lại không thực sự là có tính cốt lõi trong các phong trào này.

Điểm chung thứ hai là tất cả đều kết thúc trong thất bại. Tất cả họ đều có rất nhiều người ra đường, và khi họ ở trên đường, họ đã tạo ra một cảnh tượng tuyệt vời, nhưng kết quả đạt được thì chẳng có nhiều điều đáng nói.

Chiếm phố Wall là một ví dụ rất tốt minh họa cho điều này. Đó là một phong trào tuyệt vời, và nó là chất xúc tác khiến cho rất nhiều cuộc vận động hiện tại diễn ra. Nhưng sự khác biệt giữa việc chiếm nhà máy và chiếm công viên chỉ là ở chỗ: mọi người trong công viên phải về nhà. Tại một thời điểm nào đó, họ sẽ về nhà và giới tinh hoa có thể chờ đợi điều đó, bởi vì sản xuất đang diễn ra, lợi nhuận đang được tạo ra mà không có bất kỳ sự gián đoạn nào. Tuy nhiên, nghề nghiệp trong nhà máy lại là một điều hoàn toàn khác.

Trừ khi ta tìm ra cách nào đó để có một phương tiện thể chế gắn kết người lao động lại với nhau như thông qua công đoàn, thì tôi không biết có thứ gì có thể thay thế công đoàn được.

Có một sự thật là phong trào công đoàn ngày nay tỏ ra không mặn mà với việc này. Phong trào ngày nay không muốn đấu tranh. Nó cho thấy rằng nó không quan tâm đến việc theo đuổi các loại mục tiêu mà phong trào lao động trong quá khứ đã theo đuổi. Đối với tôi, điều đó chỉ có nghĩa là bạn cố gắng cải thiện nó, thế thôi. Nó giống như nói rằng một phương pháp chữa trị căn bệnh này đang không hiệu quả như mong đợi, nhưng cho đến khi bạn tìm ra một phương pháp chữa trị khác, thì bạn phải tiếp tục làm việc với phương pháp đó.

Ngày nay, việc thực hiện điều này ở các bối cảnh cánh tả khó hơn vì có rất ít công nhân ở bên cánh tả. Hiện giờ khá khó để chứng minh rằng người lao động là quan trọng, bởi vì rất nhiều người bên Cánh tả là sinh viên và học giả, và họ muốn nói về những điều độc lạ. Nhưng tôi không biết cách nào khác thay thế công đoàn cả.

Vì vậy, chúng ta phải rất rõ ràng và không mơ hồ về vị trí của phong trào lao động ngày nay, và nhận thức được tất cả các bệnh tật và trách nhiệm của nó. Tuy nhiên, cho đến khi chúng ta tìm được một giải pháp thay thế thiết thực cho công đoàn, thì đối với tôi dường như lựa chọn duy nhất mà chúng ta có là để làm cho các loại thể chế hiện có hoạt động tốt hơn thay vì từ bỏ chúng.

JF: Người lao động không tránh khỏi những ý tưởng thịnh hành của xã hội: sự chấp nhận những ý tưởng phân biệt chủng tộc, ý tưởng phân biệt giới tính, tất cả các loại ý tưởng chia rẽ người lao động theo những cách hoàn toàn vô ích để hình thành những khối có thể phát huy quyền lực này. Các công đoàn có thể là một phương tiện để chống lại những ý tưởng đó. Đôi khi đúng như vậy, nhưng thường thì không.

Chẳng hạn, có các công đoàn cánh hữu như ngành kinh doanh xây dựng, đang thực sự ủng hộ chủ nghĩa dân tộc của Trump, bởi vì họ nghĩ rằng điều đó có thể giúp họ có được việc làm trong ngắn hạn. Chúng ta cần tìm ra cách để khắc phục điều này. Nhưng có một khó khăn về cấu trúc ở đây.

VC: Có hai khó khăn. Tôi xin nói điều này trước: lịch sử của phong trào công đoàn không phải là một con đường tuyến tính xuyên suốt. Lịch sử của phong trào công đoàn, không chỉ ở đây, mà ở khắp mọi nơi, đã là một loại xung đột nội bộ về hình dạng và mục tiêu của những công đoàn đó sẽ như thế nào.

Công đoàn luôn có một phe bảo thủ. Họ cố gắng thu hẹp phạm vi vấn đề mà họ giải quyết và chỉ đơn giản là xây dựng trên nền tảng của những người có tay nghề cao nhất, nhiều đặc quyền nhất, và chính những người đó lại là những người lao động bảo thủ nhất, và họ vơ vét quyền lực bằng cách độc quyền hóa các nguồn tài nguyên khan hiếm và đẩy những người lao động khác ra ngoài. Điều này tương tự như thứ chúng ta đang chứng kiến ngày nay.

Nhưng ngay cả ở đất nước này và nơi khác, thực sự có một truyền thống rất lâu đời và cao quý, trong đó các công đoàn viên đấu tranh cho một tầm nhìn rộng hơn và bao trùm hơn về phong trào lao động. Tại Hoa Kỳ, trong những năm 1920, 1930 và 1940, những người cộng sản, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa vô chính phủ đã đấu tranh cho tầm nhìn đó, và họ đã thành công rực rỡ trong việc làm như vậy.

Một trong những di sản lớn nhất và quan trọng nhất của điều đó là thực tế là trong những năm 1920 và 1930 ở miền Nam nước Mỹ, những người cộng sản da trắng, những thành viên công đoàn da trắng đã liều mạng tổ chức công nhân và nông dân da đen, những người coi nhau là các đồng chí. Điều đó được lấy cảm hứng bởi một tầm nhìn rất cụ thể về cách tổ chức người lao động.

Tầm nhìn đó đã mất đi, một phần vì cuộc chiến giữa nội bộ trong phong trào lao động trong những năm 1930 và 1940, và một phần vì nhà nước Mỹ đứng về phía

phe bảo thủ hơn của phong trào lao động để đảm bảo rằng Cánh tả không giành được chiến thắng - mà đỉnh điểm là chủ nghĩa McCarthy. Sau đó thì Cánh tả không bao giờ phục hồi.

Nhưng chúng ta cần phải học hỏi điều đó, hiểu về nó, và đối với Cánh tả, hãy giữ vững niềm tự hào và nói, "Thời kỳ đó chính là mục tiêu của ta." Đó là điều mà tôi nghĩ chúng ta có thể giúp khôi phục lại.

Điều đó đưa tôi đến vấn đề thứ hai. Vấn đề thứ hai là: phong trào lao động không có bất cứ động cơ nào tự động thúc đẩy nó hướng tới một tầm nhìn bao quát hơn về cách tổ chức. Trên thực tế, có nhiều lý do khiến việc đi theo con đường ngắn hạn, thận trọng hơn là hợp lý - như là việc tập trung vào chủng tộc của họ, tập trung vào sắc tộc của họ, loại trừ phụ nữ ra khỏi phong trào, bởi vì nó dễ dàng hơn. Nhưng mà để hàn gắn các sự chia rẽ này thì khá khó.

Trước đây, chính những người theo chủ nghĩa xã hội chủ nghĩa có tư tưởng vững chắc đã đến với các công đoàn và đấu tranh cho điều này. Vấn đề ngày nay không chỉ là phong trào lao động bảo thủ hơn, có sự phân biệt chủng tộc, có hệ tư tưởng độc quyền. Một vấn đề nữa là những người tự gọi mình là người đi theo xã hội chủ nghĩa cũng không có mối liên hệ nào với lao động, và thành thật mà nói, nhiều người trong số họ chỉ đơn giản là không quan tâm, vì ảnh hưởng mà trường đại học và khuôn viên đại học để lại.

Người Cánh tả hiện tại phải ra ngoài khuôn viên trường, ra khỏi phòng hội thảo, khi họ bắt đầu thành lập các cơ sở ở các khu dân cư dành cho tầng lớp lao động, những người tổ chức toàn thời gian, kiếm việc làm trong đó, tự cấy ghép chính mình vào tầng lớp lao động theo cách như nó đã làm cho tới đến những năm 1970 và những năm 80 [2]. Nếu không làm những việc trên thì bạn sẽ không thể có cách nào khác để tạo ra bất kì tầm nhìn thay thế nào về tổ chức vào phong trào



lao động. Điều đó sẽ gây khó khăn cho việc xây dựng một hình thức đấu tranh giai cấp bao trùm hơn, phổ biến hơn.

---

## CHÚ THÍCH

[1] Gig economy: Nền kinh tế dựa trên ràng buộc về thấu khoán giữa người bán sức lao động và bên cần sức lao động. Các ví dụ rõ thấy của nền kinh tế gig có thể thấy đó là dịch vụ xe ôm công nghệ của các công ty như Grab, Uber,...

[2] Trong thời kỳ này, nhiều nước trên thế giới, đặc biệt là ở Mỹ và Anh, đã áp dụng chính sách gọi là “tân tự do”. Dưới thời tổng thống Mỹ Ronald Reagan và thủ tướng Anh Margaret Thatcher, chính phủ của hai nước đã áp dụng chính sách tư nhân, tài chính hoá bộ máy nhà nước một cách triệt để. Điều này có nghĩa là các chính sách an sinh xã hội trở nên yếu dần, và phong trào lao động đã bị gần như huỷ diệt ở 2 đất nước này.

<b>CHƯƠNG</b>	<b>Liệu chủ nghĩa xã hội có nhàm chán không?</b>
<b>13</b>	

*Chủ nghĩa xã hội không phải là một sự tầm thường nhạt nhẽo. Đó là sự giải phóng tiềm năng sáng tạo của tất cả.*

**Tác giả:** Danny Katch

---

Năm 2081, tất cả mọi người đều bình đẳng. Họ không chỉ bình đẳng trước Chúa và pháp luật. Họ bình đẳng trên tất cả mọi phương diện. Chẳng ai thông minh hơn ai. Không người nào xinh đẹp hơn người nào. Chẳng ai mạnh hơn hoặc nhanh hơn người khác. Tất cả sự bình đẳng này nhờ vào Tu chính án số 211, 212 và 213 của Hiến pháp, và sự cảnh giác tối đa từ các đặc vụ của United States Handicapper General [1].

Đây không phải phiên bản 2081 của tôi, mà là của Kurt Vonnegut trong những dòng mở đầu của tác phẩm “Harrison Bergeron” của mình, một truyện ngắn về tương lai nơi mọi người đều như nhau. Những người xinh đẹp bị buộc phải đeo khẩu trang, người thông minh phải đeo tai nghe thường xuyên phân tán tâm trí họ với âm thanh khó chịu, và những điều tương tự.

Một người có thể sẽ mong đợi ở Vonnegut, trong truyện có chứa một số khoảnh khắc hài hước trái khoáy - ví dụ như một buổi trình diễn ballet với các vũ công bị cùm bằng tạ chân - nhưng khác với hầu hết các câu truyện khác của Vonnegut, “Harrison Bergeron” dựa trên một tiền đề phản động: rằng sự bình đẳng chỉ có thể đạt được bằng việc kéo những người tài năng nhất xuống hàng ngũ tầm thường của đám đông.

Chủ nghĩa xã hội đã luôn bị thể hiện trong các tác phẩm khoa học viễn tưởng như một thuật ngữ phản địa đàng (dystopian), điều này phản chiếu sự mâu thuẫn của nhiều nghệ sĩ với chủ nghĩa tư bản. Các nghệ sĩ thường cảm thấy ghê tởm bởi các giá trị phản nhân văn và nền văn hoá bị thương mại hoá trong xã hội của mình, nhưng họ cũng nhận thức được rằng họ có vị trí đặc biệt bên trong nó, điều đó cho phép họ thể hiện sự sáng tạo của mình một cách cá nhân - chừng nào sự sáng tạo này còn có thể bán được. Họ sợ rằng chủ nghĩa xã hội sẽ lôi họ ra khỏi vị trí này và vị thế bị giảm ngang bằng với những người công nhân, bởi họ không thể tưởng tượng ra một thế giới nơi quý trọng và khuyến khích tinh thần nghệ sĩ trong tất cả mọi người.

Tất nhiên còn nhiều lý do khiến các xã hội xã hội chủ nghĩa bị hình dung một cách nghiệt ngã và thê lương: Hầu hết các xã hội tự gọi mình là xã hội chủ nghĩa đúng là nghiệt ngã và thê lương. Một thời gian ngắn sau những cuộc cách mạng tại Đông u, kết thúc sự thống soát của Liên bang Xô Viết, ban nhạc Rolling Stones đã biểu diễn một buổi trình diễn huyền thoại ở Prague, nơi họ được chào mừng như những anh hùng văn hoá.

Điều đặc biệt là buổi hoà nhạc này diễn ra vào năm 1990, khi Mick và Keith đã gần 50 tuổi, và đã nhiều năm trôi qua kể từ khi họ công bố bản nhạc đình đám nhưng không kém phần tệ hại có tên “Harlem Shuffle”. Quên đi những quyển sách kiểm duyệt và những lệ cấm biểu tình. Nếu bạn muốn hiểu được xã hội Stalin buồn tẻ như thế nào, thì hãy xem video “Harlem Shuffle” và sau đó nghĩ về cảnh tượng một trong những thành phố tuyệt vời nhất ở châu Âu phát cuồng vì chỉ muốn được nghe ban nhạc này biểu diễn.

Nhưng liệu việc chủ nghĩa xã hội buồn tẻ có phải là một vấn đề hay không? Có thể nó có vẻ ngớ ngẩn, thậm chí mang tính xúc phạm, khi nghĩ về một vấn đề tầm thường như vậy khi so với những điều kinh khủng mà chủ nghĩa tư bản gây ra thời gian qua. Ví dụ bao gồm mối đe dọa từ những cơn bão ngày càng khủng

khiếp và cháy rừng do biến đổi khí hậu, sự lo lắng về việc mất nhà hoặc mất việc, hoặc sự bất ổn từ việc không biết liệu người đàn ông ngồi cạnh bạn liệu có coi bạn là một mục tiêu cưỡng bức hay không. Ta thích xem những bộ phim về ngày tàn của thế giới hoặc những người đương đầu nghịch cảnh, nhưng trong cuộc sống hiện thực, hầu hết chúng ta ưa một cuộc sống dễ đoán và lặp lại.

Việc lo lắng về việc chủ nghĩa xã hội trở nên nhàm chán có vẻ như là ví dụ điển hình cho một vấn đề chỉ ảnh hưởng tới thiểu số” tối, như trên Internet thường thích bàn luận. Ừ, việc xoá bỏ nghèo đói, chiến tranh và phân biệt chủng tộc thật là tuyệt vời... Nhưng sẽ ra sao nếu tôi thấy chán?

Nhưng rõ ràng tất nhiên nó là một vấn đề, bởi chúng ta không muốn sống trong một xã hội không có sự sáng tạo và vui thú. Hơn nữa, nếu những điều đó đang bị ngăn cản thì chắc chắn phải có một đảng phái hoặc giai cấp gây ra sự ngăn cản đó - cho dù họ nghĩ rằng điều đó là tốt cho chúng ta. Cuối cùng, nếu chủ nghĩa xã hội cũ rích và chậm tiến thì nó sẽ không bao giờ có khả năng thay thế chủ nghĩa tư bản, vì chủ nghĩa tư bản vốn có nhiều tính chất khó chịu, nhưng sự nhàm chán không phải là một trong số đó.

Chủ nghĩa tư bản đã thay đổi bộ mặt thế giới một cách mạnh mẽ trong suốt hai trăm năm vừa qua, và thay đổi cách ta nghĩ, nhìn nhận, tương tác và làm việc. Chỉ trong những thập kỷ vừa qua, hệ thống này đã đối phó một cách nhanh chóng và hiệu quả trước những làn sóng biểu tình và đình công toàn cầu vào những năm 60 và 70. Các nhà máy liên hiệp bị đóng cửa và dịch chuyển tới những nơi khác của thế giới, vai trò quản trị của nhà nước dịch chuyển từ việc giúp đỡ con người sang giúp các công ty giúp con người. Cuối cùng, tất cả những sự thay đổi này cùng nhiều sự thay đổi khác được biến tấu, và thông điệp hiện tại đã trở thành: tất những gì mà người biểu tình đã chiến đấu từ trước tới giờ là một thế giới nơi mỗi người đàn ông, đàn bà và trẻ em được sinh ra với quyền bình đẳng để có thể mua bao nhiêu điện thoại thông minh và quần jeans thủ công mà họ muốn.

Chủ nghĩa tư bản tự tái tạo nó nhanh hơn bất cứ trật tự kinh tế nào trước đó. “Duy trì nguyên vẹn các phương thức sản xuất cũ dưới hình thức không đổi,” như Marx và Engels đã viết trong Tuyên ngôn Cộng sản chính là “điều kiện tiên quyết cho sự tồn tại của các giai tầng công nghiệp trước đây. Sự cách mạng hoá sản xuất không ngừng, sự xáo trộn liên tục của các điều kiện xã hội, sự bất ổn vĩnh cửu và sự giao động đã phân biệt thời đại tư sản với tất cả các thời đại trước nó.” Trong khi các giai tầng xã hội đời đầu cố gắng giữ nguyên hiện trạng một cách tuyệt vọng, thì chủ nghĩa tư bản lại phát đạt nhờ thay đổi chính hiện trạng này.

Kết quả là một thế giới luôn ở trong trạng thái động. Khu nhà máy của ngày hôm qua là khu ổ chuột ngày hôm nay và lại là khu phố nhộn nhịp ngày mai. “Tất cả những gì mang tính đẳng cấp và trí tuệ đều tiêu tan như mây khói”. Đó là một câu khác từ Tuyên ngôn Cộng sản và là tiêu đề của một cuốn sách tuyệt vời của bởi Marshall Berman. Trong cuốn sách này, ông viết rằng việc có thể sống trong xã hội tư bản hiện đại là “tìm kiếm bản thân ta trong một môi trường hứa hẹn những cuộc phiêu lưu, quyền lực, niềm vui, sự tăng trưởng và sự thay đổi của chính ta và thế giới - và đồng thời, một môi trường đe dọa phá huỷ mọi thứ ta có, bất cứ thứ gì ta biết, và bản sắc của chúng ta.”

Tuy nhiên phần lớn cuộc sống của chúng ta còn lâu mới với tới sự thú vị. Ta phải làm việc cho những tay sếp vốn chỉ muốn chúng ta trở thành những con vật vô tri. Kể cả khi một phát kiến khác lạ, thú vị xảy ra ở nơi làm việc, ta cũng có thể tạm tin rằng cuối cùng phát kiến đó sẽ giúp ta làm việc hiệu quả và tiết kiệm nhiều thời gian hơn, điều này có thể kích thích niềm đam mê công việc, nhưng sau cùng đều sẽ chỉ khiến chúng ta càng ngày càng trở nên vất vả với khối lượng công việc ngày càng gia tăng.

Bên ngoài việc lao động, câu chuyện cũng y hệt. Nhà trường nhận nhiệm vụ cơ bản của mình là cung cấp “sự sẵn sàng nghề nghiệp”, vốn là một cụm từ có thể hiểu là việc giúp đám trẻ có sự chuẩn bị để xử lý những đồng bầy nhầy trong công

việc. Kể cả ít thời giờ đáng ra ta dành cho bản thân hầu hết dùng cho việc giặt đồ, nấu nướng, lau rửa, làm bài tập về nhà, và tất cả những nhiệm vụ cần thiết khác để cho ta và gia đình sẵn sàng cho ngày tiếp theo.

Hầu hết chúng ta chỉ trải qua sự vui thú của chủ nghĩa tư bản khi có gì đó xảy ra ở đâu đó: dụng cụ mới cho dân giàu, tiệc thác loạn của người nổi tiếng, những màn trình diễn đáng kinh ngạc để bạn có thể theo dõi từ ghế. Trên phương diện tích cực, ít nhất hầu hết điều đó đều tốt hơn “Harlem Shuffle”.

Tệ hơn, khi ta trực tiếp chạm xúc với sự vui thú thì đó cũng có nghĩa là chúng ta sẽ vẫn bị thiệt. Lý do là vì khi điều đó xảy ra thì đó cũng chính là khi công việc của ta bị thay thế bởi những thế hệ robot mới, khi tiền thuê trọ tăng cao vào đúng lúc những tòa nhà chọc trời xinh đẹp sang trọng được xây dựng dọc đường. Để xát muối vào vết thương thì ta được bảo rằng nếu phàn nàn về điều đó thì ta đang ngăn chặn tiến trình phát triển.

Sự hi sinh các cá nhân dưới danh nghĩa sự phát triển xã hội được coi là một trong những điều khủng khiếp của chủ nghĩa xã hội, được hiểu như là một thế giới được vận hành bởi đám quan liêu không rõ mặt mũi có vẻ như hành động vì lợi ích chung. Nhưng thực chất có rất nhiều những kẻ ra quyết định vô hình, không được ai bầu như vậy trong chính chế độ tư bản chủ nghĩa, từ các quan chức bảo hiểm, những kẻ chẳng biết gì về chúng ta nhưng có thể quyết định xem liệu ca phẫu thuật của ta có “cần thiết hay không” tới những tổ chức được có giá trị hàng tỉ đô tuyên bố rằng những ngôi trường mà chúng chưa bao giờ ghé thăm là “thất bại”.

Chủ nghĩa xã hội cũng có rất nhiều sự thay đổi, biến động, và thậm chí là hỗn loạn, nhưng những sự hỗn loạn này, như Hal Draper đã nói, tới từ phía hạ tầng. Trong suốt cuộc Cách mạng Nga, chính phủ Bolshevik xoá bỏ chế độ hôn nhân

từ sự kiểm soát của nhà thờ, chỉ một tháng sau khi nắm quyền và cho phép các cặp đôi ly hôn theo yêu cầu của một trong hai bên.

Những luật này thay đổi hoàn toàn động lực gia đình và cuộc sống phụ nữ, như có thể thấy trong những bài hát với ca từ đã trở nên phổ biến tại các ngôi làng nông thôn của nước Nga.

Trước đây chồng tôi thường dùng vũ lực.

Nhưng giờ thì anh ta thật dịu hiền.

Vì anh ta sợ ly hôn.

Tôi chẳng còn sợ chồng mình.

Nếu chúng tôi không thể sống chung.

Tôi sẽ tự mình ra tòa, và chúng tôi sẽ ly hôn.

Tất nhiên, ly hôn cũng có thể đau lòng như giải phóng vậy. Các cuộc cách mạng chiếu một luồng ánh sáng mới lên mọi thứ một, từ các lãnh đạo của ta tới người ta yêu, và điều này có thể vừa thú vị cũng vừa dữ dội. “Những đại sự kiện vĩ đại,” như Trotsky đã viết trong một bài báo năm 1923, “đã giáng xuống hình thái cũ của gia đình, chiến tranh và cách mạng. Và theo sau đó là cơn chuột chũi - tư tưởng phê phán, sự nghiên cứu và đánh giá một cách có ý thức về các mối quan hệ gia đình và các hình thức sống. Không có gì ngạc nhiên khi quá trình này phản ứng theo cách gần gũi nhất và do đó gây ra sự đau xót nhất cho các mối quan hệ gia đình.”

Trong một bài viết khác, Trotsky mô tả cuộc sống hàng ngày ở nước Nga cách mạng là “một quá trình mà mỗi ngày quần chúng lao động đều bị tách xé và rồi lại hợp thành một tổ chức mới.” Giống như chủ nghĩa tư bản, những bước đầu hướng tới chủ nghĩa xã hội đưa ra cả lời hứa cho sự sáng tạo và lời đe dọa của sự phá huỷ, nhưng với điểm khác biệt cốt lõi đó là cơn người trong tác phẩm của

Trotsky đóng vai trò chủ động trong việc quyết định thế giới của họ sẽ thay đổi như thế nào.

Chính quyền Xô Viết thúc chất không có quyền kiểm soát tuyệt đối, đặc biệt với quần chúng lao khổ và thất học mà chế độ sa hoàng và thế chiến đã giáng xuống đầu họ. Nhưng kể cả trong những điều kiện thống khổ đó, những năm giữa Cách mạng tháng Mười và sự thâm tóm quyền lực của Stalin đã cho thấy sự thú vị của một xã hội lần đầu tiên mở ra chứa trong nó những cánh cửa với các tầng lớp quần chúng.

Đã có sự bùng nổ trong nghệ thuật và văn hoá. Các nghệ sĩ và nhà điêu khắc đã trang trí các thành phố Nga bằng nghệ thuật hướng tương lai. Theo ghi nhận, Lenin ghét nghệ thuật theo chủ nghĩa vị lai, nhưng điều này không ngăn được chính quyền khỏi việc tài trợ cho toà báo Nghệ thuật Công xã của những nghệ sĩ theo xu hướng này. Các buổi biểu diễn Ba- le và nhà hát được mở cho quần chúng. Các nhóm văn hoá và uỷ ban công nhân cùng tới để mang nghệ thuật và đào tạo nghệ thuật vào nhà máy. Nhà làm phim Sergei Eisenstein đã nhận được sự đón nhận của công chúng thế giới nhờ những đột phá trong bộ phim miêu tả Cách mạng Nga của mình.

Ý kiến ngớ ngẩn của “Harrison Bergeron” đã bị bác bỏ. Chủ nghĩa xã hội không hề coi những nghệ sĩ tài năng là sự đe dọa tới “bình đẳng”, và chủ nghĩa xã hội cũng không dẫn tới mâu thuẫn giữa việc phổ biến các tác phẩm nghệ thuật tinh hoa tới quần chúng công nhân và nông dân.

Những tiềm năng của chủ nghĩa xã hội mà thế giới đã nhìn thấy ở Nga trong một vài năm không phải là một thử nghiệm kín đáo do một số ít các nhà lý thuyết điều khiển, mà là một sự sáng tạo lộn xộn và ly kỳ của hàng chục triệu người đang mò mẫm hướng tới một cách điều hành xã hội khác và đối xử với nhau. Thí nghiệm này được thực hiện khi mà những con người này còn giữ lại tất cả các kỹ



năng, và trí tưởng tượng mà họ có được khi sống dưới chế độ tư bản, trong hoàn cảnh khủng khiếp của một đất nước nghèo đói, bị chiến tranh tàn phá. Họ đã thất bại theo đủ mọi cách, nhưng họ cũng cho thấy rằng chủ nghĩa xã hội là một khả năng có thật, không phải là một giấc mơ không tưởng không phù hợp với nhu cầu của con người.

Và xã hội mà họ hướng tới là nơi mà từ bình đẳng không có nghĩa là hạ thấp, mà là sự nâng cao trình độ văn hóa và dân trí chung của xã hội. Trong nhiều tiểu thuyết, phim ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác miêu tả về chủ nghĩa xã hội, người ta ít đề cập đến tỷ lệ ly hôn gia tăng và các cuộc tranh luận sôi nổi về nghệ thuật. Hầu hết các tác phẩm này khắc họa xã hội chủ nghĩa như là những xã hội không có xung đột, đó là lý do tại sao chúng có vẻ rất rùng rợn.

Một vấn đề tương tự cũng tồn tại bên trong nhiều phong trào biểu tình ngày nay, trong đó một số nhà hoạt động muốn tổ chức các phong trào và cuộc họp xung quanh một mô hình đồng thuận, có nghĩa là hầu hết mọi người có mặt đều phải đồng ý về một quyết định để nó được thông qua. Sự đồng thuận đôi khi có thể là một cách hiệu quả để xây dựng lòng tin giữa những người không quen biết và không tin tưởng lẫn nhau, đặc biệt là bởi vì hầu hết mọi người trong xã hội dân chủ này hầu như không có kinh nghiệm tham gia vào quá trình thảo luận, tranh luận dân chủ được thực hiện trong các phong trào như vậy.

Tuy nhiên, khi các nhà tổ chức coi sự đồng thuận không chỉ là một chiến thuật nhất thời mà còn là một mô hình cho cách thức vận hành xã hội, thì đó là một vấn đề. Tôi muốn sống trong một xã hội dân chủ với những xung đột và tranh luận, nơi mọi người không ngại bảo vệ quan điểm của mình và không cảm thấy bị áp lực phải làm dịu ý kiến của mình để khi đạt được thỏa hiệp, để rồi chúng ta có thể giả vờ rằng mình đồng ý ngay từ đầu. Nếu lập luận ủng hộ chủ nghĩa xã hội dựa trên ý tưởng rằng mọi người sẽ ngừng tranh luận và thậm chí đôi khi hành động như những kẻ ngu xuẩn, thì bạn nên tìm một tư tưởng khác.

Lenin đã từng viết rằng Chủ nghĩa xã hội sẽ không được tạo ra bởi “chất liệu trừu tượng của con người, hoặc vật chất được đặc biệt được tạo ra bởi chúng ta, mà nó sẽ được tạo ra bởi vật chất con người do chủ nghĩa tư bản để lại cho chúng ta. Đúng, đó không phải là vấn đề dễ dàng, nhưng không có cách tiếp cận nào khác đối đủ sâu đậm để đảm bảo thảo luận.”

Để trở thành một nhà xã hội chủ nghĩa hiệu quả, việc yêu quý con người là điều vô cùng cần thiết. Không phải nhân loại như khái niệm trừu tượng, mà là những con người thật, đầy mồ hôi. Trong *All That Is Solid Melts into Air*, Berman kể câu chuyện về Robert Moses, nhà quy hoạch công cộng nổi tiếng của Thành phố New York, người đã san phẳng toàn bộ các khu phố cản trở những điểm xây dựng cho con đường cao tốc mới. Một người bạn của ông từng bảo rằng Moses “yêu công chúng, nhưng không yêu con người”. Ông đã xây dựng các công viên, bãi biển và đường cao tốc cho quần chúng sử dụng, ngay cả khi ông ghét bỏ hầu hết những người New York thuộc tầng lớp lao động mà ông gặp phải.

Việc yêu công chúng nhưng không yêu con người cũng là đặc điểm của những người theo chủ nghĩa xã hội tinh hoa, những người có lòng tin vào các kế hoạch phát triển 5 năm, những bản thiết kế không tưởng, hay chiến thắng trong các cuộc bầu cử trong tương lai, hơn là những điều kỳ diệu mà hàng trăm triệu người có thể đạt được khi họ được truyền cảm hứng và được giải phóng. Đó là lý do tại sao tầm nhìn của họ về chủ nghĩa xã hội lại vô hồn và thiếu sức tưởng tượng.

Ngược lại, Marx, người thường được biết là một trí thức biệt lập, là một người ôn ào, thích tranh luận, hài hước, đam mê và từng tuyên bố rằng câu nói yêu thích của ông là châm ngôn: “Tôi là một con người, tôi coi con người không có gì xa lạ với tôi.” Tôi cảm thấy thật khó hiểu khi một thế giới được điều hành bởi đa số con người, với tất cả những tài năng, tính cách, sự điên rồ và niềm đam mê khác nhau của chúng ta thì làm sao nó có thể trở nên nhàm chán cho được.

<b>CHƯƠNG PHỤ</b>	
<b>1</b>	<b>Người giàu có thực sự giỏi không?</b>

*Nghiên cứu tiên phong của các nhà khoa học từ ĐH Catania, Ý, cho thấy rằng tài năng không phải là yếu tố quan trọng nhất quyết định thành công. Thay vào đó, người may mắn nhất mới là người thành công nhất.*

**Tác giả:** MIT Technology Review

---

Sự phân phối của cải tuân theo một mô hình nổi tiếng đôi khi được gọi là quy tắc 80:20: 80 phần trăm của cải thuộc sở hữu của 20 phần trăm người dân. Một báo cáo năm ngoái kết luận rằng chỉ 8 người đàn ông có tổng tài sản tương đương với 3,8 tỷ người nghèo nhất thế giới.

Điều này dường như xảy ra ở mọi xã hội ở mọi quy mô. Đó là một khuôn mẫu đã được nghiên cứu kỹ càng được gọi là “quy luật quyền lực”, và nó xuất hiện trong hàng loạt các hiện tượng xã hội. Nhưng việc phân chia của cải là một trong những vấn đề gây tranh cãi nhất vì nó đặt ra các vấn đề về sự công bằng và xứng đáng. Tại sao rất ít người lại xứng đáng có nhiều của cải tới vậy?

Câu trả lời thông thường là chúng ta đang sống trong một chế độ trọng dụng người tài, trong đó mọi người được khen thưởng vì tài năng, trí thông minh, nỗ lực của họ, v.v. Theo thời gian, điều này sẽ được thể hiện thông qua sự phân bổ của cải mà chúng ta quan sát được, tức người tài sẽ thường có nhiều tiền hơn người kém cỏi, kể cả khi đã tính đến yếu tố may mắn.

Nhưng có một vấn đề với ý tưởng này: đúng là phân phối của cải tuân theo “quy luật quyền lực”, nhưng phân phối kỹ năng của con người thường tuân theo một phân phối chuẩn đối xứng, quay xung quanh một giá trị trung bình. Trí thông

minh, được đo bằng các bài kiểm tra IQ, tuân theo mô hình này. Chỉ số IQ trung bình là 100, nhưng không ai có chỉ số IQ 1.000 hoặc 10.000.

Điều này cũng áp dụng được vào nỗ lực, được đo bằng giờ làm việc. Một số người làm việc nhiều giờ hơn mức trung bình và một số người làm việc ít hơn, nhưng không ai làm việc nhiều hơn một tỷ lần so với người khác được.

Tuy nhiên, khi nói đến phần thưởng cho công việc, một số người thực sự có tài sản gấp hàng tỷ lần những người khác. Hơn nữa, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng những người giàu nhất nói chung cũng không phải là những người tài năng nhất.

Vậy thì có những yếu tố nào xác định cách mà một người trở nên giàu có? Liệu may mắn có đóng vai trò quan trọng hơn chúng ta nghĩ không? Và làm thế nào để những yếu tố này có thể được khai thác để biến thế giới trở thành một nơi tốt đẹp hơn và công bằng hơn?

Hôm nay chúng ta có được câu trả lời nhờ công trình nghiên cứu của Alessandro Pluchino tại Đại học Catania ở Ý và một vài đồng nghiệp. Họ đã tạo ra một mô hình máy tính về tài năng của con người và cách họ sử dụng nó để khai thác cơ hội trong cuộc sống. Mô hình cho phép nhóm nghiên cứu vai trò của may mắn trong quá trình này.

Kết quả là một cái gì đó khiến chúng ta phải mở mắt suy nghĩ. Phần mềm mô phỏng của họ tái tạo chính xác sự phân bố của cải trong thế giới thực. Nhưng những cá nhân giàu có nhất không phải là những người tài năng nhất (mặc dù họ phải có một mức độ tài năng nhất định). Thay vào đó, họ là những người may mắn nhất.

Mô hình của Pluchino và đồng nghiệp rất đơn giản. Nó bao gồm  $N$  người, mỗi người có một mức độ tài năng nhất định (kỹ năng, trí thông minh, khả năng, v.v.). Tài năng này được phân bố đều quanh một số mức trung bình, với một số

độ lệch tiêu chuẩn. Vì vậy, một số người tài năng hơn mức trung bình và một số kém hơn, nhưng không ai giỏi hơn người khác theo cấp số nhân. Đây là kiểu phân bố giống với các đặc điểm khác nhau của con người, như chiều cao hoặc cân nặng. Một số người cao hơn hoặc thấp hơn mức trung bình, nhưng không ai có kích thước bằng một con kiến hoặc một tòa nhà chọc trời.

Mô hình máy tính mô phỏng mỗi cá nhân trong vòng đời làm việc là 40 năm. Trong thời gian này, các cá nhân trải qua những sự kiện may mắn mà họ có thể khai thác để gia tăng sự giàu có nếu họ đủ tài năng. Tuy nhiên, họ cũng gặp những biến cố không may mắn khiến tài sản của họ bị giảm sút. Những sự kiện này xảy ra một cách ngẫu nhiên.

Vào cuối 40 năm mô phỏng, Pluchino và đồng nghiệp xếp hạng các cá nhân theo sự giàu có và nghiên cứu các đặc điểm của những người thành công nhất. Họ cũng tính toán sự phân bố của cải. Sau đó, họ lặp lại mô phỏng nhiều lần để kiểm tra độ chính xác của kết quả.

Khi nhóm xếp hạng các cá nhân theo sự giàu có, sự phân bố chính xác như những gì được thấy trong các xã hội trong thế giới thực. “Quy tắc '80 - 20' vẫn đúng, vì 80% dân số chỉ sở hữu 20% tổng số tài sản, trong khi 20% còn lại sở hữu 80%,” theo Pluchino và cộng sự.

Điều đó có thể không đáng ngạc nhiên hoặc không công bằng nếu 20% giàu nhất lại là những người tài năng nhất. Nhưng đó không phải là những gì xảy ra. Những cá nhân giàu có nhất thường không phải là những người tài năng nhất hoặc ở bất cứ đâu gần đó. Các nhà nghiên cứu cho biết: “Thành công tối đa không bao giờ trùng khớp với tài năng tối đa và ngược lại.”

Vậy nếu không phải là tài năng, thì yếu tố nào khác gây ra sự phân bố của cải lệch lạc này? Pluchino và cộng sự nói: “Mô phỏng của chúng tôi cho thấy rõ ràng rằng một yếu tố như vậy chỉ là may mắn thuần túy. Nhóm nghiên cứu cho thấy điều

này bằng cách xếp hạng các cá nhân theo số sự kiện may mắn và không may mắn mà họ trải qua trong suốt 40 năm sự nghiệp của mình.

Họ nói: “Rõ ràng là những cá nhân thành công nhất cũng là những người may mắn nhất.

"Và những người kém thành công hơn cũng là những người kém may mắn nhất."

---

Nguồn bài viết:

MIT Technology Review. (2018). *If you're so smart, why aren't you rich? Turns out it's just chance*. MIT Technology Review; 1 tháng 3, 2018. <https://www.technologyreview.com/2018/03/01/144958/if-youre-so-smart-why-arent-you-rich-turns-out-its-just-chance/>

## Cho con người tự quản lý tài nguyên có dẫn tới thảm họa không?

*Nghiên cứu của học giả đạt giải Nobel Elinor Ostrom cho ta thấy rằng nếu được trao quyền lực và khả năng tự quản lý, thì con người không hề tàn phá tài nguyên chung. Thay vào đó, họ có khả năng chia sẻ tài nguyên một cách vừa rộng lượng, lại vừa bền vững.*

**Tác giả:** Michelle Nijhuis

---

Vào tháng 12 năm 1968, nhà sinh thái học và sinh vật học Garrett Hardin đã có một bài luận đăng trên tạp chí Science với tên gọi là 'Bi kịch của tài nguyên chung'. Luận điểm của ông rất đơn giản nhưng lại vô cùng nghiệt ngã: con người, nếu bị để mặc tự xoay sở, sẽ luôn cạnh tranh với nhau để giành tài nguyên cho đến khi tài nguyên cạn kiệt. Hardin cho rằng “sự diệt vong là đích đến mà mọi người đều lao tới, và từng người trong số họ đều theo đuổi lợi ích tốt nhất của riêng mình”. “Tự do trong cuộc sống chung sẽ mang lại sự hủy diệt cho tất cả.” Lập luận của Hardin rất trực quan, và là lời giải thích đơn giản cho đủ loại thảm họa - tắc đường, nhà vệ sinh công cộng bẩn thỉu, sự tuyệt chủng của các loài. Bài luận của ông được nhiều người đọc và chấp thuận, và đã trở thành một trong những bài báo khoa học được trích dẫn nhiều nhất mọi thời đại.

Tuy nhiên, ngay cả trước khi 'Bi kịch của tài nguyên chung' được xuất bản, nhà khoa học chính trị trẻ Elinor Ostrom đã chứng minh rằng Hardin sai. Trong khi Hardin suy đoán rằng bi kịch của tài nguyên chỉ có thể tránh được thông qua tư nhân hóa hoặc công hữu hoá hoàn toàn các tài nguyên, Ostrom đã chứng kiến những người dân quê hương Los Angeles của bà xây dựng một hệ thống để chia

sẻ nguồn nước ngầm quý giá. Trong vài thập kỷ tiếp theo, với tư cách là giáo sư tại Đại học Indiana Bloomington, bà đã nghiên cứu các hệ thống quản lý hợp tác được phát triển bởi những người chăn nuôi gia súc ở Thụy Sĩ, những người sống trong rừng ở Nhật Bản và những người chuyên tưới tiêu ở Philippines. Các cộng đồng này đã tìm ra cách để vừa bảo tồn nguồn tài nguyên chung - đồng cỏ, cây cối, nước - và vừa cung cấp nguồn sống cho các thành viên của họ. Một số đã khéo léo tránh được thảm kịch của tài nguyên chung trong nhiều thế kỷ; Ostrom chỉ đơn giản là một trong những nhà khoa học đầu tiên chú ý đến truyền thống của họ, và phân tích cách thức và lý do tại sao các cách quản lý này lại hiệu quả.

Ostrom và các đồng nghiệp của bà cho biết rằng các tính năng của các hệ thống thành công bao gồm ranh giới rõ ràng ('cộng đồng' thực hiện công việc quản lý phải được xác định một cách rõ ràng); việc giám sát tài nguyên chung một cách có đáng tin cậy; cân đối hợp lý giữa chi phí và lợi ích cho người tham gia; quy trình minh bạch để giải quyết nhanh chóng và công bằng các xung đột; một loạt các hình phạt tăng dần về độ nghiêm trọng dành cho những kẻ vi phạm; và mối quan hệ tốt đẹp giữa cộng đồng và các tầng lớp chính quyền khác, từ chủ hộ đến các tổ chức quốc tế.

Khi nói đến con người và khẩu vị của họ, Hardin cho rằng tất cả đã được quyết định sẵn. Ostrom cho thấy rằng mọi thứ đều có thể xảy ra, nhưng không có gì đảm bảo. Bà nói với một khán giả là các nhà khoa học chính trị đồng nghiệp vào năm 1997 rằng: "'Chúng ta không bị mắc kẹt trong những bi kịch không thể cứu vãn, nhưng chúng ta cũng không tránh được trách nhiệm đạo đức'"

Những gì Hardin đã miêu tả như một bi kịch, thì trên thực tế giống một bộ phim hài hơn. Mặc dù những người tham gia là con người có thể ngu ngốc hoặc nhầm lẫn, họ lại hiếm khi xấu xa, và trong khi một số lựa chọn dẫn đến thảm họa, những lựa chọn khác lại dẫn đến kết quả hạnh phúc hơn. Ngoài ra, Hardin dường như đã quyết tâm đưa ra những học thuyết đáng ghê tởm nhất có thể. Trong số



các giải pháp được đề xuất của ông đối với thảm kịch của những người bình thường là kiểm soát dân số một cách cưỡng chế: 'Tự do sinh sản là không thể chấp nhận được,' ông viết trong bài luận năm 1968. Vài năm sau khi xuất bản "Bi kịch của tài nguyên chung", ông phản đối việc cung cấp viện trợ lương thực cho các nước nghèo hơn: "Những chiếc lá rách sẽ ngày càng mọc lên, làm cho những chiếc lá lành héo đi dần, và cái giá phải trả là cả cái cây sẽ chết đi".

Tuy nhiên, kể cả những người ghét những ý tưởng phân biệt chủng tộc của Hardin vẫn bị thuyết phục bởi sự đơn giản của giả thuyết của ông. Giả thuyết bi kịch của tài nguyên chung vẫn được các học giả trích dẫn nhiều hơn bất kỳ phát hiện nào của Ostrom. Nó tiếp tục được giảng dạy cho học sinh trung học trong các khóa học khoa học môi trường. Nó được sử dụng như một lời biện minh cho việc hạn chế nhập cư và sinh sản của con người. Đôi khi, nó còn được trích dẫn như một lời giải thích cho những thất bại của con người: ngay cả nhà sinh vật học lỗi lạc EO Wilson, trong sách *Half-Earth* (2016), mô tả sự yếu kém của các thỏa thuận quốc tế về biến đổi khí hậu và sự cạn kiệt nguồn tài nguyên đại dương là ví dụ của bi kịch của tài nguyên chung, mà không nói rõ rằng những thảm kịch này có thể được ngăn chặn.

Bất chấp những bằng chứng mà Ostrom và các đồng nghiệp của bà thu thập được, có vẻ như nhiều người vẫn quá sẵn sàng tin vào bản chất xấu nhất của đồng loại, và điều này đã gây tổn hại khôn kể cho các nỗ lực bảo tồn trên toàn thế giới. Giống như Hardin, nhiều nhà bảo tồn cho rằng con người chỉ có thể phá hoại chứ không thể xây dựng được, và việc bảo tồn có ý nghĩa chỉ có thể đạt được thông qua tư nhân hóa hoặc công hữu hoá hoàn toàn tài nguyên. Những giả định đó, dù có cố ý hay không cố ý, đã làm đóng lại toàn bộ một vũ trụ các lựa chọn thay thế.

Mặc dù những ý tưởng của Ostrom vẫn chưa trở thành châm ngôn quen thuộc, nhưng chúng vẫn chưa hề bị bỏ qua. Ở miền nam châu Phi vào những năm 1980, một số nhà bảo tồn nhận ra rằng các công viên và khu bảo tồn đã khiến cho

những người săn bắt và nông dân không tiếp cận được phần lớn các loài động vật hoang dã đã nuôi sống họ từ lâu. Và trong một số trường hợp, các loài động vật hoang dã này đã được chính những người dân này quản lý như một tài nguyên chung trong nhiều thế hệ. Hậu quả là ngay cả những công viên được tuần tra tốt nhất cũng dễ bị xâm phạm bởi những người gần ranh giới khu bảo tồn. Đối với những người này, việc chịu đựng – chưa nói tới bảo vệ – những loài động vật gây rắc rối này là việc khó xảy ra.

Năm 1987, khi nhà bảo tồn người Nam Phi Garth Owen-Smith tham dự một hội nghị về bảo tồn dựa vào cộng đồng ở Zimbabwe, nhận xét của Harry Chabwela, giám đốc công viên quốc gia Zambia, đã để lại ấn tượng khó phai mờ. Chabwela nói: “Tại hội nghị này, chúng ta đã nói rất nhiều về việc cho người dân địa phương cái này và cho họ cái kia, nhưng điều đã bị lãng quên là họ cũng muốn có quyền lực. “Họ muốn có tiếng nói quyết định đối với các nguồn tài nguyên có thể ảnh hưởng đến cuộc sống của họ. Điều đó quan trọng hơn tiền bạc.”

Owen-Smith đã có nhiều năm sống ở Namibia, khu vực do Nam Phi kiểm soát và được gọi là Tây Nam Phi. Đầu những năm 1980, khi xuất hiện hạn hán nghiêm trọng và đại dịch săn bắn trái phép đe dọa sinh kế và động vật hoang dã ở sa mạc phía tây bắc của lãnh thổ này, Owen-Smith đã hỗ trợ thành lập một hệ thống bảo vệ thú cộng đồng. Những lính canh không vũ trang – nhiều người trong số họ là thợ săn – đã theo dõi những kẻ săn bắn trái phép hiệu quả đến mức, sau vài năm, việc giết hại voi và tê giác trong khu vực đã ngừng hoàn toàn. Số lượng linh dương được cải thiện nhiều đến mức Owen-Smith có thể thuyết phục bộ bảo tồn quốc gia mở lại hoạt động săn bắn hạn chế trong khu vực – một sự phát triển được người dân địa phương đánh giá cao.

Nhận xét của Chabwela về quyền lực đã thúc đẩy Owen-Smith suy nghĩ rộng hơn. Khi trở về nhà, anh và đối tác Margaret Jacobsohn bắt đầu nói chuyện với các nhà lãnh đạo cộng đồng và các thành viên về cách khôi phục quyền để cho phép địa

phương quyết định cách sử dụng tài nguyên động vật hoang dã của cộng đồng. Sau khi Namibia giành độc lập từ Nam Phi vào năm 1990, chính phủ mới đã tuyển dụng Jacobsohn và Owen-Smith để khảo sát thái độ của người nông thôn đối với việc bảo tồn, và cuộc khảo sát đã xác nhận những gì mà cả hai đã phải nghe trong nhiều năm: hầu hết mọi người không muốn giết hay loại bỏ những động vật có thể gây nguy hiểm tới con người - nhưng họ muốn có tiếng nói trong việc quản lý những con động vật này - đúng như đề xuất của Chabwela đã đề xuất. Năm 1996, Quốc hội Namibia đã thông qua luật cho phép các nhóm người sống trên đất cộng đồng thành lập các tổ chức được gọi là hội bảo tồn. Các hội bảo tồn sẽ được điều hành bởi các ủy ban đã được bầu chọn, và tất cả các thành viên sẽ được hưởng lợi nhuận từ bất kỳ hoạt động du lịch hoặc săn bắn thương mại nào trong ranh giới khu bảo tồn.

Các hội bảo tồn đầu tiên trên đất cộng đồng được chính thức hợp thức hoá vào năm 1998 và hiện có hơn 80 hội bảo tồn ở Namibia. Chúng có diện tích hơn 40 triệu mẫu đất, và trải dài từ sa mạc phía tây bắc đến Vùng Zambezi ẩm ướt, đông dân cư ở phía đông bắc. Vào tháng 8 năm 2019, tôi tham dự cuộc họp chung của hội bảo tồn Orupembe, được tổ chức trong một sảnh ngoài trời ở ngoại ô Onjuva, một thị trấn nhỏ cách trạm xăng gần nhất hàng trăm dặm. Hầu hết những người trong cuộc họp là những người chăn nuôi bán du mục, nhiều người trong số họ đã đi một quãng đường dài từ những góc biệt lập hơn cả khu bảo tồn. Khi ủy ban Onjuva tổ chức cuộc họp, có 95 người ngồi bên trong sảnh, tức khoảng một nửa số các thành viên bảo tồn và chỉ đủ cho một túc số. Chủ tịch Henry Tjambiru nhận xét rằng hạn hán hiện tại đã khiến nhiều người phải lùa đàn gia súc ra xa hơn, khiến họ không thể tham dự.

Sau khi xem xét thu nhập của năm, ủy ban đã phân phối danh sách các loài địa phương và hạn ngạch săn bắn hiện tại cho mỗi loài. Bởi vì hạn hán đã trở nên tồi tệ hơn kể từ khi hạn ngạch được thiết lập, các thành viên bảo tồn đã tự nguyện

tiết chế để số động vật mình săn nằm ở dưới ngưỡng tối đa. Trong khi các cuộc điều tra về động vật hoang dã hồi đầu năm cho rằng 75 con oryx có thể bị giết mà không gây hại cho quần thể, cho đến nay chỉ có 3 con bị bắn. Thịt của hai trong số đó hiện đang sôi trong một dãy nồi gần đó, sắp được phục vụ cho bữa trưa.

Cuộc họp kéo dài vài giờ đã bị gián đoạn bởi sự thiếu hiệu quả về mặt thủ tục, những tranh luận bên lề sôi nổi và cả cáo buộc tham nhũng vặt. Nhưng khi mặt trời lặn và cuộc họp kết thúc, tôi nhận ra rằng mình đã rất phấn khích. Trong một năm đặc biệt khó khăn, các thành viên bảo tồn này đã không ngại khó khăn để đi đến cuộc họp, xem xét tương lai lâu dài của các loài khác và tự cam kết đảm bảo điều đó.

Trong việc hồi sinh các cộng đồng, các khu bảo tồn Namibia đã làm sống lại các mối quan hệ giữa con người và động vật hoang dã - và kết quả, như Ostrom đã dự đoán, rất phức tạp. Trong khi công viên và khu bảo tồn đã tách đất thành các loại được xác định rõ ràng, việc bảo tồn dựa vào cộng đồng đề xuất rằng đất có thể được bảo vệ và sử dụng trong cùng một lúc. Điều này có thể thực hiện thông qua nỗ lực hợp tác của những người sống trên đó.

Các nguyên tắc quản lý chung của Ostrom giờ đây không chỉ đặt nền tảng cho hệ thống bảo tồn của người Namibia mà còn hàng trăm nỗ lực tương tự trên khắp thế giới. Nhiều người đã phục hồi và điều chỉnh các phương thức bảo tồn được phát triển từ nhiều thế kỷ trước, phát triển các quy tắc mới phù hợp với hoàn cảnh hiện tại. Họ hợp tác trong việc quản lý các rạn san hô ở Fiji, rừng cao nguyên ở Cameroon, khu đánh bắt cá ở Bangladesh, trang trại nuôi hàu ở Brazil, vườn cộng đồng ở Đức, voi ở Campuchia và vùng đất ngập nước ở Madagascar. Các nỗ lực bảo tồn có mặt từ các sa mạc thưa thớt dân cư, các thung lũng sông đông đúc cho tới các không gian đô thị bị bỏ hoang.

Trong khi việc bảo tồn hầu như luôn mang lại ít nhất một số chi phí ngắn hạn, các nhà nghiên cứu đã phát hiện ra rằng nhiều dự án bảo tồn dựa vào cộng đồng làm giảm những chi phí đó và theo thời gian, mang lại những lợi ích đáng kể cho những người tham gia của họ, cả hữu hình và vô hình. Và trong khi bảo tồn dựa vào cộng đồng bắt đầu như một phản ứng với các chiến lược bảo tồn từ trên xuống, nó có thể hoạt động song song với các công viên và khu bảo tồn lớn - và thậm chí thúc đẩy sự sáng tạo của chúng.

Bảo tồn dựa vào cộng đồng không thể giải quyết tất cả mọi thứ và không phải lúc nào nó cũng thành công trong việc bảo vệ cộng đồng. Trong nhiều trường hợp, các chính phủ quốc gia không công nhận các yêu sách lâu dài về đất đai của người bản địa và các cộng đồng nông thôn khác, và đã gây cản trở nỗ lực quản lý lâu dài của cộng đồng. Ngay cả những hệ thống được thiết lập tốt cũng dễ bị tổn thương bởi xung đột nội bộ và trước các áp lực bên ngoài, từ hạn hán đến chiến tranh cho đến các lực lượng thị trường toàn cầu. Như Ostrom thường nhắc nhở khán giả của mình, bất kỳ chiến lược nào cũng có thể thành công hoặc thất bại.

Thách thức hiểu được sự phức tạp của tất cả các loài vẫn tiếp tục, cũng như thách thức về khả năng nhìn thấy khả năng xảy ra trong những gì thường trông giống như một thảm kịch tập thể. Nhưng ngay cả trong những thời điểm đen tối nhất, tác phẩm của Ostrom nhắc nhở chúng ta rằng tương lai là điều không thể đoán trước và đây cơ hội để chúng ta vực dậy trước khó khăn.

Nguồn bài viết:

Nijhuis, M. (2021, tháng 4). *The tragedy of the commons is a false and dangerous myth* | *Aeon Essays*. Aeon. <https://aeon.co/essays/the-tragedy-of-the-commons-is-a-false-and-dangerous-myth>

## Chúng ta có còn đang sống trong xã hội tư bản chủ nghĩa không?

*Cựu bộ trưởng tài chính Hy Lạp cho rằng xã hội ta đang sống không còn là xã hội tư bản nữa. Thay vào đó, nó đã trở thành một cái gì đó tàn bạo, kinh khủng và toàn trị hơn: chế độ phong kiến công nghệ.*

Tác giả: Yanis Varoufakis

---

Bạn có thể ngạc nhiên khi đọc tiêu đề: Làm gì có chuyện ta đang không sống trong chủ nghĩa tư bản? Nếu tiêu đề đúng thì ta liệu có đang sống trong thời kỳ hậu chủ nghĩa tư bản không? Tôi sẽ đưa ra giả thuyết rằng chúng ta không sống trong thời kỳ tư bản chủ nghĩa nữa. Tôi cho rằng chúng ta đã sống trong thời kỳ hậu tư bản chủ nghĩa. Không phải kiểu chủ nghĩa hậu tư bản tiến bộ, những người theo chủ nghĩa xã hội, mà là một chủ nghĩa hậu tư bản khác về chất so với cái mà chúng ta từng gọi là "chủ nghĩa tư bản" cho đến năm 2008.

### CÁCH CHỦ NGHĨA TƯ BẢN THAY ĐỔI MÃI MÃI SAU 2008

Chủ nghĩa tư bản luôn có khủng hoảng, Khủng hoảng là một đặc điểm cố hữu của chủ nghĩa tư bản. Chúng không phải là kết quả của những sai lầm, mà chúng ăn vào máu của tư bản. Kể từ khi ra đời chủ nghĩa tư bản, đã có hai cuộc khủng hoảng. Hai khoảnh khắc trong lịch sử đã thay đổi hoàn toàn thế giới. Một trong những khoảnh khắc như vậy là năm 1929. Thời điểm thứ hai, năm 1929 của thế hệ chúng ta, là năm 2008.

Khủng hoảng 1929 và 2008 không giống như cuộc khủng hoảng năm 1907, không giống như cuộc khủng hoảng trong ký ức của tôi năm 1973, năm 1982,

năm 1991, năm 2001. Cả hai cuộc khủng hoảng này đặc biệt ở chỗ là chúng đã thay đổi hoàn toàn chủ nghĩa tư bản.

Vào năm 1929, sự sụp đổ của Phố Wall đã dẫn đến một chuỗi các sự kiện với sự sụp đổ của ngân hàng, dẫn đến suy thoái kinh tế lớn, mất việc làm ở quy mô chưa từng thấy. Và quan trọng hơn nữa, năm 1929 đã tạo ra một phiên bản mới của chủ nghĩa tư bản. Sau những cú sốc từ vụ khủng hoảng này, vào năm 1944, các nước tư bản thế giới – dưới hệ thống Bretton Woods – đang áp dụng chủ nghĩa tư bản kế hoạch hóa tập trung. Đó là một hệ thống có kế hoạch với các biện pháp kiểm soát vốn, với ngân hàng rất thụ động: các ngân hàng không được phép đầu tư, sáng tạo những gì quá mạo hiểm.

Tuy nhiên, dù thay đổi vậy nhưng nó vẫn là một loại chủ nghĩa tư bản độc tài. Đó vẫn là chủ nghĩa tư bản rõ ràng. Tại sao tôi lại biết thế? Vì động lực của hệ thống kinh tế - xã hội vẫn xoay quanh lợi nhuận. Lợi nhuận thu được từ việc bán sản phẩm, tích lũy vốn. Dù các công ty có bắt tay với nhà nước, ấn định giá rất thường xuyên,... nhưng điều đã thúc đẩy các nhà sản xuất công nghiệp lớn như Ford Motor Company, General Motors, Siemens, v.v., vẫn là lợi nhuận. Và họ có được lợi nhuận bằng cách đầu tư để tăng năng suất, từ đó tối đa hoá lợi nhuận.

Tuy nhiên, tất cả đã thay đổi vào năm 2008. Điều đã xảy ra là giữa cuối những năm 1980 và những năm 2000, lĩnh vực tài chính đã tự tách rời khỏi lĩnh vực kinh tế. Cách kiếm tiền dễ dàng nhất giữa những năm 1980 và 2008 nằm trong tài chính, chứ không phải là sản xuất nữa. Tôi nghĩ rằng General Motors là một ví dụ tuyệt vời. Họ từng là một trong những nhà sản xuất ô tô lớn nhất thế giới thời đó. Nhưng vào những năm trước 2008 thì General Motors không còn là một công ty xe hơi nữa.

Thay vào đó, nó đã trở thành một công ty tài chính. Hầu hết những hoạt động của nó, tất cả lợi nhuận mà nó đang tạo ra đều đến từ việc đầu tư vào các công cụ

chứng khoán phái sinh. Và do đó, nó là một công ty tài chính, và chỉ sản xuất xe hơi khi rảnh.

Sự dịch chuyển từ lĩnh vực kinh tế sang lĩnh vực tài chính này được gọi là kỳ nguyên tân tự do, với những kẻ đầu cơ là Thủ tướng Anh Margaret Thatcher và tổng thống Mỹ Ronald Reagan từ những năm 1980 đến 2007. Trong thời kỳ này lĩnh vực tài chính chứng kiến sự tăng trưởng vượt bậc. Và vào năm 2008 thì nó đã trở nên lớn hơn lĩnh vực kinh tế gấp tới 100 lần. Sau đó, tất nhiên, khối tài chính đã sụp đổ dưới sức nặng của sự kiêu ngạo của chính nó.

Vào đúng thời điểm này, chủ nghĩa hậu tư bản xuất hiện. Sau khi Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) bơm tiền để cứu các ngân hàng sắp sụp đổ, máy in tiền của những ngân hàng khác như Ngân hàng Trung ương Châu Âu, Anh, Nhật Bản vẫn tiếp tục hoạt động cả ngày lẫn đêm để duy trì sự tồn tại của các tập đoàn lớn, ngay cả sau những khoảng thời gian tồi tệ nhất của cuộc khủng hoảng. Tại sao ư? Sau đợt bơm tiền đầu tiên, các chính quyền hy vọng rằng quá trình bơm tiền đã tái phân phối của cải thành công, và đã giúp các ngân hàng và công ty sống sót. Do đó, các ngân hàng trung ương cho rằng không còn lý do gì để tiếp tục bơm tiền mới vào. Sau khi nghe tin này, các công ty và ngân hàng đã quấy lên như một bệnh nhân sắp chết bị rút ống thở, và thị trường chứng khoán giảm sút nghiêm trọng. Vì vậy, để các công ty và ngân hàng không quấy nữa, các máy in vẫn phải hoạt động để duy trì sự sống của họ.

## **CÁI CHẾT CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN...**

Sự hỗ trợ của nhà nước trong việc duy trì các doanh nghiệp đã thay đổi chính nền tảng của chủ nghĩa tư bản. Từ giờ phút đó trở đi, các công ty có thể tích lũy tư bản mà không cần sản xuất ra bất cứ của cải gì. Tại sao các công ty lại làm được điều này? Cái này có liên quan tới cách vận hành của ngân hàng trung ương và các ngân hàng tư nhân. Những ngân hàng trung ương như Ngân hàng Trung ương



Châu Âu có duy trì một loại tài khoản đặc biệt mà chỉ các ngân hàng tư nhân mới sử dụng được. Sau năm 2008, những ngân hàng tư nhân sở hữu tài khoản này bỗng dưng nhận được thông báo từ Ngân hàng Trung ương rằng họ sẽ nhận được tới hàng chục tỷ đô la kích cầu. Nói cách khác, nó tương đương với việc ngân hàng trung ương tặng tiền miễn phí cho ngân hàng tư nhân, và bảo họ là làm gì với nó cũng được.

Thông thường, các chủ ngân hàng chỉ có thể kiếm lời từ số tiền kích cầu này bằng cách cho doanh nghiệp và người dân vay với lãi suất. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của suy thoái vẫn còn, nên các ngân hàng tự nhủ rằng: "À, chúng tôi sẽ không cho các doanh nghiệp nhỏ vay số tiền này, vì họ đang gặp khó khăn, họ có thể sẽ không trả lại, và ngay cả khi họ trả lại thì lãi suất sẽ không được đảm bảo." Vì vậy, thay vào đó, họ bỏ quên các doanh nghiệp nhỏ, và chỉ cho vay cho các công ty lớn như Siemens, Volkswagen, Alstom, Apple và Google: tức là những tập đoàn có khả năng trả lại số tiền đã vay cộng với lãi suất. Điều này đã dẫn tới sự kiện chưa bao giờ diễn ra trong lịch sử tư bản: các tập đoàn bỗng dưng tiết kiệm số tiền khổng lồ giữa thời kỳ suy thoái nặng. Điều này chưa xảy ra bao giờ.

Các công ty thường không tiết kiệm tiền. Người hay tiết kiệm là các hộ gia đình, những người như bạn và tôi. Nhưng các công ty thường hay để vay tiền, để đầu tư, để thuê người và thuê các công cụ sản xuất. Vì vậy, khi mà Apple đang tiết kiệm tới 200 tỷ đô la, thì bạn biết rõ là có điều gì đó đang sai sai.

Và điều đáng kinh ngạc nhất là các công ty có thể vay tiền mà không phải trả bất cứ đồng tiền lãi nào. Lý do là vì ngân hàng trung ương đã đẩy lãi suất xuống 0%, đôi khi xuống tận tỷ lệ âm, để cố gắng kích thích nền kinh tế, để kích thích đầu tư, cho dù bằng chứng cho thấy điều này không hiệu quả. Để dễ tưởng tượng thì bạn có thể hình dung cuộc trò chuyện giữa một tập đoàn với một ngân hàng tư nhân là như sau.

Ngân hàng Deutsche Bank nói: "Bạn có muốn vài tỷ Euro mà Ngân hàng Trung ương Châu Âu đã cho tôi vay không?"

Công ty Siemens sau đó hỏi: "Sau khi vay xong thì tôi phải trả lại với lãi suất bao nhiêu?"

Deutsche Bank trả lời: "Không một xu nào cả."

Tại sao không phải trả gì? Bởi vì các ngân hàng đã vay tiền ngân hàng trung ương với lãi suất âm. Nói cách khác, Ngân hàng Trung ương Châu Âu đang thậm chí đang phải trả thêm tiền cho Deutsche Bank để khuyến khích họ vay. Vì vậy, ngay cả khi Deutsche Bank trao hàng tỷ đô la đó cho Siemens, với lãi suất bằng 0, thì Deutsche Bank vẫn kiếm được tiền, vì ngân hàng trung ương đã tặng họ số tiền dư ra từ lãi suất âm rồi!

Vì vậy, các giám đốc của Siemens sẽ nói: "Được rồi, đưa tiền cho tôi," một cách miễn cưỡng, và điều họ sẽ làm là lên sàn giao dịch chứng khoán Frankfurt và mua lại cổ phiếu của Siemens. Bằng cách mua cổ phiếu của chính mình bằng tiền miễn phí đến từ Ngân hàng Deutsche Bank, những gì Siemens đang làm là đẩy giá cổ phiếu của chính mình lên. Và giám đốc nếu làm điều này thì thu nhập của anh ta, tiền thưởng của anh ta sẽ tăng lên một cách chóng mặt, vì lương của anh ta được liên kết với giá cổ phiếu. Vì vậy, anh ta mua thêm một căn hộ hoặc căn nhà đẹp hơn ở Berlin hoặc ở Frankfurt, đẩy giá tài sản và giá nhà lên cao, tạo ra sự bất bình đẳng lớn hơn giữa người giàu và người nghèo.

Bây giờ, quá trình này mà tôi vừa mô tả đã trở nên cố định vào giữa năm 2008 cho đến ngày nay (năm 2021). Vì vậy, giá cổ phiếu của các công ty đang ở mức rất tốt, và nó khiến họ vô cùng giàu có, nhưng họ không làm bất cứ thứ gì để có thể tận dụng nguồn tài nguyên này để phục vụ nhân loại, tạo việc làm có chất lượng tốt, đầu tư vào công nghệ xanh; không có bất cứ thứ gì xảy ra trong lĩnh vực đó. Lợi nhuận của các công ty ở mức rất thấp, nhưng giá trị của các công ty đã tăng

lên mức chưa từng thấy. Ví dụ điển hình nhất là Amazon. Nếu bạn nhìn vào những con số thực tế về lợi nhuận của Amazon, thì đúng là doanh thu của nó tăng lên, nhưng khả năng sinh lời là rất nhỏ so với sự gia tăng giá trị tài sản ròng của Jeff Bezos, bởi vì tài sản của anh ta bao gồm giá trị của cổ phiếu. Những cổ phiếu đó đang tăng vượt trần vì tiền của ngân hàng trung ương chuyển đến Ngân hàng Hoa Kỳ, đến JP Morgan, Goldman Sachs, và từ đó nó được chuyển đến Amazon. Sau đó, Amazon lấy số tiền này và chuyển đến sàn giao dịch chứng khoán New York để mua lại cổ phiếu của chính nó.

Có một vấn đề khác đối với vấn đề này, mà tôi nghĩ mọi người cần biết: Nếu bạn đến sở giao dịch chứng khoán New York ngày hôm nay và bạn nhìn vào thành phần của Sở giao dịch chứng khoán New York, bạn sẽ thấy rằng 90% doanh nghiệp được liệt kê thuộc quyền sở hữu của ba công ty mà rất ít người đã nghe nói đến: Blackrock, State Street và Vanguard. Ba công ty sở hữu các hãng hàng không, JP Morgan, Goldman Sachs, v.v. Đây là bằng chứng cho tôi thấy rằng ta không còn sống trong chủ nghĩa tư bản. Cả một thế giới kinh doanh nằm gọn trong tay ba công ty được giữ nổi bằng tiền nhà nước không phải là chủ nghĩa tư bản. Đó không phải là quan niệm của Adam Smith về chủ nghĩa tư bản. Đó không phải là quan niệm về chủ nghĩa tư bản mà những người như Milton Friedman, Friedrich von Hayek - bậc thầy vĩ đại của chủ nghĩa tư bản thị trường tự do - đã nghĩ đến khi họ bảo vệ chủ nghĩa tư bản. Những sự thay đổi mang tính lịch sử trên cũng đi kèm với sự phát triển công nghệ kỹ thuật số tuyệt vời. Và nó đã mang lại cho Amazon, Google và tất nhiên, Facebook năng lực tạo không gian mới, không gian kỹ thuật số mới, nơi mà tài sản được tạo ra, trao đổi và tích lũy.

## ...VÀ SỰ RA ĐỜI CỦA PHONG KIẾN CÔNG NGHỆ

Tất cả những gì tôi miêu tả ở trên đều ủng hộ giả thuyết của tôi rằng đây không phải là chủ nghĩa tư bản nữa. Khi bạn vào Amazon, hoặc vào Facebook trên máy tính, thì bạn đã thoát khỏi chủ nghĩa tư bản. Đột nhiên, bạn đang ở trong một không gian kỹ thuật số, nơi có những người đang làm mọi việc, mua đồ, bán đồ, nói, viết, sản xuất nội dung, tải lên video của riêng họ. Vì vậy, đó là không gian xã hội, không gian kinh tế, không gian chính trị, mà quyền sở hữu thuộc về duy nhất một người. Và một người đó tương đương với việc bạn đi trên đường phố thành phố của bạn và đột nhiên nhận ra rằng mọi thứ xung quanh bạn đều được sở hữu bởi đúng một người!

Mọi hàng hóa hoặc dịch vụ, cho dù đó là cửa hàng cắt tóc hay cửa hàng sản xuất và bán sô cô la, tiệm bánh, bất cứ thứ gì, mọi thứ trong đó có thể không thuộc sở hữu của duy nhất một người. Tuy nhiên, việc phân phối và bán các sản phẩm và dịch vụ được kiểm soát bởi đúng một cá nhân. Chính người đó cũng kiểm soát vỉa hè, không khí mà bạn hít thở, và thậm chí họ còn có thể túm lấy tóc bạn và đảm bảo rằng rằng bạn nhìn vào những gì anh ấy muốn bạn nhìn.

Con phố mà tôi vừa miêu tả - nó có phải là chủ nghĩa tư bản không? Không! Nó là chế độ phong kiến. Đó là định nghĩa của một thái ấp. Một thái ấp là một không gian mà bạn có một số cửa hàng, nhà ở, đất nông nghiệp, thợ rèn, nghệ nhân, câu lạc bộ, và cả một cộng đồng, nhưng tất cả đều thuộc quyền sở hữu của một người. Và kể cả những người sống ở vùng đất đó, về lý thuyết, cũng thuộc quyền sở hữu của lãnh chúa. Bây giờ, điều này khác với những gì chúng ta có ngày nay như thế nào? Không nhiều. Đó là một chế độ phong kiến công nghệ cao, vì các công ty có thể tích trữ của cải mà không cần tạo ra lợi nhuận.

Tại sao sự chuyển đổi này lại quan trọng? Ngoài lý do rõ ràng là sự hạn chế sự tự do nghiêm trọng, chế độ công nghệ-phong kiến không bao giờ có thể phát triển

được công nghệ và làm xúc tác cho sự thay đổi trong cách chúng ta cư xử. Từ đó, nó không thể cứu được khí hậu, cứu môi trường, để cứu hành tinh của chúng ta. Nó sẽ chỉ đơn giản làm suy yếu năng lực của chúng ta để tiếp tục tồn tại và để tái tạo chính chúng ta. Và chúng ta có thể đang thấy hậu quả của chế độ kỹ trị-phong kiến này là gì. Đúng, ta đang có những công ty đang đầu tư vào công nghệ xanh. Vâng, Liên minh Châu Âu, Joe Biden, đang nói về sự cần thiết của Chuyển đổi xanh, nhưng chúng tôi cần 10 nghìn tỷ đô la Mỹ mỗi năm để áp dụng chính sách này. Ngoài ra, số tiền đó để không chỉ được sử dụng cho các nước đã phát triển, mà nó bắt buộc phải được chuyển đến các nước đang phát triển, vì đó là nơi cần được đầu tư nếu chúng ta muốn ngăn chặn đà dẫn đến sự tuyệt chủng. Bây giờ, điều đó sẽ không xảy ra do bản chất của các lãnh chúa phong kiến, các lãnh chúa kỹ trị-phong kiến ngày nay, và các thể chế mà chúng ta đang có. Cho dù có là chính phủ liên bang của Hoa Kỳ, Quỹ Tiền tệ Quốc tế, Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Trung ương Châu Âu, Liên minh Châu Âu đi chăng nữa, thì họ đều là những tổ chức đồng lõa. Họ đang hưởng lợi rất nhiều từ chế độ phong kiến công nghệ này. Ta không thể thuyết phục họ bằng những lập luận thông minh được; ngay cả khi chúng ta thuyết phục họ được thì họ không thể đi ngược lại. Nếu họ làm vậy thì họ sẽ mất việc làm, và không còn được trả lương nữa. Do vậy, đó chính là cách mà cơ cấu kỹ trị-phong kiến duy trì chính nó.

## **BƯỚC TIẾP THEO LÀ GÌ? – 2 GIẢI PHÁP CHO XÃ HỘI XANH VÀ DÂN CHỦ**

Tôi không biết bạn như thế nào, nhưng tôi không muốn con gái tôi, Xenia, sống dưới thời phong kiến. Tôi không muốn con gái mình sống trong không gian kỹ thuật số có bản chất không khác gì phiên bản công nghệ cao của làng thời phong kiến mà tôi đã mô tả trước đây. Vì vậy, chúng ta có một nhiệm vụ rất khó khăn: tránh đi tiếp trên con đường hậu tư bản chủ nghĩa, vì nó sẽ dẫn chúng ta đến sự

tuyệt chủng trên quy mô toàn hành tinh. Để thực hiện được điều này, ta cần làm 2 bước.

Bước đầu tiên mà chúng ta cần - và tôi xin nói thẳng - là chủ nghĩa Keynes Xanh. Ý tôi là gì? Chúng ta cần lấy hàng núi tiền hiện có, và sử dụng nó để thực hiện quá trình chuyển đổi xanh, tạo ra các công việc xanh, chất lượng tốt mà xã hội cần. Ta cần phải có những tiền đề này để thay đổi hành vi của chúng ta, thay đổi cách ta sử dụng điện, năng lượng tái tạo, v.v. để ngăn chặn thảm họa khí hậu. Bây giờ, cá nhân, tất nhiên tôi muốn thấy Jeff Bezos bị đánh thuế. Chúng ta càng đánh thuế Jeff Bezos càng tốt. Không chỉ Jeff Bezos, mà tất cả những người rất thông minh, thông minh hơn tôi nhiều, nhưng đã sử dụng vị trí quyền lực của mình để ăn cướp cả nhân loại. Tuy nhiên, bạn biết đấy, việc đánh thuế sẽ không đủ nhanh hoặc đủ hiệu quả để thực hiện điều này. Ta không thể sử dụng hệ thống thuế xiêu vẹo của chúng ta để cung cấp 10 nghìn tỷ đô la cần thiết để thực hiện chuyển đổi xanh.

Đây là lý do tại sao chúng ta cần quay lại với chính sách Thỏa thuận mới của Franklin Roosevelt. Bạn sử dụng các công cụ tài chính công để hấp thụ thanh khoản và thúc đẩy nó vào việc phục vụ những gì xã hội cần. Tôi sẽ đặt nó trong bối cảnh châu Âu: Sáng mai châu Âu có thể làm gì? Hãy tưởng tượng một cuộc họp báo. Ngân hàng Đầu tư Châu Âu thông báo rằng họ đã được Hội đồng Liên minh Châu Âu (EIB) bật đèn xanh phát hành trái phiếu trị giá 600 tỷ mỗi năm. Và bên cạnh chủ tịch của Ngân hàng Đầu tư Châu Âu, bạn có Bà Christine Lagarde, Chủ tịch Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB), thông báo: "Có, chúng tôi sẽ mua những trái phiếu đó, nếu cần." Nếu EIB phát hành những trái phiếu đó, với sự hậu thuẫn của ECB, thì bạn sẽ rất vui khi giao số tiền đó cho EIB vì không có nơi nào khác mà bạn có thể gửi tiền của mình một cách an toàn. Vì vậy, đột nhiên, chúng ta sẽ có một khối tài sản khổng lồ trị giá 600 tỷ mỗi năm để ném vào chuyển đổi xanh, để tạo ra công ăn việc làm có chất lượng tốt, mua vắc

xin, làm tất cả những việc mà Châu Âu cần làm để giải quyết một số cuộc khủng hoảng mà chúng ta đang phải đối mặt.

Vì vậy, Chủ nghĩa Keynes Xanh, chúng ta cần nó, nhưng nó thực sự là chưa đủ. Và tại sao nó là không đủ? Bởi vì lịch sử của thế kỷ trước đã dạy chúng ta rằng chủ nghĩa Keynes hoặc Thỏa thuận Mới sẽ bị ngăn chặn bởi các nhóm lợi ích, những người phản đối sự kiểm soát nguồn lực tài chính bởi chính phủ này. Vì vậy, đó là lý do tại sao chính sách Keynes Xanh một bước đệm, nhưng vẫn chưa đủ và đó là lý do tại sao chúng ta cần bước thứ hai.

Bước thứ hai là gì? Chà, đó là một điều thực sự khó. Để thoát khỏi giai đoạn hậu tư bản này, chúng ta cần phải xem xét lại quyền sở hữu của các tập đoàn. Hiện tại, hãy hiểu rằng hầu hết các quyết định quan trọng xác định tương lai của nhân loại đều được đưa ra trong các cuộc họp chung của ban giám đốc các tập đoàn lớn. Không phải trong quốc hội, không trong đại hội, không trong các cuộc họp nội các, mà trong các phòng họp của tập đoàn. Và người tham gia là đại hội đồng của các tập đoàn lớn, chứ không phải nhân dân hay đại biểu của nhân dân. Đó chính là cách mà các quyết định ảnh hưởng tới sự tồn tại của nhân loại đang được đưa ra.

Các quyết định được đưa ra trong đại hội đồng cổ đông ra sao? Họ bỏ phiếu. Tuy nhiên, khác với quy tắc mỗi người một phiếu trong các cuộc bầu cử dân chủ quy mô quốc gia, trong các công ty thì bạn có thể bỏ tiền ra để mua số phiếu bầu của mình. Giả sử tôi muốn đề xuất rằng trong quốc hội thì chúng ta nên cho phép mua phiếu bầu. Bạn có thể có quyền chọn mua, bán, và tham gia thị trường tài chính dựa trên phiếu bầu. Bạn sẽ nghĩ rằng tôi điên, và bạn chắc chắn sẽ nghĩ rằng tôi là một mối nguy hiểm rõ ràng cho nền dân chủ và đối với các nguyên tắc cơ bản của quá trình ra quyết định tập thể. Và bạn không sai. Tuy nhiên, chúng ta hiện đang cho phép điều này xảy ra trong các phòng họp và hội đồng chung.

Do vậy, đã đến lúc phải xem xét lại cách thức sở hữu các công ty đang thống trị thế giới. Quan điểm của tôi là ta nên tạo ra một xã hội dựa trên thị trường, trong đó nguyên tắc chi phối là một nhân viên sẽ sở hữu một cổ phần. Bạn không thể trao đổi các cổ phần này, nhưng nó đóng vai trò là một phiếu bầu, giúp bạn có quyền định hình lại quyền sở hữu của các công ty. Thời điểm bạn bắt đầu làm điều đó, thời điểm bạn giới thiệu nguyên tắc này, thì mọi thứ sẽ thay đổi. Thị trường chứng khoán sẽ biến mất. JP Morgan và Goldman Sachs biến mất vì đột ngột mà không có cổ phiếu để giao dịch thì ngân hàng đầu tư chẳng có ích gì. Và rồi đột nhiên bạn có thể bắt đầu hình dung ra một xã hội dân chủ dựa trên thị trường không có chủ nghĩa tư bản, đó là sự thay thế cho chủ nghĩa hậu tư bản mà chúng ta đang phải đối mặt.

---

Nguồn bài viết:

Varoufakis, Y. (2021, 22 tháng 4). Yanis Varoufakis: Postcapitalism - its present, two possible futures and a story in between | DiEM25. <https://www.youtube.com/watch?v=zlkuA1mx0pc>



<b>CHƯƠNG PHỤ</b>	<b>Người lao động phải tự giải phóng chính mình</b>
<b>4</b>	

*Người lao động phải tự giải phóng mình, hơn là để tầng lớp tinh hoa giải phóng họ. Đó là một trong số ít các quy tắc tổ chức mà Marx và Engels đã từng đặt ra. Điều này không thể thương lượng được: những người theo chủ nghĩa xã hội phải tin tưởng vào việc người lao động tự giải phóng mình thông qua đấu tranh giai cấp.*

Tác giả: Neal Meyer

---

Trong hai tháng qua, hàng nghìn công nhân đã bỏ việc, đôi khi không có sự cho phép chính thức của ban lãnh đạo công đoàn của họ. Đây là câu chuyện lớn của năm 2022 – năm mà có số buổi đình công kỷ lục tại các quốc gia như Ấn Độ, Trung Quốc và Mỹ.

Những cuộc bãi công này sẽ làm nức lòng những người theo chủ nghĩa xã hội. Xét cho cùng, giai cấp công nhân là cốt lõi của lý thuyết về sự thay đổi xã hội của chúng ta. Nhưng chúng ta cũng suy nghĩ về cách có thể kết nối tốt hơn phong trào xã hội chủ nghĩa với những loại hình chiến đấu của giai cấp công nhân này.

Phong trào xã hội chủ nghĩa ngày nay vẫn đang trên đà phát triển. Quan niệm của nhiều người về xã hội chủ nghĩa vẫn đang rất mơ hồ. Nhiều người phải thực sự chật vật để giải thích rõ ràng về cách chúng ta đi từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội ra sao, hay chỉ đơn giản là giải thích chủ nghĩa xã hội là gì. Tất cả điều đó là dễ hiểu – sau nhiều thập kỷ nằm im, chủ nghĩa xã hội bây giờ mới bắt đầu trỗi dậy. Nhưng nếu chúng ta muốn liên kết phong trào xã hội chủ nghĩa với phong trào đình công của giai cấp công nhân, thì cần phải có sự chỉnh đốn lại về tư tưởng.

Để làm được điều này, chúng ta nên xem lại nền tảng tư tưởng của ta một cách không giáo điều. Và điểm khởi đầu hoàn hảo là hai nhà lý luận nổi tiếng nhất thế kỷ 20, Karl Marx và Friedrich Engels. Họ là những người đầu tiên xác định tại sao giai cấp công nhân có mối liên kết chặt chẽ như vậy tới chủ nghĩa xã hội, và là người đầu tiên nhận ra rằng công nhân có sức mạnh tiềm tàng để giành được nó.

## **TẠI SAO LẠI LÀ GIAI CẤP CÔNG NHÂN?**

Giai cấp công nhân là trung tâm của lý thuyết về xã hội chủ nghĩa của Marx và Engels. Theo Marx và Engels, có ba lý do tại sao công nhân sẽ là nòng cốt của phong trào chống tư bản.

Đầu tiên, sau khi nghiên cứu kỹ quá khứ, họ nhận thấy rằng một giai cấp - một nhóm người có vai trò giống nhau trong nền kinh tế - luôn bóc lột người khác. Giai cấp bóc lột sống nhờ sức lao động của giai cấp bị bóc lột, lấy thành quả của họ. Sự bóc lột đó đã dẫn đến sự phản kháng của những người bị bóc lột và sau đó là những cuộc đấu tranh giai cấp.

Cuộc đấu tranh giai cấp giữa chủ và nô lệ đã định hình thế giới cổ đại, còn cuộc đấu tranh giữa lãnh chúa và nông dân đã định hình thế giới phong kiến. Cuộc đấu tranh giữa các nhà tư bản (“giai cấp tư sản”) và công nhân (“giai cấp vô sản”) cũng định hình thế giới tư bản - và cuộc đấu tranh này cũng chính là yếu tố thúc đẩy sự thay đổi của nó. Trong Tuyên ngôn Cộng sản, Marx và Engels đã viết: “Xã hội nói chung ngày càng tách ra thành hai phe thù địch lớn, thành hai giai cấp lớn đối đầu trực tiếp với nhau: giai cấp tư sản và giai cấp vô sản”.

Nhưng điều đó chỉ giải thích tại sao Marx và Engels dự đoán rằng sẽ có mâu thuẫn giữa người lao động với các nhà tư bản.

Đây là lý do thứ hai giải thích tại sao Marx và Engels tin tưởng rằng công nhân sẽ đóng vai trò quyết định trong việc cải tạo xã hội. Cả hai người cho rằng công nhân

đều có những mục tiêu giống nhau, và những mục tiêu chung này sẽ giúp họ đoàn kết để đấu tranh và biến đổi thế giới theo cách có lợi hơn cho họ. Bị giai cấp tư bản bóc lột, công nhân không ngừng đánh trả. Thông qua xung đột, họ có thể giành được điều kiện sống và làm việc tốt hơn cho bản thân và gia đình, nhưng thắng lợi của họ thường bấp bênh và không được như mong muốn của họ, do tính chất cơ bản của sự bóc lột vẫn không thay đổi.

Trong quá trình đấu tranh của mình, người lao động có thể nhận ra rằng họ có chung lợi ích trong việc thay đổi nền kinh tế, vì sự thay đổi này sẽ có lợi cho mọi người. Tuy nhiên, việc nhận thức được điều này đôi khi khá khó khăn, và những người theo xã hội chủ nghĩa sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc thay đổi điều này.

Tuy nhiên, chỉ riêng lịch sử và lợi ích là không đủ để thay đổi thế giới. Lý do thứ ba tại sao Marx và Engels tin rằng giai cấp công nhân sẽ là tác nhân sự thay đổi xã hội nằm ở việc người lao động cũng có sức mạnh tiềm tàng. Sức mạnh đó đến từ số lượng của họ, và chức năng của họ ở trái tim của chủ nghĩa tư bản: nơi làm việc. Trong Tuyên ngôn, Marx và Engels đã viết, "Với sự phát triển của công nghiệp, giai cấp vô sản không chỉ tăng lên về số lượng; nó trở nên tập trung đông đảo hơn, sức mạnh của nó lớn lên, và nó cảm nhận sức mạnh đó rõ hơn."

Với tư cách là đại đa số xã hội, người lao động có khả năng áp đảo tầng lớp tư bản thiểu số. Và quan trọng hơn, người lao động có thể kiểm soát dòng lợi nhuận. Bằng cách đình công hoặc giảm sản lượng, họ có thể buộc giai cấp tư bản - giai cấp thống trị trong xã hội chúng ta ngày nay - phải thương lượng. Quyền lực đó mang lại cho người lao động những đòn bẩy to lớn mà họ có thể dùng để buộc các nhà tư bản phải thay đổi xã hội. Cuối cùng, họ cũng có thể dùng sức mạnh của mình để hất cẳng giai cấp tư bản hoàn toàn khỏi các vị trí quyền lực.

Tóm lại, Marx và Engels cho rằng công nhân 1) có số phận phải đụng độ với giai cấp thống trị của xã hội, 2) có chung lợi ích trong việc biến đổi xã hội, và 3) có sức mạnh cần thiết để làm điều đó. Đó là lý do tại sao Marx và Engels tin rằng công nhân có thể thay đổi thế giới.

Tất nhiên, họ không bao giờ phủ định việc liên minh. Họ coi những người thuộc tầng lớp trung lưu - chủ cửa hàng, trí thức, nông dân và những người khác - là đồng minh tiềm năng của phong trào công nhân. Nhưng họ nhận ra rằng dự án xã hội chủ nghĩa không thể đi đến đâu nếu không có cơ sở vững chắc là giai cấp công nhân.

## **NGUYÊN TẮC TỰ GIẢI PHÓNG**

Marx và Engels không quan tâm đến những âm mưu hay những cuộc đảo chính, được thực hiện bởi một số nhà cách mạng tinh hoa, như nhiều người cấp tiến trước đó. Họ nhấn mạnh rằng quá độ lên chủ nghĩa xã hội chỉ có thể được thực hiện bởi đại đa số xã hội, một liên minh của giai cấp công nhân với các đồng minh của họ, trong đó những người lao động đóng vai trò chủ đạo. Đây là lý thuyết của họ về cách xã hội có thể tự giải phóng khỏi sự thống trị của một giai cấp tư bản tàn nhẫn.

Marx đã đưa ra quan điểm này nổi tiếng nhất trong “ Các quy tắc của Quốc tế thứ nhất ”: “Việc giải phóng giai cấp công nhân phải được thực hiện bởi chính giai cấp công nhân.” Đó là một nguyên tắc cực kỳ quan trọng và nó chỉ ra bản chất dân chủ của dự án xã hội chủ nghĩa. Nhưng qua câu nói này thì Marx thực sự muốn nói gì về sự tự giải phóng của giai cấp công nhân?

Nguyên tắc của Marx về sự tự giải phóng của giai cấp công nhân là lời kêu gọi một phong trào dân chủ và sự tham gia của cộng đồng. Ta không thể có được một phong trào xã hội chủ nghĩa mà không có sự tham gia của đại đa số xã hội.

Điều đó không hề gây sốc đối với chúng ta ngày nay. Nhưng nó vô cùng quan trọng. Và đó là một nguyên tắc mà trong thực tế hầu hết các phong trào xã hội chủ nghĩa, từ các nhà dân chủ xã hội ở Tây Âu cho đến những người cộng sản trên toàn thế giới, đã nhanh chóng phản bội.

Thay vì xây dựng sự lãnh đạo và sự tham gia của những người bình thường, các nhà dân chủ xã hội và những người cộng sản thường cố gắng lãnh đạo hoàn toàn từ trên xuống. Họ đã xây dựng các đảng phái phi dân chủ và dùng bạo lực của nhà nước để cố gắng chuyển đổi xã hội. Khi làm như vậy, họ đã không đạt được mục tiêu ban đầu và thậm chí thường xuyên lạm dụng quyền lực của mình.

Một phong trào xã hội chủ nghĩa có hiệu quả thì phải kêu gọi giai cấp công nhân làm đầu tàu trong các cuộc đấu tranh, và nó phải đảm bảo rằng phong trào và các đảng viên phải tuân theo các quy tắc dân chủ. Ngay khi ra đời thì nó phải tập trung xây dựng đảng, đoàn thể và các phong trào xã hội gồm hàng triệu quần chúng nhân dân lao động và do công nhân lãnh đạo.

Để phong trào của chúng ta thành công, các tổ chức của chúng ta không thể chỉ bao gồm những người thuộc tầng lớp trung lưu, tức là những người chiến đấu thay mặt – chứ không phải chiến đấu bên cạnh – người lao động. Điều này cần thiết không phải là vì lý do đạo đức, mà là vì lý do chiến lược.

Chưa có bất cứ nơi nào trên thế giới mà một phong trào nhỏ của tầng lớp trung lưu lại có thể biến đổi xã hội thành một nơi tốt đẹp hơn được. Cần phải có các phong trào quần chúng của giai cấp công nhân để có thể giành được những thay đổi mang tính chuyển đổi. Chỉ riêng công nhân mới có số lượng, sự quan tâm và sức mạnh cần thiết để buộc các giai cấp thống trị phải nhượng bộ, và buộc họ phải hạ bệ.

Việc thu hút hàng triệu người thuộc tầng lớp lao động không phải là một việc dễ dàng. Nó đòi hỏi một cam kết mạnh mẽ đối với quy tắc dân chủ. Đó là lý do tại

sao các nhà xã hội dân chủ rất cam kết chuyển đổi phong trào lao động thông qua chiến lược đặt trọng tâm vào các thành viên thông thường. Điều này có hai mục đích: một là để có thể thu hút nhiều người hơn vào phong trào, từ đó bắt đầu dân chủ hóa nơi làm việc, và hai là đào tạo một thế hệ lãnh đạo công nhân mới.

Đó cũng là lý do tại sao chúng ta cam kết xây dựng các đảng chính trị dân chủ và các phong trào xã hội. Đào tạo một thế hệ lãnh đạo công nhân mới yêu cầu ta phải đưa nhiều người vào cuộc đấu tranh - không chỉ là những thành viên thông thường, mà còn là các nhà chiến lược và người ra quyết định. Thông qua đấu tranh (cộng với tranh luận và thảo luận với các đồng chí) thì ta mới biết được giới hạn của chủ nghĩa tư bản và sự cần thiết phải vượt ra khỏi nó. Đây chính là cách ý thức của con người được hình thành và phát triển theo hướng xã hội chủ nghĩa.

Cam kết tự giải phóng của chúng ta cũng xác định loại hình cải cách dân chủ mà chúng ta đấu tranh muốn đạt được. Là những người theo chủ nghĩa xã hội, chúng ta nên cam kết chuyển đổi nhà nước thông qua những cải cách như là viết lại hiến pháp. Đây là những thay đổi trao cho người dân thường quyền kiểm soát nhà nước lớn hơn. Cam kết này dựa trên quan điểm rằng sự tham gia dân chủ hơn sẽ mang lại mong muốn tự quản nhiều hơn, và sẽ làm tăng khả năng đạt được nó hơn.

Cuối cùng, chúng ta sẽ cần đại đa số tầng lớp lao động - hàng tỷ người trên toàn cầu - tham gia vào quá trình thực sự xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong một quá trình đi lên xã hội chủ nghĩa phức tạp và lâu dài, sẽ có hàng trăm nghìn cuộc xung đột lớn nhỏ. Ở mọi thành phố, thị xã và ở mọi nơi làm việc, mâu thuẫn giữa giai cấp tư bản và giai cấp công nhân sẽ bùng phát thành công khai. Những người lao động sẽ chiếm quyền kiểm soát cửa hàng, là người lãnh đạo các cuộc biểu tình lớn, lập kế hoạch đình công, giành chiến thắng trong cuộc bầu cử, đàm phán liên minh, quyết định chiến thuật, v.v.

Chỉ một phong trào tồn tại ở cơ sở và đã đào tạo đầy đủ một thế hệ lãnh đạo của giai cấp công nhân, mới có sức mạnh cần thiết để nhổ bỏ trật tự cũ và xây dựng trật tự mới trên đường lối dân chủ. Quá trình tự giải phóng cũng không có nghĩa là sẽ chấm dứt cùng lúc với cái chết của chủ nghĩa tư bản. Một thế giới xã hội chủ nghĩa sẽ là một thế giới trong đó mọi người đều được trao quyền theo một cách nào đó để giúp hình thành xã hội. Trong chủ nghĩa xã hội thắng lợi, giai cấp công nhân sẽ giành được quyền tự định đoạt số phận của mình.

Nguyên tắc tự giải phóng của giai cấp công nhân là một trong số ít các quy tắc thực tế để tổ chức xã hội chủ nghĩa mà Marx và Engels đã từng đặt ra. Và họ đã kiên định với nó ngay từ đầu. Như Engels đã viết trong lời nói đầu cho Tuyên ngôn Cộng sản : "Ngay từ đầu, quan niệm của chúng tôi là 'giải phóng giai cấp công nhân phải là hành động của chính giai cấp công nhân.'" Nhiệm vụ của chúng ta là phải khắc sâu quy tắc này vào các cuộc đấu tranh của chúng ta.

## **CUỘC CHIẾN ĐỂ GIÀNH LẤY CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**

Các cuộc đình công năm 2021 nhắc nhở chúng ta rằng cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân thực sự có thể xảy ra. Nếu hàng chục nghìn công nhân có thể mạo hiểm mọi thứ bằng cách rời bỏ công việc khi phong trào lao động còn đang hấp hối, hãy tưởng tượng điều gì có thể xảy ra khi chúng ta thực sự có tổ chức.

Cuối cùng, tăng lương và hưởng lợi tốt hơn là không đủ. Đó là những đòi hỏi thiết yếu, nhưng các ông chủ và giai cấp thống trị sẽ không kiên quyết giữ gìn các lợi ích này mà không chịu áp lực bên ngoài. Sớm hay muộn thì họ sẽ trở lại với yêu cầu cắt giảm lương mới. Chúng ta không muốn phải tiếp tục chiến đấu với những trận chiến này lặp đi lặp lại - và tất cả trong khi đang sống qua thảm họa khí hậu.

Đó là lý do tại sao chúng ta vẫn cần một chủ nghĩa xã hội dân chủ.

Để chuẩn bị cho việc thực hiện kế hoạch này, chúng ta cần đi sâu vào các câu hỏi về dân chủ, trách nhiệm và sự lãnh đạo. Chúng ta cần xác định rõ những yêu cầu của mình. Ta cũng nên tự hỏi xã hội đi theo xã hội chủ nghĩa có thể trông như thế nào - và quá trình chuyển đổi sang thế giới tốt đẹp hơn đó có thể diễn ra như thế nào.

Nhưng trên hết, phong trào xã hội chủ nghĩa cần có sức mạnh. Những cuộc đình công năm 2021 đã cho ta thấy sức mạnh này nằm ở đâu - chính là giai cấp công nhân. Sự thật này ngày càng nhắc nhở chúng ta về câu nói của 2 nhà lý luận vĩ đại nhất thế kỷ XX: “Giải phóng giai cấp công nhân phải là hành động của chính giai cấp công nhân”. Chỉ có người dân lao động mới có thể giành được một thế giới tốt đẹp hơn. Ngoài họ ra, không ai khác có thể làm được.

Nguồn bài viết:

Meyer, N. (2022, 13 tháng 1 ). Socialists Believe in Workers Liberating Themselves. <https://jacobin.com/2022/01/marx-engels-self-emancipation-working-class-socialism>



## Chủ nghĩa xã hội thế kỷ 21 sẽ trông như thế nào?

*Những người theo chủ nghĩa xã hội không thể xua tan những lo ngại về tính khả thi của một xã hội xã hội chủ nghĩa trong tương lai — chúng ta cần đưa ra cho mọi người những câu trả lời đáng tin.*

Tác giả: Sam Gindin

---

Khoảng bốn thập kỷ trước, khi Thatcher ngạo mạn khẳng định “không có lựa chọn thay thế nào”, một phe cánh tả tự tin có thể đã đảo ngược tuyên bố đó bằng cách nói thêm “vâng, thực sự không có lựa chọn thay thế thực sự nào – dưới chủ nghĩa tư bản”. Nhưng phe cánh tả như vậy không tồn tại. Cánh tả cấp tiến quá nhỏ để tạo nên bất kỳ cơn sóng nào, và các đảng dân chủ xã hội sau đó đã rút lui khỏi việc ủng hộ chủ nghĩa xã hội như là một hệ thống thay thế. Trong nhiều thập kỷ qua, các bước hướng tới sự chuyển đổi xã hội theo hướng bình đẳng và dân chủ triệt để – bất chấp sự ra đời của một “chủ nghĩa chống tư bản” mơ hồ – đã tiếp tục lùi xa.

Trong hai nhiệm vụ trọng tâm mà việc xây dựng chủ nghĩa xã hội đòi hỏi – 1 là thuyết phục một bộ phận dân chúng hoài nghi rằng một xã hội dựa trên quyền sở hữu công đối với các phương tiện sản xuất, phân phối và truyền thông trên thực tế có thể hoạt động và 2 là hành động để chấm dứt chế độ tư bản chủ nghĩa – thì trọng tâm chính của những cam kết ủng hộ chủ nghĩa xã hội thường tập trung vào việc đánh bại chủ nghĩa tư bản về phương diện chính trị. Xã hội ở cuối cầu vồng thực sự trông như thế nào, với một số ngoại lệ đáng chú ý, thường chỉ nhận được sự chú ý hời hợt. Nhưng khi mà chủ nghĩa xã hội vẫn đang bị gạt bên

lẽ thì sự ung dung khẳng định tính thực tiễn của chủ nghĩa xã hội sẽ không còn tác dụng. Việc thuyết phục mọi người tham gia vào một cuộc đấu tranh phức tạp và kéo dài, nhằm đưa đến những phương thức sản xuất, sinh sống và quan hệ mới đòi hỏi một sự cam kết sâu sắc hơn nhiều với sự thực tiễn của chủ nghĩa xã hội.

Đối với những người theo chủ nghĩa xã hội, việc thiết lập niềm tin của quần chúng vào tính khả thi của một xã hội xã hội chủ nghĩa hiện là một thách thức sống còn. Nếu không có niềm tin mới và không có cơ sở khoa học vào khả năng đạt được mục tiêu, thì gần như không thể tưởng tượng được việc hồi sinh và duy trì dự án xã hội chủ nghĩa được. Điều này, cần nhấn mạnh, không phải là vấn đề của *chứng minh* rằng chủ nghĩa xã hội là có thể (không thể xác minh tương lai) cũng như đặt ra một kế hoạch chi tiết kỹ lưỡng (như với việc dự đoán chủ nghĩa tư bản trước khi nó xuất hiện, những chi tiết như vậy không thể biết được), mà là trình bày một khuôn sườn, giúp góp phần cho thấy sự hợp lý của chủ nghĩa xã hội.

### **Khi hy vọng “vang bên tai chúng ta”**

Lời khiển trách của Marx đối với những người theo chủ nghĩa xã hội không tưởng và “lâu đài viên tưởng” đã vượt ra ngoài sự căng thẳng giữa mơ ước và thực hiện, mặc dù tất nhiên nó cũng nói lên điều đó. X Để nhấn mạnh rằng tầm nhìn của một người và các hành động tương ứng cần phải được đặt trên cơ sở phân tích xã hội và xác định tác nhân xã hội, Marx và Engels đã giới thiệu những gì có thể coi là sự trình bày ban đầu của chủ nghĩa duy vật lịch sử. X Họ lập luận rằng nếu không có lăng kính lịch sử, những người theo chủ nghĩa không tưởng đồng thời bị tụt hậu và chưa sớm vượt lên trước lịch sử: tụt hậu trong việc bỏ lỡ tầm quan trọng của một diễn viên cách mạng mới nổi, giai cấp vô sản; vội vàng chạy đua với việc tiếp thu bản thân bằng cách mô tả chi tiết một thế giới xa xôi mà sau đó

chỉ có thể được tưởng tượng bằng những thuật ngữ chung chung và trừu tượng nhất.

## **Mâu thuẫn ngấm trong xã hội chủ nghĩa**

Vào những dịp khi những người theo chủ nghĩa Mác đề cập đến bản chất của một xã hội xã hội chủ nghĩa trong tương lai, họ thường tránh đặt vấn đề về những khó khăn trong tương lai. Họ làm điều này để thuyết phục những người đa nghi rằng những khó khăn liên quan đến việc xây dựng một xã hội xã hội chủ nghĩa đã bị phóng đại quá mức. Tuy nhiên, người lao động hiểu rõ từ kinh nghiệm của họ về chủ nghĩa tư bản rằng việc xây dựng một xã hội mới sẽ không hề đơn giản. Việc thu hút những người mà chúng ta mong đợi sẽ dẫn đầu trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội bằng cách đánh lạc hướng họ về những khó khăn là hành vi khinh thường, và đơn giản là tự hại. Thay vào đó, điều cần thiết là trình bày trung thực về những rủi ro, chi phí và tình thế tiến thoái lưỡng nan mà dự án xây dựng xã hội chủ nghĩa sẽ phải đối mặt, bên cạnh những ví dụ và những dấu hiệu đầy hứa hẹn về cách giải quyết vấn đề một cách sáng tạo.

Khó khăn cơ bản của chủ nghĩa xã hội nằm ở chỗ: xã hội hoá tư liệu sản xuất kiểu gì? Người lao động có thể điều hành nơi làm việc của họ không? Nếu tài sản công được tổ chức thông qua nhà nước, thì sự kiểm soát của công nhân nằm ở đâu? Nếu tài sản xã hội được chia cho các tập thể công nhân, làm thế nào để lợi ích cụ thể của mỗi tập thể ăn khớp với lợi ích xã hội? Và những tập thể bị phân mảnh này có thể chống lại quyền lực tập trung không? Nói theo cách khác: quyền lực tập trung đi kèm với kế hoạch toàn diện có thể dân chủ hóa được không?

Những tình huống khó xử như vậy - mâu thuẫn có thể đúng hơn - không thể giải quyết được bằng cách kêu gọi sự phát triển hơn nữa của lực lượng sản xuất kế thừa từ chủ nghĩa tư bản, cho dù điều đó liên quan đến “sự kết thúc của sự khan hiếm” hay sự bùng nổ của sức mạnh máy tính, trí tuệ nhân tạo và big data đi

chẳng nữa. Chúng cũng không thể được giải quyết thông qua kỳ vọng rằng kinh nghiệm của “thực tiễn cách mạng” trong quá trình chấm dứt chủ nghĩa tư bản sẽ mang lại một mức độ ý thức xã hội chủ nghĩa có khả năng giải quyết những câu hỏi như vậy một cách tương tự. Và cũng không thể tránh đưa ra câu hỏi về việc tập trung quyền lực khi áp dụng kế hoạch hoá tập trung bằng cách khẳng định — trên cơ sở một sự kết hợp nào đó giữa việc chấm dứt tình trạng khan hiếm, ý thức xã hội cao hơn và một sự dân chủ hoá trên lý thuyết — rằng “sự tàn lụi của nhà nước” sẽ tới.

Sự khan hiếm - việc đưa ra lựa chọn giữa các cách sử dụng thời gian lao động và nguồn lực thay thế - khó có thể kết thúc, bởi vì nhu cầu, ngay cả khi chuyển thành nhu cầu tập thể/xã hội chủ nghĩa, có bản chất linh hoạt: chúng có thể tiếp tục phát triển. Hãy nghĩ đến việc tăng chất lượng chăm sóc sức khỏe, giáo dục, chăm sóc người già, và việc mở rộng nghệ thuật và không gian văn hóa - tất cả đều đòi hỏi thời gian lao động và cả những cái vật chất bổ sung. Điều này có nghĩa là chúng yêu cầu sự lựa chọn.

Hơn nữa, việc tính toán mức độ khan hiếm đặc biệt không thể bỏ qua thời gian rảnh rỗi, với thời gian rảnh rỗi đại diện cho “lãnh địa của tự do”. Ngay cả khi chúng ta đã sản xuất đủ những gì chúng ta muốn, miễn là một phần lao động đó không hoàn toàn tự nguyện thì sự khan hiếm thực sự về thời gian lao động hoặc hàng hóa/dịch vụ sẽ vẫn còn tồn tại. Người lao động thậm chí có thể thích công việc của họ và coi chúng là phương tiện giúp họ thể hiện sự sáng tạo và sự hài lòng, nhưng - ngoại trừ trường hợp họ không muốn về sớm thường xuyên - thì ta cần phải có thêm một số động lực để bù đắp cho sự hy sinh trong việc cung cấp những giờ lao động đó. Động lực đó là thước đo sự dai dẳng của khan hiếm hiệu quả. Và một khi sự khan hiếm được thừa nhận là khôn khổ cố hữu và cơ bản là lâu dài trong quá trình tái cấu trúc xã hội, câu hỏi về việc đưa ra động lực một cách có hệ thống trở nên tối quan trọng. Đây không chỉ là vấn đề thúc đẩy làm

việc đủ số giờ, mà còn ảnh hưởng đến cường độ và chất lượng của nó, và ảnh hưởng đến nơi mà công việc đó được tận dụng tốt nhất (nghĩa là xác định sự phân công lao động tổng thể của xã hội).

Đối với sức mạnh cứu thế của máy tính, vai trò của nó trong kiểm soát hàng tồn kho và giao hàng đúng lúc, cũng như tiềm năng ngoạo mục của dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo chắc chắn sẽ giúp đỡ [1] trong việc giải các bài toán quy hoạch cụ thể. Có lẽ thậm chí quan trọng hơn là khả năng [2] điều chỉnh lại sức mạnh máy tính để nó có thể cung cấp thông tin phi tập trung, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các quyết định của tập thể công nhân, cũng như là liên kết các tập thể với những nơi làm việc khác. Tuy nhiên, không thể dựa vào máy tính để giải quyết các vấn đề tổng thể của kế hoạch hóa xã hội chủ nghĩa. Điều này vượt ra ngoài sự tranh cãi về việc liệu những đột phá trong tương lai về sức mạnh tính toán có thể đối phó với lượng dữ liệu khổng lồ liên quan đến các tương tác và thay đổi đồng thời của một xã hội hay không. Điều quan trọng là chất lượng thông tin đầu ra của máy tính phụ thuộc hoàn toàn vào chất lượng và tính đầy đủ của thông tin đầu vào. Nói theo cách khác, nếu đầu vào là rác thì đầu ra không thể là vàng được. Đây là điều mà siêu máy tính cũng không thể giải quyết được.

Đây không phải là vấn đề thứ yếu. Một vấn đề thường gặp [3] trong chương trình kế hoạch hoá kiểu Xô-viết là việc cả quản lý và công nhân đều giấu giếm thông tin chính xác một cách có hệ thống. Do sản lượng trong năm hiện tại sẽ ảnh hưởng đến mục tiêu của năm tiếp theo, và mục tiêu thấp hơn thường cho phép có được những lợi ích một cách dễ hơn, nên các nơi làm việc đã âm mưu che giấu tiềm năng sản xuất thực tế. Friedrich Hayek, nhà kinh tế-triết học và người bảo thủ cố hữu, đã chỉ ra những động cơ như vậy để củng cố lập luận của ông rằng chủ nghĩa xã hội đơn giản là không có cấu trúc thích hợp để tạo ra thông tin, kiến thức và tiềm năng không thể thiếu cho sự vận hành của một xã hội phức tạp. Và ngay cả khi điều này đã được cải thiện và một kế hoạch nhất quán được thiết lập,

thì kế hoạch đó không nhất thiết sẽ được thực hiện. Trong chủ nghĩa tư bản, tính kỷ luật khiến mọi người tuân theo các quy tắc tuy có nhiều vấn đề nhưng đã được tích hợp vào quá trình thu thập, phổ biến và áp dụng thông tin. Dưới chủ nghĩa xã hội, uỷ ban kế hoạch hoá có thể, với danh nghĩa hoàn thành kế hoạch, bắt ban quản lý hoặc hội đồng lao động phải hành động theo một số chỉ thị nhất định - nhưng nếu họ không làm theo thì sao?

Mức độ ý thức cao hơn dường như là một câu trả lời rõ ràng ở đây. Điều này có nghĩa rằng tác động tới ý thức của việc tham gia đánh bại chủ nghĩa tư bản chắc chắn sẽ là trọng tâm của việc xây dựng xã hội mới. Việc thoát khỏi sự cam chịu do chủ nghĩa tư bản gây ra, và việc khám phá những năng lực mới của cá nhân và tập thể rõ ràng là không thể thiếu trong việc thúc đẩy việc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhưng nếu không có các cơ chế khuyến khích thích hợp và các cấu trúc có liên quan giúp tiếp cận thông tin chính xác, tâm lý bùng cháy của những nhà cách mạng sẽ không thể được duy trì đủ mạnh để từ đó củng cố một xã hội xã hội chủ nghĩa được.

Vấn đề đầu tiên là về thể hệ. Khi thời gian trôi qua, sẽ có ít người được trải nghiệm tinh thần sôi nổi của cuộc cách mạng. Sau đó, có một thực tế là các kỹ năng được phát triển trong quá trình vận động chính trị để *lật đổ* một xã hội không nhất thiết phù hợp với tình cảm dân chủ và kỹ năng quản trị cần thiết để *xây dựng* một xã hội mới. Hơn nữa, ngay cả trong số những người tham gia ban đầu của cuộc cách mạng, ý thức cao độ của thời điểm cách mạng không thể đơn giản được phóng chiếu vào thế giới bình thường để đáp ứng nhu cầu hàng ngày được. Khi những công nhân này trở thành những nhà quản lý mới của xã hội, không thể cho rằng những vấn đề về quan liêu và tư lợi chắc chắn sẽ trở thành những vấn đề của ngày hôm qua.

Christian Rakovsky, một người tham gia Cách mạng Nga và sau đó là một nhà bất đồng chính kiến bị lưu đày nội bộ dưới thời Stalin, đã miêu tả sự ăn mòn tinh

thần cách mạng này [4]. “Tâm lý của những người được giao nhiều nhiệm vụ chỉ đạo trong quản lý và kinh tế của nhà nước đã thay đổi không chỉ về mặt khách quan mà cả về mặt chủ quan, không chỉ về vật chất mà cả về mặt đạo đức, họ không còn là một một phần của chính tầng lớp lao động đó.” Ông lập luận rằng điều này là đúng mặc dù giám đốc nhà máy là “một người cộng sản, mặc dù có nguồn gốc vô sản, mặc dù thực tế rằng ông ta là một công nhân nhà máy cách đây vài năm”. Ông kết luận, với một chút chán nản, rằng “Tôi không phóng đại khi nói rằng chiến binh của năm 1917 sẽ khó nhận ra chính mình vào năm 1928.” Mặc dù điều này phản ánh những hoàn cảnh đặc biệt của kinh nghiệm Nga, nhưng sẽ là một sai lầm nếu bỏ qua khả năng suy thoái mà tất cả các cuộc cách mạng phải đối mặt.

Điều quan trọng, ngay cả với giả định hào hùng rằng ý thức xã hội chủ nghĩa phổ quát đã đạt được, câu hỏi vẫn là làm thế nào các cá nhân hoặc hợp tác xã, bị giới hạn bởi các địa điểm bị phân mảnh của chính họ, tìm ra điều đúng đắn cần làm là gì. Bản thân các cấp độ ý thức xã hội chủ nghĩa cao nhất cũng không thể giải đáp được tình thế tiến thoái lưỡng nan này. Khẳng định rằng công nhân sẽ đưa ra quyết định là một chuyện, nhưng chẳng hạn, làm thế nào để công nhân trong một nhà máy thiết bị cân nhắc xem có nên tăng cường sử dụng nhôm thay vì để nhôm đó cho các mục đích xã hội có giá trị hơn ở nơi khác không? Hoặc trong việc quyết định cách phân bổ “thặng dư” cuối năm của họ, nên tái đầu tư bao nhiêu vào công ty của chính họ so với các công ty khác? Hoặc nếu một nhóm công nhân muốn đổi một phần thu nhập để lấy số giờ làm việc ngắn hơn, thì làm thế nào họ có thể đo lường và so sánh lợi ích mang lại cho bản thân so với thiệt hại về sản phẩm hoặc dịch vụ cho xã hội?

Hayek lập luận rằng một phần lớn các kiến thức đó là kiến thức “ngầm” hoặc tiềm ẩn — kiến thức không chính thức về sở thích của người tiêu dùng và tiềm năng sản xuất thường không được đánh giá rõ ràng ngay cả bởi các tác nhân xã

hội có liên quan trực tiếp. Nó chỉ xuất hiện thông qua các phản ứng đối với các hạn chế về hệ thống, sự khuyến khích và cơ hội, chẳng hạn như, theo cách nói của Hayek, các lựa chọn cá nhân được thực hiện thông qua thị trường, cũng như là áp lực để tối đa hóa lợi nhuận. Điều này bao gồm “kiến thức được khám phá” — thông tin chỉ được tiết lộ thông qua quá trình cạnh tranh giữa các công ty. Nhờ quá trình này, hàng hóa thay thế, máy móc, dịch vụ hoặc hình thức tổ chức công việc tốt hơn sẽ được quyết định. Hayek tuyên bố, sức mạnh của chủ nghĩa tư bản là nó mang lại những tri thức tiềm ẩn, được nội tâm hóa như vậy lên bề mặt trong khi chủ nghĩa xã hội, bất kể nó hy vọng lập kế hoạch đến mức nào, không thể tiếp cận hoặc phát triển một cách hiệu quả các tri thức mà việc lập kế hoạch thành công sẽ dựa vào.

Đối với tất cả những thành kiến về ý thức hệ và giai cấp vốn có của nó, không thể bỏ qua phê bình này. Lập luận của Hayek không thể bị lật ngược lại bằng cách cho rằng các nhà tư bản cũng thực hiện kế hoạch hoá. Bên cạnh thực tế là quy mô tổ chức một xã hội toàn diện theo cách phi thị trường có mức độ khác với việc tổ chức một công ty, hoặc tập đoàn, việc giải quyết các tính toán nội bộ của một công ty dưới chủ nghĩa tư bản có một lợi thế mà kế hoạch hóa xã hội chủ nghĩa tập trung sẽ không có: họ có giá thị trường bên ngoài và các tiêu chuẩn định hướng thị trường để đo lường chính mình. Về cơ bản, việc kế hoạch hoá trong các công ty dựa vào các cấu trúc mang lại cho ban quản lý sự linh hoạt và quyền hạn trong việc phân bổ và sử dụng lao động. Để lập kế hoạch dựa trên sự kiểm soát của người lao động, cần có một lực lượng sản xuất hoàn toàn mới, tức khả năng quản lý và điều phối nơi làm việc một cách dân chủ.

Những kỳ vọng về sự sung túc đầy đủ hoặc gần như đầy đủ, cùng với ý thức xã hội hoàn hảo hoặc gần như hoàn hảo, có một hệ quả nữa: chúng hàm ý sự suy giảm đáng kể, nếu không muốn nói là kết thúc, của các xung đột xã hội thực chất và do đó loại bỏ tất cả các nhu cầu về “tác động bên ngoài”. Sự lụi tàn của nhà nước



cũng bắt nguồn từ cách chúng ta hiểu bản chất của nhà nước. Nếu các nhà nước chỉ còn là các thể chế áp bức, thì dân chủ hóa nhà nước *theo định nghĩa* sẽ mang lại [5] sự lụi tàn của nhà nước (“nhà nước hoàn toàn dân chủ” trở thành một nghịch lý). Mặt khác, nếu nhà nước được coi là một tập hợp các thể chế chuyên biệt không chỉ hòa giải các khác biệt xã hội và giám sát kỷ luật tư pháp mà còn giám sát việc thay thế quyền bá chủ của giai cấp và thị trường cạnh tranh bằng việc kế hoạch hóa dân chủ nền kinh tế, thì nhà nước có khả năng sẽ có một vai trò *lớn hơn* trong chủ nghĩa xã hội.

Đây không phải là vấn đề về mặt ngữ nghĩa. Các suy tư về sự biến mất của nhà nước có xu hướng bỏ qua toàn bộ các vấn đề như: độ hiệu quả của nhà nước; cân bằng quyền lực nhà nước với sự tham gia nhiều hơn từ bên dưới; làm thế nào để bắt đầu những trải nghiệm và học tập không dựa quá nhiều vào phương pháp ban đầu là giới thiệu chủ nghĩa xã hội, mà thay vào đó tạo thành một triết lý thực hành liên tục, có chức năng nuôi dưỡng giáo dục, ý thức, và văn hóa xã hội chủ nghĩa [6]. Việc chấp nhận sự tồn tại của nhà nước sẽ giúp chuyển trọng tâm cuộc bàn luận sang *việc chuyển đổi* nhà nước tư bản được kế thừa thành một nhà nước dân chủ, xã hội chủ nghĩa, có chức năng làm trung tâm của việc suy nghĩ lại một cách sáng tạo về tất cả các thể chế. Ngay cả khi quá trình dân chủ hóa bao gồm việc phi tập trung hoá một số chức năng của nhà nước, thì việc thúc đẩy chủ nghĩa xã hội hậu cách mạng cũng có thể bao gồm (như chúng ta sẽ thấy) nhu cầu tăng một số vai trò khác của nhà nước.

Nói tóm lại, việc xây dựng dựa trên các lực lượng sản xuất kế thừa từ chủ nghĩa tư bản và ý thức được phát triển trong quá trình chuyển đổi sang chủ nghĩa xã hội là một chuyện, nhưng đặt những hy vọng thổi phồng xã hội chủ nghĩa vào chúng - coi chủ nghĩa tư bản là tác nhân biện chứng của chủ nghĩa xã hội lại là một chuyện khác. Mức độ mà các thành tựu quản lý và sản xuất của chủ nghĩa tư bản có thể được sao chép, điều chỉnh và áp dụng bởi những người không chuyên

trong một hình thức dân chủ và xã hội hóa là một câu hỏi cần được đặt ra, chứ không phải là phỏng đoán một cách máy móc. Bây giờ chúng ta chuyển sang cụ thể hóa thách thức này.

## Chủ nghĩa xã hội và thị trường

Trọng tâm của việc công hữu hoá tư liệu sản xuất là mâu thuẫn giữa quy hoạch và thị trường. Trong phần này, chúng tôi nhấn mạnh rằng bài viết này sẽ không cho là kế hoạch hoá và thị trường là hai khái niệm mâu thuẫn với nhau. Thay vào đó, điều bài viết này làm là khám phá các cơ chế thể chế sáng tạo, có khả năng cấu trúc lại vị trí của việc lập kế hoạch *kết hợp* với thị trường. Marx đã lập luận một cách đúng đắn rằng việc ca ngợi bản chất tự nguyện và hiệu quả của thị trường, mà không tính đến các mối quan hệ xã hội cơ bản mà chúng gắn liền, sẽ gây nên sự tôn sùng thị trường. Nhưng thị trường cũng được tôn sùng khi chúng bị khước từ hoàn toàn và được coi là có một cuộc sống riêng, tách rời khỏi những mối quan hệ cơ bản đó. Vị trí của thị trường dưới chủ nghĩa xã hội là vấn đề vừa mang tính nguyên tắc, vừa mang tính thực tiễn — và giải quyết vấn đề này yêu cầu phải có cách tiếp cận sáng tạo tới những mâu thuẫn giữa hai vấn đề này. Một số thị trường sẽ bị loại bỏ dưới chủ nghĩa xã hội, một số được hoan nghênh và một số được chấp nhận một cách miễn cưỡng nhưng với những hạn chế về xu hướng phản xã hội của chúng.

Việc bác bỏ thị trường để nhường quyền quyết định cho các nhà hoạch định trung ương đi ngược lại thực tế rằng, như nhà hoạch định trung tâm Liên Xô Yakov Kronrod lưu ý trong những năm 1970 [7], đời sống kinh tế và xã hội đơn giản là quá đa dạng, quá năng động và quá khó đoán để có thể được lên kế hoạch hoàn toàn từ trên xuống. Không có năng lực lập kế hoạch nào có thể dự đoán đầy đủ những thay đổi liên tục xảy ra giữa các nhóm địa phương bán tự trị - thứ mà chính chủ nghĩa xã hội khuyến khích thành lập. Việc kế hoạch hoá cũng gây khó khăn cho những nhà hoạch định trong việc phản ứng mà không có độ trễ rõ rệt

và gây gián đoạn, do nhiều thay đổi nói trên có hậu quả ảnh hưởng rõ rệt tới nơi làm việc và cộng đồng. Do đó, việc đặt quá nhiều gánh nặng lên kế hoạch tập trung có thể phản tác dụng; các kế hoạch hoạt động tốt nhất nếu chúng tập trung vào một số lượng hạn chế các biến số chính, và không ôm đồm quá nhiều thông tin.

Hơn nữa, bàn tay nặng nề của “hệ thống phân bổ hành chính rộng lớn và phức tạp” mang đến mối đe dọa, như được minh họa ở Liên Xô trước đây, về lợi ích nhóm giữa những người nắm giữ các đỉnh cao chỉ huy của nền kinh tế – các nhà hoạch định trung ương, người đứng đầu các bộ, người quản lý nơi làm việc – thành cái mà Kronrad gọi là “đầu sỏ xã hội”. Khi chế độ đầu sỏ đó thúc đẩy việc tuân thủ các kế hoạch cứng nhắc của mình, nó cũng làm gia tăng chủ nghĩa độc đoán và quan liêu hóa (Kronrod không phải là người duy nhất đưa ra lập luận này, nhưng ông đặc biệt kiên quyết với nó). Nếu việc áp dụng biện pháp nặng tay được nối lỏng bằng cách thiết lập các “thông số” phải được đáp ứng, thì điều này đồng nghĩa với việc áp dụng biện pháp thưởng cho việc tuân thủ và hình phạt cho việc thực hiện kém. Những biện pháp thưởng như vậy mang lại những vấn đề giống như thị trường nhưng dưới một hình thức khác, một vấn đề thậm chí có thể không bao gồm một số lợi thế của thị trường chính thức.

Albert và Hahnel cũng chống thị trường nhưng phản đối việc kế hoạch hoá trung ương. Mô hình sáng tạo và tỉ mỉ của họ dựa trên các đại diện được bầu từ các cộng tác xã gặp gỡ các đại diện từ các nhà cung cấp, khách hàng và cộng đồng bị ảnh hưởng. Cộng đồng phải ở đó vì cộng đồng có quyền lợi trong các quyết định tiêu dùng, cũng như là vì tác động của những quyết định đó đối với đường xá, giao thông, nhà ở, điều kiện môi trường, v.v. Tổng thể, tất cả các bên sẽ cùng nhau phát triển các kế hoạch mà mọi bên đều đồng ý, và vì các kế hoạch rất có thể sẽ không phù hợp ngay lập tức với các điều kiện cung và cầu rộng lớn hơn trong nền

kinh tế, một quá trình lặp đi lặp lại của các cuộc họp lặp đi lặp lại để tiến gần hơn đến sự cân bằng, cuối cùng có thể thu hẹp khoảng cách.

Điều này có thể phát huy hiệu quả trong một số trường hợp cụ thể và có lẽ sẽ trở nên quan trọng hơn theo thời gian khi các bên học được những lối tắt, những đổi mới về máy tính đẩy nhanh quá trình họp, và các mối quan hệ xã hội được xây dựng. Nhưng như một giải pháp chung, nó đơn giản là không khả thi. Bối cảnh khan hiếm, nhiều lợi ích khác nhau và không có trọng tài bên ngoài dưới bất kỳ hình thức nào có khả năng dẫn đến xung đột không hồi kết hơn là sự đồng thuận thoải mái của cả hai bên. Do sự phụ thuộc lẫn nhau giữa sản xuất và tiêu dùng, cùng với hậu quả của vô số quyết định được đưa ra và sửa đổi *trong cùng một lúc*, và từng hậu quả này có thể dẫn tới hiệu ứng domino, một quá trình như vậy khó có thể tránh khỏi cảnh các cuộc họp diễn ra liên tục.

Thị trường sẽ là yếu tố cần thiết dưới chủ nghĩa xã hội. Nhưng một số loại thị trường nhất định phải được từ chối một cách dứt khoát. Điều này đặc biệt đúng đối với thị trường lao động. Lập luận ủng hộ điều này là như sau. Việc lên kế hoạch - khả năng hình dung những gì sắp được xây dựng - là một đặc trưng của của con người: “Điều phân biệt kiến trúc sư tồi nhất với những con ong giỏi nhất là kiến trúc sư xây dựng cấu trúc của mình trong trí tưởng tượng trước khi dựng nó lên trong thực tế.” [8]. Một lời chỉ trích cốt lõi chống lại chủ nghĩa tư bản là việc hàng hóa hóa sức lao động đã cướp đi năng lực lên kế hoạch của người lao động. Các nhà tư bản lập kế hoạch, các quốc gia tư bản lập kế hoạch và người lao động với tư cách là người tiêu dùng cũng lập kế hoạch. Tuy nhiên, khi bán sức lao động của mình để sống, người lao động với tư cách là *nhà sản xuất* đã từ bỏ năng lực lập kế hoạch và tiềm năng sáng tạo của chính mình. Tội lỗi nguyên thủy này của chủ nghĩa tư bản là nền tảng cho sự suy thoái chính trị và xã hội rộng nói chung của giai cấp công nhân dưới chủ nghĩa tư bản.

Tuy nhiên, câu hỏi về tái phân bổ lao động vẫn còn và, nếu người lao động có quyền chấp nhận hoặc từ chối nơi làm việc, thì điều này ngụ ý rằng một loại thị trường lao động vẫn tồn tại. Nhưng đây sẽ là một thị trường lao động thuộc loại rất đặc biệt, hạn chế và không mang tính chất hàng hoá. Dựa trên nhu cầu thu hút lao động vào các ngành hoặc khu vực mới, ban kế hoạch trung ương sẽ đặt ra mức lương cao hơn (hoặc nhà ở và tiện nghi xã hội thuận lợi hơn), điều chỉnh chúng khi cần thiết nếu lực lượng lao động thiếu hụt. Trong khuôn khổ tiền lương do ban kế hoạch trung ương đặt ra, các hội đồng ngành cũng có thể tăng lương để phân bổ người lao động xuyên suốt các nơi làm việc hoặc vào những nơi mới. Tuy nhiên, người lao động không thể bị sa thải cũng như mất việc chỉ vì nơi làm việc đóng cửa, và nếu có sự thiếu hụt chung về nhu cầu so với nguồn cung, một giải pháp là kích thích nhu cầu hoặc giảm thời gian làm việc, thay vì thành lập một đội quân lao động dự bị để kỷ luật người lao động.

Bên cạnh việc giới hạn thị trường lao động, thị trường vốn cũng phải bị cấm. Các lựa chọn về nơi đầu tư là những lựa chọn có liên quan đến mọi khía cạnh trong cuộc sống của chúng ta, và nó định hình các mục tiêu và lựa chọn trong tương lai. Các chỉ số kinh tế có thể được đưa vào để đưa ra các quyết định như vậy, nhưng lý do cơ bản chung cho các chỉ số như vậy — khả năng so sánh các lựa chọn thay thế dựa trên một bộ tiêu chí kinh tế tiền tệ hẹp — gặp khó khăn, do sự phức tạp của việc xác định những gì cần đánh giá. Dù vậy, tín dụng sẽ tồn tại dưới chủ nghĩa xã hội dưới dạng cung cấp tín dụng cho người tiêu dùng, quỹ cho cá nhân hoặc công ty nhỏ khởi nghiệp, hoặc hợp tác xã khi giải quyết khoảng cách giữa mua và bán. Tuy nhiên, thị trường tài chính dựa trên việc tạo ra các hàng hóa tài chính sẽ có không có chỗ dưới chủ nghĩa xã hội.

Mặt khác, liệu ai có thể hình dung một chủ nghĩa xã hội mà không có thị trường của các quán cà phê và tiệm bánh, nhà hàng nhỏ và đủ loại quán rượu, cửa hàng quần áo, cửa hàng thủ công và cửa hàng âm nhạc? Nếu các điều kiện cơ bản của

sự bình đẳng được thiết lập sao cho những thị trường này tồn tại do sở thích cá nhân, chứ không phải là sự biểu hiện quyền lực, thì không có lý do gì để không chào đón chúng. Tuy nhiên, khi chuyển sang bàn luận về các hoạt động thương mại của hợp tác xã, vai trò của thị trường sẽ có ý nghĩa lớn nhất và gây tranh cãi nhất.

Để giải quyết những tình huống khó xử liên quan đến các hợp tác xã hoạt động thông qua thị trường, ta phải bắt đầu bằng một bản phác thảo nhanh về hợp tác xã dưới chủ nghĩa xã hội. Ngoài việc tự kinh doanh và tham gia một hợp tác xã cung cấp dịch vụ địa phương, công nhân thường kiểm soát nhưng không sở hữu nơi làm việc của họ. Nơi làm việc là tài sản xã hội; quyền sở hữu nằm ở các cơ quan nhà nước thành phố, khu vực hoặc quốc gia. Người lao động không nắm giữ cổ phiếu có thể bán được hoặc chuyển cho gia đình của họ - lợi nhuận tư nhân đến từ đầu tư không tồn tại dưới chủ nghĩa xã hội. Mặc dù những người lao động cá nhân có thể rời bỏ công việc của họ và tìm việc ở nơi khác, hợp tác xã thì không thể quyết định đóng cửa nơi làm việc của họ vì nó không phải là tài sản của họ để đóng cửa. Nếu nhu cầu đối với hàng hóa hoặc dịch vụ được sản xuất giảm dần, các hợp tác xã sẽ được dịch chuyển sang các hoạt động khác.

Công nhân không làm việc cho “người khác”, mà tổ chức sức lao động của họ một cách tập thể với phần thặng dư sau thuế được chia cho nhau. Thu nhập sẽ không dựa trên việc nhận “thành quả lao động (cá nhân) của chính bạn” vì công việc là hoạt động tập thể, không phải hoạt động cá nhân. Những người làm việc được trả lương cho lao động của họ, dựa trên số giờ làm việc, cường độ hoặc mức độ khó chịu của công việc. Tất cả mọi người, dù có việc làm hay không, đều nhận được một mức lương xã hội — các dịch vụ tập thể miễn phí hoặc gần như miễn phí phổ biến được phân phối theo nhu cầu (ví dụ: y tế, giáo dục, chăm sóc trẻ em, giao thông vận tải) cũng như nhà ở và văn hóa được trợ cấp. Những người không thuộc lực lượng lao động được trả lương trợ cấp tiêu dùng được đặt ở mức cho

phép họ sống một cách tử tế, và việc phân phối thặng dư sau thuế của mỗi hợp tác xã sẽ được phân phối dưới dạng các dịch vụ tập thể bổ sung và/hoặc tiền thưởng cá nhân. (Việc làm sẽ mang lại mức lương cao hơn, nhưng tùy thuộc vào các điều kiện và chính trị thời hậu cách mạng, mức lương xã hội cộng với thu nhập đủ sống sẽ khiến việc tự kinh doanh hoặc làm việc trong một hợp tác xã nhỏ trở thành một lựa chọn thiết thực.)

Trong trường hợp không có thu nhập từ tư bản, và với mức lương xã hội có ảnh hưởng lớn so với tiêu dùng cá nhân, thì sự chênh lệch về điều kiện sống của người lao động sẽ nằm trong một phạm vi tương đối hẹp và bình đẳng. (Theo những giả định hợp lý, giá trị của tiền lương xã hội - chăm sóc sức khỏe miễn phí, giáo dục, phương tiện đi lại, chăm sóc trẻ em, nhà ở và văn hóa được trợ cấp - ít nhất sẽ cao gấp ba lần giá trị tiêu dùng cá nhân.) Trong bối cảnh này, sẽ có những lo ngại rằng giá cả sẽ phản ánh chi phí xã hội như tác động môi trường, nhưng ngoài chúng ra, có rất ít lý do khiến các nhà xã hội chủ nghĩa lo lắng về việc người lao động sử dụng thu nhập cá nhân của họ để chọn hàng hóa hoặc dịch vụ cụ thể mà họ thích hơn. Tương tự như vậy với sự tồn tại của tín dụng. Khi những nhu cầu cơ bản về cơ bản là miễn phí, nhà ở được trợ cấp và lương hưu đầy đủ khi nghỉ hưu, áp lực tiết kiệm hoặc vay mượn phần lớn sẽ bị giới hạn ở các sở thích khác nhau trong từng quãng đời của một người (ví dụ: tiết kiệm cho một chuyến du lịch khi nghỉ hưu hoặc muốn có một thiết bị ngay bây giờ). Như vậy, các công đoàn tín dụng tại nơi làm việc hoặc cộng đồng, hoặc một ngân hàng tiết kiệm quốc gia có thể, với các điều kiện và lãi suất được giám sát trên toàn quốc, làm trung gian cho các luồng tín dụng giữa người cho vay và người đi vay mà không có mối đe dọa nào đối với các lý tưởng xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, trong khi kỷ luật thị trường được áp đặt dưới chủ nghĩa tư bản sẽ không còn tồn tại, các hợp tác xã nhìn chung vẫn sẽ hoạt động trong bối cảnh mua đầu vào và bán hàng hóa và dịch vụ của họ hoặc, nếu sản phẩm cuối cùng

không có giá thị trường, đạt được các mục tiêu đầu ra có thể đo lường được. Do đó, việc khuyến khích hành động theo những cách phù hợp về mặt xã hội (chẳng hạn như hoạt động hiệu quả) vẫn cần thiết. Điều này sẽ xuất hiện dưới dạng một phần thặng dư do hợp tác xã tạo ra sẽ được chuyển đến các thành viên dưới dạng hàng hóa tập thể (nhà ở, thể thao, văn hóa) hoặc thu nhập cho tiêu dùng cá nhân. Điều này mang lại một cơ chế cho phép đưa chi phí cơ hội vào quá trình ra quyết định, chẳng hạn như đầu vào có giá trị như thế nào nếu được sử dụng ở nơi khác và những người khác coi sản phẩm cuối cùng có giá trị đến mức nào.

Tuy nhiên, điều này cũng tái hiện mặt tiêu cực của thị trường: khuyến khích thường bao hàm sự cạnh tranh, nghĩa là sự tồn tại của kẻ thắng người thua và do đó dẫn đến kết quả không bình đẳng. Hơn nữa, nếu những nơi làm việc kiếm được thặng dư lớn hơn chọn đầu tư nhiều hơn, lợi thế cạnh tranh của họ sẽ được tái tạo. Đặc biệt, các áp lực bên ngoài để tối đa hóa thặng dư kiếm được, hoặc đánh bại các mục tiêu do bạn kế hoạch đề ra sẽ ảnh hưởng đến *nội bộ* các cấu trúc và mối quan hệ trong tập thể, làm suy yếu ý nghĩa thực chất của “sự kiểm soát của người lao động”. Chẳng hạn, việc nhấn mạnh vào việc đạt được thặng dư lớn sẽ có xu hướng ủng hộ việc tái tạo những cách phân công lao động cũ, nhưng “hiệu quả hơn” và chấp nhận hệ thống phân cấp nơi làm việc. Điều này dẫn đến việc hạ cấp các ưu tiên khác: tốc độ làm việc, sức khỏe và an toàn, hợp tác đoàn kết, và khả năng tham gia dân chủ.

Mặc dù việc chấm dứt sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất sẽ giải quyết vấn đề liên quan đến [9] quan hệ giữa các giai cấp nằm sau thị trường (tức không còn ông chủ) [10], những gì còn lại là *bên trong*, tức xung đột giai cấp giữa hợp tác xã, được kết nối với nhau thông qua thị trường cạnh tranh. Ở mức cực đoan, tính cạnh tranh được khuyến khích có thể trở thành cửa sau dẫn đến áp lực giống như áp lực thị trường được đặt lên người lao động để tuân thủ các tiêu chuẩn cạnh tranh. Trong phần tiếp theo, chúng ta chuyển sang xem liệu việc sử dụng thị trường có



thể, thông qua những đổi mới về thể chế, được điều chỉnh để hạn chế những lực đẩy tiêu cực như vậy của thị trường hay không.

## Hội đồng ngành

Mặc dù lập kế hoạch và kiểm soát công nhân là nền tảng của chủ nghĩa xã hội, nhưng việc lập kế hoạch quá tham vọng (trường hợp của Liên Xô) và nơi làm việc quá tự chủ (trường hợp của Nam Tư) đều thất bại với tư cách là mô hình của chủ nghĩa xã hội. Những cải cách vừa phải đối với những mô hình đó, dù là tưởng tượng hay thực tế, cũng không đủ. Khi việc kế hoạch hoá toàn diện không hiệu quả, và sự phân cấp cho các tập thể nơi làm việc dẫn đến các cấu trúc quá phân tán về mặt kinh tế để xác định lợi ích xã hội, và quá phân tán về mặt chính trị để ảnh hưởng đến kế hoạch, thách thức là: những biến đổi nào trong chính phủ, kế hoạch, nơi làm việc, và các mối quan hệ giữa họ có thể giải quyết tình trạng khó khăn này?

Đơn vị vận hành của cả chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội là nơi làm việc. Dưới chủ nghĩa tư bản, đây là một phần của các đơn vị tư bản cạnh tranh, các cấu trúc chính mang lại tên gọi cho chủ nghĩa này. Với việc chủ nghĩa xã hội loại trừ các đơn vị tư nhân tự mở rộng như vậy, nó sẽ được thay thế bởi các hợp tác xã gắn liền với các “ngành” được cấu thành một cách thực dụng, được xác định một cách lỏng lẻo dựa trên các thuật ngữ công nghệ, đầu ra, dịch vụ chung hoặc đơn giản là lịch sử. Trên thực tế, những “ngành” này là những đơn vị quan trọng nhất của kế hoạch kinh tế và thường được đặt dưới sự kiểm soát của các bộ hoặc sở của nhà nước như Khai thác mỏ, Máy móc, Chăm sóc sức khỏe, Giáo dục hoặc Dịch vụ Vận tải. Các bộ đây quyền lực này củng cố quyền lực tập trung của nhà nước và hội đồng kế hoạch trung tâm của nó. Cho dù thiết lập thể chế này có cố gắng ưu tiên nhu cầu của người lao động hay không, thì nó cũng không mang lại sự kiểm soát của người lao động mà những người theo chủ nghĩa xã hội ủng hộ. Việc bổ sung các quyền chính trị (minh bạch, tự do báo chí, tự do lập hội, bầu cử có tranh

chấp) chắc chắn sẽ là điều tích cực; thậm chí có thể lập luận rằng các thể chế tự do sẽ phát triển tốt nhất trên mảnh đất bình đẳng của chủ nghĩa xã hội. Nhưng cũng như trong chủ nghĩa tư bản, các quyền tự do tự do như vậy quá mỏng manh để kiểm soát quyền lực kinh tế tập trung. Các hợp tác xã thì quá rời rạc để lấp đầy khoảng trống mà hệ thống kế hoạch hoá để lại. Hơn nữa, các chỉ thị từ cấp trên hoặc áp lực thị trường cạnh tranh sẽ hạn chế đáng kể sự kiểm soát thực chất của người lao động, thậm chí ở ngay trong chính các tập thể.

Một sự đổi mới triệt để mà điều này khơi ra là sự chuyển giao quyền hạn và năng lực lập kế hoạch của các bộ ngành ra khỏi nhà nước và giao chúng cho xã hội dân sự. Các bộ trước đây sau đó sẽ được tổ chức lại thành “các hội đồng ngành” - cơ cấu được hiến pháp phê chuẩn nhưng đứng ngoài chính phủ, và được điều hành bởi các đại diện của người lao động được bầu từ các nơi làm việc trong ngành tương ứng. Ban kế hoạch trung ương sẽ vẫn phân bổ kinh phí cho từng ngành theo các ưu tiên quốc gia, nhưng việc củng cố quyền lực tại nơi làm việc ở các cấp ngành sẽ có hai tác động vô cùng lớn. Đầu tiên, không giống như các cải cách tự do hoặc áp lực từ những nơi làm việc bị phân mảnh, sự thay đổi như vậy trong cán cân quyền lực giữa nhà nước và người lao động (kế hoạch và hợp tác xã) mang lại tiềm năng để người lao động sửa đổi, nếu không muốn nói là hạn chế, quyền lực mà giới tinh hoa xã hội có được nhờ ảnh hưởng vật chất của họ lên bộ máy lập kế hoạch, từ việc thu thập thông tin cho đến thực hiện kế hoạch, cũng như các đặc quyền mà họ giành được cho mình. Thứ hai, các hội đồng ngành sẽ có năng lực và thẩm quyền từ nơi làm việc dưới phạm vi quyền hạn của họ, để giải quyết “vấn đề thị trường” theo cách phù hợp hơn với chủ nghĩa xã hội.

Chìa khóa ở đây là sự cân bằng giữa các biện pháp khuyến khích (thường làm gia tăng bất bình đẳng) và xu hướng bình đẳng hóa trong đầu tư. Như đã lưu ý trước đó, thặng dư kiếm được của mỗi hợp tác xã có thể được sử dụng để tăng tiêu dùng chung hoặc cá nhân, nhưng những thặng dư đó *không thể* được dùng để tái đầu

tư. Các ưu tiên trên toàn quốc được thiết lập ở cấp kế hoạch trung tâm thông qua các quy trình và áp lực dân chủ (sẽ nói thêm về điều này sau) và những ưu tiên này được chuyển thành phân bổ đầu tư theo ngành. Sau đó, các hội đồng ngành sẽ phân phối quỹ để đầu tư giữa các tập thể nơi làm việc mà họ giám sát. Nhưng không giống như các quyết định dựa trên thị trường, các tiêu chí quan trọng là *không* ưu tiên quá mức những nơi làm việc hiệu quả nhất, do điều này giúp tạo ra sự chênh lệch lâu dài và ngày càng tăng giữa các nơi làm việc. Thay vào đó, chiến lược đầu tư dựa vào việc đưa năng suất hàng hóa hoặc dịch vụ của các HTX yếu hơn đến gần hơn với những HTX hoạt động tốt nhất (cũng như các tiêu chí xã hội khác như thu hút những người mới tham gia vào lực lượng lao động và hỗ trợ phát triển ở một số cộng đồng hoặc khu vực nhất định).

Sự cân bằng các điều kiện trong toàn ngành chắc chắn sẽ dẫn đến sự phản đối từ một số nơi làm việc. Điều quan trọng là nó sẽ được hỗ trợ bởi kế hoạch trung tâm và các điều kiện đi kèm với phân bổ đầu tư từ trung tâm tới các ngành. Sự căng thẳng giữa nhu cầu được khuyến khích và việc cam kết với lý tưởng bình đẳng sẽ phản ánh thực tế chính xác hơn. Nó sẽ được quy định bởi mức độ mà các lý tưởng xã hội chủ nghĩa đã thấm nhuần vào các GTX và hội đồng ngành, cũng như là lợi ích cá nhân của các nơi làm việc chống lại cạnh tranh gay gắt. Nhưng điều này sẽ được cân bằng bởi những lo ngại liên tục về hiệu quả và tăng trưởng. Theo thời gian, trong phạm vi định hướng tư tưởng được củng cố và các tiêu chuẩn vật chất tăng lên, điều này sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho sự bình đẳng.

Đặc biệt, việc thu hẹp khoảng cách hiệu suất giữa các HTX sẽ được củng cố bằng cách tập trung đáng kể vào nghiên cứu và phát triển (mặc dù một số chỉ áp dụng cho ngành cụ thể) và chia sẻ kiến thức trong toàn ngành, thay vì coi đó là tài sản riêng và nguồn đặc quyền. Đồng thời, các hội nghị sản xuất theo ngành thường xuyên sẽ diễn ra để chia sẻ các cải tiến, việc trao đổi giữa các nơi làm việc sẽ được tạo điều kiện để các HTX học hỏi các phương pháp hay nhất và các nhóm “người

sửa lỗi”, bao gồm cả kỹ sư và công nhân, sẽ được gọi để khắc phục sự cố cụ thể và tắc nghẽn tại nơi làm việc và giữa các nhà cung cấp.

Do đó, điều phân biệt nơi làm việc xã hội chủ nghĩa với nơi làm việc tư bản chủ nghĩa không chỉ là không có chủ sở hữu tư nhân và những người quản lý được ủy quyền, mà là người lao động không sống dưới sự đe dọa là phải cạnh tranh hoặc chết. Không có mối đe dọa mất việc làm và sa thải ở khắp mọi nơi, mức phúc lợi phổ quát cao khiến mọi người ít phụ thuộc hơn vào thu nhập kiếm được. Hơn nữa, các hội đồng ngành còn có khả năng điều chỉnh sự chênh lệch giữa các nơi làm việc. Chỉ trong bối cảnh như vậy, khi áp lực cạnh tranh để tuân thủ các tiêu chuẩn tối đa hóa thặng dư được giảm bớt, thì quyền tự chủ và kiểm soát của người lao động mới có ý nghĩa thực chất thay vì chỉ mang ý nghĩa hình thức.

Không có việc người sử dụng lao động thúc đẩy người lao động phải tối đa hóa thặng dư và/hoặc giảm chi phí. Ngoài ra, với áp lực thị trường buộc người lao động phải tự kỉ luật bản thân được nói lòng đáng kể, việc kiểm soát hàng ngày của người lao động và việc giải trừ hàng hóa có thể thực sự được cắt nghĩa một cách cụ thể. Bên trong nơi làm việc được tái sinh này, các quyền cơ bản không biến mất khi người lao động bước chân vào nơi làm việc. Sự phân công lao động cứng nhắc, bao gồm cả sự cứng nhắc do lao động xây dựng để tự vệ, trở thành một lĩnh vực thử nghiệm và hợp tác rộng mở. Hệ thống phân cấp có thể được san phẳng — không phải bằng cách loại bỏ tầm quan trọng của những người có kỹ năng đặc biệt mà bằng cách tích hợp họ với tư cách là những người cố vấn, cam kết dân chủ hóa kiến thức và làm cho các vấn đề phức tạp trở nên dễ hiểu. Với việc người lao động được cung cấp thời gian, thông tin và kỹ năng để tham gia thường vào việc lập kế hoạch sản xuất và giải quyết các vấn đề, cuối cùng có thể hình dung ra sự xóa nhòa của sự tách biệt lịch sử giữa lao động trí óc và lao động chân tay.

Văn hóa về quyền và trách nhiệm có thể xuất hiện trong bối cảnh này, đặc biệt là sự tự tin mới của những người coi mình không chỉ là “người lao động đơn thuần”. Hơn cả, sự tự tin này không thể chỉ giới hạn ở nơi làm việc. Nó sẽ chảy vào cộng đồng địa phương và hơn thế nữa, nâng cao kỳ vọng dân chủ của tất cả các thể chế, đặc biệt là nhà nước xã hội chủ nghĩa. Cơ quan xã hội mới này của giai cấp công nhân, được củng cố về mặt vật chất bởi quyền lực của các hội đồng ngành do công nhân lãnh đạo trong việc tác động và thực hiện kế hoạch quốc gia, bổ sung một sự soát còn thiếu đối với các nhà hoạch định trung tâm và thiết lập nền tảng cho các sáng kiến quyết đoán từ bên dưới. Trong thế giới không có vốn hoặc thị trường lao động này, với những hạn chế chặt chẽ về thể chế và các biện pháp đối phó chống lại việc đưa sức lao động vào kỷ luật cạnh tranh, có thể lập luận một cách đáng tin cậy rằng việc biến lao động thành hàng hoá sẽ bị loại bỏ một cách hiệu quả.

### **Kế hoạch hoá theo từng lớp**

Việc giới thiệu các hội đồng ngành do người lao động bầu chọn như những thể chế mới đầy quyền lực bên ngoài nhà nước cho thấy chúng ta đang định hình lại cách nghĩ về kế hoạch hóa xã hội chủ nghĩa. Tranh luận về “kế hoạch” và “phi tập trung hoá” không phải là điều quá hữu ích. Việc phi tập trung hoá liên quan đến việc thành lập các hội đồng ngành cũng bao gồm việc hợp nhất hoặc *tập trung hóa* nơi làm việc thành các ngành. Và, như chúng ta sẽ thấy, mặc dù có một mức độ chia sẻ quyền lực giữa kế hoạch trung tâm với các cấu trúc khác, điều này không nhất thiết có nghĩa là nó mất đi hiệu quả với tư cách là một cơ quan lập kế hoạch. Do đó, việc xem xét một hệ thống dựa trên “các lớp lập kế hoạch” sẽ hữu ích hơn. Tất nhiên, các lớp phụ thuộc lẫn nhau này bao gồm ban kế hoạch trung ương và các hội đồng ngành. Chúng cũng bao gồm thị trường như một hình thức lập kế hoạch gián tiếp và, với vai trò quan trọng của các hội đồng ngành trong việc hạn chế chủ nghĩa độc đoán thị trường, việc lập kế hoạch cũng mở rộng đến

các mối quan hệ nội bộ tại nơi làm việc. Và chúng bao gồm một yếu tố không gian, bổ sung cho sự nhấn mạnh của ngành.

Sự lo lắng về kế hoạch hoá các điều kiện vật chất của cuộc sống, và sự thật rằng rất nhiều tương tác xã hội xảy ra thông qua công việc (các tương tác này sẽ càng nhiều hơn nếu người lao động tham gia chặt chẽ vào việc lập kế hoạch cho công việc đó) tạo ra một hệ quả đặc biệt trong các lớp kế hoạch hóa nền kinh tế. Nhưng tầm quan trọng của xã hội và văn hóa, của đô thị và mối quan hệ của nó với vùng ngoại ô và nông thôn, đòi hỏi một lớp quy hoạch theo chiều không gian. Việc phi tập trung hoá này có thể thấy ở Liên Xô cũ, thông qua sự phân cấp khu vực. Việc phân quyền cho khu vực và tiểu vùng, giống như sự phân quyền của các bộ cho các ngành do công nhân kiểm soát, sẽ cho phép trung tâm vốn đang bị quá tải khả năng tập trung vào các nhiệm vụ quan trọng nhất của riêng mình, và đưa quy hoạch đến gần hơn với những người bị ảnh hưởng nhiều nhất và biết rõ điều kiện địa phương nhất. Trong quá trình thực hiện, nó sẽ giúp làm tăng số người có khả năng tích cực tham gia vào việc lập kế hoạch.

Sự khác biệt giữa khía cạnh sản xuất và không gian/tiêu dùng của kế hoạch hoá có thể sẽ gây ra những căng thẳng mới, không chỉ giữa các nhóm thể chế khác nhau mà ngay cả trong các cá nhân vì những cá nhân này luôn là công nhân, người tiêu dùng và những người tham gia vào đời sống cộng đồng. Một số các căng thẳng này có thể được giảm bớt bằng cách yêu cầu sự tham gia các đại diện cộng đồng trong các cơ chế lập kế hoạch ngành và nơi làm việc. Trong lĩnh vực dịch vụ nói riêng, việc phân quyền sở hữu bệnh viện, trường học, tiện ích, phân phối năng lượng, giao thông vận tải, nhà ở và thông tin liên lạc sẽ mở ra một khả năng khác. Trong những trường hợp này, việc thành lập các “hội đồng cộng đồng” địa phương có thể tạo điều kiện giải quyết những căng thẳng hàng ngày giữa các khía cạnh khác nhau của cuộc sống người dân. Khi chủ nghĩa xã hội trưởng thành và năng suất ngày càng được thể hiện trong việc giảm giờ làm việc

và tăng thời gian rảnh rỗi, vai trò của các hội đồng như vậy — với sự nhấn mạnh của họ vào việc suy nghĩ lại cảnh quan đường phố và kiến trúc thành phố, mở rộng việc cung cấp các dịch vụ hàng ngày, phát triển cộng đồng, khuyến khích nghệ thuật và mở rộng văn hóa — được kỳ vọng là sẽ đạt được vị trí nổi bật tương đối so với các yêu cầu được hình thành một cách hạn hẹp hơn về tổ chức kinh tế.

Những biến đổi như vậy trong mối quan hệ giữa kế hoạch trung tâm và phần còn lại của nền kinh tế/xã hội sẽ mang lại cả sự hỗ trợ và kiểm tra lẫn nhau giữa các lớp lập kế hoạch xuyên khắp các HTX, hội đồng ngành, hội đồng khu vực, thị trường và hội đồng kế hoạch trung ương. Thêm vào đó là vai trò của các cơ chế chính trị để thiết lập các mục tiêu quốc gia: các cuộc tranh luận đang diễn ra ở tất cả các cấp, vận động hành lang và đàm phán giữa các cấp, và các cuộc bầu cử có tranh chấp xoay quanh định hướng tương lai hy vọng sẽ mang lại sự tham gia phổ biến rộng rãi nhất.

Sự phân cấp quyền lực và tăng cường không gian tham gia này sẽ là một biện pháp kiểm soát mạnh mẽ đối với “các đầu sỏ xã hội” mà Kronrod và những người khác rất muốn hạn chế, nhưng nó không nhất thiết có nghĩa là làm suy yếu tầm quan trọng của cơ chế kế hoạch hóa tập trung. Theo tinh thần phê phán của Kronrod về việc lập kế hoạch quá mức, điều này có thể khiến việc lập kế hoạch vừa ít xâm phạm hơn, và lại vừa hiệu quả hơn. Và chính sự phân tán quyền lực làm cho tầm quan trọng của một cơ quan điều phối thậm chí còn quan trọng hơn. Trên thực tế, ngay cả khi hội đồng kế hoạch nhận thấy một số chức năng của mình được chuyển sang nơi khác, điều này có thể dẫn đến việc hội đồng quản trị phải đảm nhận một số chức năng mới như giám sát và điều tiết thị trường, đưa ra các cơ chế mới để tạo doanh thu trong thị trường mở rộng, và chuyển đổi chương trình giáo dục để kết hợp phát triển các năng lực phổ biến cần thiết cho sự bùng nổ của sự tham gia dân chủ tích cực vào việc lập kế hoạch. Cũng có khả năng xảy ra trường hợp là, vì ban kế hoạch trung ương sẽ vẫn kiểm soát việc phân

bổ nguồn lực đầu tư cho các hội đồng ngành và khu vực, ban kế hoạch sẽ có thể tận dụng các năng lực hành chính hiện có bên ngoài nhà nước để giúp thực hiện các kế hoạch trung tâm.

Phản ánh các ưu tiên được thiết lập một cách dân chủ, một danh sách các vai trò của ban kế hoạch trung ương được cải cách có thể bao gồm những điều sau:

1. Đảm bảo toàn dụng lao động, tiếp cận phổ cập các nhu yếu phẩm và thu nhập đủ sống.
2. Thiết lập mối quan hệ giữa tiêu dùng hiện tại và tương lai thông qua xác định tỷ trọng GDP được phân bổ cho đầu tư và tăng trưởng.
3. Phân bổ đầu tư cho các ngành và khu vực, rồi để các ngành và khu vực tái phân bổ chúng trong phạm vi quyền hạn tương ứng của mình.
4. Tạo doanh thu cho các hoạt động của mình.
5. Hạn chế các trở ngại đối với các mục tiêu đoàn kết và bình đẳng của xã hội, không chỉ giữa các cá nhân/hộ gia đình mà còn giữa các tập thể, ngành và khu vực nơi làm việc.
6. Sự phát triển không ngừng, thông qua các tổ chức giáo dục và tại nơi làm việc, các kỹ năng chức năng phổ biến và năng lực dân chủ và văn hóa.
7. Điều chỉnh tốc độ việc xoá bỏ dần chủ nghĩa tiêu dùng thông qua phân phối chi tiêu giữa tiêu dùng tập thể và cá nhân.
8. Điều chỉnh sự đánh đổi giữa sản xuất và nhàn rỗi bằng cách điều chỉnh tỷ lệ số giờ làm thêm năng suất nhất so với số giờ làm ít nhất nhưng vẫn đủ hiệu quả.
9. Việc thực thi sự tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn môi trường, với quyền sở hữu và định giá tài nguyên của nhà nước, cũng như phân bổ đầu tư, là rất quan trọng ở đây.
10. Điều này có nghĩa là sẽ phải điều chỉnh mối quan hệ trong một thế giới có thể sẽ vẫn chủ yếu đi theo một nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. (Quan hệ quốc



tế đặt ra nhiều vấn đề không được đề cập ở đây, từ quan hệ phức tạp với các nước tư bản chủ nghĩa, quan hệ đoàn kết với Nam bán cầu đến đàm phán các quan hệ có kế hoạch với các nước xã hội chủ nghĩa khác.)

## **Chủ nghĩa xã hội có thể hiệu quả như chủ nghĩa tư bản không?**

Không ai bày tỏ lòng tôn kính kinh tế đối với chủ nghĩa tư bản nhiều hơn các tác giả của *Tuyên ngôn cộng sản*, những người khen nức nở rằng chủ nghĩa tư bản “đã hoàn thành những điều kỳ diệu vượt xa các kim tự tháp Ai Cập, cống dẫn nước của người La Mã và các thánh đường kiểu Gothic.” Tuy nhiên, không hề coi điều này là đại diện cho đỉnh cao của lịch sử, Marx và Engels đã cho rằng điều này nói lên một khả năng mới và rộng lớn hơn: chủ nghĩa tư bản là “chủ nghĩa đầu tiên cho thấy hoạt động của con người có thể mang lại điều gì”. Nhiệm vụ là phát huy tiềm năng này bằng cách xã hội hóa và tổ chức lại lực lượng sản xuất một cách rõ ràng.

Ngược lại, đối với Hayek và người cố vấn trước đó của ông là von Mises, chủ nghĩa tư bản là đỉnh cao mục đích luận của xã hội, là điểm kết thúc lịch sử của xu hướng trao đổi hàng hóa của loài người. Hayek coi đó là một sự thật rằng nếu không có tài sản tư nhân và không có thị trường lao động và vốn, sẽ không có cách nào tiếp cận tri thức tiềm ẩn của dân chúng, và nếu không có quyền truy cập rộng rãi vào thông tin như vậy, bất kỳ nền kinh tế nào cũng sẽ bị lung lay, trôi dạt và lãng phí tài năng và tài nguyên Von Mises, sau khi ông lập luận rằng chủ nghĩa xã hội về cơ bản là không thể bị gạt sang một bên, đã chuyển sự tập trung của mình vào sự thiên tài của chủ nghĩa tư bản về tinh thần khởi nghiệp và tính hiệu quả năng động và đổi mới liên tục mà nó mang lại

Bất chấp tuyên bố của Hayek, trên thực tế, chủ nghĩa tư bản đã ngăn chặn việc chia sẻ thông tin một cách có hệ thống. Một hệ quả tất yếu của tài sản tư nhân và tối đa hóa lợi nhuận là thông tin là một tài sản cạnh tranh, và người khác không

được phép biết đến nó Mặt khác, đối với chủ nghĩa xã hội, việc tích cực chia sẻ thông tin là điều cần thiết cho hoạt động của nó, là điều được thể chế hóa trong trách nhiệm của các hội đồng ngành. Hơn nữa, chủ nghĩa cá nhân thiên cận trong lập trường của Hayek đã bỏ qua, như Hilary Wainwright đã lập luận rất mạnh mẽ, sự khôn ngoan đến từ đối thoại tập thể không chính thức, thường xảy ra bên ngoài thị trường trong các cuộc thảo luận và tranh luận giữa các nhóm và phong trào giải quyết công việc và cộng đồng của họ.

Quan trọng nhất, khuôn khổ của Hayek đã có thành kiến giai cấp trịch thượng — ông chỉ quan tâm đến kiến thức nằm trong tầng lớp kinh doanh Tri thức của người lao động, phần lớn dân số và những người có kinh nghiệm trực tiếp nhất trong quy trình làm việc, không được ông ta quan tâm. Ông không chú ý đến khả năng rằng người lao động dưới chủ nghĩa tư bản thường có lý do chính đáng để giấu tri thức của họ, không tiết lộ chúng cho người sử dụng lao động, vì việc tiết lộ có thể không giúp ích gì cho điều kiện của họ và thậm chí có thể có hậu quả tiêu cực (ví dụ, sự thắt chặt của các tiêu chuẩn làm việc). Ngược lại, mục đích cơ bản của chủ nghĩa xã hội là giải phóng và phát triển hơn nữa các tiềm năng sáng tạo của nhân dân lao động và điều đó bao gồm việc chia sẻ thông tin một cách tối đa.

Những người theo von Mises cũng đã loại bỏ khả năng khởi nghiệp có thể diễn ra trong nhiều môi trường thể chế khác nhau. Tuy nhiên, ngay cả dưới chủ nghĩa tư bản, lịch sử của những đột phá công nghệ không chỉ là một loạt các nhà tư tưởng cô lập đột nhiên nhìn thấy bóng đèn vụt sáng trên đầu họ. Như Mariana Mazzucato đã cho thấy trong nghiên cứu chi tiết [11] của bà về những đổi mới quan trọng nhất của Mỹ, nhà nước trên thực tế “sẵn sàng chấp nhận những rủi ro mà các doanh nghiệp thường tránh” và “đã chứng tỏ khả năng biến đổi, tạo ra những thị trường và lĩnh vực hoàn toàn mới, bao gồm internet, công nghệ nano, công nghệ sinh học, và năng lượng sạch.”

Điều này không có nghĩa là một nhà nước xã hội chủ nghĩa chắc chắn sẽ đổi mới như nhà nước Mỹ, mà là lòng tham không nhất thiết phải là động lực duy nhất của sự đổi mới. Sự sáng tạo cũng có thể đến từ các nhà khoa học và kỹ sư quan tâm đến xã hội, được cung cấp các nguồn lực và cơ hội để đáp ứng nhu cầu của xã hội, cũng như từ sự hợp tác lẫn nhau trong các hợp tác xã và sự tương tác của các ủy ban tại nơi làm việc với các nhà cung cấp và khách hàng của họ. Thậm chí quan trọng hơn, chủ nghĩa xã hội có thể giới thiệu một tinh thần khởi nghiệp xã hội hưng thịnh và rộng lớn hơn, tập trung vào những đổi mới trong cách chúng ta sống và quản lý bản thân ở mọi cấp độ xã hội.

Sau đây là một quan sát thực nghiệm. Trong ba thập kỷ qua, sản lượng trên mỗi công nhân của Hoa Kỳ đã tăng khoảng 2% mỗi năm (chậm hơn so với nhiều thập kỷ trước). Dưới hơn một nửa trong số đó được Cục Lao động Hoa Kỳ quy cho "tăng vốn sâu" (đầu tư nhiều hơn) và khoảng 0,8% cho năng suất đa yếu tố (được định nghĩa đại khái là sự gia tăng sản lượng sau khi tác động của nhiều lao động và đầu vào vốn đã được tính đến); Phần còn lại được tính bằng những thay đổi trong cái gọi là "chất lượng lao động". Không có lý do gì để mong đợi chủ nghĩa xã hội tụt hậu so với chủ nghĩa tư bản trong việc đào sâu vốn, trong khi các tập đoàn vẫn còn đang ngồi trên đám tiền mặt không được đầu tư và khi việc phân phối lại triệt để thu nhập hiện tại sẽ có khả năng để lại nguồn lực khổng lồ cho tái đầu tư. Và nếu có, chủ nghĩa xã hội sẽ được kỳ vọng sẽ nâng cao sự tăng trưởng của chất lượng lao động vì nó ưu tiên phát triển các kỹ năng và năng lực phổ biến. Giả sử, để tranh luận, rằng chủ nghĩa xã hội sánh vai được với chủ nghĩa tư bản về tỷ lệ đầu tư và chất lượng lao động, nhưng chỉ có thể đáp ứng *một nửa* tiêu chuẩn năng suất đa yếu tố của chủ nghĩa tư bản (0,4 phần trăm so với 0,8 phần trăm). Điều này có nghĩa là mức tăng trưởng của chủ nghĩa xã hội trung bình sẽ rơi vào khoảng 1,6% thay vì 2% đối với chủ nghĩa tư bản.

Trong một môi trường tư bản cạnh tranh, các công ty có năng suất thấp hơn có nguy cơ bị đuổi khỏi hoạt động kinh doanh. Nhưng trong bối cảnh xã hội chủ nghĩa, năng suất tụt hậu có nghĩa là tăng trưởng chậm hơn nhưng không nhất thiết là thảm họa. Trong khi tốc độ tăng trưởng tư bản chủ nghĩa (2%) sẽ tạo ra mức tăng kép 17% trong tám năm trong ví dụ này, xã hội xã hội chủ nghĩa sẽ mất mười năm để đạt được điều đó - hầu như không phải là một sự khác biệt dứt khoát so với tham vọng xã hội lớn hơn nhiều của chủ nghĩa xã hội. Khoảng cách sẽ còn nhỏ hơn nếu chúng ta tính tới việc tăng năng suất tiềm năng của người lao động hợp tác khi khắc phục các vấn đề, và tới cả ý nghĩa của việc cải thiện năng suất thông qua sự phân tán kiến thức hiện có một cách có hệ thống, điều có thể được áp dụng một khi rào cản của sở hữu tư nhân được gỡ bỏ.

Các nhà kinh tế ngày càng thừa nhận một số vấn đề trong việc tôn vinh thị trường; các vấn đề đã quá rõ ràng để bỏ qua. Sự nhượng bộ quan trọng là thị trường không xử lý tốt “ngoại tác”, ám chỉ đến các trao đổi ảnh hưởng tiêu cực đến những người không tham gia trao đổi. Phản ứng của các nhà kinh tế đối với những “ngoại tác” như vậy là đề xuất những sửa đổi về thuế và trợ cấp sao cho tổng chi phí thực tế liên quan đến những ngoại tác này được tích hợp. Điểm vướng mắc trong vấn đề này là các ngoại ứng ở đây bao gồm những thứ như môi trường và tác động của thị trường đối với sự bất bình đẳng, năng lực của người dân và nền dân chủ thực chất - ngoại ứng ở đây chính là bản chất của cuộc sống. Điều này đã nổi lên phổ biến nhất trong trường hợp khủng hoảng môi trường, với những thách thức mà nó đặt lên với văn hóa tiêu dùng và việc biến tự nhiên thành hàng hóa. Điều này nhấn mạnh tầm quan trọng của kế hoạch hoá để giải quyết các mối đe dọa môi trường.

Vấn đề ở đây không phải là, như Marx dường như đã làm trong lời tựa cho cuốn sách *Phê bình kinh tế chính trị*, rằng với việc các quan hệ xã hội tư bản chủ nghĩa đã trở thành “xiềng xích” đối với lực lượng sản xuất, thì sự biến đổi trong các

quan hệ xã hội sẽ cho phép chủ nghĩa xã hội tiếp tục phát triển lực lượng sản xuất và vượt qua chủ nghĩa tư bản ngay cả trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản. Điều này có thể đúng hoặc không, nhưng nó không thuyết phục và cũng không cần thiết. Bằng trực giác, sẽ hơi quá khi khẳng định rằng một hệ thống xã hội với nhiều mục tiêu, trong đó sự phát triển của lực lượng sản xuất chỉ là một, sẽ vượt qua một xã hội chỉ tập trung vào duy nhất mục tiêu đó. Sự cân bằng khuyến khích - bình đẳng làm nổi bật sự đánh đổi đó. Và nếu chúng ta chấp nhận rằng con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội sẽ bao gồm những hy sinh và lựa chọn trên suốt chặng đường, kể cả trong quá trình xây dựng con đường đó, thì việc lôi kéo mọi người đến với sự nghiệp xã hội chủ nghĩa và giúp họ tiếp tục tin vào nó sẽ phải dựa trên mong muốn của họ về một điều gì đó *khác biệt* thay vì hứa hẹn trống rỗng về việc chủ nghĩa xã hội không chỉ mang lại nhiều công lý hơn, dân chủ hơn, kiểm soát nơi làm việc nhiều hơn, mà còn *mà còn* tăng trưởng cao hơn.

Vấn đề là khái niệm “hiệu quả” là vấn đề gây tranh cãi. Đối với tư bản, thất nghiệp là một vũ khí giai cấp có chức năng thực thi kỷ luật lên giai cấp công nhân; đối với những người theo chủ nghĩa xã hội, nó thể hiện một sự lãng phí rõ ràng. Đẩy nhanh tốc độ làm việc là một điểm cộng cho hiệu quả của công ty, nhưng là một điểm trừ đối với người lao động. Thời gian dành cho các cuộc thảo luận dân chủ là một chi phí không mang lại giá trị gia tăng cho chủ lao động, nhưng lại là một ưu tiên của những người theo chủ nghĩa xã hội. Giảm giờ làm việc cho những người lao động toàn thời gian, đối với những người chủ doanh nghiệp, là một chiếc hộp Pandora không được phép mở; đối với người lao động đó là lý do cơ bản để nâng cao năng suất. Điều biện minh cho chủ nghĩa xã hội đòi hỏi không phải là so sánh nó với chủ nghĩa tư bản, mà là liệu một xã hội được thiết kế để đáp ứng các tiềm năng đầy đủ và đa dạng của tất cả cư dân của nó, theo cách riêng, cũng có thể hiệu quả trong việc điều phối các hoạt động của nó: thúc đẩy sự phát triển của công nghệ, sản phẩm mới và các hình thức tổ chức/quản trị dân chủ; và giải

phóng khả năng lao động để có thể được áp dụng cho các hoạt động sáng tạo khác của con người.

## **Chủ nghĩa xã hội như một quá trình**

Hệ thống các lớp lập kế hoạch riêng biệt nhưng chồng chéo được nêu ra ở đây sẽ liên quan đến nhiều cơ chế lập kế hoạch: hành chính trực tiếp, tham vấn, đàm phán lặp đi lặp lại, quyết định thông qua các cơ quan được ủy quyền, hợp tác trực tiếp, thị trường với nhiều mức độ tự do khác nhau. Và không giống như sự tao nhã của cái gọi là trạng thái cân bằng thị trường, cũng như của các thuật toán và mô hình máy tính của các kế hoạch trung tâm tưởng tượng, điều này chắc chắn sẽ đi kèm với một thứ mà những người bảo vệ kế hoạch chính thống không thích - một mức độ “lộn xộn” đáng kể.

Ví dụ, một nơi làm việc có thể thuộc nhiều ngành khác nhau. Ranh giới giữa các ngành thường mờ nhạt và không ổn định, bị ảnh hưởng bởi những thay đổi công nghệ và các ưu tiên xã hội. Trong tất cả các tầng lớp kế hoạch hoá, không chỉ có một mà có thể có nhiều cơ chế lập kế hoạch. Sự cân bằng giữa tập trung hóa và phi tập trung hóa sẽ linh hoạt. Việc cho phép sự linh hoạt mà người lao động và các cơ quan khu vực, với kiến thức cụ thể về địa điểm cần có để liên tục thực hiện các điều chỉnh không theo quy hoạch, có thể vừa tích cực vừa gây rối (các nhà lập kế hoạch cũng sẽ cần một mức độ linh hoạt nhất định). Mối quan hệ giữa các nơi làm việc và cộng đồng cũng có thể liên quan đến xung đột lợi ích — xung đột xuất hiện ngay cả trong cùng một hộ gia đình và cá nhân. Xu hướng quan liêu hóa và các biểu hiện của lợi ích cá nhân sẽ không hoàn toàn biến mất. Việc tương tác với nền kinh tế toàn cầu sẽ không chắc chắn và khả quan nhất sẽ chỉ mang tính chất bán kế hoạch. Ưu tiên xã hội chủ nghĩa trong việc nhấn mạnh hàng hóa tập thể miễn phí có thể bị thách thức một cách dân chủ từ bên dưới (và bên trên).

Mức độ lộn xộn này phần nào phản ánh thực tế của bất kỳ tổ chức xã hội phức tạp nào, điều này là hiển nhiên khi chúng ta rời xa sự ngăn nắp trên giấy tờ của thị trường và các kế hoạch tập trung. Nhưng có một cái gì đó quan trọng hơn ở đây. Sự hỗn loạn bên trong chủ nghĩa xã hội cũng là một biểu hiện của những khát vọng lớn hơn và đa dạng hơn của nó: nó từ chối thu hẹp mọi thứ thành những chỉ số đơn giản (như những chỉ số lợi nhuận và khả năng cạnh tranh); nhấn mạnh vào việc phát triển đầy đủ các năng lực của con người để xây dựng, sáng tạo và tận hưởng; cam kết tạo ra một nền dân chủ chân chính nhất. Tất cả điều này có thể tạo ra một mớ hỗn độn khó hiểu. Tuy nhiên, ta nên đánh giá nó như một biểu hiện của thực tế rằng, như William Morris đã viết trong bài phê bình chủ nghĩa xã hội không tưởng của Bellamy [12], “sự đa dạng của cuộc sống là mục tiêu của Chủ nghĩa Cộng sản chân chính, cũng như sự bình đẳng về điều kiện, và sự kết hợp của hai điều này sẽ mang lại tự do thực sự.”

Điều cơ bản ở đây là bản chất quá trình của chủ nghĩa xã hội. Wlodzimierz Brus, khi cân nhắc kinh nghiệm chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu, cảnh báo [13] rằng “*xã hội hóa tư liệu sản xuất là một quá trình*, và không phải là sự kiện diễn ra một lần” và rằng nó có thể không có xu hướng “đi theo một hướng cụ thể... [và] thậm chí có thể bị thụt lùi.” Ở một mức độ nào đó, việc nhấn mạnh vào “quy trình” này có vẻ tầm thường - không phải mọi thứ đều là quy trình sao? Nhưng nhấn mạnh vào điều này là một lời nhắc nhở về quy mô và tham vọng của những gì chúng ta đang cố giải quyết, cùng với tất cả những điều mơ hồ khi thực hiện một điều chưa từng đạt được thành công trước đây. Không chỉ là chủ nghĩa xã hội chắc chắn sẽ phải đối mặt với đủ loại khó khăn trong những ngày đầu hậu cách mạng và những thiếu sót có thể tiếp tục trong một thời kỳ quá độ kéo dài. Sự thật là việc xây dựng chủ nghĩa xã hội phải được hiểu là *vĩnh viễn* sẽ nằm trong một trạng thái không chắc chắn. Khác xa với việc đưa con người đến cõi niết bàn, những gì chủ nghĩa xã hội mang lại là, sau khi loại bỏ các rào cản tư bản chủ nghĩa để làm cho cuộc

sống tốt hơn và giàu có hơn về mặt chất lượng, nhân loại có thể bắt đầu “tạo nên lịch sử của chính [nó] một cách có ý thức hơn.” [14]

Những bước khởi đầu đó sẽ phụ thuộc vào một loạt các tình huống khó lường trước xảy ra trong quá trình chuyển đổi sang xã hội chủ nghĩa: Quá trình chuyển đổi lên chủ nghĩa xã hội (bao gồm đình công đầu tư và rút vốn) có sức hủy hoại như thế nào đối với tư bản? Giai cấp tư bản đã bị đánh bại một cách dứt khoát như thế nào? Giai cấp công nhân lên nắm quyền đã phát triển như thế nào — chẳng hạn, giai cấp này lên nắm quyền sau một cuộc đấu tranh dài hay sau sự sụp đổ đột ngột của hệ thống? Phân phối nhà ở không đồng đều như thế nào *giữa* người lao động và việc này sẽ được giải quyết như thế nào? Bối cảnh quốc tế thuận lợi hay bất lợi như thế nào? Và có lẽ đáng lo ngại nhất, quy mô của cuộc khủng hoảng môi trường sẽ được kế thừa như thế nào?

Những tình huống khó lường trước này sẽ tiếp tục ngay cả sau khi các cơ sở quyền lực cũ đã được giải quyết một cách hiệu quả. Một phần là vì do sự khác biệt giữa các cá nhân sẽ tồn tại do sự khác biệt về tuổi tác và giới tính, sở thích cá nhân trái ngược nhau, ảnh hưởng của các chức năng xã hội riêng biệt. Sẽ có những người tranh luận về việc khuyến khích nhiều hơn, và đảo ngược sự tăng trưởng của hàng hóa tập thể miễn phí so với tiêu dùng cá nhân. Sẽ có những lời kêu gọi phục hồi ảnh hưởng của những người có chuyên môn chống lại sự thống trị dân chủ của những người “không biết nhiều”. Một khu vực sẽ được ưu tiên hơn so với khu vực khác, v.v. Và tất cả những điều này sẽ xảy ra trong một bối cảnh mà con đường tốt nhất phía trước đơn giản là không được biết một cách rõ ràng. “Nghệ thuật lập kế hoạch xã hội chủ nghĩa,” Trotsky cho rằng, “không từ trên trời rơi xuống, cũng như không rơi vào tay sau khi đã chinh phục quyền lực.” [15] Nó chỉ có thể được phát hiện và làm chủ “thông qua đấu tranh, từng bước một, không phải bởi một vài người mà bởi hàng triệu người, như một bộ phận cấu thành của nền kinh tế và văn hóa mới.”



Sự nhạy cảm kiên nhẫn đó phải được truyền vào tất cả các cuộc thảo luận về các nền tảng của chủ nghĩa xã hội, nhưng tính dân chủ của nó không nên được dùng để phủ nhận tầm quan trọng của sự lãnh đạo. Trước những yếu tố bất ngờ, không hoàn hảo, lộn xộn và mong manh của chủ nghĩa xã hội, vai trò lãnh đạo sẽ đặc biệt quan trọng trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho sự tham gia dân chủ sáng tạo nhất. Sự lãnh đạo đó không thể xuất phát từ sự kết hợp giữa đảng cách mạng và nhà nước; chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa độc đảng là hai yếu tố không tương thích với nhau. Nhưng nền chính trị đảng phái sẽ tranh giành quyền lãnh đạo, và vai trò hậu cách mạng của đảng cách mạng sẽ rất quan trọng. Chỉ riêng nền dân chủ sẽ không đảm bảo rằng chủ nghĩa xã hội sẽ không bị đình trệ hoặc đảo ngược. Sự phát triển của nó sẽ tiếp tục phụ thuộc [16] vào vai trò của một đảng hoặc các đảng - đương chức hay đã mãn nhiệm - những người cam kết thực hiện các mục tiêu tham vọng nhất về phát triển, bình đẳng và dân chủ.

## **Kết luận**

Bài tiểu luận này đã nhấn mạnh rằng việc định hình chủ nghĩa xã hội và làm thế nào chúng ta có thể đối phó với những tình huống khó xử của nó là điều không thể thiếu để đưa mọi người đến với chủ nghĩa xã hội. Điều này giúp chúng ta phải đi vào chi tiết tới mức nào vào hoạt động của chủ nghĩa xã hội sẽ còn phụ thuộc, bởi vì các vấn đề cụ thể mà các xã hội xã hội chủ nghĩa sẽ phải đối mặt không thể tách rời khỏi cuộc cách mạng đã khai sinh ra chúng, và bởi vì chúng ta chỉ có thể biết rất nhiều về cách thức của chủ nghĩa xã hội thông qua việc xây dựng nó. Tất cả những gì chúng ta có thể khẳng định là chủ nghĩa xã hội là điều cần thiết để hướng tới việc đáp ứng các nhu cầu và tiềm năng của cá nhân và tập thể của loài người, và việc trở thành một nhà xã hội chủ nghĩa có nghĩa [17] là sống cuộc sống của chúng ta như thể chủ nghĩa xã hội không chỉ cần thiết mà còn có thể.

Tất nhiên, điều hấp dẫn là mặc dù hi vọng cho tương lai có thể duy trì động lực của những người đã cam kết đấu tranh, nhưng đối với đại đa số, điều đó là không

đủ tốt; họ cần nhiều hơn. Những gì đã được đặt ra trong tiểu luận này là một tập hợp các thể chế và các mối quan hệ xã hội — một *khuôn khổ* - điều đó nâng cao uy tín của chủ nghĩa xã hội. Các yếu tố của khuôn khổ đó có thể được tóm tắt trong các chủ đề sau.

- Hợp tác xã: Việc cho phép công nhân kiểm soát nơi làm việc của họ là nền tảng của chủ nghĩa xã hội. Nhưng sự kiểm soát rời rạc như vậy đặt ra câu hỏi là: làm thế nào để lợi ích cụ thể của người lao động có thể được điều hòa với lợi ích xã hội và làm thế nào để duy trì quyền tự chủ của người lao động trước các chỉ thị từ cấp trên. Để giải quyết vấn đề này, ta cần thị trường.
- Thị trường: Dự án xã hội chủ nghĩa hoan nghênh các thị trường sinh ra chỉ để đáp ứng các lựa chọn cá nhân. Tuy nhiên, thị trường lao động và thị trường vốn, vốn làm suy yếu các nguyên tắc xã hội chủ nghĩa cơ bản, phải bị cấm. Các thị trường thương mại, nơi các hợp tác xã tham gia mua bán, là nhu cầu thiết thực, nhưng vì chúng cũng mang lại sự cạnh tranh nên chúng đe dọa các mục tiêu bình đẳng.
- Hội đồng ngành: Việc chuyển đổi các bộ nhà nước thành các hội đồng công nhân ngành, được cấu thành bởi các đại biểu từ mỗi hợp tác xã trong ngành, phục vụ hai mục đích quan trọng. Nó mang lại một sự thay đổi lớn trong cán cân quyền lực giữa người lao động và nhà nước (giữa tập thể người lao động và kế hoạch trung ương) và nó cung cấp cho các hội đồng ngành khả năng và thẩm quyền để điều tiết thị trường, nhằm thu hẹp khoảng cách năng suất giữa các nơi làm việc.
- Chuyển giao quyền lực theo không gian: Việc phân cấp quy hoạch theo khu vực làm nổi bật tầm quan trọng của việc tái cấu trúc đô thị, dịch vụ địa phương, cộng đồng và văn hóa. Nó đưa việc lập kế hoạch đến gần hơn với những người bị ảnh hưởng và tăng lên số lượng người tham gia vào quá trình lập kế hoạch. Và khi chủ nghĩa xã hội thực hiện lời hứa giảm

thời gian làm việc, thì tầm quan trọng của quy hoạch cộng đồng-không gian sẽ tăng lên so với ưu tiên trước đó, tức giải quyết các tình huống khó xử hơn trong việc tổ chức sản xuất.

- Các lớp lập kế hoạch: Việc bảo vệ quyền tự chủ của các hợp tác xã và vai trò lớn hơn của các ngành, khu vực và thị trường cho thấy sự chuyển đổi từ sự phân chia kế hoạch-thị trường đơn giản sang một mô hình dựa trên “các lớp kế hoạch”. Trong việc giảm quyền lực tập trung của các nhà hoạch định, phổ biến rộng rãi các năng lực lập kế hoạch và đưa ra sự kiểm tra lẫn nhau giữa các tầng lớp khác nhau, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa được làm sâu sắc hơn rất nhiều.
- Ban Kế hoạch Trung ương: Trong khi việc chuyển sang các lớp kế hoạch làm suy yếu quyền lực của đầu sỏ xã hội, nó không nhất thiết làm suy yếu năng lực của ban kế hoạch trung ương (BKH). Không còn quá tải, BKH có thể trở nên hiệu quả hơn; năng lực của từng ngành và khu vực có thể trở thành phương tiện hữu ích để thực hiện các kế hoạch quan trọng của trung tâm; và khi BKH từ bỏ một số chức năng, những chức năng khác thậm chí có thể trở nên quan trọng hơn và những chức năng mới có thể trở nên cần thiết.
- Sự chuyển đổi của Nhà nước: Nhà nước không hợp nhất với đảng cách mạng, nhưng nó cũng không tàn lụi. Thay vào đó, nó được chuyển đổi về phương diện lập kế hoạch và giám sát, sự dân chủ hóa của việc kế hoạch hoá, mối quan hệ với các tầng khác nhau của kế hoạch, và các năng lực mới mà nhà nước phải khuyến khích, bao gồm cả sự chuyên môn và quyết tâm mà nhà nước phải phát triển trong đội ngũ công chức.
- Quyền tự do chính trị: Các quyền tự do chính trị tự do, bao gồm các cuộc bầu cử có tranh chấp liên quan đến các đảng chính trị - việc có thể ảnh hưởng đến tốc độ và hướng thay đổi, là một khía cạnh cơ bản của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

- Sự “lộn xộn” của chủ nghĩa xã hội: Chống lại các quan niệm về khả năng toàn năng của chủ nghĩa xã hội để hoạch định những gì sắp xảy ra, nó có thể là một hình thức tổ chức xã hội đặc biệt “lộn xộn”. Điều này không nên được coi là một lời nói tục tĩu; đúng hơn, nó xuất phát từ mọi thứ đáng khen về chủ nghĩa xã hội: tính ngẫu nhiên của nó như một quá trình thử nghiệm, khám phá, học tập cởi mở; các mục tiêu dân chủ và bình đẳng đầy tham vọng nhất; sự cởi mở để tham gia một cách sáng tạo vào “sự đa dạng của cuộc sống”.

## Nguồn

[1] L. Phillips and M. Rozworski, “The People’s Republic of Walmart,” *Verso*. <https://www.versobooks.com/en-gb/products/636-the-people-s-republic-of-walmart> (accessed Jun. 07, 2023).

[2] E. Medina, “Cybernetic Revolutionaries,” *MIT Press*, Jan. 10, 2014. <https://mitpress.mit.edu/9780262525961/cybernetic-revolutionaries/> (accessed Jun. 07, 2023).

[3] M. A. Lebowitz, *The Contradictions of “Real Socialism”: The Conductor and the Conducted*. *Monthly Review*, 2012. Accessed: Jun. 07, 2023. [Online]. Available: [https://monthlyreview.org/product/contradictions\\_of\\_real\\_socialism/](https://monthlyreview.org/product/contradictions_of_real_socialism/)

[4] C. Rakovsky, “‘Professional Dangers’ of Power (August 1928),” Aug. 1928. <https://www.marxists.org/archive/rakovsky/1928/08/prodanger.htm> (accessed Jun. 07, 2023).

[5] E. Mandel, “Marxist theory of the state (1969),” Oct. 1969. <https://www.marxists.org/archive/mandel/1969/xx/state.htm> (accessed Jun. 07, 2023).

- [6] P. Auerbach, *Socialist Optimism*. London: Palgrave Macmillan UK, 2016. doi: 10.1007/978-1-137-56396-5.
- [7] D. Mandel, *Democracy, Plan, and Market: Yakov Kronrod's Political Economy of Socialism*. ibidem Press, 2017, p. 140 Pages.
- [8] K. Marx, B. Fowkes, and D. Fernbach, *Capital: a critique of political economy*. in v. 1: Penguin classics. London ; New York, N.Y: Penguin Books in association with New Left Review, 1981.
- [9] D. McNally, *Against the Market*. Verso, 1993. Accessed: Jun. 07, 2023. [Online]. Available: <https://www.versobooks.com/en-gb/products/1432-against-the-market>
- [10] E. Mandel, "The Myth of Market Socialism," *New Left Rev*, no. I/169, pp. 108–120, Jun. 1988.
- [11] M. Mazzucato, *The Entrepreneurial State: Debunking Public vs. Private Sector Myths*, 1st edition. London ; New York: Anthem Press, 2013.
- [12] W. Morris, "Looking Backward," *Commonweal*, vol. 5, no. 180, pp. 194–195, Jun. 1889.
- [13] W. Brus, *The Economics and Politics of Socialism: Collected Essays*, 1st edition. Routledge, 2013.
- [14] F. Engels, *Socialism: Utopian and Scientific*, 3rd edition. New York: Pathfinder Press, 2008.
- [15] L. Trotsky, "The Soviet Economy in Danger," Oct. 1932. <https://www.marxists.org/archive/trotsky/1932/10/sovecon.htm> (accessed Jun. 07, 2023).

[16] L. Panitch, S. Gindin, and S. Maher, *The Socialist Challenge Today: Syriza, Corbyn, Sanders*, Revised, Updated, Expanded edition. Haymarket Books, 2020.

[17] D. Bensaïd, “On a Recent Book by John Holloway,” *Historical Materialism*, vol. 13, no. 4, 2005, Accessed: Jun. 07, 2023. [Online]. Available: <https://www.marxists.org/archive/bensaïd/2005/xx/holloway.htm>

-----

Nguồn bài viết:

Gindin, S. (2019, March 6). We Need to Say What Socialism Will Look Like. <https://jacobin.com/2019/03/sam-gindin-socialist-planning-models>